

VĂN - HÓA TÙNG - THƯ

**VIỆT - NAM
NHÂN - VẬT - CHÍ
VỤNG - BIÊN**



TẬP THƯƠNG và TẬP HÀ

THÁI - VĂN - KIỀM và HỒ - ĐẮC - HÀM

bíên - soạn

NHÀ VĂN - HÓA
BỘ QUỐC - GIA GIÁO - DỤC
XUẤT - BẢN

TẬP SỐ 13 VÀ 14

NĂM 1962



Tên sách : VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỰNG-BIÊN

Soạn giả : HỒ-ĐẮC-HÀM và THÁI-VĂN-KIỂM

Nhà xuất bản : NHA VĂN-HÓA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC

Năm xuất bản : 1962

Nguồn sách : TVE-4U

Đánh máy : gacondeptrai, Vũ Đình Hào, Duonghuyen, Đình Giao, Robinson1412, tinhhienpt, nguyễn văn trọng, Kim Như, Lê Gia Thụy, Mekhoaibi, nonliving, bacboo, Aprilicious, ElvisRey, blacktulip161, Chau1011, meyeusoi, Phạm Đức Thảo, TiMon, Hanna Lê, Lucabarazi, Martian_K, tmtuongvy, Ngoc Ma

Kiểm tra chính tả : Lê Nguyễn Thuỳ Lynh, Nguyễn Văn Huy, Dương An Chi, Trần Văn Mạnh, Nguyễn Huy Hoàng, Nguyễn Văn Ninh, Trương Thu Trang

Biên tập chữ Hán – Nôm : Ngô Thị Huyền

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 10/10/2019

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận
« SỐ HÓA 1000 QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG
BÓNG » của diễn đàn TVE-4U.ORG**

**Cảm ơn soạn giả HỒ-ĐẮC-HÀM, THÁI-VĂN-KIỂM và
NHA VĂN-HÓA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC đã chia sẻ với
bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỰNG-BIÊN

PHI-LỘ

LỜI DẪN

ÁI (HOÀNG-ĐÌNH) 愛(黃廷)

AM-(DƯƠNG-DOĀN) 麾(楊允)

AN-(CHU) 安(朱)

AN-(DƯƠNG-VĂN) 安(楊文)

AN-(LÊ-THỊ) 安(黎氏)

AN-(LÊ-VĂN) 安(黎文)

ÁN-(TRẦN-DANH) 案(陳名)

ÂU-(TRIỆU) 婪(趙)

BA-(BÙI-MỘNG) 菴(裴夢)

BÁT-(CHÂN-THỊ) 扌(真氏)

BAT-(NGUYỄN-THÁI) 拔(阮泰)

BẮC-(NGUYỄN) 毖(阮)

BẮNG-(LƯƠNG-ĐẮC) 朋(梁得)

BIỂU-(NGUYỄN) 表(阮)

BÌNH-(LƯU-VĂN) 平(劉文)

BÌNH-(PHAN-ĐÌNH) 評(潘廷)

BÌNH-(VŨ-TRỌNG) 平(武仲)

BÍNH-(TRẦN-DANH) 栲(陳名)

BỬU-(QUÁCH-ĐÌNH) 寶(郭廷)

CÁT-(ĐỖ-XUÂN) 吉(杜春)

CẨN-(PHAN-HUY) 謹(潘輝)

CẨN-(VŨ-XUÂN) 謹(武春)

CỰ-(TÀ-QUANG) 巨(謝光).

CHÂN-(TRẦN) 真(陳).

CHÂN-(TRẦN-KHÁT) 真(陳渴).

CHẨN-(PHẠM-TIẾN) 軫(范進).

CHẤT-(LÊ) 質(黎).

CHÂU-(NGÔ-TÙNG) 周(吳從).

CHÂU-(NGUYỄN-TƯ) 珠(阮子).

CHÂU-(PHẠM-BỘI) 珠(潘佩).

CHÂU-(TỔNG-PHƯỚC) 珠(宋福).

CHÂU-(TRẦN-QUANG) 珠(陳光).

CHI-(MẠC-ĐĨNH) 之(莫挺).

CHI-(LÊ-QUANG) 枝(黎光).

CHÍ-(NGUYỄN) 志(阮).

CHÍCH-(LÊ) 隻(黎).

CHIÊM-(NGUYỄN-KHOA) 占(阮科).

CHỈNH-(NGUYỄN-HỮU) 整(阮有).

CHUẨN-(TRẦN-VĂN) 準(陳文).

CHUNG-(NGUYỄN-ĐỨC) 鍾(阮德).

CHUNG-(TRẦN-KHẮC) 終(陳克).

DANH-(NGUYỄN-VĂN) 名(阮文).

DÃN-(VĂN-ĐÌNH) 潶(文廷).

DẬT-(NGUYỄN-CỦU) 逸(阮久).

DẬT-(NGUYỄN HỮU) 鑰(阮有).

ĐỊ-(NGUYỄN-CẨNH) 異(阮景).

DU-(THÁI-BÁ) 攸(蔡伯).

DUẬT-(TRẦN-NHẬT) 煙(陳日).

DIỆU-(HOÀNG) 曜(黃).

DU-(NGUYỄN) 僖(阮).

DU-(PHẠM-NGUYỄN) 僖(范阮).

DUÊ-(VŨ) 睿(武).

DUY-(NGUYỄN) 緯(阮).

DUYÊN-(ĐĂNG-THỊ) 緣(鄧氏).

DUYẾT-(LÊ-VĂN) 悅(黎文).

DUYẾT-(TRƯƠNG-PHU) 說(張孚).

DUNG-(ĐĂNG) 容(鄧).

DUNG-(MẠC-ĐĂNG) 廉(莫登).

DUNG-(TRƯƠNG-QUỐC) 用(張國).

DU-(TRẦN-KHÁNH) 餘(陳慶).

DƯƠNG-(NGUYỄN) 楊(阮).

ĐÁN-(TRẦN-NGUYÊN) 旦(陳元).

ĐÁN-(NGUYỄN-KHẮC) 壱(魏克).

ĐÀO-(VŨ-CÔNG) 道(武公).

ĐẠT-(NGUYỄN-ĐỨC) 達(阮德).

ĐẠT-(TRẦN-HƯNG) 達(陳興).

ĐẮC-(NGUYỄN-ĐÌNH) 得(阮廷).

ĐĂNG-(NGUYỄN-KHOA) 登(阮科).

ĐÊ-(LÊ-CẬP) 萍(黎及).

ĐIỀN-(TRẦN-QUỐC) 墳(陳國).

ĐIỂN-(LÊ-PHƯỚC) 腓(黎福).

ĐINH-(TIỀN-HOÀNG) 丁(先皇)(968-979).

ĐINH-(PHẾ-ĐẾ) 丁(廢帝).

ĐỘ-(NGUYỄN-HỮU) 度(阮有).

ĐỘ-(TRẦN-THỦ) 度(陳守).

ĐỔ-(NGUYỄN-NHƯ) 堵(阮如).

ĐỖ-(TRƯƠNG) 觀(張).

ĐỐC-(PHẠM) 篤(范).

ĐÔN-(LÊ-QUÍ) 惇(黎貴).

ĐỐNG-(HỒ-SĨ) 棟(胡士).

ĐÓI-(VŨ) 戴(武).

ĐỨC-(NGUYỄN-HOÀNG) 德(阮黃).

ĐỨC-(TRỊNH-HOÀI) 德(鄭懷).

ĐƯỜNG-(NGUYỄN-TRỌNG) 瑫(阮仲).

ĐƯƠNG-(NGUYỄN-TRỌNG) 瑫(阮仲).

GIÁC-LÊ 覺(黎).

GIAI-(NGUYỄN-VĂN) 偕(阮文).

GIẢN-(NGUYỄN-ĐÌNH) 簡(阮廷).

GIẢN-(PHAN-THANH) 簡(潘清).

HÀI-(ĐOÀN-NHỮ) 諧(段汝).

HÃN-(TRẦN-NGUYÊN) 抨(陳元).

HÃNG-(NGUYỄN-CÔNG) 汗(阮公).

HÂN-(LÊ) 忻(黎).

HIỂU-(LÊ-PHUNG) 曉(黎奉).

HỔ-(BÙI-CẨM) 虎(裴柃).

HUY-(ĐÀM-THÂN) 徽(譚慎).

HÙNG-VƯƠNG 雄王 (2879-258 tr Th.C).

KỲ-(BÙI-BÁ) 睞(裴伯).

KÝ-(NGUYỄN-BÁ) 驥(阮伯).

KIÊM-(ÔNG-ÍCH) 謙(翁益).

KIỂM-(TRỊNH) 檢(鄭).

KIẾT-(LÊ-TUẤN) 傑(黎俊).

KIẾT-(LÝ-THƯỜNG) 傑(李常).

KIM-(NGUYỄN-THỊ) 金(阮氏).
KHA-(DƯƠNG-TAM) 哥(楊三).
KHẨ-(TRỊNH) 可(鄭).
KHẢI-(TRẦN-QUANG) 啟(陳光).
KHÁNH-(LƯƠNG-HỮU) 慶(梁有).
KHIÊM-(ĐẶNG-MINH) 謙(鄧鳴).
KHIÊM-(NGUYỄN-BÌNH) 謙(阮秉).
KHOAN-(PHÙNG-KHẮC) 寛(馮克).
KHÔI-(LÊ) 魁(黎).
KHÚC-CHÚA (KHÚC-THỪA-HẠO) 曲顥
KHƯƠNG-(NGUYỄN-TRỌNG) 姜(阮仲).
LAI-(LÊ) 來(黎).
LANG-(NGUYỄN-VĂN) 郎(阮文).
LANG-(TRẦN-NGÔ) 郎(陈吳).
LÃO-(PHẠM-NGŨ) 老(范五).
LÊ-(ĐẠI-HÀNH) 黎(大行).
LÊ-(TRUNG-TÔNG) 黎(中宗)(1005).
LÊ NGOÀI-TRIỀU-ĐẾ 黎卧朝帝(1005-1009).
LÊ THÁI-TỔ 黎太祖(1428-1433).
LÊ-(THÁI-TÔNG) 黎(太宗)(1434-1442).
LÊ-(NHÂN-TÔNG) 黎(仁宗)(1443-1459).
LÊ-(THÁNH-TÔNG) 黎(聖宗)(1460-1497).
LÊ-(HIẾN-TÔNG) 黎(憲宗)(1497-1504).
LÊ-(TÚC-TÔNG) 黎(肅宗)(1504).
LÊ-(OAI-MỤC-ĐẾ) 黎(威穆帝)(1505-1509).
LÊ-(TƯƠNG-DỰC-ĐẾ) 黎(襄翼帝)(1510-1516).
LÊ-(CHIÊU-TÔNG) 黎(昭宗)(1516-1521).

- LÊ-(CUNG-ĐẾ) 黎(恭帝)_(1521-1527).
- LÊ-(TRANG-TÔNG) 黎(莊宗)_(1533-1548).
- LÊ-(TRUNG-TÔNG) 黎(中宗)_(1548-1556).
- LÊ-(ANH-TÔNG) 黎(英宗)_(1556-1573).
- LÊ-(THẾ-TÔNG) 黎(世宗)_(1573-1595).
- LÊ-(KÍNH-TÔNG) 黎(敬宗)_(1600-1619).
- LÊ-(THẦN-TÔNG) 黎(神宗).
- LÊ-(CHÂN-TÔNG) 黎(真宗)_(1643-1649).
- LÊ-(HUYỀN-TÔNG) 黎(玄宗)_(1663-1671).
- LÊ-(GIA-TÔNG) 黎(嘉宗)_(1672-1675).
- LÊ-(HY-TÔNG) 黎(熙宗)_(1676-1705).
- LÊ-(DU-TÔNG) 黎(裕宗)_(1705-1729).
- LÊ-(PHẾ-ĐẾ) 黎(廢帝)_(1729-1732).
- LÊ-(THUẦN-TÔNG) 黎(純宗)_(1732-1735).
- LÊ-(Ý-TÔNG) 黎(懿宗)_(1735-1740).
- LÊ-(HIỂN-TÔNG) 黎(顯宗)_(1740-1786).
- LÊ-(MÃN-ĐẾ) 黎(愍帝)_(1787-1790).
- LỄ-(ĐÀM-VĂN) 禮(覃文).
- LỄ-(ĐINH) 禮(丁).
- LỄ-(NGUYỄN) 禮(阮).
- LY-(HỒ-QUÍ) 麟(胡季).
- LY-(LÊ-BÁ) 麟(黎伯).
- LÝ-(NAM-ĐẾ)(tiền) 李(南帝)前 (544-548).
- LÝ-(NAM-ĐẾ)(hậu) 李(南帝)後 (571-602).
- LÝ-(THÁI-TỔ) 李(太祖)_(1010-1028).
- LÝ-(THÁI-TÔNG) 李(太尊)_(1028-1054).
- LÝ-(THÁNH-TÔNG) 李(聖尊)_(1054-1072).

LÝ-(NHÂN-TÔNG) 李(仁尊)_(1072-1027).

LÝ-(THẦN-TÔNG) 李(神尊)_(1128-1138).

LÝ-(ANH-TÔNG) 李(英尊)_(1138-1175).

LÝ-(CAO-TÔNG) 李(高尊)_(1176-1210).

LÝ-(HUỆ-TÔNG) 李(惠尊)_(1211-1225).

LÝ-(CHIÊU-HOÀNG) 李(昭皇)_(1224).

LIỆT-(ĐINH) 列(丁).

LIÊU-(NGUYỄN-HỮU) 僚(阮有).

LIÊU-(TRỊNH-DUY) 僚(鄭維).

LOAN-(TRƯƠNG-PHƯỚC) 燮(張福).

LÂM-(PHẠM-CỰ) 倌(范巨).

MAI-(HẮC-ĐẾ) 梅(黑帝)_(722).

MAI-(NGUYỄN) 邁(阮).

MÂU-(LÊ-TUẤN) 懲(黎俊).

MY CHÂU 媚珠

MY-Ê 媚醣

MINH-(DƯƠNG-TỰ) 明(楊嗣).

MINH-(NGUYỄN-KHOA) 明(阮科).

MÔ-(NGUYỄN-CẨNH) 模(阮景).

MỘNG-(PHẠM-ÚNG) 夢(范應).

NIÊM-(LÊ) 念(黎).

NGẠC-(TRẦN) 顥(陳).

NGẠN-(NGUYỄN-TRUNG) 彥(阮忠).

NGHỆ-(DƯƠNG-ĐÌNH) 藝(楊廷)_(931-938).

NGHIÊM-(NGUYỄN-HỮU) 嚴(阮有).

NGỌC-(LÊ-BÁ) 玉(黎伯).

NGÔ-(TIỀN-CHÚA) 吳(先主)_(939-945).

NGÔ-(HÂU-CHÚA) 吳(後主)(951-965).

NGUY-(VÕ-DY) 魏(武蠱).

NHÂN-(ĐỖ-THANH) 仁(杜清).

NHƯỢNG-(TRẦN) 讓(陳).

OAI-(HỒ) 威(胡).

PHẠM-(NGUYỄN) 潘(阮).

PHÙNG-HƯNG 馮興

PHƯƠNG-(NGUYỄN-TRI) 方(阮知).

QUÁT-(LÊ) 括(黎).

QUẾ-(TRƯƠNG-ĐĂNG) 桂(張登).

QUYÊN-(NGUYỄN-VĂN) 淦(阮文).

QUÝNH-(LÊ) 倸(黎).

SẢN-(TRỊNH-DUY) 梢(鄭惟).

SÁT-(LÊ) 察(黎).

SĨ-(NGÔ-THÌ) 仕(吳時).

SIÊU-(ĐĂNG-ĐỨC) 超(鄧德).

SIÊU-(TRƯƠNG HÁN) 超(張漢).

SÚY-(NGUYỄN) 帥(阮).

TÁNH-(VŨ) 性(武)(cũng gọi là VŨ-TÍNH).

TẮC-(TRẦN-ÍCH) 稷(陳益).

TÂY-SƠN-(NGUYỄN-VĂN-NHẠC) 西山(阮文岳).

TÂY-SƠN-(NGUYỄN-VĂN-HUỆ) 西山(阮文惠).

TÂY-SƠN-(NGUYỄN-QUANG-TOẢN) 西山(阮光纘).

TẤT-(ĐĂNG) 悉(鄧).

TIÊM-(BÙI-SĨ) 邇(裴仕).

TIẾN-(NGUYỄN-HỮU).

TIẾP-(CHÂU-VĂN) 接(朱文).

TOẢN-(TRẦN-QUỐC)

TỘ-(NGUYỄN-TRƯỜNG) 祚(阮長).

TỤ-(VŨ) 聚(武).

TUÂN-(LÊ-CẨNH) 恂(黎景).

TUẦN-(NGUYỄN-KHẮC) 循(魏克).

TUẤN-(TRẦN-QUỐC) 峻(陳國).

TÚC-(TRẦN-ĐÌNH) 肅(陳廷).

TÙNG-(TRỊNH) 松(鄭).

TỬ-(ĐÀO-DUY) 慈(陶維).

TƯỚC-(PHẠM-THIỀN) 爵(潘天).

THÀNH-(NGUYỄN-VĂN) 誠(阮文).

THÀNH-(TÔ-HIẾN) 誠(蘇憲).

THÀNH-(TRẦN-TIẾN) 誠(陳踐).

THẬN-(ĐINH-NHỰT).

THẬN-(LÊ-BÁ) 慎(黎伯).

THẬN-(MỤC) 慎(穆).

THẬP-NHI-SỨ-QUÂN 十二使君 (966).

THÍCH (ĐỖ) 釋(杜).

THIẾU-(NGUYỄN-GIA) 韶(阮嘉).

THỊNH-(LÊ-VĂN) 盛(黎文).

THUẤN-(PHẠM-THỊ) 稽(潘氏).

THỰC AN-DƯƠNG-VƯƠNG 蜀安陽王

THỰC-(ĐOÀN-NGUYỄN) 倣(段阮).

THUYÊN-(HÀN) 輢(詮).

THUÂN-(TRỊNH-DUY) 懇(鄭惟).

THƯ-(ĐỖ-THIỀN) 杜天.

THƯỚC-(TRẦN-CÔNG) 爽(陳公).

THƯƠNG-(HỒ-HÁN) 蒼(胡漢).

TRÁC-(TRẦN-NGUYÊN) 瞽(陳元).

TRÃI-(NGUYỄN) 麗(阮).

TRẦN-(LÊ-PHU) 陳(黎輔).

TRẦN-(THÁI-TÔNG) 陳(太尊)(1225-1258).

TRẦN-(THÁNH-TÔNG) 陳(聖宗)(1258-1278).

TRẦN-(NHÂN-TÔNG) 陳(仁宗)(1279-1293).

TRẦN ANH-TÔNG (1293-1314).

TRẦN-(MINH-TÔNG) 陳(明尊)(1314-1329).

TRẦN-(HIẾN-TÔNG) 陳(憲尊)(1329-1341).

TRẦN-(DỤ-TÔNG) 陳(裕宗)(1341-1369).

TRẦN-HÔN-ĐỨC-CÔNG DƯƠNG-NHẬT-LỄ 陳昏德公楊日禮(1369-1370).

TRẦN-(NGHỆ-TÔNG) 陳(藝尊)(1370-1372).

TRẦN-(DUỆ TÔNG) 陳(睿尊)(1372-1377).

TRẦN-(PHẾ-ĐẾ) 陳(廢帝)(1377-1388).

TRẦN-(THUẬN-TÔNG) 陳(順尊)(1388-1398).

TRẦN-(THIẾU-ĐẾ) 陳(少帝)(1398-1340).

TRẦN-(GIẢN-ĐỊNH-ĐẾ) 陳(簡定帝)(1407-1409).

TRẦN-(TRÙNG-QUANG-ĐẾ) 陳(重光帝)(1409-1413).

TRIỆU-(NGUYỄN-VIẾT) 犧(阮曰).

TRIỆU-(VŨ-ĐẾ) 趙(武帝)(207-137 tr.Th.Ch).

TRIỆU-(VĂN-VƯƠNG) 趙(文王)(138-125 tr. Th. Ch.).

TRIỆU-(MINH-VƯƠNG) 趙(明王)(124-113 tr. Th. Ch.).

TRIỆU-(AI-VƯƠNG) 趙(哀王)(112 tr. Th. Ch.).

TRIỆU-(VỆ-DƯƠNG-VƯƠNG) 趙(衛陽王)(111 tr. Th. Ch.).

TRIỆU-VIỆT-VƯƠNG 趙(越王)(549-570).

TRINH-(PHAN-CHÂU) 檳(潘朱).
TRỌNG-(PHẠM-ĐÌNH) 仲(范廷).
TRỌNG-(TRẦN-BÌNH) 仲(陳平).
TRUNG-(THÂN-NHÂN) 忠(申仁).
TRÚ-(ĐĂNG-HUY) 著(鄧暉).
TRÚ-(NGUYỄN-CÔNG) 著(阮公).
TRỰC-(NGUYỄN) 直(阮).
TRƯNG-NỮ-VƯƠNG 徵女王 (40-43).
UYÊN-(VŨ-VĂN) 濶(武文).
VŨ-(ĐỖ-ANH) 鶻(杜靄).
XÍ-(NGUYỄN) 阮(熾).

**VĂN-HÓA TÙNG-THƯ
VIỆT-NAM
NHÂN-VẬT-CHÍ VỰNG-BIÊN
TẬP THƯỢNG và TẬP HẠ
HỒ-ĐẮC-HÀM và THÁI-VĂN-KIỂM
biên-soạn
NHA VĂN-HÓA
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN
TẬP SỐ 13
NĂM 1962**

VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỰNG-BIÊN

Do Sư-vụ-lệnh số 721-GD/VH/SVL, ngày 20-6-1962 của Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục, một Ủy-Ban gồm những vị sau đây được thành-lập để khảo-duyệt quyển « Việt-Nam Nhân-Vật-Chí Vựng-Biên » do Ô. Hồ-đắc-Hàm và Ô. Thái-văn-Kiểm biên soạn :

- Ô. NGUYỄN-KHẮC-KHAM, *Giám-Đốc Nha Văn-Khổ và Thư-Viện Quốc-Gia, Chủ-tịch.*
- Ô. BƯU-CẦM, *Chuyên-viên Hán học Viện Khảo-cổ, Giảng-viên Đại-Học Văn-Khoa Saigon, Hội-viên.*
- Ô. PHẠM-VĂN-DIỀU, *Giảng-viên Đại-Học Văn-Khoa Dalat, Thuyết-trình-viên.*
- Cô. TRỊNH-THỊ-YÊN, *Giáo-viên Nha Văn-Hóa, Thư-ký.*

Do công-văn số 14.418-GD/HV/NCGK ngày 1-9-62 và biên-bản của Ủy-Ban nói trên (được Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục duyệt-y ngày 31-8-62), Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục đã chấp-thuận cho Nha Văn-Hóa xuất-bản trong tập-san « Văn-Hóa Tùng-Thư » quyển **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỰNG-BIÊN.**

PHI-LỘ

Trên đường tìm hiểu Đất Nước, chúng tôi nhận thấy có nhiệm-vụ phổ-biến những tinh-hoa của Dân-Tộc, không ngoài mục-đích nâng cao trình-độ văn-hóa của đại-chúng, kích-thích lòng yêu nước thương nòi và phát-huy uy-tín Quốc-Gia đối với các dân-tộc khác trên thế-giới.

Trên lập-trường ấy, chúng tôi rất lấy làm hân-hạnh cho xuất-bản quyển : « **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VƯNG-BIÊN** » của hai học-giả Hồ-Đắc-Hàm và Thái-Văn-Kiểm, đã dày công sưu-tầm, tra-cứu các sử sách xưa để thu-thập và xếp đặt tiểu-truyện và công-nghiệp các danh-nhân liệt-nữ Việt-Nam, theo thứ-tự a, b, c và theo quan-niệm « Cái quan luận-định » (Đây nắp rồi mới xét-định giá-trị).

Sở-dĩ chúng tôi đã không ngăn-ngại làm việc này, mặc dầu với những phuong-tien rất eo-hẹp, là vì chúng tôi đồng quan-niệm với người xưa rằng : « Dĩ cổ vi giám » (Lấy việc xưa làm gương), « Vô cổ bất thành kim » (Không có xưa làm gì có nay) và chúng tôi cũng tán-thành lời nói bất-hủ của triết-gia Auguste Comte : « Người chết coi quản người sống » (Les morts gouvernent les vivants).

Sau hết, chúng tôi thành thật mong ước lời phê-bình chỉ-giáo của liệt-vị độc-giá trong nước và hải-ngoại để hoàn-thiện kỳ tái-bản.

Saigon, Thu Nhâm Dần (1962)
Tòa-soạn Văn-Hóa Tùng-Thư

LỜI DẪN

Muốn biết việc xưa, nên xem truyện cổ. Xem truyện cổ để hiểu cách xử-thể, hành-sự của người-xưa, suy-luận và rút kinh-nghiệm để xử-sự trong thời nay.

Vì lẽ đó mà ông Phó-Duyệt đã khuyên vua Cao-Tôn nhà Thương : « *Người ta cần nghe biết cho được nhiều, để lập sự-nghiệp ; muốn vậy phải học những lời dạy của người xưa ; nếu không noi theo xưa, cứ tự-ý làm, mà được vĩnh-viễn trên đời, thì Duyệt này chưa từng nghe vậy !* » (Nhân cầu đa văn, thì duy kiến-sự, học vu cổ huấn nãi hữu hoạch ; sự bất sư cổ, dĩ khắc vĩnh thể, phỉ Duyệt du văn !) (Kinh Thư).

Tiếp lời ông Phó-Duyệt, đức Khổng-Tử cũng có nói : « *Ta sinh ra không phải tự nhiên mà biết được mọi việc, trái lại phải ham học người xưa, siêng-năng tìm-tòi đó vậy* ». (Ngã phi sinh nhi tri chi giả, hiếu cổ mẫn dĩ cầu chi giả dã).

Nước ta lập-quốc từ đời Hồng-Bàng tới nay đã mấy chục thế-kỷ ; trong khoảng thời-gian đó, các nhà chép sử đã biên theo từng thời-đại những việc hưng-vong thành-bại, những điều đặc-thất thị-phi, thảy thảy đều có ghi chép rõ-ràng.

Song các pho sách ấy đều biên-soạn bằng chữ Hán, ngày nay khó đem ra phổ-biển, vì rằng chữ Hán mất tính-cách thông-dụng như ngày xưa, và do đó những tài-liệu quý-báu của ta lần hồi có thể bị chìm đắm trong sự lãng quên.

Chúng tôi là đôi bạn vong-niên cùng đi trên đường tìm hiểu và phát-huy những tinh-hoa của dân-tộc, đã không ngần-ngại bắt tay vào việc thu-thập tra-cứu các pho sách sử chữ Hán và đem dịch lần ra Việt-ngữ, để cho đồng-bào trong nước và ở hải-ngoại ai nấy đều có thể làm bạn với người xưa, đã có công gây dựng nên cơ-đồ sự-nghiệp quang-vinh để chúng ta cùng thọ-hưởng.

Chúng tôi quan-niệm với Ernest Renan rằng tìm hiểu những nhân-vật xưa, chính là điều-kiện tất-yếu để tiến-bộ, là vì : « *những người thật là tiến-bộ, khởi-điểm bằng sự kính-trọng dĩ-vãng* ». (Les vrais hommes de progrès sont ceux qui ont pour point de départ un respect profond du passé).

Lại nữa, lòng yêu nước chân-chính không phải chỉ biết yêu đất nước mà phải biết yêu dĩ-vãng, biết kính-trọng những thế-hệ đã đến trước, như Fustel de Coulanges đã nói : « *Le véritable patriotisme n'est pas seulement l'amour du sol, c'est encore l'amour du passé, c'est le respect pour les générations qui nous ont précédés* ».

Chính vì quan-niệm như vậy mà chúng tôi đã khởi-công bằng cách lựa chọn một số danh-nhân liệt-nữ mà tiểu-truyện và công-nghiệp có ghi chép trong các bộ sử sách chính-yếu, như :

- *Đại-Việt Sử-Ký của Ngô-Sĩ-Liên*,
- *Khâm-Định Việt-Sử của Quốc-Sử Quán*,
- *Đại-Nam Thực-Lục của Quốc-Sử Quán*,
- *Đại-Nam Liệt-Truyện của Quốc-Sử Quán*,

- *Đại-Nam Nhất-Thống-Chí* của Cao-Xuân-Dục,
- *Quốc-Triều Chánh-Biên* của Cao-Xuân-Dục,
- *Ô Châu Cận-Lục* của Dương-Văn-An,
- *Phủ Biên Tạp-Lục* của Lê-Quý Đôn,
- *Gia-Định Thông-Chí* của Trịnh-Hoài-Đức,
- v.v...

...để biên soạn thành một cuốn lấy tên là : **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỰNG-BIÊN** lục-kê các nhân-vật theo thuận-tự a, b, c, để cho dễ tìm kiếm.

Ngoài ra, nếu trong « Việt-Sử Tổng-Vịnh » của vua Tự-Đức có vịnh đến các nhân-vật thì thi-vịnh ấy được phiên ra Việt-âm, rồi dịch ra Việt-văn, theo thể thơ, hay là trong « Đại-Nam Quốc-Sử Diễn-Ca » của Phạm-Đình-Toái có diễn đến thì cũng trích-đăng vào, để đọc cho vui tai và dễ nhớ.

Quyển Tự-Vựng này ra đời trong những điều-kiện thiếu-thốn, chắc thế nào cũng có nhiều sơ-sót, nhất là về các nhân-vật của thời-kỳ cận-đại, mà chúng tôi đang thu-thập tài-liệu để biên-soạn một cuốn thứ hai sẽ xuất-bản sau.

Vậy kính mong chư-vị độc-giả lượng-thứ và vui lòng chỉ-giáo để hoàn-thiện kỳ tái-bản.

Saigon, Mạnh-Xuân Nhâm-Dần (1962)
HỒ-ĐẮC-HÀM và THÁI-VĂN-KIỂM

**VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỰNG-BIÊN
(QUYỂN THƯỢNG VÀ HẠ)**

ÁI (HOÀNG-ĐÌNH) 愛(黃廷)

Người ở Vĩnh-Lộc, dũng cảm và có mưu lược. Đời vua Lê Trang-Tông, theo vua đánh dẹp có công. Đời Trung-Tông niên hiệu Thuận-Bình, đánh họ Mạc ở Mã-Giang. Đời Anh-Tông, niên hiệu Thiên-Hựu, ông cùng Phạm-Đốc, đánh quân Mạc ở Nghệ-An đều có công, phong tước Vinh quận-công. Ông đem quân từ Thiên-Quan ra Sơn-Tây, quân đến đâu, giặc đều chạy cả, rồi ông lưu trấn ở Lạng-Sơn. Niên hiệu Chính-Trị năm thứ 4 (1561), Mạc Kính-Điển vượt biển vào đánh phá. Triều đình vời ông về Thanh-Hóa để cự địch, Kính-Điển phải rút lui. Năm thứ 13 (1570), con Trịnh-Kiểm là Cối làm loạn, rồi hàng Mạc, đem binh tới xâm phạm hành-tại ở An-Trường (hành-tại là chỗ vua ở tạm). Đinh-Ái trú binh ở sông Kim-Bôi, đem các tướng vào yết vua, thế quyết trừ quân giặc.

Lúc bấy giờ Trịnh-Tùng làm Đô-tướng, đem quân đi đánh. Đinh-Ái và Đặng-Huân ra Hữu-lộ, dẹp yên được Ngọc-Sơn và Nông-Cống, rồi trở về. Đời Thế-Tông, niên hiệu Quang-Hưng năm thứ 4 (1581), tướng giặc là bọn Đôn-Nhượng cử đại binh vượt biển vào Quảng-Xương, Thế-Tông sai Đinh-Ái lãnh chư tướng đem quân ra ngự địch. Đinh-Ái chia quân ra làm ba đạo, đánh cùng tướng họ Mạc, chém hơn sáu trăm người, bắt sống được hai tướng. Từ đó quân họ Mạc không dám dòm ngó Thanh-Hóa nữa, dân gian được yên. Năm thứ 15 (1592), tới đánh Đông-Đô, bắt đại tướng Nguyễn-Quyên, Đông-Đô bình. Ông lại đánh Mạc-Kính-Chỉ ở Thanh-Lâm. Thế-Tông trở về Thăng-Long. Luận công khôi

phục, gia hàm ông là Hữu-tướng-quốc Thái-úy. Kính-Tông
tức vị, thăng ông chức Đồng-bình-chương-sự tham dự triều
chính. Ông mất, 81 tuổi.

Đinh-Ái có học thức, tinh binh pháp, đánh trải trăm trận,
vị kiêm tướng tướng (cả văn và vũ), mà không ỷ mình có
oai quyền, người đời bấy giờ khen là hiền thần vây.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Khu trừ ngụy Mạc trí trung hưng,
Chư tướng vân sum hẵn tỡ đồng.
Nguyên tự đặc sư sung học thức,
Cánh gia hạ sĩ võng kiêu căng.*

Dịch nôm :

*Khu trừ giặc Mạc giúp trung hưng,
Chư tướng như mây ít kẻ bằng.
Nguyên tự được thầy, nhiều học thức,
Lại thêm khiêm nhượng chẳng kiêu căng.*

AM-(DƯƠNG-DOÃN) 堯(楊允)

Người huyện Quỳnh-Lưu, Nghệ-An, đậu cử-nhân đời Thiệu-Trị, năm thứ 3 (1843). Tự-Đức năm thứ 13 (1860) bổ Án-sát tỉnh Thanh-Hóa, đi dẹp giặc thổ khẫu ở Ninh-Bình, về thăng Bố-chính Thanh-Hóa. Năm thứ 17, làm Hộ-lý Vũ-khổ, rồi ra sung Tán-lý quân sự ở Hải-Yên, bị lỗi phải về. Năm thứ 23, ở Ninh-Thái có việc rối loạn, Tổng-thống Hoàng-Tá-Viêm 黃佐炎 sớ tâu xin cho ông đi theo quân thứ. Ông lập được nhiều chiến công, bổ quyền sung quân thứ tán-tương, phá được mấy đồn giặc, thăng Thị-lang, sung chức Đồn-điền đạo Tân-Hóa, chiêu mộ lưu dân khai khẩn ruộng đất, chỉ trong mấy năm mà thành ra chỗ tụ hội khá đông đúc. Năm thứ 31 (1878), sung chức Tán-lý-đạo Sơn-Hưng-Tuyên, bị bệnh mất tại chức.

AN-(CHU) 安(朱)

Người ở Quang-Liệt, Thanh-Đàm (Thanh-Trì ngày nay), tính ngay thẳng, không chịu khuất, chẳng cần ai nghe biết đến mình ; ở nhà dạy học, học nghiệp rất tinh thuần, học trò thành tựu rất nhiều. Vua Trần Minh-Tông thấy ông có đạo học, bổ ông làm Tư-nghiệp Quốc-tử-giám. Đến đời Dũ-Tông, chính sự trễ nãi, quẩn thẩn nhiều người làm điều phi pháp, ông can gián mà vua không nghe, ông bèn dâng tờ sớ xin chém bảy người nịnh thần, đều là những người quyền hành đương thời, tờ sớ ấy người ta gọi là « Thất trǎm sớ ». Sớ dâng vào, vua làm thinh không trả lời. Ông bèn từ chức xin về. Ông ưa núi Chí-Linh, tới ở đó, tự hiệu là Tiều-Ẩn. Khi có đại triều hội, thì ông về kinh chầu. Dũ-Tông muốn ủy ông làm việc chính sự, ông cỗ từ không chịu.

Chu-An giữ sự đạo tôn nghiêm, sở học của ông là chú trọng về cùng lý chính tâm, tịch tà cự bí. Học trò như các ông Phạm-Sư-Mạnh, Lê-Quát đều hay giữ được lời thầy dạy, nghĩa là tịch Phật thuyết, minh chính đạo. Có người đã làm đến chức Hành-khiển (như bậc đại thần) mà vẫn giữ lễ học trò. Thỉnh-thoảng đến hầu thầy, được thầy nói chuyện thì mừng lầm. Trò có điều gì sai lầm, thì thầy quở trách la rầy, có khi trò đến, thầy không cho vào cửa. Tính ông nghiêm nghị như thế, đức vọng rất cao, các bậc công khanh đều hướng mộ.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Thượng tướng sơn đầu thế gian sư,

*Tâm dự nhân quai nhứt khứ trì.
Thất trám sớ thành thiên địa giám,
Trực thanh bất công hữu thần suy.*

Dịch nôm :

*Ngôi cao sơn đầu xứng thầy người,
Việc trái lòng ta, chẳng ở dai.
Chém nịnh sớ dâng, trời đất thấu,
Trần vong, tiếng « thẳng » vẫn còn hoài.*

AN-(DƯƠNG-VĂN) 安(楊文)

Người Lê-Thủy, Quảng-Bình, ra ở ngụ tại Từ-Liêm, đậu tiến sĩ khoa Đinh-vị đời họ Mạc. Quan đến chức Lại bộ tả-thị-lang, có làm bộ sách « **Ô ChâU Cận Lục** ».

AN-(LÊ-THỊ) 安(黎氏)

Chị em con chú con bác với Lê-Thị-Nghiêu, lúc tuổi hai mươi, lấy chồng người ở An-Ấp, huyện Hương-Sơn, tên là Hồ-Công-Tú. Công-Tú nhà giàu làm ruộng. Thị lo coi sóc việc trong nhà. Chồng chết thị lăn khóc muốn chết theo, ông bà ra sức can ngăn, mới thôi. Thị bèn cho đầy tớ trong nhà vã hết, chỉ để một đứa em theo mình, ngày nào cũng đến nơi mộ chồng khóc. Khi hết tang thì đóng cửa tự ải.

AN-(LÊ-VĂN) 安(黎文)

Người huyện Thụy-Nguyên, Thanh-Hóa, theo vua Lê-Thái-Tổ khỉ binh. Trận đánh ở Khả-Lưu quan, ông xông vào trước, phá quân địch ; trận đánh ở Tân-Bình và Thuận-Hóa, ông cùng Trần-Nguyên-Hãn đánh phá được hai thành. Trận vây ở Xương-Giang, ông cùng Phạm-Vân đánh bắt được bọn Thôi-Tụ. Niên hiệu Thuận-Thiên năm đầu (1428), phong Định-thượng hầu bình-chương quân quốc trọng sự. Niên hiệu Thiệu-Bình năm đầu, đánh giặc ở trận Lạng-Sơn có công, gia hàm Nhập-nội đại-tư-mã. Ông mất, tặng hàm Tư-không.

Ông An, làm người trung dũng, tiếp đãi sĩ phu có lẽ
tiết ; chỉ lúc ở Lạng-Sơn, sưu dịch làm quá khắc, nhũng
nhiều quân dân, kẻ thức giả chê cười ông.

ÁN-(TRẦN-DANH) 案(陳名)

Người ở Bửu-Triện (tức là Gia-Bình), hiệu Liễu-Am con Trần-Danh-Lâm, Thượng-thơ nhà Lê. Đậu tiến-sĩ năm thứ hai vua Chiêu-Thống (1788), làm Viên-ngoại-lang. Khi Tây-Sơn tới đánh, Chiêu-Thống qua Kinh-bắc, An cầm cương theo vua ở Lương-Tài. Vua được thơ cứu viện của nhà Thanh từ Quảng-Tây gởi sang, bèn chọn người có danh vọng đi tiếp để trọng quốc thể, vua mới sai Danh-Án với Lê-Duy-Đán đi. Danh-Án đến Quảng-Tây, ra mắt Tôn-Sĩ-Nghị. Sĩ-Nghị thấy Danh-Án ứng đối lưu lợi, bắng lòng. Liền ngày ấy phát binh cứu viện. Lấy lại được thành Thăng-long, rồi bổ Danh-Án làm Phó-đô-ngự-sử. Đến khi Sĩ-Nghị bị thua trận, Chiêu-Thống chạy qua Tàu, Danh-Án chạy theo không kịp, bèn đi trốn. Tây-Sơn khiến Phan-Huy-Ích, Ngô-Thời-Nhậm viết thơ vời đến, Danh-Án phúc thơ cự tuyệt. Tây-Sơn lại tìm bắt được. Trung-thơ Tây-Sơn là Trần-Văn-Kỷ muốn dỗ cho làm quan. Ông không chịu khuất, nên bị bắt giam lại. Danh-Án làm bài thơ có câu :

Phiên âm :

*Thử thân tuy đạo sài lang vẫn,
Túng tử nan vi cẩu trệ tâm.*

Dịch nôm :

*Kẽ răng hùm sói thân bao quản,
Dù thác khôn làm dạ chó heo.*

Rồi ông viết thơ cho Văn-Kỷ tỏ ý không thờ vua hai họ. Tây-Sơn biết không thể ép ông được, khen mà tha đi. Sau

lại người Thanh ăn hối lộ của Tây-Sơn, viện binh không đến nữa. Danh-Án cùng Trần-Quang-Châu mưu khỉ nghĩa, nhưng không được gì, rồi ông mất.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tân quốc trung-thơ ta nhĩ tào,
Thủ than ha nại đạo bê lao.
Ngâm thành chính khí ca kham tục,
Bất quí ô-đài nghĩa liệt cao.*

Dịch nôm :

*Giả chức Trung-thơ của chúng mầy
Thân nầy bao quản ở tù đây,
Bài ca chính khí lời nên nói
Chẳng hổ Đài-ô nghĩa khí hay.*¹

ÂU-(TRIỆU) 姦(趙)

Người ở huyện Nông-Cỗng, Thanh-Hóa, em gái Triệu-Quốc-Đạt, tiếng nói như chuông, mình cao 9 thước, vú dài 3 thước, lưng to mẩy vẫn, một ngày đi được trăm dặm. Tuổi lên hai mươi thì cha mẹ đều mất, ở với anh. Người chị dâu rất ác nghiệt. Âu bèn giết đi, rồi lên núi làm ăn một mình. Nàng có chí lớn, triệu tập những kẻ tráng sĩ, được vài nghìn người. Người anh bảo nàng rằng : « *Dàn bà con gái không nên làm như thế* ». Nàng đáp lại : « *Tôi muốn duồng gió đuổi sóng, quét sạch quân giặc cướp, để cứu sinh linh ra khỏi lâm than, há lại bắt chước thế thường, cúi đầu cong lưng, để hầu hạ người ta sao ?* »

Trong niên hiệu Vĩnh-An nhà Ngô (248-258), các quan thú mục Tàu sang cướp bóc của cải, dân tình khốn khổ. Quốc-Đạt khi binh đánh người Ngô, cầm cự được ít lâu, thì Quốc-Đạt chết. Dân chúng thấy nàng có tài tướng súy, bèn lập lên làm chủ. Mỗi khi đánh cùng quân Ngô, nàng vất vú ra sau lưng, lấy lụa bao lại, mình mặc giáp vàng, cõi trên đầu voi, oai phong lẫm liệt, không ai dám chống lại. Thời bấy giờ, người ta gọi nàng là Lệ-Hải-Bà-Vương. Nhà Ngô bèn sai Lục-Dẫn đem binh sang đánh. Nàng suất chúng ra chống cự, trong năm sáu tháng đánh hơn bảy trận, quân Ngô thua luôn.

Triệu-Âu tính tinh khiết, hễ thấy vật gì ô uế thì tránh đi. Lục-Dẫn là một tên tướng có trí, dò biết sự tình. Khi ra đối trận, nàng cầm siêu-đao, ngồi trên ngựa, thấy quân sĩ của Ngô đều ở trần truồng không mặc quần áo, đứng từng bầy,

tay cầm giáo mác, múa men như người điên. Nàng thấy vậy thì thẹn và tức giận lắm, bèn thúc ngựa chạy, ra Bố-Diễn (tức là Phủ-Diễn) thuộc huyện Hậu-Lộc, lên trên núi tự tận. Lúc ấy nàng mới 23 tuổi.

BA-(BÙI-MỘNG) 裴(裴夢)

(Không rõ người ở đâu và chức gì). Đời Trần Phê-Đế, chúa Chiêm-Thành là Bồng-Nga vào phá cướp, đến trấn Quảng-Oai, ở thành Thăng-Long, ai nấy đều lo sợ. Lê-Mật-Ôn đem quân ra chống bị thua chạy. Vua Nghệ-Tông ngự ra Đông-Ngạn để tránh giặc, Mộng-Ba để cả áo mao mặc trong mình, lội xuống nước, níu thuyền ngự lại, xin vua ở lại để đánh giặc, vua không nghe.

Đời vua Thuận-Tông, niên hiệu Quang-Thái (1388-1397), Hồ-Quí-Ly lộng quyền ; Thượng-Hoàng rất tin dùng. Lúc bấy giờ Thái-úy Trần-Ngạc, Tri-thẩm Hình-viện Lê-Á-Phu, tôn-thất Trần-Nhật-Chương, vì việc mưu sát Quí-Ly không xong, đã bị chết cả. Gặp lúc trời đại hạn, vua hạ chiếu cầu trực ngôn (ai biết điều gì cho nói thẳng), Mộng-Ba dâng tờ sớ có câu rằng : « *Tôi nghe đồng dao có câu : Thâm tai Lê sư (Thâm thay ông họ Lê) xem đó thì biết Quí-Ly có lòng dòm ngó ngôi báu* ». Thượng hoàng xem tờ sớ rồi đưa cho Quí-Ly xem. Sau lại Quí-Ly chuyên chính. Mộng-Ba đi ẩn núp, không ra mặt nữa.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tỵ địch quân vương trọng bảo thân,
Trung lưu khiên lãm phí phu trân.
Lâm khê tùng thử vô tung tích,
Cáp tự đồng diêu mỹ hữu nhân.*

Dịch nôm :

Tránh giặc nhà vua muốn giữ mình,

*Giữa dòng vin lái để trân tình.
Khe rùng từ ấy không tăm tích,
Vì tiếng đồng diêu đoán đã tinh.*

BÁT-(CHÂN-THỊ) 扌(真氏)

Người ở Hoàn-Hậu, Quỳnh-Lưu, Nghệ An, có sắc đẹp, vợ hẫu ông Hồ-Phi-Tích, Thượng-thơ bộ Bình. Phi-Tích mất rồi, nàng cứ thủ tiết thờ chồng. Nghịch tặc là Nguyễn-Hữu-Cầu đến cướp phá trong làng, bắt ép nàng, nàng nói dối với tên giặc rằng để cho nàng lạy nhà thờ chồng, rồi xin theo. Hữu-Cầu đem nàng đến nhà thờ. Nàng khóc lạy xong, rồi lấy con dao của nàng dẫu săn trong tay áo, tự vẫn mà chết.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Nhứt tiểu khuynh thành túy tặc tâm,
Úng cơ thiện đãi, thực nồng xâm.
Phu tử bái biệt tương an thích,
Tự hữu long-tuyễn ² dĩ tại khâm.*

Dịch nôm :

*Cười phải nghiêng thành giặc đã say,
Lừa chiêu, khéo dõi, dễ ai lay,
Từ chồng mấy lạy đi đâu nữa,
Đã săn dao thiêng nắm ở tay.*

BẠT-(NGUYỄN-THÁI) 拔(阮泰)

Người ở Bình-Lãng, Cẩm-Giang, đậu tiến-sĩ đời Lê Chiêu-Tông làm quan Hàn-Lâm. Khi họ Mạc tiếm vị, Thái-Bạt giả nói mắt lờ, không chịu khuất. Đặng-Dung bắt phải vào hầu. Ông xin đến gần để thưa chuyện, nhân đó Ông mắng rồi nhổ nước miếng vào mặt Đặng-Dung. Bèn bị hại. Sau dân ở Cẩm-Giang lập miếu thờ ông.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thử nhật sơn hà bất nhẫn khan,
Dã cam mông cổ độc tâm quan.
Nhứt triều thỏa diện kham ô nhĩ,
Phi thị Lâu gia khả tự can.*

Dịch nôm :

*Non sông còn muốn nhắm chi mô,
Làm dáng đui mù để giả lơ.
Nay nhổ mặt mẩy cho nhớp nhúa,
Há như người trước để rồi khô.*³

BẶC-(NGUYỄN) 僻(阮)

(Không rõ người ở đâu) Đời Đinh Tiên-Hoàng, Bặc giết Thích rồi cùng Đinh-Điền với Thập-đạo-tướng-quân là Lê-Hoàn lập con Tiên-Hoàng là Vệ-Vương lên ngôi vua. Vua mới 6 tuổi, Hoàn thâu hết cả quân cấm-lữ, ra vào tự do ở cấm-trung, tư thông cùng Dương Thái-Hậu (vợ Tiên-Hoàng), rồi nhiếp chính, xưng Phó vương. Bặc bàn với Đinh-Điền và Phạm-Hạp rằng : « *Thái-hậu nội loạn, Lê-Hoàn sẽ hại ấu chúa, chúng ta chịu ơn nước đã dày, nếu không lo sớm mà dẹp đứa gian ác ở bên mình vua, để dứt mối loạn, thì mặt mũi nào mà gặp Tiên-Đế ở dưới cửu tuyễn ?* » Đoạn rồi cùng nhau đem binh đến kinh-sư, toan giết Lê-Hoàn, đánh tại Hoa-Lư, không được rồi lại bị chết.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tiểu lại tài tru, đại tướng chuyên
Cô quân tả đản, khử tham quyển.
Anh hồn nguyện tác đinh điền hữu.
Đồng miếu tự khan lão phụ duyên.*

Dịch nôm :

*Giặc nhỏ trừ xong, đại tướng chuyên,
Cô quân trở áo đuổi tham quyển.
Đinh điền hồn muốn làm đôi bạn,
Thẹn thãy thờ chung ngó trái duyên.*⁴

BẮNG-(LƯƠNG-ĐẮC) 朋(梁得)

Người huyện Hoằng-Hóa, Thanh-Hóa, lúc nhỏ người ta gọi là thần đồng. Đời Lê-Hiển-Tông, niên hiệu Cảnh-Thống năm đầu (1498) đậu bảng-nhãn, bổ làm Đông-các học sĩ. Ông điều trần 14 điều về việc trị bình, được vua dùng ; quan đến chức Lại-bộ thượng-thơ.

Lúc ông đi sứ Tàu, có được quyển Thái-Ất-kinh, vẽ dậy cho học trò là Nguyễn-Bỉnh-Khiêm, nhờ quyển ấy mà tinh được lý học.

BIỂU-(NGUYỄN) 表(阮)

Người ở An-Đô, La-Sơn, đời Trùng-Quang-Đế nhà Trần làm Điện-tiền-thị-ngự-sử. Lúc Trùng-Quang mới lên ngôi, sai Hành-khiển là Nguyễn-Nhật-Tư sang nhà Minh cầu phong, vua Minh bắt giam rồi giết đi. Đến khi Trương-Phụ qua đánh Nghệ-An, Trùng-Quang-Đế chạy vào Hóa-Châu, lại sai Nguyễn-Biểu làm sứ đi cầu phong. Biểu đem các đồ thổ sản phượng vật đi đến Nghệ-An, Phụ bắt ở lại. Biểu bèn mắng Phụ rằng : « *Trong lòng thì tính việc đánh phá, mà ngoài mặt giả làm bộ nhân nghĩa. Đã hứa lập con cháu họ Trần, mà lại đặt quận, huyện, cướp bóc của cải, làm hại sinh linh, chúng bay thật là nghịch tặc* ». Phụ cả giận, giết đi. Đời Lê Thánh-Tông truy lục tiết nghĩa của ông, truyền lập nhà thờ ở làng, cho con cháu ông một người làm Phụng-lễ-lang.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Quân trung sổ ngữ lịch can tràng,
Vì quốcuyên khu tráng quốc quang.
Cố chỉ linh từ thiên cổ tại,
Lê-hoàng hữu đạo dị Minh-hoàng.*

Dịch nôm :

*Trong quân mắng giặc trải can tràng,
Vì nước quên mình được vẻ vang.
Nền cũ thờ nay còn để lại,
Vua Lê biết đạo khác Minh-hoàng.*

BÌNH-(LƯU-VĂN) 平(劉文)

Người huyện Bố-Trạch, Quảng-Bình, tên chữ là Như-Hoành, đậu Phó-bảng khoa Quý-Mão, năm Tự-Đức thứ 6 (1853) ; học nghiệp tinh thuần, nhất sinh chỉ lăy kinh sử làm vui, lúc làm Tri-huyện mà cũng chăm việc dạy học, các tú sĩ trong hạt đến học kể hàng trăm người, đến lúc làm Tri-phủ (đều ở tỉnh Nghệ-An) thì bình dị cận dân, dân yêu mến lắm. Đã có chỉ đổi về Kinh chức mà dân trong hạt ái mộ, xin lưu lại hơn sáu năm, mới bổ về Viên-ngoại bộ Hình. Ông làm người thanh bạch, ai cũng khen ngợi. Đến 60 tuổi, ông cáo bệnh về, rồi mất ở nhà.

BÌNH-(PHAN-ĐÌNH) 評(潘廷)

Tên chữ là Nhẫn-Trai, người huyện Quảng-Điền, Thừa-Thiên, học giỏi có tiếng, đậu tiến-sĩ năm Tự-Đức thứ 2 (1849), quan đến Tham-tri bộ Binh. Lúc bấy giờ người Pháp qua lập thương ước, nhân tình xao xuyến, vua sai ông ra Hà-Nội hiệp đồng với Đại-sứ là Nguyễn-Tri-Phương để thương nghị xử trí. Pháp đình sai An-Nghiệp (Francis Garnier) sang bắt phải thi hành tân ước. Nhân đó thành khích hấn. Người Pháp đánh tinh thành, thành bị hãm. Ông bị bắt, đem vào Gia-Định, rồi tha về. Khi trở về thì bị cách chức ; phải đi hiệu lực ở quân thứ Cao-Bằng ; khai phục Bố-chính-sứ ở Bắc-Ninh. Ông cùng Lê-Hữu-Tá trù liệu công việc ở Bắc-Ninh và Thái-Nguyên được nhiều kết quả. Rồi bổ lãnh Tuần-vũ tỉnh Ninh-Bình, sau lại thụ Tổng-đốc Định-An (Nam-Định và Hưng-An).

Niên hiệu Hàm-Nghi năm thứ nhất (1885) Kinh-thành hữu sự, vua bỏ chạy. Lưỡng cung (Từ-Dũ và Trang-Ý) thăng ông thự Thượng-thơ, sung Cơ-mật viện đại thần, cùng Vĩnh-lại Quận-công là Nguyễn-Hữu-Độ hội với Pháp quan thương giảng quốc sự. Hai ông đồng tâm với Thái-hoàng Thái-hậu xin tôn Kiến-Giang-công lên ngôi (tức là vua Đồng-Khánh). Đồng-Khánh tức vị, gia cho ông hàm Tá-quốc-huân-thần, thụ Văn-minh-điện đại-học-sĩ, phong tước Phò-nghĩa-tử. Niên hiệu Đồng-Khánh thứ 2 (1887), có người nói rằng lúc ở Bắc-kỳ, khi thương thuyết, ông có nói nên lập con cháu vua Dực-Tông (Tự-Đức) theo lời đó thì hơi có hình tích (nghĩa là ông không muốn lập Kiến-Giang công), việc ấy đem cho

định-thần nghĩ xử, rồi đoạt hết quan tước Ông, và giam vào ngục, thì ông mất.

Vua Thành-Thái lên ngôi, nghĩ ông là Quốc-thích (ông ngoại vua), truy phục hàm tước lại như cũ. Năm Thành-Thái thứ 4 (1892) truy tặng Thái-bảo, phong Phò-quốc-công, làm từ đường tại làng ông.

BÌNH-(VŨ-TRỌNG) 平(武仲)

Người phuện Phong-Phú, Quảng-Bình, đậu cử-nhân năm Gia-Long thứ 15 (1816), làm Phủ-doãn Thừa-Thiên. Vua thấy ông thanh liêm cẩn cán, thưởng cho một cái đại hạng kim khánh. Thăng Tuần-vũ tỉnh Hưng-Yên, rồi cải qua Tổng-đốc Ninh-Thái, kinh-lược các đạo Ninh, Thái, Lạng, Bình. Lúc bấy giờ quân Thổ-phỉ dấy loạn cướp phá xứ Bình-Xuyên, ông đánh dẹp có công, được thăng Hiệp-biện học-sĩ, sung Hiệp-thống Bắc-Kỳ quân-vụ. Niên hiệu Tự-Đức thứ 27 (1874) ở Nghệ-An có loạn tên Mai-Tấn, ông cải lãnh Tổng-đốc tỉnh ấy, rồi cải lãnh Tổng-đốc ba tỉnh : Sơn, Hưng, Tuyên. Chưa được bao lâu, lẩy cớ tuổi già xin về dưỡng bệnh ; vua không cho, mà lại đổi làm Tổng-đốc Định-An. Năm thứ 36 (1883), quân Pháp từ Hà-Nội tới đánh tỉnh thành, thành bị thất thủ, ông bị cách về. Niên hiệu Kiến-Phước năm đầu (1884), khỉ phục làm Thương-biện tinh vụ tỉnh Nghệ An, thăng Thương-thơ bộ Hộ, vừa đến tuổi hưu trí. Qua niên hiệu Đồng-Khánh năm đầu, vua chuẩn cho lấy hàm Thương-thơ về hưu. Đến niên hiệu Thành-Thái năm thứ 10 (1898) ông mất tại nhà, thọ 91 tuổi, truy thọ hàm Hiệp-biện đại học sĩ.

Vũ-Trọng-Bình làm người thật-thà, thẳng-thắn, đi đâu cũng có tiếng liêm bình. Trải việc chính trị trong 50 năm, không có một tỳ vết gì, thật là một bậc đáng làm gương cho những kẻ khác.

BÍNH-(TRẦN-DANH) 柄(陳名)

Người ở Ngọc-Diên, Thạch-Hà, Hà-Tịnh, có tài học mà không ứng thí. Lúc bấy giờ Tây-Sơn bắt các xã thôn mỗi người phải đeo một cái bài bằng giấy để làm tin, chỉ ông Bính không chịu đeo. Quân đội bắt ông đem tới trấn Nghệ-An, tướng là Nguyễn-Diêu bắt ông lạy, ông không lạy, dọn cơm, ông không ăn, biểu làm một bài thơ, ông làm xong ngay. Tướng Tây-Sơn biết không thể ép ông được, bèn tha cho về. Về rồi ông tụ dân chúng ở núi Nga-Khê huyện Can-Lộc, đến tập kích đồn. Đến núi Bân-Xá thì gặp quân Tây-Sơn đánh thua, quân ông tan chạy, ông bèn tự tận.

BƯU-(QUÁCH-ĐÌNH) 寶(郭廷)

Người ở xã Lan-Phước, Thanh-Khê, tuổi 24, đậu bảng-nhãn khoa Quý-vị đời Lê Thánh-Tông niên hiệu Quang-Thuận thứ 4 (1463), làm Hàn-lâm viện học sĩ. Năm Canh-dần, niên hiệu Hồng-Đức đi sứ nhà Minh, về thăng Đông-các hiệu thơ, rồi thăng Phó-đô ngự-sử. Ông cùng Thân-Nhân-Trung soạn biên tập « Thiên Nam Dư Hạ » và tập « Thân Chính Kỷ », thăng Lễ bộ Thượng-thơ. Ông là anh ông Hữu-Nghiêm, huynh đệ đồng triều. Tương truyền rằng lúc trước có người quên một số vàng tại nhà ông nội ông, ông ấy cứ giữ mà đưa lại cho họ, cho nên các cháu được hưởng phúc ấy.

CÁT-(ĐỖ-XUÂN) 吉(杜春)

Người huyện Hoằng-Hoá, Thanh-Hoá, đậu cử-nhân niên hiệu Thiệu-Trị năm đầu (1841) không chịu ra làm quan, ở nhà dạy học, tự hiệu là Châu-Tân cư-sĩ. Ông bảo rằng : Người ta trước hết phải thiệt hành, sau mới dùng văn chương. Ông thường nói : « Muốn quyết khoa, thì phải tồn tâm dưỡng tính, muốn lập sự nghiệp, thì phải giữ gìn lẽ độ trong lúc ứng đối tiến thối ; những người cử chỉ không có điều độ, mà kiến công lập nghiệp được, thì chưa từng thấy vậy ».

Ngoài kinh truyện ra, nào là thiên văn, nào là luật lịch, sách gì ông cũng thông suốt. Ông thờ mẹ rất hiếu ; đối với bà con thì thăm viếng chau tết, giúp đỡ kẻ nghèo khó. Đời Tự-Đức đường đê ở Bắc-Kỳ hay bị vỡ. Xuân-Cát điêu trăn năm khoản, ai cũng khen ông có kinh-tế thiệt học. Gặp lúc có chiếu vua khiển cử tri những người hay trong bốn khoa (đức hạnh, văn học, chính sự, ngôn ngữ), các đại thần tiến cử ông. Khi đến kinh, ông lấy cớ có bệnh xin cáo về. Sau ông mất được hàm Hán-lâm-viện biên-tu. Ông có để lại tập văn gọi là « Châu-Tân Văn Tập ».

CẨN-(PHAN-HUY) 謹(潘輝)

Người huyện Can-Lộc, Hà-Tịnh. Các tiên nhân ông đều xuất thân làm quan võ, tích đức đã lâu đời. Ông sinh ra diện mạo khôi ngô, khác kẻ tầm thường. Lúc nhỏ mồ côi cha mẹ, nhờ bà ngoại nuôi cho ăn đi học. Tính chất thông minh, đọc sách thì nhớ ngay, đến mấy năm cũng không quên. Tuổi mới thành đồng, mà văn chương làm ra ai ngâm cũng sướng miệng ; 26 tuổi đậu giải nguyên ; 33 tuổi đậu hội-nguyên khoa Giáp-Tuất ; niên hiệu Cảnh-Hưng năm thứ 15 (1554) đậu tiến-sĩ. Khi bổ làm quan, ông thủ chính trì kỷ, không ưa đua nịnh những kẻ quyền thế. Ông làm Hiến-sát tỉnh Hải-Dương và Tham-khổn Kinh-Bắc. Lúc ở triều, có tên hanh thần là Đỗ-Thế-Giai được Trịnh-Vương tin dùng, bách quan đều xu phụ, chỉ mình ông không chịu khuất tiết, nhân đó có người gièm, rồi ông bị bãi về nhà trong tám năm. Lúc bị bãi về, ông đi nhàn du sơn thuỷ, mở trường dạy học, tác thành kẻ hậu tiến rất nhiều. Cứ giảng dạy học trò, không lấy sự đắc thắt quan tâm.

Đến khi Trịnh-Vương (Trịnh-Sum) thân chính, vời ông ra dùng, bổ làm Đốc-trấn ở Đồng-Hải, rồi Đốc-thị ở Thuận-Hoa ; được ít lâu vời về Triều, ông làm Nhập-nội-thị-tụng Công-bộ Hữu-thị-lang, kiêm Quốc-tử-giám giảng quan. Khi tuổi đến 65, xin về trí sĩ, thăng Công-bộ tả-thị-lang Khuê-phong-bá. Ông mất ở nhà, thọ 68 tuổi.

Tinh ông thảng-thích, tuy đậu giải nguyên, hội-nguyên và tiến-sĩ, ra làm quan mà không khoe mình có văn chương giỏi. Bình nhạt ít làm thi văn, khi có việc gì phải làm mới

làm. Cái khí khái cương trực của ông, đọc văn ông còn tưởng tượng thấy được. Tiết tháo thanh bạch và phước ấm của ông để lại cho con cháu cũng dày lắm vậy.

CẨN-(VŨ-XUÂN) 謹(武春)

Người huyện Lệ-Thuỷ, Quảng-Bình, Triều Gia-Long, sơ thụ Hàn-lâm-viện, làm lần đến Hình-bộ Thượng-thơ Hiệp-tá đại-học sĩ, Bình-phú Tổng-đốc. Đời Thiệu-Trị, thăng Ngự-tiền đại thần, Đông-các đại-học-sĩ, quản lý Lại bộ sự vụ, kiêm sung Hoàng-thân Sư-bảo, lãnh Quốc-tử-giám, sung Sứ-quán Tổng-tài, Tự-Đức năm thứ 5 (1852) gia hàm Thái-bảo. Vua có ban cho một bài thơ. Ông về hưu trí, mất tại nhà, thọ 81 tuổi.

CỰ-(TẠ-QUANG) 巨(謝光)

Người làng Dưỡng-Mông, huyện Phú-Vinh, Thừa-Thiên, lấy chân nghĩa-dũng xuất thân, thăng Cai-đội. Đời Minh-Mạng thăng lần lên đến Thống-chẽ, làm Tổng-đốc An-Tịnh. Năm thứ 14 (1833) ở Ninh-Bình có đảng Lê-Duy-Lương dấy loạn, tràn sang đến phía Bắc Hưng-Hóa, Quang-Cự sung Tổng-thống quân vụ các lộ, cùng Tham-tán Hoàng-Đăng-Thận, Nguyễn-Đăng-Giai đem đại binh đánh bắt được, tần phong Vũ-lao-tử. Gặp tên giặc thổ phỉ ở Lạng-Sơn là Nồng-Văn-Vân nổi lên vây bức tỉnh thành, Quang-Cự đem binh đánh đuổi được ; gia phong tước Bá. Tên thổ phỉ ở Thanh-Hoa là Quách-Tất-Công lại nổi lên ở Quảng-Hoa, ông sung chức Kinh lược đại thần, hội tiễu bắt được, tần phong Hầu-tước. Triều Thiệu-Trị, được gia hàm Thái-tử Thái-bảo, kiêm quản Hậu quân ấn triện. Đến đời Tự-Đức, kiêm quản Tả-quân, khi tuổi già xin về hưu, rồi mất, thọ hơn 90 tuổi.

Quang-Cự lấy chân nghĩa-dũng xuất thân, mà lên đến tước Hầu. Giúp nước trong năm mươi năm, trước sau trọn vẹn, phúc lộc kiêm toàn, thật là một người hoàn nhân hoàn phúc.

CHÂN-(TRẦN) 真(陳)

Người ở Từ-Liêm, lúc đầu làm Đô-lực-sĩ, phong tước Thiết-sơn-bá. Đời Lê Chiêu-Tông, niên hiệu Quang-Thiệu (1516), ở Hải-Dương có tên Trần-Tung tụ chúng làm loạn, hãm thành Thăng-Long, tiếm làm vua, hiệu là Thiên-Úng. Chân suất dũng sĩ và hương-binh được 5,6 nghìn người khi binh ở Hoàng-Hoa-Thị. Tung nghe được, chia quân ra cự lại. Chân đánh với Tung, đến Xá-Đôi, khí giới đều hết, mình lại bị mựt nhọt, đến đêm kéo quân về Hoàng-Hoa-Thị. Vua Chiêu-Tông từ Tây-đô thành đem Tam-phụ nghĩa binh cùng các tướng sĩ ra Đông-Kinh. Chân đi tới Hành-tại (chỗ vua ở tạm) bái yết, rồi hợp binh với quan quân vây Đại-hùng-môn. Tung trốn chạy lên Lạng-Nguyên. Chiêu-Tông phục vị. Chưa được bao lâu, Tung lại từ Chí-Linh đi thẳng xuống Bồ-Đê (phía bắc sông Nhị-Hà). Trịnh-Duy-Sản đem binh ra đánh, bị tử trận. Vua bèn sai Chân ra đánh, Tung thua, lại trốn lên Lạng-Nguyên, không ra nữa.

Trần-Chân, khi đã bình được loạn Trần-Tung về, trấn thủ Kinh-Sư, quyên bính vào trong tay cả. Mạc-Đăng-Dung cũng phải nể, bèn cưới con gái Trần-Chân cho con mình. Lúc bấy giờ có kẻ hiểu sự đặt ra câu rằng : « *Trần hữu nhứt nhân, vi thiên hạ quân ; thổ đầu hổ vĩ, tế thế an dân* ». (Trần có một người, làm vua thiên hạ ; đầu thổ đuôi hùm, giúp yên mọi ngả). Vì thế, bọn quốc cữu là Chử-Khai, Quốc-công Trịnh-Hựu, Quận-công Ngô-Bình bàn với nhau rằng : « *Trần có một người, tức là Trần-Chân ; đầu thỏ đuôi hùm, túc là cuối năm dần mà đầu năm mão ; sợ e năm ấy có sự* ».

biến ». Rồi khuyên vua phải trừ đi, Trịnh-Tuy cũng tán thành mưu ấy. Khi bấy triều, vua khiến đòn Trần-Chân vào Cẩm-trung, rồi giết đi. Bộ tướng của Chân là bọn Hoàng-Duy-Nhạc, Nguyễn-Kính, Nguyễn-Áng nghe được tin ấy, bèn tụ binh tác loạn, tới vây Kinh-sư. Chiêu-Tông phải chạy ra Bồ-Đề giang tránh nạn ; khiến người dụ bọn Nguyễn-Duy-Nhạc. Nhạc xin giết bọn ba người Chử-Khai mới chịu giải binh. Vua cũng nghe lời, giết ba người ấy, rồi mới yên. Sau đến Cung-hoàng truy tặng Trần-Chân tước Quận-công.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Lạng nguyên hiến tiệp trấn kinh-sư

Chưởng ác tam quân chí mị di :

Hổ vĩ thố đầu thuỷ tạo ngữ.

Trường-thành tự hoại hối hà trì.

Dịch nôm :

Lạng-Nguyên thắng trận, phục ngôi trời,

Quyền giữ ba quân, chí chằng dời.

Đầu thố đuôi hùm ai bịa đặt,

Thành dài tự phá, việc sai rồi.

CHÂN-(TRẦN-KHÁT) 真(陳渴)

Người huyện Vĩnh-Lộc, Thanh-Hoá, ông nội ông làm quan đời Trần, chức Thượng-tướng-quân. Khát-Chân, đời Thuận-Tông làm Đô-tướng. Giặc Chiêm-Thành đến xâm, Hồ-quí-Ly đánh ở Thanh-hoá, thua chạy về. Thượng-Hoàng (Nghệ-Tông) sai Khát-Chân đem quân đi đánh ; Khát-Chân phụng mạng đi, quân đến Hoàng-Giang đã gặp giặc, Khát-Chân xem không có địa thế đánh được, bèn kéo quân lui về Hải-Triều-Giang (tỉnh Hưng-Yên). Cho người dò biết thuyền của chúa Bồng-Nga, Khát-Chân truyền lấy súng bắn vào thuyền ấy. Bồng-Nga trúng phải đạn chết. Quan quân đánh đuổi, cắt lối đầu Bồng-Nga đem về dâng vua. Đoạn rồi định công thưởng cho các tướng sĩ. Khát-Chân được phong Vũ-tiết Quan-nội-hầu.

Đến khi Quý-Ly giết vua Thuận-Tông, Khát-Chân cùng bọn Trần-Hạng, Trần-Nhật-Đôn bàn với nhau toan giết Quý-Ly. Ngày ấy Quý-Ly hội minh ở Đốn-sơn (Thanh-Hoá), Quý-Ly ngồi trên lầu nhà Trần-Khát-Chân để xem hội. Bọn Phạm-Khả và tên thích-khách là Phạm-Ngưu-Tất mang gươm muỗn tiến vào, Khát-Chân trùng mắt lên ngăn lại, rồi không cử sự được. Quý-Ly tâm động (rùng mình) đứng dậy, vệ sĩ dùi ông xuống lầu, Ngưu-Tân ném gươm xuống đất mà nói rằng : « *Bọn bay là đồ khốn nạn cả* ». Việc ấy phát giác ra, Khát-Chân, Trần-Hạng, Nhật-Đôn và các liêu thuộc thân thích cả thảy hơn 370 người đều bị hại. Sau người ta có làm đền thờ ông ở đấy.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Khẳng khái bình hồ mại thái sư
Trần triều đại hạ ký sanh trì.
Vị văn thị thương toàn gia khốc,
Nhẫn sử lâu đâu nhứt kiêm trì.*

Dịch nôm :

*Hăng hái đem binh dẹp giặc Hồ,
Nhà Trần chống đỡ có cây to.
Sao khi trên chợ chưa nghe khóc,
Chúng muốn giờ gươm lại chẳng cho.*

CHẨN-(PHẠM-TIẾN) 軫(范進)

Người huyện Hương-Thuỷ, Thừa-Thiên, mình vóc cao lớn, mình ông ăn gấp bảy, tám người, có tài lội nước ; thường xem mây và trăng thì biêt trước ngày nào mưa, ngày nào gió. Niên hiệu Thiệu-Trị năm thứ 3 (1843), vào ngạch lính Thuỷ-sư. Lúc đi hầu vua xuống cửa Thuận-An, gặp ngày tiết Tiểu-mãn, gió nổi to, chạc giây dắt thuyền ngự, giữa dòng sông bị đứt, quan quân tuỳ tùng đều kinh hãi, không biêt làm thế nào. Tiễn-Chẩn nhảy xuống nước, kéo giây nối lại, rồi được yên. Vua thấy làm lạ, khen và thưởng cho làm Cai-đội. Trong niên hiệu Tự-Đức, quyền sung Hiệp-quan. Năm thứ 13 (1860) vua bày ra thi người nào hét tiếng to làm cho vỡ được cái vò, thì cho là ưu hạng. Tiễn-Chẩn trúng tuyển, thăng thiệt-thụ Quản-Cơ, rồi thăng Phó-vệ-uý. Năm thứ 20 (1867) ông phụng sắc mang đi tể ở miếu Thái-Dương (gần cửa Thuận-An), vừa gặp mưa to gió lớn, có người chèo thuyền bị rót xuống nước, Tiễn-Chẩn nhảy xuống cứu, vì sức gió quá mạnh, thuyền úp đè lên trên, ông bị chết đắm. Sau lại truy tặng hàm Chưởng-vệ.

CHẤT-(LÊ) 質(黎)

Người huyện Phù-Mỹ, Bình-Định, lúc đầu theo Tây-Sơn, làm chức Đô-đốc, vẫn là một tướng giỏi về chiến sự, sau lại đem các bộ tốt hơn hai trăm người về hàng vua Gia-Long. Ông cùng các tướng đi đánh giặc, rất là đắc lực ; lên chức Tả-đồn Đô-thống-chẽ, phong tước Quận-công. Năm Gia-Long nguyên niên (1802), đem đại binh ra đánh miền Bắc, thăng Khâm-sai chưởng Hậu-quân Bình-tây tướng quân. Đến khi Bắc-hà đã yên, ông làm Bắc-hà Hiệp-tổng-trấn. Năm thứ 18 (1819) thăng thụ Tổng-trấn. Năm Minh-Mạng thứ 4 về triều chầu, rồi ra làm Kinh-lược hai trấn Thanh và Nghệ. Khi việc yên rồi, ông lại trở ra Bắc-thành cung chức Tổng-trấn. Năm thứ 7 (1826) nhân có bệnh xin về bản quán, thì mất. Tặng hàm Thiếu-phó.

Được ít lâu, ở Bắc-thành giặc cướp nổi dậy, vua Minh-mạng đổ lỗi rằng giặc cướp ấy là vì lúc trước Lê-Chất làm việc hay « cô túc » (không quả quyết) mà sinh ra thế. Triều đình bèn tuy tham trong những việc ngày thường ông làm có nhiều trọng khoản. Nhân đó ông phải mắc tội, mất hết tước hàm. Năm Tự-Đức thứ 21 (1868) truy phục Tả-đồn Đô-thống-chẽ.

CHÂU-(NGÔ-TÙNG) 周(吳從)

Người huyện Phù-Cát, Bình-Định, tính đoan trực, có khí tiết, học hành thuần chính, sơ thụ Hàn-lâm, thăng dần lên đến Lễ bộ thượng thư sung Đông cung phụ đạo. Đời Gia-Long trung hưng ông cùng Vũ-Tính giữ thành Bình Định, Tây-Sơn đem quân đến vây đã hơn hai năm, trong thành lương thực hết, Châu và Tính đều tuẫn tiết (chết). Người ta ví hai ông ấy như Trương-Tuần với Hứa-Viễn đời nhà Đường. Đến đời Gia-Long, tặng hàm Thái-tử Thái-sư. Đời Minh-Mạng, truy tặng Hiệp-biện Đại-học sĩ, kiêm Thái-tử Thái-sư, tước Ninh-hoa Quận-công.

CHÂU-(NGUYỄN-TƯ) 珠(阮子)

Người huyện Bình-Sơn, Quảng-Ngãi, làm chức Thái-thường khanh đời Tây-Sơn ; đến năm Canh-tuất (1790) tới Gia-Định xin theo vua Gia-Long, làm chức Trung-dinh Tham-mưu, sắp đặt được nhiều việc trong quân sự. Năm Tân-Dậu (1801) quan quân ra đánh Qui-Nhơn, ông với Nguyễn-Văn-Nhân ở lại trấn Gia-Định. Lúc bấy giờ chinh chiến luôn mấy năm, Tả-Châu và Văn-Nhân ở trong thì giữ gìn thành trì, ngoài thì cung cấp lương thực, không bao giờ thốn thiếu. Niên hiệu Gia-Long năm thứ 8 (1809) ông làm Hình bộ Thượng-thơ, rồi mất. Tặng hàm Tham-chinh.

CHÂU-(PHAN-BÔI) 珠(潘佩)

Người huyện Nam-Đàn, Nghệ-An. Lúc thiếu thời, tiên-sinh đã tổ chức đội học-sinh nghĩa dũng, dùng toàn giáo và gậy để kháng Pháp, nhưng chẳng thu hoạch được hiệu quả gì nên tiên sinh lại trở về với đèn sách. Năm 1900 đậu thủ khoa ở trường Nghệ-An.

Sau khi thi hội hỏng, tiên-sinh chu du khắp nước để liên lạc các đồng chí, rồi cùng các nhà ái quốc tổ chức đảng cách mạng và tôn Kỳ-Ngoại hầu Cường Để làm hội chủ.

Năm 1905, tiên-sinh cùng Tăng-Bạt-Hổ và Đặng-Tử-Kính sang Tàu. Từ đây Tiên-Sinh bôn ba khắp Trung-Hoa, Nhật-Bản, Xiêm-La, Đức-Quốc cho đến tháng sáu năm 1925 thì bị người Pháp bắt ở Thượng-Hải, đưa về nước. Hội-đồng đề-hình lúc đó kết án tiên-sinh chung thân cấm cõi ; nhưng viên Toàn-quyền Varenne vừa sang nhậm chức, thấy phong trào vận động ân xá các nhà chí-sĩ ái quốc sôi nổi khắp nơi, mới tha cho tiên-sinh và đưa về an trí ở Huế. Đến ngày 29 tháng 10 năm 1940 thì mất, thọ 73 tuổi.

Tiên-Sinh có soạn những sách : Lưu-Cầu Huyết Lệ Tán Thư ; Việt-Nam Vong Quốc Sử ; Hải Ngoại Huyết Thư, Sùng Bá Vĩ Nhân truyện, Tân Việt-Nam Kỷ Niệm Lục, Ngục Trung Thư ; Thiên Hồ Đế Hồ ; Pháp-Việt Đề Huề Luận ; Truyện Lê Thái-Tổ ; Truyện Trưng-Nữ Vương ; v.v...

CHÂU-(TỐNG-PHƯỚC) 珠(宋福)

Người Qui-huyện, Thanh-Hoá, vào ở ngụ Gia-Định, lúc
đầu hết đi theo Gia-Long qua Vọng-Các (kinh đô nước
Xiêm), có quân công, bổ làm Cai-Cơ. Khi quân vua Gia-Long
về đánh Phú-Xuân, Phước-Châu đóng đồn ở Tả-Trạch-
Nguyên, chặn đường cứu viện của quân Tây-Sơn, thăng
Khâm-sai Trung-thuỷ-dinh Thống-chẽ ; mất, tặng Chưởng-
hậu-dinh.

CHÂU-(TRẦN-QUANG) 珠(陳光)

Người ở Phù-Kinh, Gia-Bình. Trong niên hiệu Cảnh-Hưng nhà Lê, quân Tây Sơn đến đánh phá, giặc chòm-xóm nhân đó nổi lên nhiều nơi ; người ở làng bầu Quang-Châu lên làm trưởng, để cù-suất dân binh mà phòng-ngự. Vua Chiêu-Thống bị bại trận nơi Mục-Thị, lén chạy về Siêu-Loại. Quang-Châu cùng bọn Trần-Đình đều suất dân chúng của mình, hội lại rồi rước vua về trú tại Chí-Linh. Quân Tây-Sơn càng ngày càng bức tới, Quang-Châu ngày đêm cự chiến, chịu cực khổ để bảo vệ vua. Khi Tôn-Sĩ-Nghị đem binh đến cứu viện, Chiêu-Thống về Thăng-Long, cho Quang-Châu làm Trần-thủ Kinh Bắc. Chưa được bao lâu, Chiêu-Thống chạy sang Tàu. Quang-Châu thu góp tàn quân, qua lại trong vùng Hải-Dương và Bắc-Ninh cự chiến với quân Tây-Sơn. Đã mấy năm, giết Tây-Sơn cũng được nhiều. Sau vì sức kém chống không nổi, bị Tây-Sơn bắt, ông không chịu khuất, rồi bị hại.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thảo-dã vi thắn diệc phi cung,
Đĩnh thân anh nạn chấn đồi phong.
Dã tri trung nghĩa do chân tính,
Mạc đạo trâm-anh dị tất-bỗng.*

Dịch nôm :

*Hèn hạ quê mùa chẳng tiếc thân,
Đem mình chống đỡ buổi phân-vân.
Cho hay trung nghĩa là chân tính,*

Chớ nới dòng quan lại khác dân.

CHI-(MẠC-ĐĨNH) 之(莫挺)

Người ở Lũng-Đông, Chí-Linh, tên chữ là Tiết-Phu, thông minh tuyệt vời, nhưng tướng mạo xấu-xí ; ông có làm bài phú « Ngọc tinh liên » (Hoa sen ở Giếng Ngọc), để tự ví mình. Ý nói hoa sen, tiết tháo thanh cao, không hoa nào sánh được, ở bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn, v.v... Đậu Trạng-Nguyên đời vua Trần Anh-Tông, sung chức Nội-gia-thư. Ông đi sứ Tàu, người Nguyên thấy tướng mạo ông xấu thì khinh. Một hôm quan Tể-tướng mời ông vào phủ, cùng ngồi nói chuyện. Ở trong phủ có treo một bức trướng, thêu con chim sẻ sắc vàng (Hoàng-tước) đậu trên cành trúc. Đĩnh-Chi tưởng là Hoàng-tước thật, chạy lại chụp. Người Nguyên cười ông là người quê mùa, ông bèn kéo xé tan cả bức trướng luôn. Chúng lấy làm lạ mà hỏi, thì ông nói : « *Tôi nghe người ta họa bức mai-tước (cây mai và chim sẻ) thì có, chưa hề thấy họa bức trúc-tước (cây trúc và chim sẻ) bao giờ. Vả chăng trúc là quân-tử, tước là tiểu-nhân, nay bức trướng thêu trúc-tước, ấy là cho tiểu-nhân đứng trên quân tử. Tôi sợ e quân tử đạo tiêu, tiểu nhân đạo trưởng, nghĩa là quân tử suy mà tiểu nhân thịnh, cho nên tôi vì Thành-triều mà trừ đi đó* ». Chúng nghe đều phục.

Khi vào triều, vừa gặp người ngoại quốc dâng vua Nguyên một cái quạt, vua bảo ông làm bài minh (một thể văn ngày xưa) để đề cái quạt. Đĩnh-Chi cầm bút viết ngay, lời bài minh như sau này :

Bài Minh phiên âm : *Lưu kim thước thạch, thiên địa vi lô ; Nhĩ ư tư thời hề, y, chu cự nho. Bắc phong kỳ lương, vũ*

*tuyết tái đố ; Nhĩ ư tư thời hĕ, di, tĕ ngă phu. Y ! dụng chi
tăc hành, xă chi tăc vàng, duy ngă dự nhĩ hữu thị phù !*

Dịch nôm : *Chảy vàng nát đá, nắng nồng nàn như lửa lò
hầm, Bác khi ấy gấp thời hữu dụng, tài Y, Chu vận động
trong tay. Gió bắc thổi reo, mưa tuyêt đầy đường. Bác khi
ấy như tuồng bị bỏ, in Di, Tề kiếm xó yên nằm. Thôi thôi !
có dụng ta làm, nếu người hờ hững, ta cam dẫu tài, Bác,
tôi, tôi, Bác là hai !*

Người Nguyên thấy bài minh lẫy làm hay và rất khen
ngợi.

Đến đời vua Trần Minh-Tông, ông lại được sùng dụng
lắm. Ông làm quan rất thanh liêm, tự phụng rất đơn giản.
Minh-Tông biết ông nghèo, đêm lại khiến người đem tiền để
trước cửa nhà ông. Sáng lại vào triều ông tâu cho vua hay,
nhân đó vua ban cho ông số tiền ấy. Xem thế thì biết ông
rất thanh bạch. Làm quan trải mấy triều vua mà chỉ được
chức Đại-liêu-ban Tả-bộc-xạ thôi.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Ngọc-tỉnh liên ba đĩnh dị tư,
Sứ-tinh chính phủ lệnh danh trì.
Nãi ông bất khắng vi tiền lỗ,
Kỳ hoá an tri hậu duệ tư.*

Dịch nôm :

*Phú sen Ngọc tinh này tài hay
Phụng sứ phương xa, tiếng giỏi bay.
Cửa-cải chẳng màng làm mọi giữ,*

Nào ngờ con cháu hám sau đây. ⁵

CHI-(LÊ-QUANG) 枝(黎光)

Người huyện Kỳ-Anh, Hà-Tịnh, tư chất thông minh, học rộng biết nhiều. Lúc 25 tuổi, vào Đình-thi, văn bài đáng đậu bậc trạng nguyên, mà vua Lê Thánh-Tông lấy cớ rằng tướng mạo ông xấu, cho đậu bảng-nhãn thôi. Khi tại chức, gặp việc gì ông nói, thì cũng viện dẫn việc cổ kim, giảng minh nghĩa lý, vua Lê thường gọi ông là « thầy » chứ không kêu tên. Văn chương đức nghiệp của ông, thời bấy giờ ai cũng trọng. Làm đến Lễ bộ Tả-thị-Lang, kiêm Đông-các Đại-học sĩ, về trí sĩ, đến 82 tuổi thì mất, tặng hàm Thượng-thơ.

CHÍ-(NGUYỄN) 志(阮)

Người huyện Duy-Xuyên, Quảng-Nam, đầu quân năm Minh-Mạng thứ 9 (1828), thường đi công cán ở Tân-Gia-Ba và Đại-tiểu Tây-Dương, được thăng Quản-cơ Vệ-úy. Niên hiệu Tự-Đức năm thứ 20 (1867) sung Thuận-An Đốc-phòng, thăng Thủy-sư Đề-đốc, thăng thự Thống-chẽ. Nhân lối bị biếm, sau được khai phục Đô-thống, về bệnh rồi mất.

CHÍCH-(LÊ) 隻(黎)

Người ở Đông-Sơn. Lúc loạn người Minh, Chích nhóm họp dân chúng trong thôn ấp, dựa núi đắp thành mà tự thủ, quân Minh đánh không được. Đến khi nghe Lê-Lợi kêu binh ở Lam-Sơn, ông đến theo. Lê-Lợi hỏi chư tướng nên đi theo đường nào để khởi sự. Ông Chích thưa : « *Tôi tằng đi khắp xứ Nghệ-an, địa thế hiểm dị đã biết cả. Nay nên vào cứ lấy lũy Cầm-Bành, nếu dân đó thuận, thì mình vữ-Ủy hộ, như nghịch thì mình đánh mà lấy, sau rồi lần ra Đông-Đô thì quốc sự thành được* ».

Lê-Lợi nghe theo. Bèn chia binh đánh đồn Đa-Căng, rồi lấy thắng thành Nghệ-An bổ Chích làm Nhập-nội Thiếu úy. Lê-Lợi ra thắng Đông-Đô, Chích làm Giám-quân-dân-sự. Niên hiệu Thuận-Thiên năm đầu, phong Định-thượng-hầu, tham dự triều chính. Sau nhân có lỗi bị bãi chức. Đời vua Thái-Tông, niên hiệu Thiệu-Bình phục chức làm Tổng-quản Trấn-thủ ở Hóa-châu. Người Chiêm-Thành đến phá cướp hai lần, Chích tuy quân ít mà đánh đuổi được cả. Đời vua Nhân-Tông, đi theo đánh Chiêm-Thành có công thăng Nhập-nội Đô-đốc tham-dự triều-chính. Niên hiệu Thái-Hòa năm thứ 6 (1448) ông mất, tặng Nhập-nội Tư không Bình-chương-sự.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Y sơn cứ hiểm trúc kiên thành,
Bách vạn tỳ hưu diễu kinh Minh.
Tiên thủ Cầm-bành căn bản cõi,
Đông-đô chư lộ bất nan bình.*

Dịch nôm :

*Dựa non cứ hiểm đắp kiên thành,
Trăm vạn binh hùng chằng sợ Minh.
Trước lấy Cầm-bành bền cội gốc,
Đông-đô các xứ há khôn bình.*

CHIÊM-(NGUYỄN-KHOA) 占(阮科)

Tiên tổ ông là người Hải-Dương, theo chúa Nguyễn vào Nam, rồi nhập tịch ở Thừa-thiên. Đời Hiển-tông Hiếu-Minh Hoàng-đế (cuối thế kỷ 17) ông làm đến chức Tham-chính chính-đoan-sứ, quốc kẽ biên mưu, trù hoạch rất giỏi. Đến khi tuổi già, về trí sĩ, mất, tặng hàm Đại-lý-tự Thượng-Khanh.

Ông Chiêm việc quan giỏi, văn chương hay, có làm quyển « Nam Triều Công Nghiệp Diễn Chí » để lại.

CHỈNH-(NGUYỄN-HỮU) 整(阮有)

Người ở Đông-Hải, Chân-Phước, lúc trẻ đã có tài lanh lẹ, đậu hương-công rồi xây lại tập vũ nghệ, nhân đó vào làm môn hạ Hoàng-Ngũ-Phước. Ngũ-Phước thấy có tài giỏi thì rất yêu chuộng. Ngũ-Phước chết, Cảnh ở với cháu Ngũ-Phước là Tố-Lý. Lúc Tố-Lý trấn Nghệ-An thì cho Cảnh làm Hữu-tham-quân, coi thủy-thủ để ngự mặt biển. Trong mấy trận thủy chiến, đánh rất lanh lẹ, người thời bấy giờ gọi ông là « Con diều ở biển » ; sau lại ông coi Tiền-ninh cơ ở Nghệ-An.

Cuối niên hiệu Cảnh-Hưng (1786), Trịnh-Sum phế trưởng tử là Khải mà lập thứ tử Cán, khiến Tố-Lý giúp. Sum chết, quân sĩ làm loạn, phế Cán mà lập Khải và giết Tố-Lý. Cảnh ở Nghệ-An nghe được tin ấy, bèn bàn với Trấn-thủ là Vũ-Tá-Đào nên kết hợp với phó-tướng Thuận-Hóa là Hoàng-Đình-Thể và Đồn-thủ Đồng-Hới là Khôi-Xuân. Hai vị ấy sẽ giết Đại-tướng của họ mà chiếm giữ lũy thành. Còn Tá-Đào thì giữ trấn Nghệ-An, để làm đảng viện cho nhau ; chặn ngõ đường Hoàng-Mai, đóng trọng binh ở Quỳnh-Lưu, để làm kẽ cõi thủ. Phía mặt biển thì có Cảnh đương lũy. Tá-Đào đáp lại với Cảnh rằng không thể làm nổi việc như thế được. Cảnh thấy kế hoạch không xong, bèn bỏ đi. Đem cả gia tiểu đi đường biển vào Qui-Nhơn, ở với Nguyễn-Nhạc. Nhạc thấy Cảnh thì bằng lòng, ngày một thân trọng. Trịnh-Khai khiến người em rể Cảnh vào dụ Cảnh về. Cảnh đã không về mà lại giết tên ấy nữa. Nhạc lại đem lòng thân tín hơn trước.

Chỉnh nghĩ rằng họ Trịnh thất nhân tâm đã lâu, lại biết Trấn-tướng ở Thuận-Hóa là Phạm-Ngô-Cầu bất tài. Nhân đó nói với Nhạc có thể lấy Thuận-Hóa được. Nhạc tin theo, bèn cho em là Huệ làm Tiết-chẽ, rể là Vũ-Văn-Nhậm làm Tả-quân, Chính làm Hữu-quân, đem binh sĩ ra xâm mặt Bắc. Chính trước hết làm kẽ phản gián. Cầu và Phó-tướng là Hoàng-Đình-Thể ngờ vực nhau, rồi Huệ đánh lấy được Thuận-Hóa.

Chỉnh nhân đó nói với Huệ nên thửa thắng ra đánh luôn Thăng-Long, lấy danh rằng phò Lê diệt Trịnh. Huệ nói : « *Chúng ta phụng mạng đi đánh lấy Thuận-Hóa, chưa có lệnh đánh Thăng-Long, giả chiếu chỉ sao được* ». Chính nói lại : « *Giả việc nhỏ mà được công to, thì cũng nên giả* ». Huệ cho là phải. Bèn sai Chính đem thủy quân đi trước, Huệ suất đại quân tiếp theo. Đánh lấy luôn Nghệ-An, Thanh-Hóa và Sơn-Nam, rồi thăng ra Thăng-Long. Trịnh Khải bỏ chạy rồi chết.

Thăng-Long lấy rồi, Chính nói với Huệ vào yết kiến vua Lê Hiển-Tông và đem tất cả bộ tịch quân dân lấy ở phủ họ Trịnh mà nạp cho vua Lê, để tỏ lòng mình phò Lê. Sau Huệ thấy người trong nước phần nhiều tới lui với Chính, bèn sinh nghi ra ; đêm Huệ bỏ đi lén về Qui-Nhơn. Chính thấy Huệ đi, hoảng hốt sợ hãi, bèn xin với vua Chiêu-Thống cho vào Nghệ-An hợp binh để phòng vệ. Đoạn rồi tự đem thủ hạ hơn mười người, lấy một chiếc thuyền buôn rượt theo Huệ. Đến Nghệ-An gặp kịp. Huệ để Chính ở lại Nghệ-An, giả làm Trấn-thủ. Huệ đi rồi, thì Chính liền khỉ binh, dõi xưng là Chiêu-Thống sai làm Trấn-thủ Nghệ-An để chiêu tập binh mã. Lúc

bấy giờ đảng họ Trịnh lại lập Trịnh-Bồng lên. Cảnh nghe được, liền đem binh ra Bắc, đuổi Bồng. Chiêu-Thống phong cho Cảnh tước Bằng-quận-công, Bình-chương quân quốc trọng sự.

Lúc Cảnh đem binh ra Bắc, Tây Sơn cho tướng là Nguyễn-Duệ đến giữ Nghệ-An. Nguyễn-Định bỏ Nghệ-An chạy theo Cảnh đến Thanh-Hóa. Tướng sĩ đều tức giận, thề cùng Tây-Sơn quyết chiến. Cảnh thì nghĩ rằng vợ con đương ở trong chỗ Tây-Sơn, cho nên do dự không chịu đánh. Từ đấy hai xứ (Bắc và Nam) đều vào tay Tây Sơn. Đến khi hai anh em Nhạc và Huệ có hiềm khích với nhau, Duệ, nguyên là cựu tướng của Nhạc, bỏ Nghệ-An lén chạy vào Qui-Nhơn. Huệ khi ấy lại càng nghi Cảnh, khiến người gọi vào. Cảnh lấy cớ rằng bốn trấn chưa yên, không chịu vào. Huệ bèn khiến Vũ-Văn-Nhậm đem quân ra Bắc đánh, đến Sơn-Nam, Cảnh nghe tin, hoảng hốt đem binh ra cự chiến ở sông Thanh-Quyết. Đêm lại không phòng bị, quân địch cho người lặn xuống nước lấy giây buộc thuyền Cảnh kéo qua bờ sông bên kia. Quân lính kinh hãi, chạy tán loạn. Cảnh bèn kéo quân lui về Thăng-Long, xin vua Chiêu-Thống chạy sang Tàu. Đến Yên-Thể, quân Tây-Sơn đuổi theo kịp. Con Cảnh là Hữu-Du cự chiến bị chết. Cảnh bị bắt bỏ vào cùi, đưa về Thăng Long. Tướng Tây-Sơn hỏi Cảnh cớ sao lại làm phản như vậy. Cảnh nói : « *Thế phải làm như vậy thôi* ». Tây Sơn bèn cho xe kéo xác.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Phù lê diệt trịnh cạnh phân-phân,
Mộ bắc triêu nam, tị tựu cǎn.*

*Yên-thế đỗ cùng chung hoãn liệt,
Bách tâm an khả sự kỳ quân.*

Dịch nôm :

*Phò Lê dứt Trịnh ngó bời-bời,
Tôi bắc mai nam tránh khắp nơi.
Yên-thế cùng đường xe xé xác,
Trăm lòng đâu trọn đạo làm tôi.*

CHUẨN-(TRẦN-VĂN) 準(陳文)

Người ở Minh-Chính, Quảng-Bình, đậu tiến-sĩ năm Tự-Đức thứ 15 (1862), làm án sát tỉnh Thanh-Hóa, sung chức phó-sứ sang Tàu, về thăng Thị-giảng học sĩ Tham-biện các vụ ; năm thứ 33 (1880) lãnh An-Tịnh Tổng-đốc, rồi Công bộ Thượng thư, quản lý thương thuyền sự vụ. Lại sung Bắc-Kỳ phó Khâm-sai. Vì lúc trở về Kinh mà không đợi chỉ vua, bị giáng. Sau lại quyển An-Tịnh Tổng-đốc, vừa mất tại chức ; được thiêt thụ hàm Tổng-đốc.

CHUNG-(NGUYỄN-ĐỨC) 鍾(阮德)

Người huyện Hương-Trà, Thừa-Thiên, Lãnh-binh tỉnh An-Giang. Thiệu-Trị năm thứ 7 (1847) phái đến cửa Đà Nẵng phòng tiễn, bị người Tây bắn chết. Tặng Chưởng-vệ.

CHUNG-(TRẦN-KHẮC) 終(陳克)

Người ở Giáp-Sơn, nguyên là họ Đỗ, đổi Trần-Nhân-Tông làm Chi-hậu-cuộc-thủ. Ô-Mã-Nhi, người Nguyên sang đánh phá tại Vũ-Ninh, vua muốn sai người đi dò tình hình quân địch, mà chưa biết lựa ai đi được. Khắc-Chung tự xin đi. Vua khen rồi cho mang thơ đi. Đến gặp Ô-Mã-Nhi. Mã-Nhi hỏi : « Quốc-vương sao lại vô lễ, cho người chạm hai chữ : Sát Thát (giết Thát Đát) nơi cánh tay ? »⁶. Khắc-Chung đáp lại rằng : « Gia cẩu phệ nhân, phi kỳ chủ dã. (Chó thấy người thì xưa, vì không phải chủ nó). Đây là lòng công phẫn của dân chúng xúi họ làm, họ tự khắc lấy, có phải nhà vua biểu họ đâu ». Ô-Mã-Nhi lại nói : « Đại quân ở Bắc đến, sao lại không trở giáo đầu hàng, mà lại ra chống cự ? » Khắc-Chung tùy vẫn tùy đáp, chiết biện rạch ròi. Khi ông trở về nhà, Mã-Nhi nói với chư tướng rằng : « Người ấy ứng đối giỏi, đi ra mà giữ được thể thống cho nước ; nước họ có người giỏi, chúng ta chưa có thể xâm lăng được ». Đến khi thăng được quân Nguyên, Khắc-Chung lấy công ấy thăng chức Hành-khiển và vua cho họ nhà vua là « Trần ». Đời Anh-Tông ông thăng Thượng-thơ Tả-bộc xạ.

Lúc trước vua Anh-Tông gả Huyền-Trân Công chúa cho chúa Chiêm-Thành là Chế-Mân ; khi Chế-Mân chết, vua sai Khắc-Chung sang rước Chúa về nước. Khắc-Chung bèn tư thông với Chúa. Hưng-nhượng-Vương là Quốc-Tảng mỗi khi gặp Khắc-Chung thì mắng : « Tên họ anh nầy (Trần-khắc-Chung) đem sự rủi ro cho nhà nước, nhà Trần muốn Chung

(hết số) với tên này hay sao ? » Từ đó Khắc-Chung sợ, thường tránh không cho Quốc-Điền gặp.

Đời Minh-Tông niên hiệu Đại Khánh, trời đại hạn, Đài quan (Ngự sử) hạch tâu rằng : « *Khắc-Chung làm không hết chức vụ, cho nên trời giáng tai họa trong nước* ». Khắc-Chung nói : « *Trời không mưa thì hỏi Long-vương, tôi có phải Long-vương đâu mà đổ lỗi cho tôi* ».

Huệ-vũ Vương Quốc-Điền bị Văn-Hiến-Hầu vu làm phản, đương giam trong ngục. Minh-Tông hỏi Khắc-Chung nên xử thế nào. Khắc-Chung nguyên là đồng đảng với Văn-Hiến-Hầu, bèn lấy câu : « *Tróc hổ dị, phóng hổ nan* » (bắt cọp dễ, thả cọp khó) mà tâu. Quốc-Điền bèn bị hại.

Đời Hiển-Tông niên hiệu Khải-Hựu năm thứ 2 (1330) Khắc-Chung mất. Khắc-Chung là một người hay làm kiểu bẽ ngoài để cầu được tiếng khen, không lo sắp đặt việc nhà. Mỗi buổi sớm vào Triều, thì ông vào thật sớm, chực ngoài cửa Vĩnh-tường để chặn xem các giấy má tấu sớ, đến khi vào Triều thì tâu dỗi thông suốt cả. Triều bấy rồi thì đến Đông-cung dạy Thái-tử học, cũng là gắng gượng mà làm đó thôi. Về nhà thì bày ra đánh cờ với mấy ông bạn, ăn thua chỉ một đôi tiền mà đánh cả đêm đến sáng, cứ dựa nơi bàn mà húp cháo, không kịp nghỉ ngơi chút nào cả ; dụng tâm khổ đến như vậy. Khi chết rồi được tặng hàm Thiếu-sư, nhưng sau lại bị người gia-nô con của Quốc-Điền là Thiều-Vũ đào mả lên lấy thây chặt đầu và nghiền xương.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Kiểu tình lợi khẩu túc khi nhân,

*Nhược thị vô tài cự đắc thân.
Tróc hổ, vân long, đồ sinh qui,
Nại cù mạn mạ nhĩ vong trǎn.*

Dịch nôm :

*Kiểu tình lanh miệng đủ khi nhân,
Nếu hắn không tài há được thân ?
Bắt cọp, hỏi rồng rành nói dõi,
Họ tên lại bị mắng vong trǎn.*

DANH-(NGUYỄN-VĂN) 名(阮文)

Người huyện Bình-Sơn, Quảng-Ngãi, đậu tú tài, thờ cha rất hiếu. Nhà ở gần núi, người cha bị cọp ăn. Văn-Danh thương khóc đau đớn vô cùng. Sau lại biết được con cọp đó ba chân lớn, một chân nhỏ. Văn-Danh tìm đã lâu mới nhìn thấy được. Bèn đặt bẫy bắt, mổ lấy lá gan nó ra mổ cha tể, rồi Danh ăn hết cả lá gan ; nhân đó thành bệnh : Hễ ai nhắc đến việc người cha thì Văn-Danh hầm hét như cọp, chắp lâu mới thôi ; khi tỉnh lại rồi, thì cứ khóc mà không nói gì hết. Đến triều Tự-Đức, nhà vua có ban cái biển đề bốn chữ : « Hiếu nghĩa khả phong ».

DÃN-(VĂN-ĐÌNH) 脳(文廷)

Người ở Hương-Sơn, đời Lê Hiển-Tông niên hiệu Cảnh-Hưng năm đầu (1740) làm Trần-thủ Sơn-Tây. Lúc bấy giờ giặc cướp nỗi khắp mọi nơi, Trịnh-Doanh đem tất cả đại binh đánh giặc nơi Ngân-Già chưa hạ được. Ở Bắc-Ninh có tên Nguyễn-Cù, khiến tướng nó là Trần-Thiêm tới đánh nơi Nhị-Hà. Ở Thăng-Long người ta xôn xao khiếp sợ. Bọn hung đồ dông giở cướp bóc, không ai cầm ngăn được. Văn-Dãng nghe được, bèn từ Sơn-Tây đem quân của mình đi cả ngày liền đêm ; quân không kịp nấu cơm, cứ hai người gánh một cái chảo, trong thì vo gạo đổ vào, một người thắp đuốc đun ở dưới chảo, và đi và nấu, cơm chín thì chia nhau ăn. Tối lại vừa đến Thăng-Long. Quân giặc ở bên kia bờ, có gần đến năm trăm chiếc thuyền ; chúng đã sắp sửa qua sông. Văn-Dãng liền khiến quân giữ nơi bờ sông và bắt hết thảy dân cư trong thành phố, mỗi người vác một cái đòn gánh nước, hai đầu cầm hai cây hương thắp đỏ lên. Trong lúc đêm trời tối, kéo rải dài trên bờ sông. Quân giặc trông qua bên bờ nầy thấy đóm lửa xúm xít, tưởng là viện binh đến đông lăm, sợ bỏ chạy.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thăng-Long vô bị tặc phân di,
Suất lữ cần-vương nhật dạ trì.
Binh chúc nhiệt đương tư diệt tặc,
Nhiên hương tháp trượng tỉ hoài nghi.*

Dịch nôm :

*Thăng-Long không giữ, giặc tới bời,
Đem chúng cắn-vương, chẳng nghỉ ngơi.
Đốt đuốc nấu cơm, lo dứt giặc,
Thắp hương cặp gậy phỉnh lòng người.*

DẬT-(NGUYỄN-CỬU) 逸(阮久)

Cháu huyền-tôn của Cửu Kiều, người hùng dũng, có tài tướng súy. Lúc đầu làm Đội-trưởng Hữu-Tiệp. Năm Quý-Tỵ (1773) quân Tây-Sơn đánh phá Quảng-Nam, Dật đem bộ tốt của ông đánh đuổi giặc tan chạy. Thăng tả-quân Đại-đô-đốc, Dũ Quận-công.

Năm Giáp-Ngọ (1774) quân Trịnh đến xâm Thuận-Hóa, Duệ-Tông Hiếu-Định chạy vào Quảng-Nam, Dật đi thuyền theo hộ tụng, gặp gió, thuyền úp, bị chết đắm. Niên hiệu Minh-Mạng thứ năm, tặng hàm Thái-bảo, năm thứ 21, truy tặng Tả-quân Đô-thống-phủ-chưởng-phủ-sự Hòa Quận-công. Đời Thiệu-Trị cải phong thăng Bình Quận-công.

DẬT-(NGUYỄN HỮU) 鑑(阮有)

Tiên nhân ông là người Tống-Sơn, Thanh-Hóa, sau dời vào nhập tịch ở Thừa-Thiên. Đời Hy-Tông Hiếu-Văn, năm Kỷ-Vị (1619) bổ vào làm văn chức. Đời Thái-Tông Hiếu-Triết, năm Mậu-Tý (1648) thăng Cai-cơ, lãnh chức Ký-lục ở dinh Bố-chính rồi thăng Đốc-chiến cùng Nguyễn-Hữu-Tiễn đi đánh lấy đất bảy huyện ở Nghệ An. Đoạn rồi ông về thế Nguyễn-Hữu-Tiễn giữ Lưu-Đồn đạo. Năm Nhâm-Tý (1672) quân Trịnh đến xâm, Nguyên-súy là Tôn-Thất-Hiệp đem binh ra cự chiến, Hữu-Dật giữ lũy Sa-Phụ. Giặc đánh riết ở Trấn-Ninh, Hữu-Dật đem binh cứu viện, quân Trịnh đánh không chống lại nổi, bèn kéo nhau đi. Từ đấy Nam, Bắc nghỉ binh.

Ông mất, tặng hàm Hữu-quân Đô-thống phủ-chưởng-phủ-sự Chiêu Quận-công. Hữu-Dật người minh đạt, có tài lược, khi làm tướng, có mưu chước hay đánh đâu được đấy, người ta ví ông với Khổng-Minh và Bá-Ôn.

DỊ-(NGUYỄN-CẢNH) 異(阮景)

Cha là Cảnh-Chân theo Giản-Định-Đế làm Đổng-tri-khu-mật-tham-mưu quân sự, đi đánh Trương-Phụ có công. Khi Giản-Định-Đế ở Hoàng-Giang, nghe bọn Nguyễn-Quí gièm, rồi giết đi. Cảnh-Dị giận rằng cha không có tội mà phải chết, bèn đem quân Thuận-Hóa, về Thanh-Hóa, rước Trần-Quý-Khoách lập lên làm vua, ấy là Trùng-Quang-Đế, cho Cảnh-Dị làm Thái-bảo, đem binh tới Bình-Than (huyện Chí-Linh, tỉnh Hải-Dương) chống nhau với Trương-Phụ.

Trùng-Quang năm thứ 2 (1410) kéo binh tới Hạ-Hồng (Ninh-Giang) đánh phá được đạo quân của Minh đô-đốc là Giang-Hạo. Thừa thắng lại đi thắng về Bình-Than, đốt hủy thuyền trại của người Minh gần hết. Chưa được bao lâu, Trương-Phụ đến Diễn-Châu, Trùng-Quang-Đế lại dẫn quân về Nghệ-An ; Phụ đem binh đến xâm chổ hành-tại (chỗ vua đóng quân), gặp Cảnh-Dị ở Mô-Độ. Hai bên chống nhau, chưa quyết thắng phụ. Ở Mô-Độ đường hẹp, kỵ binh đi không được ; Phụ đi lén vào rừng, đêm lại tập kích. Cảnh-Dị và Nguyễn-Súy đánh lại không nổi, bỏ chạy về đường biển. Năm thứ 5 (1413) lại theo Trùng-Quang-Đế đem binh tới Vân-Đồn, đánh các đồn lũy của người Minh. Sau lại Trương-Phụ đánh Nghệ-An, Trùng-Quang-Đế chạy vào Hóa-Châu, Cảnh-Dị và Nguyễn-Súy đều bị Phụ bắt. Cảnh-Dị mắng giữa mặt Phụ rằng : « *Tao muốn giết mầy, trở lại bị mầy bắt* ». Mắng luôn một hồi, Phụ giận lắm, đem giết rồi ăn gan.

Bài thơ vịnh (phiên âm) :

*Phụ thù vị tuyết quốc thù khiên.
Mô-độ vô công kiến dĩ thiêng.
Đãn đắc trung can hồng tự nhụt,
Trường giao tàn tặc mãn xoang tiễn.*

Dịch nôm :

*Thù cha thù nước dạ chưa nguôi
Mô-độ không còn bị bắt rồi.
Chỉ có lòng son in mặt nhật,
Khiến cho giặc dữ bụng đầy thô.*

DU-(THÁI-BÁ) 倭(蔡伯)

Người huyện Lương-Sơn, Nghệ-An, trong khoảng niên hiệu Lê-Trang-Tông (1533-1548), theo Vinh-quận-công là Hoàng-Đình-Ái đánh quân họ Mạc, có công, phong Thượng-tướng-quân Chân-quận-công. Trong khoảng niên hiệu Chính-Trị và Gia-Thái (1558-1577), Mạc-Kính-Điển và Nguyễn-Quyên nồng đốt đánh phá Thanh-Hóa và Nghệ-An, Bá-Du với con là Bá-Kỳ ra sức cõi đánh, chém được quân giặc rất nhiều. Quân Mạc rút lui vào núi. Du cùng Nguyễn-Cảnh-Mô triệt đường tháo lui, phục kích, quân Mạc tan rã, đuổi thẳng đến Hải-Môn rồi trở về. Ông được phong Tả-tư-mã Thái-phó. Con cháu ông lập chiến công cũng nhiều, đều quí hiển.

DUẬT-(TRẦN-NHẬT) 煙(陳日)

Con thứ 6 vua Trần-Thái-Tông, khi sinh ra có nét chữ nơi nách, thành hai chữ « Chiêu văn » nhân đó lấy làm hiệu. Lớn lên thông minh, nhiều trí lược, thông kinh sử, giỏi việc quân cơ. Đời Nhân-Tông niên hiệu Thiệu-Bảo (1279) ở đạo Đà-Giang có Trình-Giác-Mật làm phản, quan quân đánh không được. Vua bèn khiến Nhật-Duật làm Trần-thủ để chiêu dụ. Nhật-Duật đến, tự cõi ngựa đến một mình nơi dinh giặc, lấy lời nghĩa lý giảng dụ, giặc đều hàng phục. Không tốn một mũi tên mà bình được đất Đà-Giang.

Nhiên hiệu Thiệu-Bảo năm thứ 7 (1284), quân Nguyên sang đánh, Nhật-Duật cùng Quang-Khai với Quốc-Tuân bàn mưu cự địch. Quan quân giao chiến với quân địch ở Hàm Tử-Quan. Nhật-Duật khiến quân ta kẹp với những người Tống bên Tàu trốn sang, cho mặc y phục người Tống, cầm cung tên đi theo để đánh. Quân Nguyên tưởng có quân Tống giúp, bèn chạy tú tán. Cho nên công đánh được giặc Nguyên, Nhật-Duật về phần nhiều, được phong Tả-thánh Thái-sư. Niên hiệu Khai-Hựu năm thứ 4 (1330) ông mất, thọ 77 tuổi.

Nhật-Duật, người có nhã lượng, mừng hay giận không bao giờ lộ ra ngoài sắc mặt. Học rộng biết nhiều, lại thạo các thứ tiếng ngoại quốc. Khi có sứ ngoại quốc như Chiêm và các tạp Man đến, thì ông tùy theo người và quốc tục họ mà tiếp đãi. Vua Nhân-Tông thường xưng ông là « Phiên lạc hậu thân » (Kiếp trước ông là người Phiên, người Chiêm). Ông là bậc Thân-vương, trải thờ bốn triều (Nhân-Tông, Anh-

Tông, Minh-Tông và Hiển-Tông), lại lập nhiều đai công. Ở nhà thì không ngày nào không mở trường hát và bày các trò chơi, mà người ta không cho là du đãng, có kẻ ví ông với Quách-Tử-Nghi đời Đường.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Đà-giang đơn kỵ phục sài lang,
Trùng sứ Nguyên binh phạ Tống trang.
Tứ thế nguyên huân kiêm tứ đắc,
Thiên thu bất quý Quách-Phản-Dương.*

Dịch nôm :

*Đà-giang đến một mình yên giặc
Khiến quan Nguyên thấy mặt Tống trang.
Tưởng là quân Tống trở sang,
Kéo nhau sợ hãi, vội vàng chạy ngay.
Trải bốn triều, công dày đức lớn,
Phước nhân gian đủ bốn rõ ràng. ⁷
So theo danh tướng đời Đường,
Nghìn thu chẳng thiện Phản-Dương chút nào.*

DIỆU-(HOÀNG) 曜(黃)

Người huyện Diên-Phước, Quảng-Nam, đậu phó-bảng năm Tự-Đức thứ 6 (1852), làm Án-sát Nam-Định, Bố-chính Bắc-Ninh rồi thự Tham-tri hai bộ : Lai và Hình, kiêm quản Đô-sát-viện. Người thời bấy giờ đều khen là thanh-liêm và có tiết-tháo. Sau lại thăng thự Tổng-đốc Hà-Ninh. Năm thứ 35 (1882), quân Pháp đánh Hà-Nội, thành bị mất, ông uống thuốc độc tự-tận.

Ông người cương-trực, chính-đính, gấp việc thì quyết đoán ngay, có phong-thái bậc đại-thần đời xưa.

DU-(NGUYỄN) 倏(阮)

Người ở Tiên-Điền, huyện Nghi-Xuân, Hà-Tĩnh, cháu Thái-Tể Nguyễn-Nghiêm, giỏi văn-học, có khí-tiết, không chịu làm quan với Tây-Sơn. Vua Gia-Long năm thứ 5 (1806) vời ông ra bổ Đông-các học-sĩ rồi bổ làm Cai-bộ Quảng-Bình. Chính-sự giỏi, thăng Cần-chính học-sĩ, phải đi sứ Tàu, về thăng Lễ-bộ Tham-tri. Minh-Mạng nguyên-niên, lại có chỉ đi sứ Tàu lần nữa, nhưng lần này chưa kịp đi thì ông mất.

Nguyễn-Du học rộng, văn hay mà sở-trường về thi và lục bát. Lúc đi sứ về, ông có làm quyển « Bắc-hành thi-tập ». Ông lại giỏi về Quốc-Âm, có truyện « Thúy-Kiều » là nhân lúc ông đi sứ Tàu gấp được truyện Thanh-tâm tài-nhân bằng chữ nho, ông đem về diễn ra thành truyện Kiều mà người nước ta thường đọc đó.

DU-(PHẠM-NGUYỄN) 倏(范阮)

Người huyện Nghi-Lộc, Nghệ-An, lúc nhỏ đã có tiếng học giỏi, khí-khai hơn chúng, 20 tuổi đậu cử-nhân rồi đậu tiến-sĩ khoa Kỷ-Hợi niên-hiệu Cánh-Hưng năm thứ 40 (1779). Sau khi đậu rồi, ông giảng minh lý-học, hết sức khảo-cứu ; làm bộ « Luận-ngữ ngự-án » phân-giải rõ-ràng. Làm quan đến chức Đốc-đồng Nghệ-An. Gặp lúc Tây-Sơn nổi dậy, ông không chịu thắn-phục, tránh về ở đất huyện Thanh-Chương, chiêu tập hương binh để toan chống lại, nhưng thế cô lực thiểu, không địch nổi, ông phẫn-uất rồi chết. Khi gần mất, ông có đọc câu như sau nầy :

Phiên âm :

*Dĩ hĩ anh hùng vô dụng vũ,
Quả nhiên thiên ý tán tư văn*

Dịch nôm :

*Anh hùng dụng võ không nơi,
Tư-văn tiêu-tán ý trời*

DUỆ-(VŨ) 睿(武)

Người ở Trịnh-Xá, Sơn-Vi, đậu trạng-nghuyên đời Lê Hồng-Đức ; nguyên tên là Nghĩa-Chi, vua Thánh-Tông đổi cho tên Duệ. Vua thường đổi với thị thần mà bảo rằng : « Ngày nào nếu quốc gia hữu sự, ông nầy chắc đương nổi việc lớn ». Đời vua Chiêu Tông, niên hiệu Quang-Thiệu (1517) ông làm Thiếu-bảo Thượng-thơ.

Lúc bọn Nguyễn-Áng làm loạn, Chiêu-Tông và em là Hoàng-đệ Thung ra ở điện Thuần-Mỹ tại Gia-Lâm, vua vời Mạc-Đăng-Dung về dẹp loạn. Đăng Dung xin dời vua về Bửu-Châu (thuộc huyện Từ-Liêm). Đô-ngự-sử là Đỗ-Nhạc can không cho dời đi, bị Đăng-Dung giết hại. Vũ-Duệ làm bài thơ cảm hoài, lời rất bi thảm như sau nầy :

Phiên âm :

Ỷ-nể sinh kỳ quái tịch dương,
Lưỡng cung phiếm-phiếm giá phi hoàng.
Hàm tê chiến sĩ yêm giang thượng,
Phục trại trung thần tử đạo bàng.
Vạn lý sù tinh lâm hữu đạo,
Tam quân loát tuệ thác vô lương.
Thăng-long tự cổ hưng vương địa,
Hà bất thư hùng quyết nhứt trường ?

Dịch nôm :

Ngọn cờ phơi-phất gió chiêu giong,
Thuyền ngự lênh-đênh ở giữa dòng.
Chồng-chập trên sông thây chiến sĩ.

*Tỗi-tàn bên bụi xác tôi trung.
Lùng rừng muôn dặm hung đồ dậy,
Rờ đãy ba quân thóc gạo không.
Nầy chốn Thăng-Long nơi dãy nghiệp,
Sao chưa quyết đấu trận thư hùng ?*

Sau lại Đăng-Dung bắt vua phải bỏ mà đi. Duệ đi theo đến Lam-Sơn, mặc áo mǎo vào lạy Lǎng-miếu rồi trở ra tự tận.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thuần-mỹ cô ngâm khốc tịch dương,
Nan tương bút lực cự phong mang.
Chỉnh quan nhứt bái Lam Sơn họ,
Thiểu úy thù tri tánh tự chương.*

Dịch nôm :

*Điện Thuần-mỹ chiêu ngâm than tủi,
Sức bút đâu chống nổi gươm đao ?
Lam-sơn sửa mǎo lạy chầu,
Gọi là giả nghĩa lúc đầu ban tên. ⁸*

DUY-(NGUYỄN) 維(阮)

Em ông Tráng-liệt-bá Nguyễn-Tri-Phương, tên chữ là Nhu-Hiên, đậu tiến-sĩ năm Thiệu-Trị nguyên niên (1841). Đời Tự-Đức, thăng Quang-lộc-tự-khanh sung Nội-các. Năm thứ 12 (1859) quân người Pháp đánh hãm thành Gia-Định, ông cải sung Dinh-điền-đạo Tán-lý. Quân Pháp đánh Đại-dồn, Duy với Tán-tương Tôn-Thất-Trì bị tử trận.

DUYÊN-(ĐẶNG-THỊ) 緣(鄧氏)

Người huyện Bố-Trạch, Quảng-Bình, 21 tuổi sinh được một trai vừa chõng chết, chịu một bě ở góá, có nhiều người muốn ép hỏi làm vợ, thị bèn cắt tóc thề quyết không cài giá. Thờ bà gia rất hiếu, nuôi con là Nguyễn-Duy-Thâm được trưởng thành, đậu thượng-hạng học-sinh tú-tài. Triều-Đình nghe việc ấy, nhà vua có ban cái biển đề bốn chữ : « Tiết hạnh khả phong ».

DUYỆT-(LÊ-VĂN) 悅(黎文)

Người huyện Chương-Nghĩa, Quảng-Ngãi, sinh ra không có sinh-thực-khí (Giám), tính trầm-tiêm, hung-hỗn ; chinh chiến giỏi. Cha là Lê-Toại, dời vào ở Gia-Định. Lúc đầu hổng sung chức Thái-giám, theo Gia-Long qua thành Vọng-Các, đi theo đánh dẹp, được vũ-công đệ nhút, phong tước Quận-công chưởng tá-quân. Niên hiệu Gia-Long năm đầu, làm Bình-tây Tướng-quân, ra đánh Bắc-Thành, rồi tiễn bình các ác man Thạch-Bích (Mọi Đá vách ở Quảng-Ngãi). Sau lại làm Gia-Định Tổng-trấn để xử trí việc ở Xiêm-Lạp, xong rồi trở về. Năm thứ 18 (1819) làm Kinh-lược hai trấn Thanh-Hóa và Nghệ-An, giặc cướp đều yên lặng. Có chỉ dời về Kinh. Mùa đông năm ấy vâng di chiếu coi đạo quân Thần-sách. Minh-Mạng năm đầu lại đi lãnh chức Tổng-trấn Gia-Định. Năm thứ 13 (1832) bệnh mất. Tặng hàm Thái-bảo. Năm thứ 14 (1833) vì tên thuộc hạ là Lê-Văn-Khôi làm bạn nghịch, ông mắc tội cách tước cách cả chức hàm. Niên hiệu Tự-Đức năm thứ 21 (1868) truy phục Vọng-các công thần chưởng tá-quân, Bình-tây tướng-quân, tước Quận-công.

DUYỆT-(TRƯƠNG-PHU) 說(張孚)

Người ở Kim-Đâu, Thanh-Miện, tuổi 30 đậu tiến sĩ khoa Ất-Sửu đời Lê Oai-Mục đế (1505), đi sứ Tàu, làm đến chức Thượng thơ bộ-Lại. Mạc-Đăng-Dung toan tiếm ngôi, nghĩ ông là bậc đại thần, bắt ông thảo thiện-chiếu (tờ chiếu chỉ của vua truyền ngôi), ông trùng mắt lên mà nói rằng : « Nghĩa lý gì mà thảo thiện-chiếu ? » Ông không chịu hạ bút. Ông bị bãi chức, về nhà quê, không phụ theo họ Mạc. Người ta khen ông là người có tiết nghĩa.

DUNG-(ĐẶNG) 容(鄧)

Con Đặng-Tất. Trần Giản-Định-Đế nghe gièm giết Đặng-Tất, Dung tức giận, đem quân vào Thanh-Hóa, cùng Cảnh-Dị lập Trùng-Quang-Đế. Dung làm Bình-chương sứ. Đế với Trương-Phụ nhà Minh cầm cự nhau ở Bình-Than ; khiến Dung giữ ải Hàm-Tử. Năm thứ 4 (1412), Phụ kéo quân về Nghệ-An để xâm chỗ hành tại (chỗ vua đóng quân). Dung gặp ở nơi Mô-Độ, quyết tử chiến, mà chưa phân thắng bại. Vừa khi Nguyễn-Súy bị thua, Dung cô thế, phải tránh đi đường biển.

Trận đánh ở Thái-Già, Dung cho binh tướng vây dinh Trương-Phụ, cho quân vào thuyền Phụ, bắt sống nó, nhưng chưa biêt mặt, nhìn không ra, Phụ bèn nhảy xuống chiếc thuyền con thoát mất. Quân Minh tan rã hết phần nữa, quân ta phá thuyền bè khí giới của giặc gần hết. Sau vì quân ít không địch nổi, quân Minh lại đuổi theo bức cận. Quân của Dung chạy tán loạn. Dung bị bắt. Dung theo Trùng-Quang-Đế nhảy xuống nước tự tận.

Đặng-Dung là người có học thức và biêt binh pháp, cùng nhau đánh với người Minh hơn trăm trận. Ông có làm bài thơ « Cảm hoài » như sau này :

Phiên âm :

*Thể sự du-du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập cam ca.
Thời lai đồ điếu thành công dị,
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.*

*Trí chúa hữu hoài phù địa trực.
Tẩy binh vô lộ vản thiên hà.
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,
Kỷ độ long tuyễn đới nguyệt ma.*

Dịch nôm :

*Tuổi về già, phải thời bối-rối,
Cả đất trời một hội mê say.
Gặp thời kẻ dở nênhay,
Anh hùng lõi vận, đắng cay trăm phần.
Lòng cứu chúa muôn vẫn quả đất,
Gột giáp binh khôn dắt sông trời.
Thù còn, đầu đã bạc rồi,
Mấy phen dưới nguyệt chuốt mài lưỡi gươm.*

Tuy công ông không thành, nhưng người ta vẫn khen ông là trung. Con cháu ông ở triều Lê, khoa hoan kể tiếp, người đều khen ông là có hậu.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thái-Già nhứt chiến tặc tương truân,
Kỳ nại thiên tâm bất tộ Trấn.
Tế độc cảm-hoài thi sổ biễn,
Hàng-hàng huyết lệ nhẫn trung tân.*

Dịch nôm :

*Giặc sấp sa cơ ở Thái-Già,
Lòng trời chẳng muốn giúp Trấn-gia,
Cảm-hoài đọc kỹ bài thơ ấy,
Ai chẳng ngùi ngùi giọt lệ sa.*

DUNG-(MẠC-ĐĂNG) 庸(莫登)

Người ở Cổ-Trai, Nghi-Dương, cháu viễn-tôn của Mạc-Đinh-Chi, lúc trẻ tính dũng hăn, nhà nghèo, làm nghề chài lưới. Lê Oai-Mục-Đẽ cầu dũng sĩ, Đăng-Dung vào thi lớp đá cầu, đi quyến, đậu Đô-lực sĩ, sung vào Túc-vệ, rồi thăng Thiên-vũ Chỉ-huy sứ, tước Vũ-xuyên-bá. Dời vua Chiêu-Tông, niên hiệu Quang-Thiệu năm đầu (1566) làm Trấn-thủ Sơn-Nam, gia phong Phó-tướng Tả-đô-đốc. Đăng-Dung trong lòng thì gian trá, mà bên ngoài thì làm bộ thật thà. Lúc bấy giờ Thiết-sơn-bá là Trần Chân đã đẹp được giặc Trần-Tung, oai quyền vua cũng phải nể. Đăng-Dung cũng sợ, bèn cưới con gái Trần-Chân cho con trai mình là Đăng Doanh để kết bè đảng. Chiêu-Tông nghe lời gièm giết Trần-Chân, thuộc hạ của Trần-Chân là bọn Nguyễn-Kính dấy loạn đến đánh. Chiêu-Tông chạy ra Bắc Giang, vời Đăng-Dung về dẹp loạn. Đăng-Dung nghĩ rằng nếu vua ở nơi Thuần-mỹ-đường thì gần địa phận của bọn Nguyễn-Kính xin dời sang Bửu-Châu (phía Bắc sông Nhị-hà). Đô-ngự-sử là Đỗ-Nhạc can không cho dời, bị Đăng-Dung giết. Dời vua sang Bửu-châu, rồi cho người mật dụ bọn Nguyễn-Kính thì bọn ấy đầu hàng cả. Chiêu-Tông trở về Kinh, phong ông là Minh-quận-công, lại cho tiết-chế các thủy bộ quân dinh của mười ba đạo. Thế là binh mã đều ở trong tay ông ta cả. Niên hiệu Quang-Thiệu năm thứ 6 (1521), tự tiến tước Quốc-công. Chiêu-Tông ra nhà phong cho thêm hàm Thái-phó, lại có lời phủ-ủy nữa. Oai quyền đã lớn, bèn sanh lòng thoán đoạt. Ông dâng cho vua đứa con gái nuôi vào hầu trong cung,

chính là để dò xem việc động tĩnh trong ấy ; cho em là Mạc-Quyết coi binh Túc-vệ ; con là Đặng-Doanh giữ điện Kim-quang. Đi bộ thì tàn phướn thếp vàng, đi thủy thì có long-châu trải dắt. Quan Thủ-vệ Nguyễn-Cầu, Đô-lực sĩ Nguyễn-Thơ với Đàm-Cư đều là tâm phúc của triều đình, bị Đặng-Dung giết hết.

Chiêu-Tông thấy thế càng ngày càng bức, mới lên Sơn-Tây trưng binh để đánh. Đặng-Dung biết, bèn lấy binh chặn mõi chỗ hiểm yếu, rồi cùng các đại thần là bọn Lê-Phụ, Lê-Diêu rước Hoàng-đệ Thung tức vị, ấy là Cung-hoàng. Đoạn rồi Chiêu-Tông từ Mông-Sơn trở về Kinh-sư, phân binh ra đánh. Đặng-Dung phò Cung-hoàng về giữ Hải-Dương, rồi phạm đến Đông-Hà dinh (thuộc huyện Thọ-Xương). Đêm lại đến đánh hành điện của vua Chiêu-Tông. Chiêu-Tông chạy vào Thanh-Hóa. Đặng-Dung bèn xin Cung-hoàng vào Bồ-Đề ra hiệu lệnh cho các nơi. Làm kiểu chiếu phế vua Chiêu-Tông làm Đà-giang vương. Dung tự làm Bình-chương Thái-phó, suất quân vào Thanh-Hóa, bắt Chiêu-Tông trở về Kinh, rồi mật sai Phạm-Kim-Bảng chặn đường giết đi. Năm thứ 8 (1527) Dung tự tiễn tước Thái-sư An-hưng-vương, rồi bắt Cung-Hoàng thiện-vị. Dung tự xưng Hoàng-đế, tiếm hiệu Thiên-đức, phế Cung-hoàng Thung làm Cung-vương, lập con là Đặng-Doanh làm Thái-tử.

Đặng-Dung vì thoán nghịch mà được ngôi, sợ nhà Minh sang vẫn tội bèn sai sứ sang dâng tờ biểu tâu rằng họ Lê không còn có con cháu nào kế tự, có di chúc lại cho đại thần quyền quản quốc sự. Người Minh vẫn chưa tin, Đặng-Dung dùng nhiều vàng bạc hối lộ cho biên thần nhà Minh, cho nên

việc được yên. Tiếm vị được ba năm, Đăng-Dung tự bảo rằng tuổi già, truyền ngôi lại cho con là Đăng-Doanh mà mình xưng Thái-thượng-hoàng, về ở Cổ-Trai, làm nghề chài lưới.

Đăng-Doanh kế vị được ba năm, vừa gặp lúc Lê-Trang-Tông tức vị ở Ai-Lao, khiến Trịnh-Duy-Liêu sang Minh xin quân. Minh sai Mao-Bá-Ôn qua đánh. Quân Minh đến Nam-Ninh, cha con Đăng-Dung sợ, bèn cùng các đại thần, mỗi người cầm một thước vải buộc cổ, đến mạc phủ nhà Minh dâng biểu xin hàng, và đem các đồ-tịch đất-dai, nhân-dân trong nước xin giao để phân xử, lại nạp các động A-Quảng, Vĩnh-Yên, v.v... và xin ban chính-sóc, cho ăn chưƠng. Ma-Bá-Ôn đem việc ấy tâu lên. Minh-Đế y cho, rồi phong Đăng-Dung làm An-nam-đô-thống-sứ, cho ăn bạc, cứ đời đời tập tước.

Đăng-Dung tiếm ngôi được ba năm, ở ngoài mười hai năm thì mất. Đăng-Doanh chết, truyền cho con là Phước-Hải ; Phước-Hải chết, con là Phước-Nguyên ; Phước-Nguyên chết con là Mậu-Hợp bị bắt. Họ Mạc chiếm cứ thành Thăng-Long 66 năm, sau lại Kính-Cung chiếm cứ Cao-Bằng, rồi truyền cho Kính-Khoan, Kính-Vũ 62 năm rồi mất.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thiết-Sơn dĩ một hữu thùy hà,
Vi đặc, vi ngư thuật dũ đa
Hệ cảnh quân tiền hoàn tứ tước,
Hồ vi hoàng-cực thượng thiên pha.*

Dịch nôm :

Thiết-Sơn đã mất, sợ ai đây⁹
Làm giặc, làm chài lăm chước hay.
Buộc cổ trước quân rồi được tước,
Nực cười hoàng-cực khéo thay-lay. ¹⁰

DUNG-(TRƯƠNG-QUỐC) 用(張國)

Người huyện Thạch-Hà, Hà-Tịnh, đậu tiến-sĩ khoa Kỷ-Sửu năm Minh-Mạng thứ 10 (1865), làm đến Thượng-thơ bộ Hình. Tự-Đức năm thứ 15 (1862) ở Hải-An có việc rối loạn, bổ ông ra làm Hải-An Tổng-đốc Quân-vụ đại thần. Năm thứ 18 (1865) đánh với giặc ở La-Khê, tử trận. Tặng hàm Đông-các đại-học-sĩ.

Quốc-Dụng, người tính thanh liêm, có tiết tháo. Lúc ở bộ Hình, xử đoán rạch ròi, án tiết phân minh, không có điều gì oan uổng. Ông học rộng biết nhiều, có để lại quyển « Thoái Thực Ký Văn ».

DƯ-(TRẦN-KHÁNH) 餘(陳慶)

Tôn-thất nhà Trần, lúc đầu phong tước Nhân-huệ-vương. Nguyên trước có quân người Nguyên qua xâm phá, Khánh-Dư tập kích, quân giặc phải chạy về. Thành-Tông khen ông có trí lược, lập làm Thiên-tử-nghĩa-nam. Đến khi đánh giặc Mường có công to, thăng lên Phiêu-kỵ Đại-tướng-quân, rồi đến Thượng-vị-hầu. Sau vì có tội, bị đoạt hết cả quan tước, ông về ở Chí-Linh làm nghề bán than.

Niên hiệu Thiệu-Hưng năm thứ 4 (1282), quân nhà Nguyên qua xâm, Nhân-Tông tránh ra ở Bình-Than ; một hôm trông thấy Khánh-Dư ở đường xa đương chèo chiếc thuyền chở than đi bán, Vua cho vời đến. Khánh-Dư mặc cái áo cùt, đầu đội nón lá, vào yết. Vua bảo rằng : « *Làm trai mà đến thế, thì cũng đã cực lắm rồi !* » Bèn chiếu cho miễn tội. Rồi lấy áo ngự cho mặc, ngồi lại bàn về quân sự, nhiều điều hợp ý vua, sắc cho làm Phó-tướng-quân.

Niên hiệu Trùng-Hưng năm thứ 3 (1287) làm Phó-tướng ở Vân-Đồn (thuộc Vân-Hải ở Quảng-Yên) cùng quân Nguyên đánh, thất bại. Thượng-Hoàng truyền xiềng lại đem về hỏi tội. Khánh-Dư vẫn xin chịu tội, nhưng xin giả hạn cho vài ba ngày, để tìm cách đới công thực tội. Ông bèn thu góp tàn quân, đợi thuyền vận tải lương thực của giặc đi ngang qua, ra chặn đánh. Quả nhiên chặn được thuyền giặc, ra đánh, lấy được lương thực khí giới rất nhiều. Đem tin về tâu, Thượng-Hoàng cả mừng. Các tội lỗi trước của ông đều tha hết. Người Nguyên đã mất hết lương thực, quân sĩ thiểu ăn, ngày thêm nản chí, ai nấy cũng muốn trở về, không có lòng

chiến đấu nữa. Hưng-Đạo-Vương thừa thế đánh ở sông Bạch-Đằng, quân địch thua to. Trong việc được giặc Nguyên, công của Khánh-Dư cũng nhiều.

Trần-Khánh-Dư có tướng tài, nhưng tính hay tham lận. Lúc ở Vân-Đồn, ông cầm quân lính không được đội nón Tàu, ông cho đi mua dẫu nón lá của ta, đem về bán lấy lời. Người Tàu mừng ông một bài thơ có câu : « Vân-đồn kê khuyến diệc giai kinh » (Gà chó ở Vân-đồn đều khiếp sợ). Đấy là người Tàu nhạo ông, nói ông ăn ở ráo riết quá.

Có người cáo rằng Khánh-Dư là người tham lận, hay bòn lấy của quân dân. Quan Hành-Khiển đem việc ấy ra tâu vua. Một hôm Khánh-Dư vào chầu vua hỏi việc người ta cáo ông đó có phải thế không ? Khánh-Dư tâu rằng : « Ông tướng là con chim ưng (loài chim dữ, ăn thịt), quân, dân là vịt, dùng vịt để nuôi ưng thì có lạ gì đâu ». Vua làm thinh. Đến triều Trần Minh-Tông ông mất.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Mãi thân công thành, mãi lạp đà,
Dưỡng ưng dĩ áp, dụ phi ngoa.
Vân-Đồn kê khuyến hưu điểu tiếu,
Tham trú kham linh cổ vị hè.*

Dịch nôm :

*Bán than, bán nón có nhiều nghề,
Lấy vịt nuôi ưng ví cũng ghê.
Gà chó Vân-đồn thôi chớ nhạo,
Trá tham dùng được có can gì.*

DƯƠNG-(NGUYỄN) 楊(阮)

(Không biết người ở đâu) đời Lý-Anh-Tông, làm lính hỏa-dầu ở Tả-hưng-thánh. Lúc bấy giờ Đỗ-Anh-Vũ chuyên quyền lại tư thông với Lê-Thái-hậu. Chúng đều biết mà không ai dám nói. Bọn Vũ-Đới lập mưu giết Anh-Vũ, đem binh sĩ đến thành ngoại, hô to lên kể tội Anh-Vũ, xin trừ đi. Vua xuống chiếu cho Cẩm-quân bắt Anh-Vũ trói lại nơi hành-lang Tả-hưng-thánh, và giao cho quan Định-úy xét việc ấy. Bà Thái-hậu khiến người đem cơm rượu ra và dẫu vàng trong đồ ăn để lót cho bọn Vũ-Đới và quân lính giam. Nguyễn-Dương nói rằng : « *Chúng bay tham của thì tao và chúng bay không khỏi mắc vào tay tên Vũ-Đới* ». Nói rồi, Dương cầm giáo muốn đâm giết Vũ-Đới. Tả-hưng là Đỗ-Đàm ôm xoát lấy Dương, giựt cây giáo đi rồi nói rằng : « *Ông bảo tội Vũ-Đới đáng chết, thì cũng phải nhưng cũng phải đợi có mạng lệnh trên, không được thiện hành làm vậy* ». Dương tức giận mắng lại rằng : « *Sao lại tham của người mà không tiếc mạng của mình hè ?* » Nói xong, biết không khỏi chết, bèn nhảy xuống giếng tự tận.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Lao ái quyền long triệu tính cùu,
Nhất triêu ky, hổ thể nan hưu.
Đoạt qua phó nhĩ cầu khanh tể,
Hà tự đơn tâm tinh bất lưu.*

Dịch nôm :

Chuyên quyền dâm loạn lăm người thù,

*Lên cõi lưng hùm dễ xuống đau.
Cướp giáo cho mầy cầu chức tước,
Lòng ta gởi giêng sạch làu-làu.*

ĐÁN-(TRẦN-NGUYÊN) 旦(陳元)

Cháu tằng-tôn của Quang-Khai, phong tước Chương-túc-quốc-thượng-hầu. Sau khi dẹp xong loạn Dương-Nhật-Lễ ông làm chức Tư-không ; qua triều Duệ-Tông, làm Kiểm-tri Quảng-Oai quân-sự. Đời Phế-đế trong niên hiệu Xương-Phù (1377), Hồ-Quí-Ly ỷ mình là ngoại thích, chuyên lộng triều chính, Nguyên-Đán thấy việc không xong, xin về trí sĩ, ở núi Côn-Sơn. Ông gởi thơ cho bạn có câu :

Phiên âm :

*Kim cổ hưng vong chân khả giám,
Chư công hà nhẫn gián thơ hi.*

Dịch nôm :

*Hưng vong gương trước nay còn đó,
Sao nỡ làm ngơ ít thấy can !*

Vua Nghệ-Tông thường ra nhà ông thăm, và hỏi đến quốc-sự thì ông tâu rằng : « Xin Bệ-hạ thờ nhà Minh như cha, yêu nước Chiêm-Thành như con, quốc gia sẽ không việc gì cả, mà lão thần này chết cũng nhắm mắt ».

Nguyên-Đán làm bài thơ Thập-cẩm có câu :

Phiên âm :

*Nhân ngôn ký tử dữ lão nha,
Bất thức lão nha liên ái phẫu.*

Dịch nôm :

*Đem con gởi bác Quạ già
Biết rằng bác Quạ thương là hay chẳng ?*

Câu thơ ấy là Nguyên-Đán cười Nghệ-Tông ký thác Thuận-Tông cho Quý-Ly, rồi e hỏng việc. Nguyên-Đán biết Quý-Ly tất nhiên cướp ngôi nhà Trần, bèn kiểm thẽ gởi ba người con ông là Mộng-Du, Thúc-Quỳnh, và Thúc-Dao cho Quý-Ly, để tránh hậu hoạn. Sau lại Quý-Ly đương quốc chính, cho Mộng-Du làm Đông-cung Phán-tự, Thúc-Quỳnh và Thúc-Dao làm tướng-quân. Sau lại dòng-dỗi nhà Trần bị hại cả, chỉ có nhà Nguyên-Đán được hưởng phú quý thôi.

Nguyên-Đán, người có cốt cách nho nhã, ham muốn văn chương, lúc về ở Côn-Sơn, ông ngâm vịnh tự thích, để lại tập thơ gọi là « Băng Hồ Thi Tập », vì ông hiệu là Băng-Hồ.

Song ngày nay chúng ta đọc sử, xét lại thì thấy trong cử chỉ của ông có hai điều, kẻ thức giả không phục : Một là ông khuyên vua Nghệ-Tông « thờ nhà Minh như cha », đó là tính cẩn nô-lệ, không muốn cho nước mình tự cường ; hai là biết Quý-Ly sẽ cướp ngôi nhà Trần lo gởi con cho Quý-Ly sẽ để mang phú quý riêng cho một nhà mình, ấy rõ là cái lòng vị kỷ.

ĐẢN-(NGUY-KHẮC) 売(魏克)

Người huyện Nghi-Xuân, Hà-Tịnh, cháu gọi Khắc-Tuần bằng bác, đậu thám-hoa khoa Bính-thìn Tự-Đức thứ 9 (1856), vua Tự-Đức khen bài đối-sách của ông mà bảo rằng nếu đem bài ấy sánh với mấy bài kia thì như « Hạc lập kê quǎn » (Con chim hạc đứng giữa bầy gà). Ông làm Án-sát, Bố-chính nhiều tỉnh, ở đâu cũng có tiếng khen là « tuần lương ». Niên hiệu Tự-Đức thứ 16 (1863), ông sung chức Bồi-sứ cùng Phan-Thanh-Giản và Phạm-Phú-Thứ đi sang nước Pháp, đến năm sau trở về nước, thăng đến chức Hộ bộ Tham-tri, quyền lãnh Binh-bộ Thượng-thơ, cải lãnh bộ Công, nhân bệnh về nhà vừa mất. Truy thọ hàm Thượng-thơ.

ĐẠO-(VŨ-CÔNG) 道(武公)

Người ở Mô-Trạch, Đường-An. Lúc nhỏ đã có tiếng thông minh, đậu tiến-sĩ đời vua Lê-Gia-Tông. Đời Hy-Tông làm Đô-nghự-sử, gặp lúc Thượng-thơ là Vũ-Duy-Đoán phụng mạng ra cửa quan để nhận tù binh họ Mạc, Trịnh-Vương-Cán muốn để tên người hoạn-quan là Thân-Đức-Tài trên tên Duy-Đoán, Duy-Đoán không chịu ký vào giấy, Công-Đạo cũng nhất định nói rằng : « *Nếu làm như vậy thì Tam đô* ¹¹ *chúng tôi cũng không ký bút vào* ». Trịnh-Cán đại nộ. Công-Đạo lẩy đầu va vào cột, rồi cùng Duy-Đoán đều bị bãi chức về.

Chưa bao lâu, được phục chức làm Lại-bộ Hữu-thị-lang, Công-Đạo xin định nguyên tắc tuyển bổ quan lại, để cho có chừng mực mà làm. Được y theo. Ông làm chức Hộ bộ Thượng-thơ.

Công-Đạo tính thuần chất, cương chính. Lúc làm Đốc-đồng ở Sơn-Nam, có người dòm bữa ấy bà vợ ông đi vắng, dắt lại một kỹ-nữ rất đẹp đến cho ông, để làm ơn với ông, ông cự tuyệt mà mắng rằng : « *Ta tuy không bằng người đời xưa, nhưng chưa hề phạm đến giới hiếu sắc* ». Đó cũng là một việc người tầm thường khó giữ được.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Đầu cam xúc trụ bút nan thư,
Khước kỹ, hoàn năng sắc dục trừ ;
Tranh đắc trung quan tiên chính-sĩ,
Trịnh-vương tuân tập cạnh hèn như.*

Dịch nôm :

*Đầu va vào cột, bút khôn cầm,
Sắc dục lòng kiêng, khỏi tiếng tăm.
Sao để hoạn-quan trên chính-sĩ,
Trịnh vương theo cũ vẫn sai lầm.*

ĐẠT-(NGUYỄN-ĐỨC) 達(阮德)

Người huyện Thanh-Chương, Nghệ-An, đậu Thám-hoa khoa Quý-Sửu, Tự-Đức thứ 6 (1853), cùng người đồng tổng là Nguyễn-Văn-Dao đậu một lượt, một khoa trong tổng đậu hai Thám hoa, xưa nay ít có. Ông có thự thị-giảng ở Tập-hiễn-viện rồi thăng Cấp-sự-trung. Vì song thân tuổi già, ông xin về chung dưỡng, được bổ làm Đốc-học tỉnh nhà (Nghệ-An). Đến khi đinh gian (ở tang cha mẹ) về nhà dạy học, học trò đến rất đông. Quan tỉnh tâu lên, rồi ông được bổ làm Quận-học rồi đổi ra làm Án-sát tỉnh Thanh-Hóa, thăng thự Tuần-vũ Hưng-Yên, sau nhân có bệnh xin về. Ông lấy trước thuật làm vui, học trò ông thành tựu rất đông, người đậu cao, kẻ làm lớn, ở quận triều đều có. Ông có làm các bộ sách : Nam-Sơn-Song-Khóa, Vịnh-Sử Thi, Việt-Sử Nhang Bình, Khảo-Cỗ Úc-Lục, v.v...

ĐẠT-(TRẦN-HƯNG) 達(陳興)

Người huyện Hương-Trà, Thừa Thiên, thân sinh bà Thuận-Thiên Cao-Hoàng-Hậu (vợ vua Gia-Long), có văn học. Đời Duệ-Tông Hiếu-Định (1765-1777) làm quan Hàn-lâm-viện. Khi việc biến loạn năm Giáp-Ngọ (1774), ông về ẩn núp chốn thôn quê. Sau ông lén vào Gia-Định, ông cùng Lễ-bộ Đặng-Đức-Siêu nghị định điều lệ được thi hành cả. Tuổi già, xin trí sự vừa mất. Đời Minh-Mạng tặng hàm Thiếu-phó, phong Hà-ba Quận-công, lập nhà thờ ở làng Kim-Long. Năm Minh-Mạng thứ 13 tặng Thái phó, truy phong Ba Quận-công. Đời Thiệu-Trị tặng Thái-sư, cải phong Thụ Quốc-công.

ĐẮC-(NGUYỄN-ĐÌNH) 得(阮廷)

Người huyện Nghi-lộc, Nghệ-An, cháu đời thứ 14 của Nguyễn-Xí, kiêu dũng tuyệt vời, thạo biết binh pháp. Năm Đinh-vị (1787) đi theo đường biển vào Gia-Định ứng nghĩa, làm cai cơ đi chinh phạt, có công to, thăng Tả-quân Phó-tướng. Năm Gia-Long nguyên niên (1802) thăng Khâm-sai Chưởng-dinh, lãnh Trấn-thủ Sơn-Nam-Thượng. Năm thứ 5 (1806) về kinh, vua hỏi việc lại trị đắc thắt, dân gian tật khổ. Đình Đắc điều trần 18 khoản, được thi hành cả. Năm thứ 7 lại lãnh Trấn-thủ Sơn-Nam-Thượng, giặc chòm xóm nổi lên, ông dẹp yên hết. Năm thứ 10 (1811) vời về kinh, vừa ông bệnh mất. Tặng hàm Thiếu-bảo.

ĐĂNG-(NGUYỄN-KHOA) 登(阮科)

Con Nguyễn-Khoa-Chiêm, tiên tổ ông nguyên người Hải-Dương, theo chúa Nguyễn vào Nam, rồi nhập tịch Thừa-Thiên. Đăng vì là con dòng, được bổ văn chức. Ông làm Nội-tán kiêm Án-sát, mưu đoán giỏi, phát gian trích phục như thần. Có câu ca dao : « *Phá Tam-Giang ngày rày đã cạn, truông Nhà-Hồ Nội-tán cấm nghiêm* » là nói chính tích của ông Nội-tán Đăng đó vậy. Ông làm người cương trực, các bậc quyền hành ít ưa ông. Sau ông bị quân cướp giết.

ĐỆ-(LÊ-CẬP) 第(黎及)

(Không rõ người ở đâu). Đời Lê-Anh-Tông, phong tước Đoan-Vũ-hầu. Trịnh-Kiểm mất, con trưởng là Cối tập vị. Cối say sưa kiêu dật, tướng sĩ ly tâm. Cập-Đệ bàn với Văn-phong-hầu là Trịnh-Văn-Thiều, Vệ-dương-hầu là Trịnh-Bách, đêm lại đem binh đến nhà Trịnh-Tùng định kế, bảo phải cử sự. Tùng với Cập-Đệ đến An-Trường hành-tại yết vua ; mật tâu phải dời hành-tại đến Vạn-Lại, chia binh cự thủ để tương cự với Cối. Cối thấy thế yếu, bèn chạy qua đầu hàng họ Mạc. Năm ấy Mạc-Kính-Điển cử đại binh nhập khẩu, tới bức Hà-Trung, Cập-Đệ cùng Trịnh-Tùng bàn bạc chia quân đồn thủ. Lúc ấy mấy đạo binh của Mạc đều kéo tới các xứ Mã-Giang và Lam-Giang, đánh ngoài lũy An-Trường, khói lửa dậy trời, đêm ngày không ngớt. Quan quân thế yếu không chống cự nổi. Cập-Đệ bèn dùng kế, khiến quân sĩ đêm làm giá gác ngoài mặt lũy dài hơn mươi dặm, bên ngoài lấy phên che, rồi bôi đất bùn, trên thì cắm chông tre vặt nhọn. Trong một đêm mà làm xong cái thành giả ấy. Sáng lại Kính-Điển thấy tưởng cái thành thật, không dám đến gần, kéo quân lui về Hà-Trung. Vua Anh-Tông mới hội chư tướng bàn về việc đại tiến binh, chia quân làm ba đạo. Cập-Đệ cùng bọn Lại-Thể-Khanh lãnh quân ra tả đạo lấy An-Định rồi qua Vĩnh-Phước. Đi đến đâu quân họ Mạc cũng tan chạy. Vua nghĩ rằng Cập-Đệ có nhiều kế sách và dũng cảm, thăng lên Thái-phó, rồi sai ra Thiên-Quan đánh lấy đất lại.

Sau ít lúc đó, Cập-Đệ cùng Trịnh-Bách mưu giết Trịnh-Tùng. Thường dụ Tùng đi thuyền trong dòng sông, để tính việc. Tùng biết mà giả đò không biết, lấy vàng sai người đem cho Cập-Đệ. Cập-Đệ đến nhà Tùng tạ ơn, Tùng cho đao-thủ nấp trong màn, nhảy ra giết đi. Rồi nói lên rằng : Cập-Đệ toan làm phản, vua truyền giết đi, các tướng sĩ không nên kinh hãi. Khi ấy bộ tốt run sợ, không ai dám nói đến việc ấy.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*An-Trường dẫn tị giả thành thành,
Hựu sử phù châu dục phúc khuynh.
Quán thốc huých tường tâm hạt định,
Kim xuyên tiên dĩ nịch thân danh.*

Dịch nôm :

*Thành giả An-Trường để lánh nàn,
Đi thuyền toan giết kẻ hung gian.
Sử sanh đánh lộn lòng không định,
Vì thấy nhiều vàng bị thắc oan.*

ĐIỀN-(TRẦN-QUỐC) 墳(陳國)

Em vua Trần-Anh-Tông, phong Huệ-vũ đại-vương, làm chức Nhập-nội Bình-chương. Niên hiệu Hưng-Long năm thứ 20 (1322) đi đánh Chiêm-Thành có công. Vua Anh-Tông gởi Minh-Tông cho ông, và cưới con gái ông làm Minh-Tông phi. Anh-Tông bệnh, Minh-Tông thường chực ngoài cửa Tẩm-môn, khi nào vào chầu, Anh-Tông cũng khen đi cùng Quốc-Điền, là muốn cho vua tôi ngày một thân mật mà đừng có chổ hiềm gián.

Đến đời Minh-Tông, niên hiệu Khai-Nguyên năm đầu (1324), ông thăng Nhập-nội Quốc-phụ Thượng-tể, Kiểm-hiệu Thái-úy. Minh-Tông ở ngôi đã 15 năm, mà chưa định lập Thái-tử. Quốc-Điền vì là cha bà Hậu, xin chờ cho Hoàng-hậu có con trai rồi sẽ lập. Văn-hiển-hầu (không biết tên gì) thì muốn đánh đổ đảng bà Hậu, xin lập Hoàng-tử Tượng, là con bà thứ làm Thái-tử. Văn-hiển-hầu lấy một trăm lượng vàng cho tên Trần-Phẫu là đầy tớ của Trần-Quốc-Điền, xúi nó vu cáo rằng Quốc-Điền sắp mưu làm phản. Minh-Tông truyền bắt Quốc-Điền giam ở chùa Tự-Phước. Vua lại lấy việc ấy hỏi Trần-Khắc-Chung. Khắc-Chung là đồng đảng với Văn-hiển lại là thầy học của vương, cho nên nói xin vua phải trừ Quốc-Điền đi, lấy lẽ rằng bắt hổ dễ mà thả hổ thì khó. Minh-Tông nghe lời ấy, bèn cấm không cho Quốc-Điền ăn uống gì cả, đến nỗi khát nước quá, Hoàng-hậu phải lấy áo nhúng xuống nước, rồi mặc vào, giả tới thăm cha, vắt ra cho uống. Cuối cùng ông phải chết. Sau có người vợ lẽ tên Trần-Phẫu ghen nhau với vợ cả, đi tố cáo việc Trần-Phẫu lấy

vàng của Văn-hiến và vu cáo cho Trần-Quốc-Điền. Trần-Phẫu bị xử tử hình. Văn-Hiến thì bị giáng xuống làm thứ dân. Bấy giờ mới rõ cái oan của một vị trung thần. Sau truy tặng Đại-vương.

ĐIỂN-(LÊ-PHƯỚC) 豈(黎福)

Người huyện Phú-Vang, Thừa-Thiên, lúc Gia-Long, ông có nhiều chiến công, làm đến chức Cai-cơ. Năm Quý-mão (1783), trận đánh ở Hiệp-Thạch (?), quân giặc thình-lình ào tới vây thuyền đức Thể-Tổ (Gia-Long), thế rất nguy cấp, vì giặc biết có Thể-tổ ở đó. Phước-Điển liền lấy áo của Thể-tổ đương mặc mà mặc vào, rồi đứng trước mũi thuyền mà hô lên rằng : « Tao là Cứu-chúa đây ». Quân giặc xúm lại bắt ông ; Thể-Tổ thì lén xuống chiếc thuyền khác chạy ra đảo Côn-Lôn. Khi đã bị bắt, Phước-Điển mắng chưởi giặc, chứ không chịu khuất, rồi bị giặc giết. Tặng Chưởng-cơ.

ĐINH-(TIÊN-HOÀNG) 丁(先皇) (968-979)

Họ Đinh, tên Bộ-Lĩnh, người ở động Hoa-Lư huyện Gia-Viễn, tỉnh Ninh-Bình, con ông Đinh-Công-Trứ làm Thứ-sử châu Hoan về đời Ngô-Vương-Quyền (tức Ngô tiên-chúa). Đinh-Công-Trứ mất sớm. Bộ-Lĩnh theo mẹ về quê ở, thường đi chăn trâu với lũ trẻ ngoài đồng. Bấy trẻ tự biết mình thua kém, cùng nhau tôn ông làm trưởng. Lúc dạo chơi, Bộ-Lĩnh bắt chúng khoanh tay làm kiệu để ngồi cho chúng rước, lấy hoa lau làm cờ dàn hầu hai bên, như nghi vệ thiên-tử. Các phụ lão bảo nhau rằng : « *Thằng bé nầy ngày sau chắc làm được đại sự* » ; rồi cho con em phụ theo rất đông. Nhưng sau vì bất hòa với người chú, Bộ-Lĩnh cùng với con là Liễn sang ở với Sứ-quân Trần-Lãm tại Bố-Hải-Khẩu (phủ Kiến-Xương, Thái-Bình).

Trần-Lãm thấy người có chí khí, đem lòng yêu chuông, cho được bình quyền. Đến khi Trần-Lãm mất, Bộ-Lĩnh đem quân về giữ Hoa-Lư, đánh hàng được sứ-quân Phạm-Bạch-Hổ, phá được Đỗ-Động của Đỗ-Cảnh-Thạc. Từ đó đánh đâu được đấy, cho nên chúng tôn ông là Vạn-Thắng-Vương. Chỉ trong mấy năm mà bình được cả mười hai sứ-quân và lập nghiệp đế.

Năm Mậu-thìn (968) Vạn-thắng-vương lên ngôi Hoàng-đế, đóng đô ở Hoa-Lư, quốc hiệu là Đại-Cồ-Việt. Lúc bấy giờ còn có nhiều kẻ quen thói lúc loạn lạc, không tuân theo kỷ luật, Tiên-Hoàng phải dùng oai để trừng trị những đứa gian ác : đặt vạc dẫu ở trước điện, nuôi hổ ở trong cũi, rồi ra

lệnh rằng hễ ai phạm tội thì bỏ vào vạc dầu hay là cho hổ ăn.

Tiên-Hoàng xây dựng cung điện, thiết lập triều nghi, định phẩm trật bách quan. Phong Nguyễn-Bặc làm Định-Quốc-Công, Lê-Hoàn làm thập-đạo Tướng-quân, và con là Định-Liễn làm Nam-việt-vương. Ở ngôi 12 năm. Một hôm, người hầu trong nội tên là Đỗ-Thích thấy vua say rượu nằm giữa sân, bèn lén vào giết, rồi giết luôn Nam-việt-vương Định-Liễn. Các đại thần bắt Đỗ-Thích giết, rồi lập con vua là Vệ-Vương Tuyền lên nối ngôi. Vệ-vương còn nhỏ, Lê-Hoàn nhiếp chính, rồi cướp ngôi của nhà Định.

Bài thơ dịch phiên âm :

*Lô trượng tranh phù vạn thăng vương,
Hoa-Lư định đindh quýnh tầm thường.
Đình trung dưỡng hổ tương thùy phạt,
Đỗ thị Lê gia nhật tại bàng.*

Dịch nôm :

*Cờ lau hầu hạ chúng đua chen,
Đô đóng Hoa-Lư cũng chẳng hèn.
Toan phạt ai mà nuôi cọp sẵn,
Chàng Lê họ Đỗ ở hai bên.*

ĐINH-(PHÊ-ĐÊ) 丁(廢帝)

Tên Tuylum, con thứ của Tiên-Hoàng, ở ngôi được 8 tháng, Lê-Đại-Hành tức vị, giáng làm Vệ-Vương.

ĐỘ-(NGUYỄN-HỮU) 度(阮有)

Người làng Quý-Hương, huyện Tống-Sơn, Thanh-Hóa ; cháu đời thứ 15 của Nguyễn-Trãi. Đậu cử-nhân khoa Đinh-Mão (1867), bổ giáo-thụ phủ Kinh-Môn, tỉnh Hải-Dương. Năm 1871 quyền Tri-phủ, dẹp yên bọn giặc cướp Quảng-Yên, bắt được tướng nó là Hoàng-Quê. Năm 1873 được bổ làm Thương-tá. Đi trận đánh thua ở Kinh-động, bị cách hết cả phẩm hàm, lúc ấy ông đã 40 tuổi. Tháng mười năm ấy (1873) các thành Hải-Dương, Nam-Định, Hà-nội, Bắc-Ninh bị người Pháp lần lượt lấy cả. Hữu-Độ đương ở Quảng-Yên, vì quân lính ít không thể cứu viện gì được. Quân Tàu-Ô thừa thế đến phá cướp. Quan tỉnh là Hồ-Trọng-Đính, thấy quân cướp đông quá, hoảng-hốt bỏ tỉnh chạy, may có Hữu-Độ cương quyết chống giữ thành lại. Tháng 11 năm ấy, Khâm-Sai là Nguyễn-Văn-Tường và một viên quan người Pháp đi tầu thủy ra Hải-Dương để điều tra việc mới xảy ra đó. Hữu-Độ vừa đương đi hành hạt, thì gặp hai ông ấy nơi cửa Hải-phòng. Quan Khâm-Sai khiến ông đi theo về Hải-Dương để quyền chức Bố-Chính tỉnh ấy. Từ chối một hồi, rồi sau ông lại cũng phải nhận chức đó. Ở chức ấy cũng không được lâu, vì sau đó một tháng, thì có chỉ bổ ông làm Bang-tá Hải-Dương. Ở Hải-Dương làm cho dân sự được yên ổn, và trừ hết quân giặc Tàu khuấy phá miền Đông-Triều mấy lâu nay.

Đầu năm Giáp-Tuất (1874), quân giặc Tàu-Ô do Hồ-Văn cầm đầu, đông đến mấy nghìn người, tới đánh phá Hải-Phòng, Hữu-Độ đương làm Đốc-công ở đó. Viên Nguyên-súy Pháp sai một viên vũ quan đi tầu để tuần tiễu miền duyên

hải. Vì trời đêm tối, lính của viên Quản-vệ của Hữu-Đô là Tạ-Hiên bắn lầm vào chiếc tàu. Viên quan Pháp tức giận trở về ngay. Sáng mai lại, ông cỗ-đạo Lễ mật tin cho Hữu-Đô biết rằng nhà binh người Pháp sẽ đem quân đến đánh tỉnh thành, và bảo ông phải đem gia quyến đi trốn. Hữu-Đô rất sợ hãi, tin cho các quan tỉnh biết, nhưng thấy mấy ông tính do-dự không quyết đoán, ông bèn xin khiếu Tạ-Hiên đến Cẩm-Giang đem cái thơ cho cỗ-đạo, nhờ cỗ-đạo can thiệp dùm với Nguyên-súy Pháp. Nguyên-súy Pháp nhận lời, rồi sai một viên quan hai tới thương thuyết với Hữu-Đô. Bọn Hồ Văn nghe rằng hai chính phủ đã thỏa thuận với nhau, thì chúng kéo nhau đi.

Năm Ất-Hợi (1875) quan Khâm-sai Ngô-Quí-Đồng dâng sớ về triều kể công cán đặc biệt của Hữu-Đô và xin cho ông thăng hàm Thị-độc.

Sau đó ít tháng, ông thăng Hồng-lô-tự-khanh, sung Thương-chính kiểm-đốc Hải-Phòng. Rồi ông về kinh nhận chức Tả-lý bộ Lại.

Năm Tự-Đức thứ 29 (1876) ông được cử vào Sài-Gòn nhận các đồ binh khí của người Pháp tặng, chiếu theo hòa-ước 15 Mars 1874 : năm chiếc tàu thủy, trăm khẩu súng đại bác, nghìn khẩu súng điểu thương và các đồ phụ tùng đủ cả. Viên Nguyên-súy Pháp chỉ muốn giao hai chiếc tàu. Hữu-Đô thấy cách đổi đãi như vậy thì không bằng lòng, và để tỏ lòng phản đối, ông liền trở về sứ-quán ngay. Đến mai lại, ông mới tới gặp viên Nguyên-súy lại, lần này ông nhận đủ cả các đồ kể trong tờ hòa-ước.

Năm Tự-Đức thứ 30 (1877) ông làm Tuần-vũ Hà-Nội, ông bày phương cứu chấn cơ dân, sửa đắp đê điểu. Nhờ có sự sáng suốt và lòng quả quyết của ông, cho nên trong hạt được yên.

Lúc bấy giờ các đảng trong dân chúng ta hay nỗi lên chống với người Pháp, Hữu-Độ biết rằng trong sự thương thuyết ở giữa nước ta và chính phủ Pháp không khởi sinh ra những chuyện lôi-thôi, ông dâng về triều cả thảy là 7 cái sớ, nói về việc nội trị ngoại phòng. Nhưng thảm thay ! Những lời ông tóm bày, ở triều không thèm nghe tới.

Năm Tự-Đức thứ 33 (1880), ông thăng hàm Thị-Lang bổ làm Tịnh-biên Phó-sứ, coi việc cầm-phòng biên giới các tỉnh Sơn-Tây, Hưng-Hóa và Tuyên-Quang ; được ít tháng quyền Tổng-đốc ba tỉnh ấy và làm Cố-vấn quân sự ở Thái Nguyên, ông lại đánh đuổi được mấy bọn cướp của Lục-Chi-Bình và Đàm-Tự-Gi ; những bọn cướp khách ấy chiếm cứ đất Tam-Hải từ mấy năm về trước. Nhân dịp ấy vua Tự-Đức ban cho ông những hàng lụa, quẽ và bạc.

Đầu năm Tự-Đức thứ 35 (1882), Hữu-Độ tin cho Triều-dinh biết rằng quân Pháp đã kéo đến Hà-Nội, và xin chỉ thị nên xử trí thế nào, nhưng ở Huế làm thịnh, không nói gì hết.

Sau khi Hà-Nội bị người Pháp lấy rồi, mới có chỉ-dụ cho ông làm Khâm-sai-đại-thần để điều đình việc xung đột ấy. Thương thuyết nhiều lần, người Pháp giao trả thành Hà-Nội lại. Kế đó ông được lệnh Triều-dinh sai sắp đặt quân đội phòng thủ để dẹp những đảng khỉ loạn mấy lâu nay.

Năm sau đó (1883), hai ông Phụ-chính là Tôn-Thất-Thuyết và Nguyễn-Văn-Tường lạm dụng quyền hành, phế và thí vua Hiệp-Hòa, tôn vua Kiến-Phước lên thê. Nghe được tin buồn ấy, ông đương ở Hà-Nội, ông khóc và mách cho người Pháp biết cái sở hành phi pháp của hai quyền thần đó.

Năm 1884 người Pháp định đem binh đến Huế để hỏi việc tôn vua Hàm-Nghi (Kiến-Phước băng Hàm-Nghi lên thê) và nhân tiện để trị tội các quyền thần làm việc phi pháp như đã nói ở trên. Hữu-Độ nghĩ rằng nếu khêu việc ấy ra thì chắc sinh sự to, ông bèn đến khẩn khoản với người Pháp đinh việc cử binh ấy đi.

Tháng hai năm Ất-Dậu (1885), Hữu-Độ mới thăng hàm Thị-lang, quyền Tổng-đốc Hà-Nội ; ở Huế Tôn-Thất-Thuyết và Nguyễn-Văn-Tường sai hai người con hát là Chữ và Trung (tên nầy tục kêu là Đội-Vung) ra để ám sát ông. May sao mưu ấy lộ ra, rồi hai tên độc thủ ấy bị bắt giao cho sở Cảnh-sát người Pháp. Nhưng may nhờ lòng khoan hồng của ông, ông xin tha chúng cho trở về.

Khi Kinh-thành hữu sự (thất thủ) Hữu-Độ đương ở Hà-Nội, nghe được tin ấy và tin vua Hàm-Nghi xuất bôn, ông khóc nức nở, con ông là Bá-Dai phủ ủy ông và thưa với ông rằng chức quyền ông là cao trọng, nên liệu mà sắp đặt việc nước nhà lại. Hữu-Độ bèn bàn với người Pháp rồi xuống tàu với ông Sambuc vào Huế. Ông đến nơi Huế ngày 27-7-1885. Ông trú tại dinh Nguyên-súy Pháp, rồi đến nhà Thương bạc (chỗ ngoại giao của Nam-Triều, sau lại làm trường Hậu-bổ), hỏi Nguyễn-Văn-Tường tại sao có chuyện

xảy ra như thế. Thấy lời đáp của Văn-Tường lúng-túng, nói không thông suốt, Hữu-Độ nói Kinh thành thất thủ, vua phải xuất bôn là lỗi của Văn-Tường.

Mai lại Nguyên-súy và các viên quan Pháp đến đón thám ông bà Nguyễn-Hữu-Độ ; cả hai ông bà trình bày cho người Pháp biết sự nguy ngập của nước nhà, và các điều kiện nên thi hành để sửa chữa lại. Những lời yêu cầu đều được người Pháp chấp thuận cả.

Bà Từ-Dũ (vợ vua Thiệu-Trị, mẹ vua Tự-Đức) trốn ở trên Khiêm-cung (Lăng vua Tự-Đức) với bà Trang-Ý (vợ vua Tự-Đức). Ngày 14 tháng bảy (23-8-1885) Nguyên-súy Pháp và Hữu-Độ lên Khiêm-cung tâu cho hai Bà biết rằng ông con thứ hai của vua Tự-Đức đã được lựa để nối ngôi.

Đoạn rồi Hữu-Độ tới Tiềm-để (chỗ mà khi ông hoàng nào đã định sắp lên ngôi ở. Đồng-Khánh trước khi chưa lên ngôi, thì ở chỗ gọi là Chánh-mông, trong Thành Nội bộ Học ngày nay, sau vì có hai quyền thần sơ sinh điều bất trắc, bèn dời lên ở một cái nhà, nơi chỗ trường Pellerin ngày nay, Hữu-Độ đến rước ông ở chỗ ấy) rước ông Hoàng ãy đem yết kiến hai Bà, rồi đem thăm Nguyên súy Pháp.

Ngày 7-9 Hữu-Độ đi rước hai Bà từ Khiêm-cung về Nội. Lễ tấn tôn vua Đồng-Khánh nhằm về ngày 9-9-1885 lễ ấy cử hành tại điện Thái-Hòa.

Đồng-Khánh tức vị rồi, Hữu-Độ sắp đặt lục-bộ và các công sở lại. Những viên quan bị hai quyền thần áp bức, hoặc cách hay là giáng đều cho khai phục lại như cũ. Các

Hoàng thân như Tuy-Lý, Hải-Ninh, Triệu-Phong bị đi yên trú
các tỉnh cũng được về Huế ở như xưa.

Ông đưa bà con gái thứ hai của ông vào cung làm
Hoàng-quí-phi vua Đồng-Khánh.

Năm 1887 ông kiêm chưởng Lục-bộ ở Huế. Khi Nguyễn-
Trọng-Hiệp thôi chức Kinh-lược Bắc-Kỳ, thì Hữu-Đô thế. Ông
ở Bắc-Kỳ làm rất nhiều việc có ích cho dân.

Năm Đồng-Khánh thứ 3 (1888), ông về Huế chầu, thì
phong tước Tĩnh-lại Quận-công. Ông trở ra Hà-Nội làm việc
như cũ. Vì công việc nhiều mà sức ông ngày càng kém, ông
lâm bệnh đến ngày rằm tháng 11 năm Mậu-Tí (1888) ông
mất tại công thự nha Kinh-lược ở Hà-Nội. Thọ 55 tuổi.

ĐỘ-(TRẦN-THỦ) 度(陳守)

Người ở Túc-Mặc, Thiên-Trường, chú Trần-Thái-Tông ; cuối đời nhà Lý, nhờ có bà con bên ngoại với vua, được tiến dụng. Lúc ban đầu đời Lý-Chiêu-Hoàng, ông làm Điện-tiền Chỉ-huy-sứ, coi các việc trong thành-thị. Trần-Cảnh (tức là Trần-Thái-Tông) lúc mới tám tuổi, nhờ rằng cháu Thủ-Độ, nên được chọn làm Chi-hậu Chính-thủ (Trưởng ban đồng-Ấu ở trong nội). Chiêu-hoàng thấy mà phải lòng ; thường chơi cợt cùng nhau. Trần-Cảnh mách với Thủ-Độ. Thủ-Độ nói : « *Thật như vậy chưa biết may hay là rủi* ». Bèn đem cả gia thuộc bà con vào Cấm-trung, đóng cửa thành lại mà biến cáo cho bách quan rằng : « *Bệ-hạ dĩ hữu thương hĩ* » (Chúa nay đã kén được chồng rồi). Trần-Cảnh bèn chịu Chiêu-Hoàng thiện vị cho, rồi lên ngôi Hoàng-đế, ấy là Trần Thái Tông. Dùng Thủ-Độ làm Thái-sư, thống quốc hành quân vụ chinh thảo sứ. Phế Huệ-Tông (cha Chiêu-Hoàng) ở chùa Chân-Giáo. Huệ-Tông khi đã bị phế, thường đi ra ngoài đường chơi, nhân dân ai cũng chạy đến dòm thăm, có người thấy thì thương mà khóc. Thủ-Độ sợ nhân tâm còn mến chúa cũ, rồi e sinh biến, mới khiến người giữ riết ở trong chùa, không cho đi ra nữa. Một hôm đi ngang qua chùa, thấy Huệ-Tông đang ngồi nhổ cỏ, Thủ-Độ nói : « *Nhổ thì nhổ cho hết gốc* ». Huệ-Tông nói : « *Ông nói thế, tôi cũng hiểu rồi* ». Sau rồi Thủ-Độ bắt Huệ-Tông tự ải nơi vườn sau chùa ; giáng bà Linh-Tử, Hoàng-hậu của Huệ-Tông làm Thiên-cực Công-chúa, rồi Thủ-Độ đem về nhà luôn. Những người tôn-thất bà con họ Lý tức giận và thất vọng.

Gặp ngày các bà con họ Lý hội nhau lại cúng Thiên-hậu ở nơi Hoa-lâm-thái-dương, Thủ-Độ khiến đào săn cái hầm, đợi đến khi uống rượu hơi say, thì lùa xuống mà chôn sống đi hết.

Bà Hậu vợ Thái-Tông là Chiêu-Thánh (tức là Chiêu-Hoàng) không có con, vợ anh Thái-Tông là Hoài-Vương Liễu (chị của Chiêu-Hoàng) có thai, Thủ-Độ khiến Thái-Tông nhìn nhận thai ấy, để sau cho có hậu tự. Liễu (con Trần-Thừa, tức là anh ruột Thái-Tông) tức giận, mới tụ chúng lại làm loạn. Thái-Tông trong lòng không yên, đêm đến trốn đi lên chùa ở. Thủ-Độ suất cả quần thần lên rước về. Được ít lâu, Liễu tự nghĩ mình thế cô, không làm gì được, bèn lén xuống thuyền Thái-Tông xin hòa. Thủ-Độ nghe được, đến thuyền, tuốt gươm ra mà nạt rắng : « Chém đầu thằng giặc Liễu ». Thái-Tông đem Liễu dâu ở trong mui thuyền. Thủ-Độ tức giận quá, ném gươm xuống sông mà nói rắng : « Như thế thì tao là con chó săn thôi, có biết anh em nhà bầy thuận nghịch thế nào đâu ». Thái-Tông xin hòa giải hồi lâu mới thôi.

Thủ-Độ tuy không có tài học văn, mà tài lược hơn người. Thái-Tông mà được nước là nhờ ở ông ta, cho nên quyền bính vào trong một tay ông, vua cũng phải thua. Có người tâu với Thái-Tông rằng : « Nay Bệ-hạ đương trẻ nhỏ, mà Thủ-Độ chuyên quyền, thì việc xã-tắc tính thế nào ? » Thái-Tông liền biểu soạn xe giá đi đến nhà Thủ-Độ, và dắt người nói đó đi theo. Vua kể chuyện của người ấy nói cho Thủ-Độ nghe. Thủ-Độ liền lấy tiền vàng thưởng cho người đó.

Thái-Tông muốn dùng An-Quốc, anh Thủ-Độ làm tướng. Thủ-Độ nói : « *Như Bệ-hạ cho An-Quốc là giỏi, thì tôi xin trí sĩ ; như cho tôi là giỏi, thì không nên dùng An-Quốc. Nếu dùng cả hai anh em, thì việc Triều-đình khó làm* ». Việc ấy rồi đình lại, không nói đến nữa.

Qua đến triều Thánh-Tông, ông mất, thọ 71 tuổi. Tặng Thượng-phủ Thái-sư, Trung-vũ Đại-vương.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Chiêu-hoàng hữu thượng cặp linh-tù,
Bạt thảo sinh khanh ngược diệm di.
Tẩu cẩu an tri nhân đạo trọng,
Trần gia tự thị bại gia qui.*

Dịch nôm :

*Con đã theo chồng mẹ dễ không,¹²
Hầm chôn, cỏ nhổ, ác đà hung.
Chó săn đâu biết nhân luân trọng,
Gia pháp nhà Trần hết ngõ trong.*

ĐỖ-(NGUYỄN-NHƯ) 堵(阮如)

Người ở Đại-Lan, Thanh-Trì, tên chữ là Mạnh-Án, đậu Bảng-nhãn khoa Nhâm-Tuất, niên hiệu Đại-Hữu năm thứ 3 (1442) đời vua Lê-Thái-Tông, tuổi mới 19. Ông là Bảng-nhãn đầu hết của nước ta. Sang năm sau (1443) làm Hàn-lâm Tri-chẽ-cáo, đi sứ Tàu, về làm An-vũ lộ Qui-Hóa, rồi thăng Trực-học-sĩ. Năm Canh-Ngọ (1450), đi sứ lần thứ hai sang Tàu ; năm Kỷ-Mão (1459) đi sứ lần thứ ba, về thăng Lại-bộ Thượng-thơ, lúc ấy ông mới 39 tuổi. Từ đó ông thăng Hàn-lâm-viện Thừa-chỉ học-sĩ kiêm Lễ-bộ Thượng-thơ, Cần-đức-điện Đại-học-sĩ. Cuối cùng kiêm Quốc-tử-giám Tể-tửu, hơn mươi năm, ông về trí-sĩ. Đến niên hiệu Thống-Nguyên năm thứ sáu (1526) ông mất, thọ 102 tuổi.

Như-Đỗ tuổi nhỏ đậu cao, mau lên chức lớn, trải thờ tám triều, thọ hơn trăm tuổi, trong hàng quan liêu cũng ít người được như vậy. Ông có để lại tập thơ của ông làm.

ĐỔ-(TRƯƠNG) 觀(張)

Người ở Phù-Đới, Đông-Lai, tính thích-thảng có chí-khí. Một ngày kia, đi chơi qua Tây-Hồ, ông thấy quan Tướng-quân đương tập bắn, ông nói diễu rằng : « Nghẽ ấy mà khó gì ? » Tướng-quân lấy làm lạ mà hỏi rằng : « Mấy bắn có được không ? » Ông nói : « Xin thử xem ». Rồi ông bắn ba phát, trúng cả ba. Tướng-quân kinh dị, muốn đem ông về làm con nuôi. Ông lấy làm bỉ, không theo. Sau ông bỏ nhà đi du học, rồi đậu tiến-sĩ. Đời Trần-Duệ-Tông, ông làm Ngự sử Đại-phu. Lúc bấy giờ Chiêm-Thành dâng vua một mâm vàng, Trần-vũ Thuận-Hóa là Đỗ-Tử-Bình dấu đi, lại tâu với vua rằng : Chiêm-Thành ngạo mạn, nên cử binh qua đánh. Duệ-Tông nghe lấy làm giận, hạ chiếu thân chinh. Đổ can rằng : « Nước Chiêm-Thành ở tại biên thùy, núi sông hiểm trở. Nay bệ-hạ mới lên ngôi, đức hóa chưa thấu đến, nên tu văn đức để cho người ta qui phục ; nếu họ không phục rồi sẽ sai tướng đi đánh, cũng chưa muộn gì ». Dâng ba tờ sớ can mà vua không nghe, ông bèn từ chức về nhà.

Trương-Đổ làm quan mà thanh bắn, không tích trữ của cải. Con cháu ông mấy đời đều quý hiển, cũng được gọi là thanh bắn, nghĩa là nghèo mà trong sạch.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tam sớ an tri ngỗ Chí tôn,
Qui lai chung nhật bế sài môn.
Khấn thùy mãi quốc đa kim tệ,
Tự hữu thanh bắn chiếu hậu côn.*

Dịch nôm :

*Can sớ ba lần, trái Chí-tôn,
Lui về đóng cửa trọn ngày luôn.
Mặc ai bán nước nhiều tiền của,
Ta có thanh bắn để cháu con.*

ĐỐC-(PHẠM) 篤(范)

Người ở Thổ-Sơn, Vĩnh-Lộc ; đời Lê Trang-Tông, tước Dương-Nghĩa-Hầu, theo đánh quân họ Mạc, có công. Đời Trung-Tông làm Chưởng-vệ Kim-ngô, tước Quảng-quận-công. Niên hiệu Thuận-Bình năm thứ 6 (1554), đem các tướng đi kinh-lược Hóa-Châu, tướng họ Mạc là bọn Mã-Đức-Trung qui thuận ; những kẻ nào cứ hiểm, không hàng thì đánh giết hết. Các xứ Thuận và Quảng đều yên. Vẽ thăng Thái-Bảo. Năm thứ 7 (1555) Mạc-Kính-Điển đem đại binh tới đánh, khiến tướng là Thọ-quận-công (không rõ tên gì) đem thuyền hơn trăm chiếc do cửa biển Thần-Phù tiến vào, đóng binh ở Kim-Sơn. Trịnh-Kiểm chia các tướng ra cự địch, Phạm-Đốc lãnh thủy-quân giữ thượng lưu, từ Hữu-Chấp giang đến Kim-Bôi giang. Ông cho khinh binh dụ giặc vào, còn đại binh phục mà chặn ngả sau, cả tiền hậu giáp công, trận ấy giặc thua to. Bắt được Thọ-quận-công. Kính-Điển sợ, chạy trốn. Đời Anh-Tông, niên hiệu Thiên Hựu (1557), Mạc-Kính-Điển lại cử đại binh vào đánh Thanh-Hóa, và khiến bọn Phạm-Dao đánh phá Nghệ-An. Đốc và Hoàng-Đình-Ái đến cứu. Đốc chở tinh binh dấu trong thuyền, treo cờ hiệu của họ Mạc, từ cửa biển Đan-Nhai đi vào ; quân giặc không phòng bị. Đốc tập kích phá được. Bọn Dao trốn chạy. Xong rồi đi về, lại đem thủy-quân đánh dẹp yên miền Sơn-Nam. Niên hiệu Chính Trị năm đầu (1558), tấn phong Thái-phó, Đức-quận công. Ông mất, tặng Thái-úy.

Phạm-Đốc, nhiều trí lực, có văn học, hành quân thì nghiêm ước thúc, nhất hiệu lệnh, đến đâu cũng ra uy tín,

không giết bậy, nhân dân cảm phục, thời bấy giờ xưng là một vị lương tướng.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Châu trung nặc tốt thục nǎng khuy
Nhất chiến Đan-Nhai tặc dĩ suy.
Văn đạo tướng-quân đa trí lược,
Cánh vô thị sát, thiện hành sư.*

Dịch nôm :

*Quân dẫu trong thuyền biết mấy ngần,
Đan-Nhai một trận, giặc hầu tàn.
Tướng-quân nghe nói nhiều mưu lược,
Đã khéo dùng binh ít sát nhân.*

ĐÔN-(LÊ-QUÍ) 惇(黎貴)

Người ở Diên-Hà, tên chữ là Đoan-Hậu. Sinh ra rất thông minh, khi 5 tuổi đã đọc sách được, 12 tuổi học hết Kinh, Truyện, Tử, Sử, sách nào cũng thông suốt cả, làm văn đã mau lại hay. 16 tuổi đậu giải-nguyên, 29 tuổi đậu bảng-nhãn khoa Nhâm-Thân niên hiệu Cảnh-Hưng thứ 13 (1752). Từ thi hương, thi hội, thi đình đều đậu đầu. Ông lấy chân Khôi-nguyên ra bổ làm quan, trong triều ngoài quận ai cũng biết tiếng. Năm Canh-Thìn (1760) ông sung chức Phó-sứ sang nạp cống bên Tàu. Văn chương ứng đáp của ông, các sĩ phu Tàu và bồi thần của nước Triều-Tiên đều kính trọng ông. Đi sứ về, thăng Hàn-lâm Thừa chỉ, rồi dâng sớ xin về nhà nghỉ. Đến năm Đinh-Hợi (1768) vua lại vời ra, làm như chức cũ. Ông thăng lần lên đến chức Lại bộ Hữu-thị-lang. Năm Nhâm-Dần (1772) có tên hanh thần gièm, rồi ông bị giáng. Năm Quý-Mão (1773) bổ vào làm Hiệp-trấn Nghệ-An, thì ông mất, thọ 58 tuổi.

Quí-Đôn, thiên tư trác dị, thông minh hơn người, mà trì thủ thuần đốc, rất ham học, đậu đã cao, làm quan đã lớn, mà không khi nào tay rời quyển sách. Bình sinh ông trước thuật rất nhiều, ông lấy cái sở trường nổi tiếng ở đời. Thi văn của ông là Quế-Đường tập tất cả hơn trăm quyển.

ĐỐNG-(HỒ-SĨ) 棟(胡士)

Người huyện Quỳnh-Lưu, Nghệ An, tính trầm mặc, giao du thì lựa người làm bạn, không bạ ai chơi nấy. Đậu tiến-sĩ khoa Nhâm-Thìn, niên hiệu Cảnh-Hưng thứ 33 (1772). Sung chức Phó-sứ đi sứ Thanh. Lúc bấy giờ Trịnh-Sum chuyên quyền, manh tâm dòm ngó ngôi báu, làm tờ biểu-văn đưa riêng cho chính-sứ là Vũ-Khâm-Tứ, để xin nhà Thanh cho làm Phó-Vương. Việc ấy Đống không dự đến. Lúc đã đi, Khâm-Tứ lo nghĩ rồi thành bệnh. Đến Động Đình khi gần mất, Khâm-Tứ nói việc ấy với Đống, rồi lấy tờ biểu đốt đi. Việc bèn im, không nói đến nữa. Ông làm quan thăng lǎn đến Bình-bộ Thượng-thơ, Ngọc-quận-công. Ông thường đi kinh lý coi biên sự ở Quảng-Nam, ông thấy Trần-thủ Thuận-Hóa là Phạm-Ngô-Cầu không phải tài khỗng ngự, bèn xin đổi người khác thay vào, nhưng chưa đổi thì ông mất nên việc im đi. Lúc Sĩ-Đống đi Thanh có làm tập thi gọi là Hoa-Trình-Khiển-Hứng để lại.

ĐỚI-(VŨ) 戴(武)

(Không rõ người ở đâu). Đời vua Lý Anh-Tông, làm Điện-tiền Chỉ-huy-sứ. Niên hiệu Đại-Định năm thứ 11 (1150), Đới và bọn Dương-Tự-Minh lập mưu bắt Anh-Vũ, mới suất quân sĩ đến cửa thành la to lên rằng : « *Anh-Vũ ra vào Cẩm-Đình, làm điều hung uế, thật là đại tội, chúng tôi xin giết đi* ». Rồi vua xuống chiếu bắt Anh-Vũ trói lại nơi hành lang Tả Thánh Hưng, Lê Thái Hậu (vợ Lý-Thần-Tông, mẹ Anh-Tông, tư thông với Anh-Vũ) khiến lấy vàng đem lót cho Đới và mấy người canh giữ. Nguyên-Dương đã can chở tham vàng, mà Đới không nghe. Thành ra Anh-Vũ khỏi chết, chỉ bị giam, sau cũng được tha, rồi lại làm Thái-Úy như cũ. Từ đấy trong lòng cứ hăm báo thù ; Anh-Vũ mới tâu với vua rằng : « *Trước đây bọn Vũ-Đới tự đem Cẩm-quân đột nhập chỗ Cung-cẩm, tội ấy rất lớn, chi bằng trừ trước đi thì hơn* ». Anh-Tông thì không biết gì, cho lời tâu ấy là phải. Anh-Vũ bèn truyền bắt Đới hạ ngục, rồi giết.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Ký ưu lao-ái loạn cung-vi,
Đại-kiển băng lai nhiệm chỉ huy
Tượng xỉ phẫn thân do tự thủ,
Bắt tư dưỡng hổ hoạn thùy qui.*

Dịch nôm :

*Đã lo dẹp loạn uế trong cung,
Được kẻ đồng mưu để sử dụng,
Voi bởi vì ngà nên bị hại,*

Lại nuôi cọp dữ chẳng ngừa phòng.

ĐỨC-(NGUYỄN-HOÀNG) 德(阮黃)

Người ở Kiến-Hưng, Định-Tường. Nguyên là họ Hoàng, vua cho họ là Nguyễn, cho nên gọi là Nguyễn-Hoàng-Đức. Trạng-mạo khôi ngô, vũ dũng hơn chúng, lúc đầu là thuộc hạ của Đỗ-Thanh-Nhơn, Thanh-Nhơn bị tội tử hình, Đức được tha khỏi tội.

Năm Quý-Mão (1783) Đức làm tiên-phong, cùng quân Tây-Sơn đánh ở Đông-Tuyễn, Đức với các bộ-hạ hơn năm trăm người đều bị bắt. Nguyễn-Huệ thấy ông có tài giỏi, muốn thu dụng, mà ông thì chỉ muốn trở về, nhưng chưa có dịp. Năm Bính-Ngọ (1786) ông phải theo Huệ đánh Bắc-thành, khi trở về lưu tại Nghệ-An. Trần-thủ Nghệ-An là Nguyễn-Văn Duệ, là tướng của Huệ, mà không muốn ở với Huệ. Ông biết ý, mới nói dối với Duệ, sẽ đi đường núi về Qui-Nhơn để hội với Nhạc. Duệ tin, mới đem bộ tốt hơn năm nghìn người theo đường núi về Nam. Đức thì dẫn đường đi trước. Đi được một tuần, Đức khiến người từ giã Duệ mà nói rằng : « *Ai cũng vì chủ mình, Đức nay không quên chủ cũ, cũng như Tướng-quân không quên Tây-Sơn vậy. Thôi bữa nay tôi xin từ giã Ngài* ». Duệ được tin cả giận, muốn lập kế để giết. Bèn cho lệnh-tiến đến nói dối rằng : « *Ông nói thế, chính hợp ý tôi, xin đợi tôi để đi luôn* ». Đức biết mưu của Duệ, và sợ để chậm thì Duệ đến chặn lại, bèn đương đêm rẽ qua đường khác, theo ngả Lạc-Hoàn qua Vạn-Tượng. Đường sá quanh co, quân sĩ thiếu ăn, chỉ hái lá cây ăn đỡ đói. Nhờ có các bộ-lạc người Mường nghe tiếng Đức, cấp lương thực cho, rồi đi đến Xiêm. Tới nơi thì Thế-Tổ (Gia-Long) đã trở về

Gia-Định. Vua Xiêm muỗn lưu lại để dùng, mà ông thì nhất định không chịu. Xiêm mới cho thuyền bè để về nước. Khi vào yết kiến, Thế-Tổ ủy lạo rồi cho làm Trung-dinh giám quân Khâm-sai Chưởng-cơ. Từ đó khi thì đánh giặc ở Diên-Khánh, khi thì Trấn-thủ Bình-Khương, khi thì sang Xiêm giao hiếu, khi thì lưu thủ Qui-Nhơn, trong lúc Trung-hưng, công ông thật là to tát lắm vậy. Năm 1795 ông bệnh mất. Tặng hàm Đặc-tiến phụ-quốc Thượng-tướng-quân.

ĐỨC-(TRỊNH-HOÀI) 德(鄭懷)

Hiệu Cǎn-Trai, tổ tiên ông nguyên ở Phúc-Kiến, lúc Mǎn-Thanh lên làm vua thì không chịu cắt tóc rồi sang nước ta, trú ở Trấn-Biên. Đã hai đời mới đến đời Hoài-Đức. Đức mới mười tuổi mà đã ham học. Gặp lúc thời loạn, bà mẹ dời qua ở Phiên-Trấn, cho ông học ông Vũ-Trường-Toản, học càng ngày càng tiến tới.

Năm Mậu-Thân (1788), Thể-Tổ lấy lại thành Gia-Định. Ông cùng Lê-Quang-Định ứng cử ; được bổ làm Hàn-lâm-viện Chẽ-cáo, rồi sung chức Đông-cung Thị-giảng, và theo ra trận ở Diên-Khánh.

Năm Nhâm-Tuất (1802), Thể-Tổ lấy được Phú-Xuân (Huế), sai Lê-Văn-Duyệt và Tống-Viết-Phước vào giải vây cho thành Quy-Nhơn (Tây-Sơn vây, Vũ-Tính và Ngô-Tùng-Chu tuẫn nạn), Hoài-Đức đi theo thu thuế lúa gạo để cấp quân-nhu. Qua năm sau tướng giặc là Trần-Quang-Diệu trốn chạy. Đoạn rồi ông thăng Hộ-bộ Thượng-thơ (Thượng-thơ lục bộ bắt đầu có từ đây). Rồi ông sung chức Chánh sứ sang Tàu, đem quốc thư, phẩm vật và sách ấn của Tây-Sơn qua nạp. Lưỡng-quảng Tống-Đốc là Giác-La-Cát-Khánh tâu lên, vua Tàu dụ chuẩn cho qua Quảng-Tây để đi thẳng tới Yên-Kinh. Trong lúc ấy, Gia-Long nhất thống được cả lãnh thổ An-Nam, sai Bình bộ Thượng-thơ là Lê-Quang-Định sang Tàu cầu phong, thì Hoài-Đức lưu lại ở Quế-Châu, đợi về một lượt. Gia-Long năm thứ 2 (1803), tháng tư, hai sứ bộ xuống thuyền từ Quảng-Tây qua Hồ-Bắc đến Hán-Khẩu, đi đường bộ qua Vạn-Lý-Trường-Thành, đến Nhiệt-Hà (thuộc Mǎn-

Châu, các sứ bộ đời Lê chưa bao giờ đến đó) Hành-Tai (chỗ vua Tàu trú) chầu vua Tàu rồi đi theo sứ Tàu là Án-Sát Quảng-Tây Tề-Bố-Sum, sang phong cho vua ta, đều trở về nước ta một lượt. Năm thứ 3 (1804) làm lễ tuyên-phong, ông làm Thông-dịch sứ. Lễ bang-giao xong ông chầu vua về Kinh. Năm thứ 12 (1813) cải thụ Lại-bộ Thượng-thơ, năm thứ 15 (1816), quyền lãnh Tổng-trấn Gia-Định. Cũng năm ấy lại trở về Kinh sung chức Lại-bộ Thượng-thơ.

Năm Minh-Mạng thứ 2 (1821) sung Quốc-sử-quán Phó tổng-tài, rồi thăng thụ Hiệp-biên-đại-học-sĩ. Năm thứ 5 sau khi về nhà nghỉ ba tháng, ông cứ giữ chức Thượng-thơ hai bộ Lại và Lễ. Cũng năm ấy, ông kiêm lãnh Thương-bạc sứ vụ. Đến năm thứ 6 (1825) ông mất, thọ 61 tuổi.

Trịnh-Hoài-Đức là người cẩn thận, phong độ trầm chính, học vấn bác hiệp, khi nghị luận thì cứ giữ đại thể, đức nghiệp văn chương của ông người đời bấy giờ tôn trọng lắm. Ông có để lại những bộ sách ; Gia-Định Thông-chí, Cẩn-Trai Thi Tập, Bắc-Sứ Thi Tập, Gia-Định Tam Gia Thi Tập, v.v...

ĐƯỜNG-(NGUYỄN-TRỌNG) 玳(阮仲)

Người huyện Thanh-Chương, Nghệ-An, đậu Tiến-sĩ khoa Kỷ-Sửu, niên hiệu Lê Cảnh-Hưng năm thứ 30 (1769), làm đến chức Đốc-trấn ở Lạng Sơn ; chính sự khoan hòa, những người Tàu trú ngụ tại Lạng-Sơn, cảm đức ông, lập sinh-từ và làm bài văn tụng công đức ông. Sau lại làm Đốc-thị ở Thuận-Quảng, gặp lúc Tây-Sơn nổi dậy, thành bị thất thủ, ông chết.

ĐƯƠNG-(NGUYỄN-TRỌNG) 端(阮仲)

Cháu gọi Trọng-Đường bằng chú, đậu Tiến-sĩ khoa Kỷ-Hợi, niên hiệu Cảnh-Hưng năm thứ 40 (1779), làm đền chức Đốc-trấn Lạng-Sơn. Sau khi vua Chiêu-Thống chạy sang Tàu, ông không chịu làm quan với Tây-Sơn, về ở ẩn dạy học trò. Đời vua Gia-Long vời vào trao cho chức Kiêm-hoa-điện học-sĩ, bổ làm Đốc-học Sơn-Nam-Thượng, sau mươi năm vào làm Quốc-sử-quán Toản tu, vừa lúc ông có bệnh, xin về nhà rồi mất.

Nhà ông, ông, con, cháu đi sứ Tàu cả thảy là 5 lần ; người Tàu tặng ông có câu rằng : « Tứ thế ngũ Hoàng-hoa » (Bốn đời năm lần sứ).

GIÁC-LÊ 覺(黎)

Người ở Phù-Lý, Đông-Sơn, con ông Lê-Quát là Thượng-thơ đời Trần. Triều Trần Phế-đế ông làm An-vũ-sứ. Niên hiệu Xương-Phù năm thứ 2 (1378) Chiêm-Thành vào đánh phá Nghệ-An, đến sông Đại-Hoàng, quan hành-khiển là Đỗ-Tử-Bình ra ngự địch, bị thua. Quân giặc kéo ra Thăng-Long, cướp bóc rồi trở về. Giác bị giặc bắt và bắt lạy. Ông bảo rằng : « *Tao là tôi của đại quốc, sao lại lạy chúng bầy ?* » Giặc nổi giận đem giết. Khi chưa chết, ông mắng không dứt mồm. Việc ấy vua nghe được, truy phong ông là Mạ-tặc Trung-vũ-hầu, nghĩa là ông Trung-vũ-hầu mắng giặc.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Quí thế văn điêm vũ bất tu,
Bì quân nhất hội cánh nan thu.
Duy tương thốn thiệt khi cường lõ,
Lưu đắc nhân xưng Mạ-tặc hầu.*

Dịch nôm :

*Đời suy văn xếp vũ không tu,
Một nhóm quân tàn đã khó thu.
Còn tặc lưỡi đem nguyên rủa giặc,
Người khen để mãi tiếng vè sau.*

GIAI-(NGUYỄN-VĂN) 偕(阮文)

Người ở Phù-Lưu, Thiên-Lộc, đậu tiến-sĩ đời Lê-Thế-Tông, bổ làm Hiến-sát-sứ ở Thanh-Hóa. Lúc nhà Lê trung-hưng đánh họ Mạc, Văn-Giai trù hoạch có nhiều công. Niên hiệu Quang-Hưng năm thứ 19 (1596), triều Minh đưa thơ qua, xét con cháu họ Lê có thiệt còn không, Văn-Giai cùng Đỗ-Uông ra chực đón ngoài cửa quan để tiếp sứ. Sau ông có công đánh họ Mạc được thăng Thượng-thơ chưởng Lục-bộ-sự, kiêm Đô-sát Ngự-sử, gia hàm Thiếu-phó Lễ Quận-công. Đời vua Kính-Tông, niên hiệu Thuận-Đức (1600) theo Thanh Quận-công Trịnh-Tráng đi đánh Mạc Khánh-Vương, và bọn giặc Trí-Thủy, giặc nghe tiếng đều bỏ chạy trốn. Đời Thần-Tông niên hiệu Vĩnh-Tộ (1619), gấp việc biễn Trịnh-Thung, Văn-Giai có công dẹp yên biến ấy, gia công-thần. Ông mất năm 1628.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Xuất tự quyền môn tổng lục khanh,
Trung hưng trù hoạch hạnh công thành.
Đương nhiên tĩnh nạn ưng thù sủng.
Lê Trịnh thùy tri lưỡng dạng tình.*

Dịch nôm :

*Ra tự quyền môn quản sáu khanh,
Trung hưng hoạch sách được công thành.
Đương thời yên nạn nên công lớn,
Lê, Trịnh ai hay lại khác tình.*

GIẢN-(NGUYỄN-ĐÌNH) 簡(阮廷)

Người huyện Hoằng-Hóa, Thanh-Hóa, tính cương trực, khẳng khái, có khí tiết. Đậu tiến-sĩ đời Lê Hiển-Tông, bổ làm Ngự-sử-dài, rồi làm Đốc-đồng Nghệ-An, đến chức Đốc-trấn Cao-Bằng, đi đâu cũng được tiếng khen là công liêm. Đời Chiêu-Thống (1787) ông làm Thượng-thư Bình-chương-sự. Khi Tôn-Sĩ-Nghị bị thua, Chiêu-Thống chạy qua tàu. Đình-Giản theo không kịp, bèn trốn qua Sơn-Tây âm kết hào kiệt để đánh lại quân Tây-Sơn. Đình-Giản có một người con gái, bị tướng Tây-sơn bắt, lấy làm vợ. Nhân đó chúng bảo người con gái ấy viết thư để vời Ông đến. Đình-Giản mắng người đem thơ và nói rằng : « *Đứa con bất hiếu làm nhớ-nhuốc nhà ta, có lẽ đâu vì tình cha con mà loạn nghĩa vua tôi ; ta thề không đội chung trời với ngụy chúa ; chỉ có chết mới thôi* ». Sau ông bị bắt, phong cho quan tước, ông không theo. Tướng Tây-Sơn hỏi : « *Nếu tha ra thì làm gì ?* » Ông nói nếu không chết thì tìm cách báo thù cho nhà Lê. Rồi ông bị hại. Khi gần bị chết, ông ngâm :

Phiên âm :

*Hận vô Vương-Chúc trung thần kiếm,
Thặng hữu Văn Sơn chính-khí ca.*

Dịch nôm :

*Vương-chúc trung thần gươm chẳng có,
Văn-Sơn chính-khí tiết còn lưu.*

Bài thơ vịnh phiên âm :

Trương phu khởi vị nữ nhi mưu,

*Bất tử chung đương báo quốc cừu.
Đại nghĩa lẫm nhiên thiên cổ tại,
Văn-Sơn, Vương-Chúc chính kham mâu.*

Dịch nôm :

*Trương phu há vị đứa con ngu,
Chẳng thác thì sau cũng báo thù.
Nghĩa cả nghìn xưa còn rõ-rệt.*

Văn-Sơn, Vương-Chúc sánh nào thua. ¹³

GIẢN-(PHAN-THANH) 簡(潘清)

Tên chữ là Đạm-Như, hiệu Lương-Khê, người ở làng Tân-Thạnh, huyện Bảo-an, tỉnh Bến-Tre. Tiên tổ nguyên là người nhà Minh bên Tàu, sau khi nhà Minh bị Mãn-Thanh diệt, mới bỏ nước để qua Việt-Nam, ở tỉnh Bình-Định. Đến đời Phan-Thanh-Tập mới dắt gia quyến vào Nam. Thanh-Tập sinh ra Thanh-Ngạn, Thanh-Ngạn sinh ra Thanh-Giản, năm Bính-Thìn (1796). Đậu cử-nhân tại trường Gia-Định vào khoa Ất-Dậu (1825), và đậu tiến-sĩ khoa Bính-Tuất, niên hiệu Minh-Mạng thứ 7 (1826). Thọ hàm Hàn-lâm-viện Biên-tu, bổ chức Tham-hiệp ở Quảng-Bình. Năm Minh-Mạng thứ 12 (1831) làm Hiệp-trấn Quảng-Nam. Bấy giờ trong tỉnh có giặc Mọi nổi lên, Thanh-Giản đem quân đánh bị thua, bèn bị giáng chức, phải đi Tiền-quân hiệu lực. Năm sau giặc yên, được bổ về làm Viên-ngoại-lang bộ Hộ, rồi thăng Hồng-lô-tự-khanh. Năm Minh-Mạng thứ 13 (1832) được cử làm Phó sứ sang Tàu. Qua năm sau, sứ bộ trở về nước, Thanh-Giản được thăng Đại-lý-tự-khanh, sung Cơ-mật-viện Đại-thần. Cũng năm ấy (1834) dân Cao-Miên xâm địa hạt Châu-Đốc, vua sai Đông-các Trương-Minh Giảng, Vũ-hiển Nguyễn-Tri-Phương đem binh vào đánh lấy được đất, đặt tên lại là Trấn-Tây.

Sang năm sau, Minh-Mạng thứ 16 (1835), Thanh-Giản được bổ làm Kinh-lược Trấn-Tây, được ít lâu rồi sung chức Bố-chính tỉnh Quảng-Nam.

Năm Minh Mạng thứ 17 (1836) vua muôn ngự chơi núi Ngũ-Hành ở tỉnh Quảng-Nam, Thanh-Giản dâng sớ can, vua

giận, giáng ông làm Lục-phẩm thừa-viên, giữ việc quét dọn các bàn ghế ở công-đường tại Quảng-Nam. Năm thứ 19 (1838), bị lỗi lại phải giáng chức nữa, rồi bị sai đi coi việc đào mỏ vàng ở Quảng-Nam và mỏ bạc ở Thái-Nguyên. Năm thứ 20 (1839) Thanh-Giản được bổ làm Thông-chính-sứ, rồi chuyển làm Hộ-bộ Thị-lang. Bấy giờ có Vương-Hữu-Quang, người gốc Gia-Định, làm Tổng-đốc Bình-Định dâng sớ xin thiêu hủy bản tuồng « Lôi-phong-tháp » là tuồng chủ ý phi báng tròng đất thần linh. Vua Minh-Mạng không bằng lòng. Triều-đình cũng cho là lời tâu không chính đáng, có ý buộc tội Vương-Hữu-Quang, Thanh-Giản không đồng ý với các quan Cơ-mật, cực lực phản đối, làm sớ bày tỏ lẽ chính tà, công nhận lời của Vương-Hữu-Quang là chân chính. Rồi lại lẽ phải được thắng. Tuồng Lôi-phong-tháp bị đốt. Vương-Hữu-Quang và Thanh-Giản được khen ngợi trung-chính, nhất là Thanh-Giản từ đó rất được vui vẻ. Sử có chép rằng : « Thanh-Giản, ngộ sự cảm ngôn » (ông Thanh-Giản gặp việc dám nói) đây cũng là một chứng cứ.

Năm thứ 21 (1840) ông sung chức Phó-chủ-khảo trưởng Thừa-Thiên. Năm ấy vua Minh-Mạng băng, vua Thiệu-Trị nối ngôi.

Năm Thiệu-Trị thứ 2 (1842), nghe tin cha mất, ông về đinh-gian (chịu tang). Năm thứ 4 (1844), Thanh-Giản hết hạn đinh-gian, được bổ Đô-sát-viện Tả-phó-đô-ngự-sử, sung Cơ-mật viện Đại-thần

Năm thứ 7 (1847) vua Thiệu-Trị băng, vua Tự-Đức nối ngôi.

Năm Tự-Đức thứ 4 (1851), mấy tinh trong Nam dân sự
nhiều nhương, vua sai Nguyễn Tri-Phương và Phan-Thanh-
Giản vào trấn đất Nam-kỳ. Năm thứ 5 (1852) Thanh-Giản
cùng với Nguyễn-Tri-Phương ở trong Nam dâng sớ về tâu,
trong sớ có 8 điều, đại lược nói nhà vua phải nhớ nhiệm vụ
trị nước yêu dân và cần phải luyện tập binh lính để đủ sức
khi dùng võ v.v, Vua xem sớ, tuy khen ngợi và ban cho
Thanh-Giản một tấm kim-khánh khắc bốn chữ « Liêm, Bình
Cần, Cán », nhưng việc chính thì không sửa đổi gì.

Hai ông Thanh Giản và Tri-Phương vào trấn Nam-Kỳ, lấy
làm lo lầm, vì mình phải đương lấy trách nhiệm.

Năm Tự-Đức thứ 11 (1858) quan Chỉ-huy quân đội
Pháp-Ý là Rigault de Genouilly đem độ 3000 người và 14
chiếc tàu chiến đến cửa Đà-Nẵng. Quân vừa tới thì xả súng
bắn liền, rồi lên hạ thành An-Hải và thành Tôn-Hải. Vua Tự-
Đức liền sai Nguyễn-Tri-Phương ra làm Tổng thống. Chu-
Phúc-Minh ra làm Đề-đốc, dẫn quân hợp cùng Đào-Trí,
chống với liên-quân Pháp-Ý. Bấy giờ Thanh-Giản đương ở lại
trong Nam-Kỳ.

Sau khi quân Pháp bỏ Đà-nẵng đi. Triệu-đình bèn sai
Nguyễn-Tri-Phương, Phạm-Thế-Hiển vào Nam sung Gia-
Định quân thứ. Lúc gần đi Tri-Phương tâu với vua Tự-Đức
rằng mọi việc trong Nam đã có ông liệu quyết, còn ở mặt
Quảng-Nam mà có việc gì, thì Phan-Thanh-Giản và Nguyễn-
Bá-Nghi có thể cảng-đáng được. Xem đó thì biết Nguyễn-
Tri-Phương và Phan-Thanh Giản biết nhau nhiều lầm vậy.

Năm Tự-Đức thứ 13 (1860) Nguyễn-Tri-Phương lên đường vào Nam, đồng thời Phan-Thanh Giản ra Quảng-Nam.

Nguyễn-Tri-Phương vào Nam-Kỳ, xếp đặt ở Gia-Định một cách rất có qui củ, chực để chống với quân Pháp. Quân Pháp thì cỗ thủ, cứ đánh cầm chừng để đợi quân tiếp viện. Sau khi Anh-Pháp ký hòa ước với Lý-Hồng-Chương bên Tàu, bấy sự chiến tranh, chính phủ Pháp liền sai Trung tướng Charner, đem binh thuyền đến Việt-Nam chủ trương việc lấn Nam-Kỳ.

Năm Tự-Đức thứ 14 (1861) Trung-tướng Charner đem 70 chiếc tàu và 3500 quân bộ kéo tới Gia-Định, rồi tiến quân đánh đồn Kỳ-Hòa (người Pháp gọi là Chí-Hòa). Đồn Kỳ-Hòa thất thủ, Nguyễn-Tri-Phương bỏ đồn chạy về Biên-Hòa. Phá được đại đồn Kỳ Hòa rồi, Trung tướng Charner tiến đánh Biên-Hòa, Thủ-Dầu-Một và Tây-Ninh, rồi quay về phía tây đánh tỉnh Định-Tường (Mỹ Tho). Mỹ-Tho thất thủ, quan Hộ-đốc Nguyễn-Công-Nhàn bỏ thành chạy.

Triều-đình Huế liền sai Nguyễn-Bá-Nghi là Khâm-sai Đại-thần vào kinh-lý việc Nam-Kỳ. Bá-Nghi liệu thế không chống nổi quân Pháp, dâng sớ xin giảng hòa. Nhưng quan đại-thần Trương Đặng-Quế ở trong triều chủ chiến, nhất quyết mưu sự chống giữ.

Chẳng những Trương-Đặng-Quế ở trong Triều chủ chiến, mà ngay trong Nam-Kỳ vào buổi ấy cũng đã xảy ra nhiều trận đánh, do nhân dân tự động kháng-chiến tổ chức cơ-quan binh-bị phòng vệ.

Dân tình khổ sở vì ngoại xâm nội loạn, cả hai chính phủ Pháp Việt đều không yên. Triều-đình Huế đương lúc lo-lắng, chợt thấy có tin từ Gia-Định đưa về cho hay rằng : Thiếu-tướng Bonard (ông này sang thay Charner) có ý muốn giảng hòa. Vua Tự-Đức sai Phan-Thanh-Giản và Lâm-Duy-Hiệp vào Gia-Định giảng hòa. Phan-Thanh-Giản làm Chính-sứ toàn-quyền đại thần. Lâm-Duy-Hiệp làm Phó-sứ.

Hai ông Phan, Lâm vào Nam mở cuộc hội đàm với Bonard (Pháp) và Palanca (Ý). Ngày 5 tháng 6 năm 1862 Phan-Thanh-Giản, Lâm-Duy-Hiệp, Bonard và Palanca ký kết một tờ hòa ước có 12 khoản. Khoản nào cũng cay-nghiệt cả ; nhất là khoản thứ 3 : ba tỉnh miền đông là Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường thuộc người Pháp chiếm trọn. Còn một trong ba tỉnh miền tây là Vĩnh-Long cũng có hứa trả, nhưng chỉ hứa vậy thôi.

Đoạn rồi ông Phan làm tờ biểu gởi về tâu cho vua rõ sự tình. Vua Tự-Đức quở hai vị chính, phó sứ ; hạ dụ sai Phan-Thanh-Giản làm Tổng-đốc Vĩnh-Long. Lâm-Duy-Hiệp làm Tuần-vũ Thuận-Khánh, với mục đích : phải thương thuyết lại với người Pháp.

Ông Phan ở Vĩnh-Long, thương thuyết với đại-diện chính phủ Pháp đã nhiều lần, mà đại-diện Pháp nhất định không thay đổi gì trong bản hòa ước đã ký, nên cứ thế mà thi hành. Thế là trong các cuộc đàm phán, ông Phan bị thất bại luôn. Ông ưa nước mắt, dâng sớ về tâu với vua Tự-Đức.

Lần này ông Phan chẳng những bị quở mà còn bị cách chức luôn.

Cực chẳng đã phải nhường ba tỉnh miền Đông (Biên-Hòa, Gia-Định, Định-Tường), nhưng triều-đình Huế vẫn tìm cách để kêu nài lại.

Vì rằng điều đình bên này không xong, vua Tự-Đức bèn nghĩ tới việc phải sang nước Pháp để yết kiến vua Pháp mà thương thuyết mới mong có kết quả. Nghĩ vậy vua mới xuống dụ cho Thiếu tướng De Lagrandière (ông này sang thay Thiếu-tướng Bonard) biết ý định sẽ phái sứ bộ sang Pháp, nhưng vẫn dối rằng : đi đáp lễ Pháp hoàng Nã-Phá-Luân đệ tam, vì chính năm trước (1862) Bonard và Palanca đã ra Huế chúc mừng, cho nên nhà vua mới dựa vào đó mà mưu việc đưa sứ bộ sang Pháp.

Thiếu-tướng De Lagrandière chấp thuận đề nghị, phái chiếc tàu « Echo » chục đón sứ bộ Việt-Nam.

Phan-Thanh-Giản sung chức toàn-quyền chính-sứ, cùng đi với hai ông phó sứ là quan Tả-tham-tri bộ Lại Phạm-Phú-Thúy, và quan Án-sát tỉnh Quảng-Nam là Ngụy-Khắc-Đản, với 53 người tùy viên. Còn việc giao thiệp ở trong Nam-kỳ thì giao lại cho Trương-Văn-Uyển làm Tổng-đốc tỉnh Vĩnh-Long.

Sứ bộ xuống tàu « Echo » vào Gia-Định. Ngày 4 tháng 7 năm 1863 sứ bộ xuống tàu « Européen » sang Pháp, có Trung-úy Réunier hộ-vệ. Hai tháng bảy ngày sứ bộ tới đất Pháp. Ngày 10 tháng chín 1863 sứ bộ đến quận Toulon.

Chính phủ Pháp phái Đại-tá Aubaret là người ở bộ ngoại-giao thông thạo tiếng Việt, đứng ra làm thông ngôn khi nhà cầm quyền Pháp xuống tàu tiếp rước sứ bộ.

Chiều 29 tháng 9 1863. Tàu Labrador lại đưa sứ bộ tới Marseille. Chính phủ Pháp tổ-chức một cuộc tiếp rước chính-thức.

Sứ-bộ tạm nghỉ ở Marseille, rồi lên Ba-Lê, Kinh-đô Pháp. Sứ bộ được tiếp rước long trọng. Ông Feuillet de Conche đại-diện của Hoàng-đế Nã-Phá-Luân đệ-tam đến chào mừng sứ bộ, rồi đưa sứ-bộ về ở một biệt-thự đường Lord Biron.

Ông Aubaret đứng ra thông-ngôn những lời của ông Feuillet de Conches cho sứ-bộ hay rằng : Hoàng-đế Nã-Phá-Luân còn ở Biarritz, tháng sau mới về Ba-lê.

Đến ngày thứ 54 ở kinh đô Pháp (5 Novembre 1863) sứ-bộ mới được vào triều-kiến Pháp-hoàng. Sứ-bộ vào triều yết Pháp-hoàng tại điện Tuilerie, chắp tay ngang trán, ba lần cúi đầu chào, Hoàng-đế và Hoàng-hậu Pháp cúi đầu đáp lễ.

Ông Phan dâng bức thư ngoại giao. Pháp-hoàng đứng dậy, bước xuống một bậc tam-cấp, thân tiếp lấy bức thư.

Cuộc đàm phán mở đầu. Một bên thõng-thiết kêu gào công lý. Một bên thì trầm-ngâm nghe mà ít nói, dường như chiêm-nghiệm mĩy lời của sứ-thần Việt-Nam xem có đúng hay không. Pháp-hoàng nói : « *Nước Pháp từ-ái với tất cả dân tộc và sẵn-sàng bảo vệ những kẻ yếu. Song những kẻ nào cản đường tiến thủ của nước Pháp thì sẽ được biết sự nghiêm khắc của nó* ». Nghe những lời ấy, ông Phan đã có lòng chán nản.

Đoạn rồi sứ bộ xuống tàu « Japon » trở về nước.

Trong năm 1864, chính-phủ Pháp lại sai Aubaret sang làm toàn-quyền thay mặt chính-phủ để giải quyết vấn đề Pháp-Việt bang giao lúc bấy giờ. Về bên ta, triều đình cử ông Phan đại diện Nam-triều. Vừa sang Pháp đó, ông Phan lại đảm nhận trọng trách điều đình ngay trên lãnh thổ nhà. Lần này ông Phan sung chức toàn-quyền cùng với Trần-Tiễn-Thành và Phan-Huy-Vinh mở cuộc thương nghị với toàn quyền Aubaret.

Toàn-quyền Aubaret đưa bản thảo tờ hòa-ước, đại lược nói rằng Nước Pháp trả lại ba tỉnh Gia-Định, Biên-Hòa và Định-Tường cho nước Nam, chỉ giữ Saigon, Mỹ-Tho và Thủ-Dầu-Một để đóng quân. Nhưng nước Nam phải chịu mỗi năm là 2.000.000 tiền thuế. Ông Phan không dám nhận lời. Thế là cuộc thương thuyết việc giảng hòa không xong. Triều đình Huế chợt được sớ của Tổng-đốc Vĩnh-Long là Trương-Văn-Uyển về cáo cấp : Tình hình ba tỉnh miền tây (An-Giang, Vĩnh-Long và Hà-Tiên) nghiêm trọng.

Được sớ báo cấp của Trương-Văn-Uyển, vua Tự-Đức liền triệu tập các đại thần để quyết định tìm phương đối phó với tình thế. Triều thần đề cử Phan-Thanh-Giản ra đảm đương việc ấy. Vua Tự-Đức cho Phan làm Kinh-lược-sứ vào Vĩnh-Long để liệu bề xử trí. Phan bái mạng lên đường vào Nam, nhằm năm Bính-Dần (1866). Nhưng tình hình càng ngày càng gay-go, ông Phan không điều đình được việc gì, bèn dâng sớ về triều bày tỏ mọi nỗi khó-khăn và xin trả chức lại, vì tự trách mình bất lực không kham nổi việc lớn. Vua Tự-Đức không y cho từ chức mà lại quở rắng : « *Khanh chưa thực hành được việc gì gọi là đúng với kiến thức của* »

khanh, sao khanh vội từ chức ? » Quở như thế là vua có ý khuyễn-miễn nên gắng mà làm việc.

Bên phần người Pháp thì sắp đặt tàu thuyền quân lính. Thiếu-tướng De Lagrandière sai người đưa tối hậu thư cho Phan-Thanh-Giản. Phan than thở với các quan rằng : « *Đem sức mà chống nhau thì mình kém người xa lăm. Tôi nay đã 71 tuổi rồi, nếu đem thân ra chiến trường cầu lấy cái chết rạng danh, thì có gì hay bằng. Song các quan thử nghĩ : Tôi có cái nghĩa vụ giữ đất chấn dân, nay trên đồi với vua, nếu đành không giữ thì chết là đáng phận, song dưới đồi với dân còn nỡ nào bắt chúng chịu lầm than để nhẹ tội mình* ».

Sau Phan lại đứng ra xin cho điều đình. De Lagrandière bỗng lòng, mời xuống tàu. Phan cùng với Án-sát Vĩnh-Long là Vũ-Doãn-Thanh xuống tàu hội đàm.

De Lagrandière đưa điều kiện buộc phải nhường luôn ba tỉnh miền Tây. Phan tái mặt và nói : « *Tôi có quyền giữ đất, chứ không có quyền nhường đất. Xin cho tôi hỏi lại ý kiến triều-đình Huế* ».

De Lagrandière bỗng lòng cho chờ Phan-Thanh-Giản hỏi lại ý kiến triều-đình Huế. Nhưng lúc Phan vừa lên bờ, trước sau có binh sĩ Pháp kèm giữ, thì cùng là lúc quân đội Pháp ào vào thành...

Vĩnh-Long thất thủ trong một buổi sáng ngày 20-6-1867 (Tự-Đức năm thứ 20). Rồi đến Châu-Đốc thất thủ nửa đêm 21 rạng 22 và Hà-Tiên thất thủ vào 9 giờ sớm mai ngày 24.

Năm ngày mất ba tỉnh. Nam-kỳ thuộc Pháp.

Phan bấy giờ mới sa nước mắt, hết lòng tin-tưởng và ngao-ngán cho sự bất trắc của lòng người ; bèn ra ở trong cái nhà tranh nhỏ rồi viết một tờ sớ, lời lẽ cực kỳ lâm-ly thõng-thiết, có một đoạn dịch ra như sau :

« ...Xứ Nam-Kỳ chẳng may gặp buổi khó-khăn nhơ-nhớp, hơi độc đầy đặc, ùn-ùn từ ngoài cõi đưa vào mạnh-mẽ, thế không ngăn được. Kẻ hạ thần tội đáng muôn thác, không dám sống rán mà để nhục Vua Cha. Bệ Hạ là bậc rộng rõ việc xưa nay, sâu biết lẽ trị loạn, đã năng gần người hiền trong triều ngoài quận mà cùng lo việc nước, tính trước toan sau, lại hay thay dây đổi bánh, thời thế còn có chỗ khả vi... Kẻ hạ-thần đến lúc chỉ còn thoi-thóp, cứng miệng nghẹn hẫu, không biết tâu điều gì, chỉ có rơi lụy trông về cung-khuyết, không xiết ước mong mà thôi ».

Từ ngày gởi sớ, sắc và đồ triều-phục về kinh, thì Phan tuyệt thực. Thấy Phan tuyệt thực, con cháu đều khóc. Phan cười mà bảo rằng : « Ta nay là người vô dụng, sống thì không ích lợi cho quê hương, thác cũng chẳng thiệt-thòi cho xã-hội. Chỉ khuyên các con chớ nên trực lợi cầu vinh mà làm điều nhẫn tâm hại lý. Hãy cố học hỏi cho bằng người Âu-Tây, hãy rán phò vua giúp nước, toan lo cho hết sức người, họa may sau nầy đáng làm vẻ-vang cho tổ-quốc ».

Giữa lúc đau-đớn tê-mê, chính là lúc ở triều-đình Huế đang nghị luận về tội trạng của Phan làm mất ba tỉnh miền Tây, rồi buộc tội và tuyên án gắt-gao : cách chức, đục bỏ tên trong bia tiến-sĩ.

Tuyệt thực trong 7 ngày mà không chết, Phan bèn quyết định dùng thuốc độc cho sớm lìa xa cõi trần, mới cho gọi tất cả con cháu đến để trỗi lần cuối cùng : « *Cha không có tài sản gì để lại cho các con chỉ có bao nhiêu sách vở quý báu (xem ở dưới), các con nên dinh-giữ và cố học hành cho nên người. Các con chẳng nên lãnh chức gì của chính phủ Lang Sa cả. Sau khi cha chết thì đem về Bảo-Thạnh chôn gần bên mộ tiên-nhân* ».

Con cháu rỗng khóc, Phan vẫn thản-nhiên. Rồi vào lúc canh ba đêm mồng 4, Phan nâng chén a-phiến mà uống cạn, mất nhắm ngày mồng 5 tháng 7 năm Đinh-Mão, Tự-Đức thứ 20 (1867). Khi chưa mất, còn gắng gượng viết để lại mấy chữ dặn cho con cháu phải để làm mộ chí : « **ĐẠI-NAM HẢI NHAI LÃO THƯ-SINH TÍNH PHAN CHI MỘ** »

Những sách để lại là :

- 1) Du Kinh tập (lúc Phan đi thi hội 1826)
- 2) Toài Cầm (điếc ông bạn là Lê Bích-Ngô-1827)
- 3) Kinh-Đài thi tập (lúc đi sứ Tàu-1832)
- 4) Minh-Mạng Chính Yếu-1837)
- 5) Việt-Sử Thông-Giám Tổng Mục-1853
- 6) Sứ Trình Nhật Ký (lúc đi sứ Pháp-1863)
- 7) Khảo Cổ Ức Thuyết
- 8) Lương Khê Thi Khảo.

Phan-Thanh-Giản có 4 người con trai :

- 1) Phan-Thanh-Quân (mất sớm)
- 2) Phan-Thanh-Hương

3) Phan-Thanh-Tòng, tên chữ là Liêm, nên cũng gọi là Phan-Liêm

4) Phan-Thanh-Tôn, tên chữ là Thiên cũng gọi là Phan-Tôn.

HÀI-(ĐOÀN-NHỮ) 諧(段汝)

Người ở Trường-Tân, Hồng Châu. Đời vua Trần Anh-Tông, ông du học ở Trường-An. Một hôm Thượng-hoàng (Nhân-Tông) từ Thiên-Trường về Kinh-sư. Đi xem khắp các cung điện, mà vua Anh-Tông thì say nhù, nằm ngủ không biêt. Thượng-hoàng nổi giận truyền xa-giá trở về Thiên-Trường, hạ chiếu đòn bách quan về Thiên-Trường điểm tập. Anh-Tông tỉnh rượu dậy, nghe nói mới biêt, rất sợ hãi, đi thẳng ra ngoài điện ; khi ngang trước chùa Thiên-phước, thấy một tên thơ-sinh ở nơi cửa chùa liền hỏi. Nhữ-Hài thưa : « Tôi tên là Đoàn-Nhữ-Hài đi học, lỡ ra phải đứng đây ». Vua bèn dắt Nhữ-Hài vào và nói : « Hồi nãy trẫm vì say rượu, đắc tội với Thượng-hoàng. Nay ta muốn tạ tội, ngươi đã là thơ-sinh, phải làm cho ta một tờ biểu văn để tạ ». Nhữ-Hài lập tức cầm bút làm xong ngay. Anh-Tông bèn cùng Nhữ-Hài sang Thiên-Trường tạ tội, mà cho Nhữ-Hài vào trước (vì Anh-Tông chưa dám vào).

Thượng-hoàng thấy Nhữ-Hài, hỏi là người nào. Các viên hầu tả-hữu tâu rằng đấy là người của Quan-Gia (Hoàng-đế) sai đem dâng tờ biểu. Thượng-hoàng làm thịnh. Nhữ-Hài thì tay cầm tờ sớ mà quì giữa sân. Mãi tới chiều, gặp trời mưa gió lớn, Nhữ-Hài cứ quì bất động. Thượng-hoàng hỏi : « Người ngoài sân còn đó không ? » Chúng tâu : « Hãy còn ». Thượng-hoàng mới truyền lấy tờ biểu xem, thấy lời lẽ trong tờ biểu rất khẩn-thiết, bèn cho đòn Anh-Tông vào, khiến về phục vị. Anh-Tông từ Thiên-Trường trở về, liền cho Nhữ-Hài làm Ngự-sử Trung-tán. Lúc bấy giờ có người ghét

thiếu niên dụng sự, làm bài thơ nhạo-báng có câu rằng : « *Khẩu tồn nhũ xú đoàn Trung-tán* ». Dịch nôm : *Trung-tán Đoàn miệng còn hôi sữa.*

Sau nhân khi sắp đi sứ nước Chiêm-Thành, ông vào yết-kien Thượng-hoàng tại chùa Sùng-Nghiêm. Thượng-hoàng cùng ông tiếp chuyện một hồi. Khi ông trở về rồi, Thượng-hoàng bảo những người hầu tá-hữu rằng : « *Nhữ-Hài thật là một kẻ thiện-sĩ, cho nên được Quan-Gia sai khiến là phải lắm* ».

Từ trước đến giờ, khi nào sứ nước ta đến Chiêm-Thành, đều lạy chúa của họ, sau mới mở tờ chiếu-thư. Nhữ-Hài thì đặt thăng chiếu-thư lên trên án mà lạy, tỏ ý là lạy tờ chiếu. Từ ấy về sau sứ ta sang Chiêm-Thành mà không lạy chúa Chiêm là từ Nhữ-Hài trước. Đi sứ về, thăng Tham-tri Chính-sự, tri Khu-mật viện sự.

Niên hiệu Hưng-Long, năm thứ 15 (1307) cải hai châu : Ô và Lý của Chiêm-Thành nạp lúc trước làm Thuận-Châu và Hóa-Châu. Vua sai Nhữ-Hài đến tuyên đức-ý để dụ dân cho yên cư lạc nghiệp. Năm thứ 20 (1312) theo đánh Chiêm-Thành, làm chức Chiêu-dụ-sứ, đến trại Câu-Chiêm, ông dụ Chiêm chúa đến hàng, không mất một mũi tên, mà bình được nước Chiêm-Thành.

Đời vua Hiển-Tông, giữa niên hiệu Khải-Hựu (1333), Thái-Thượng-Hoàng (Minh-Tông) thân chinh Ai-Lao, cho ông làm Đốc-tướng. Nhữ Hài nghĩ rằng Ai-Lao hèn yếu, chỉ đem quân thần-vũ và quân của Nghệ-An vào trước, tướng cũng đủ rồi. Không ngờ đến khi giao chiến, gặp lúc trời sa mù mờ

tối, bị quân địch giáp công, quan quân bị sa ngã xuống nước, chết hết quá phân nửa, Nhữ-Hài cũng nằm trong đám ấy. Minh-Tông nghe tin bèn bảo rằng : « Nhữ-Hài dùng cái mưu tất thắng, thừa cái thế tất thắng, công dã gần thành mà bị quân giặc phỉnh, không phải ông không biết liệu định, nhưng làm hơi quá gan mà sinh ra thế vậy ».

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Báu biểu hoàn năng bái chiếu thư,
Khẩu trung nhụ xú tiểu đồ hư.
Nhất ngôn cường lỗ gai qui mạng,
Tập kiến thành công lự chuyển sơ.*

Dịch nôm :

*Lạy chiếu vua ta chẳng lạy Chàm,
Miệng còn hôi sữa chúng chê thăm.
Một lời giặc dữ đều qui phục ;
Quen thấy thành công phải lỡ lâm.*

HÃN-(TRẦN-NGUYÊN) 扈(陳元)

Người ở Lập-Thạch, con cháu Trần-Nguyên-Đán là Tư-đồ đời Trần. Cuối nhà Hồ, Nguyên-Hãn có chí phục thù, nghe Lê-Thái-Tổ khỉ binh, bèn tìm đi theo. Thái-Tổ biết Nguyên-Hãn có tài lược, rất hậu đãi. Ông đi theo đánh giặc có công, thăng chức Tư-đồ. Khi Thái-Tổ vây Nghệ-An thì khiến Nguyên-Hãn cùng Thượng-tướng là Lê-Nô vào đánh mầy thành Tân-Bình, Thuận-Hóa và chiêu dụ nhân dân. Đi đến Bố-Chính-Châu thì gặp quân nhà Minh, Nguyên Hãn đem binh vào chỗ hiểm, mai phục rồi dụ giặc, quả nhiên chặn đánh được, giết quân giặc rất nhiều. Quân dân của mầy thành Tân-Bình và Thuận-hóa đều qui thuận, lấy được đất các miền ấy. Thái-Tổ tới vây Đông-Đô (Hà-Nội), sai Nguyên-Hãn cùng Lê-Bi đem quân đến ngã sông Đại-Lũng theo con sông Hát-Giang, xuống dòng Lư-Giang đánh quân Vương-Thông nhà Minh, lấy được thuyền của quân địch hơn trăm chiếc. Về thăng Thái-úy.

Nguyên-Hãn cùng Lê-Sát tới đánh Xương-Giang thành (thành này của người Minh đắp ở Thọ-Xương, phủ Lạng-Giang). Lúc bấy giờ quan Chỉ-huy nhà Minh là Kim-Dẫn nghĩ rằng thành ấy là chỗ yết-hầu, để phòng khi tháo lui, cho nên cõi giữ riết, đánh đã sáu tháng mà không hạ được. Nguyên-Hãn mới đào hầm, chôn tạc-đạn cả bốn mặt giáp công, thành bị hầm. Đoạn rồi Hoàng-Phước, Thôi-Tụ tiếp đến thì thấy thành bị hầm rồi, hoảng-hốt, trở tay không kịp, đều bị bắt cả, Vương-Thông thấy thế không đánh được nữa, xin giảng hòa, Thái-Tổ thuận cho, rồi cùng với Vương-Thông

lập đàn thề ở phía nam thành Đông-Quan. Trong tờ hội minh có tên Nguyên-Hãn đứng hàng thứ nhì. Khi luận công hành thưởng, thì ông được thăng chức Tướng-quân.

Nguyên-Hãn thường nói với người ta rằng : « *Tướng-mạo Thái-Tổ như tướng Việt-Vương (Câu-Tiễn), tướng người phản trắc, không thể ở chung trong lúc yên vui được* ». Rồi ông xin về nhà nghỉ việc. Vua y cho.

Thái-Tổ lúc tuổi già, nǎng đau, Thái tử thì còn nhỏ, Nguyên-Hãn thì là dòng dõi họ Trần, lại được người đương thời kính trọng, Thái-Tổ sinh nghi trong lòng. Bọn Đinh-Bang-Bổn, Lê-Quốc-Khí, Trịnh-Hoàng-Bá dò biết ý vua ngờ, dành nhau dâng mật sớ khuyen Thái-Tổ diệt trừ Nguyên-Hãn đi. Rồi có người cáo rằng Nguyên-Hãn mưu phản, vua bèn cho lực-sĩ đi bắt ông về để tra hỏi. Khi thuyền đi đến bến sông ở dưới Sơn-Đông, ông tức giận quá, ông vái với trời cho gió to để úp thuyền mà chết cho khuất mắt. Quả nhiên thuyền bị úp, bốn mươi người lực-sĩ và Nguyên-Hãn đều chết đắm. Sau Thái-Tổ cũng ghét bọn Bang-Bổn và Quốc-Khí là bọn gian xảo, nên cho đày đi xứ xa cả. Nguyên-Hãn sau khi mất, phương dân lập đền thờ phụng.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Việt-Vương kỳ tướng dĩ tiên tri,
Ủy chí quân môn khước bất nghi.
Khả tích biên châu tùy Phạm-Lãi
Ngũ hồ bất đáo, tại giang my.*

Dịch nôm :

Tướng kỳ Câu-tiễn biết từ xưa,

*Lui tới quân môn chẳng chút ngờ.
Những tiếc dong thuyền theo Phạm-Lãi,
Năm Hồ chẳng đến, đỗ bên bờ.*

HÃNG-(NGUYỄN-CÔNG) 汲(阮公)

Người ở Phù-Chân, Đông-Ngạn, đậu tiến-sĩ đời vua Lê Hi-Tông. Đời Dụ-Tông niên hiệu Vĩnh-Thịnh năm đầu (1705) làm quan Đề-hình, nhờ có trực ngôn (nói thẳng) được kết tri với Trịnh-Cương, thăng Đô-ngự-sử, rồi được thăng Đốc-trấn Cao-Bằng. Cao-Bằng là chỗ quan-yếu, Cương muốn cho lên đấy đặng nhờ bổng-lộc. Hãng nói muốn ở gần bên Cương chứ không muốn đi ra châu, quận. Cương khen giỏi, nhưng ép bắt phải đi. Ở trấn được hai năm, rồi vời về làm Bình bộ Hữu-thị-lang. Đi sứ nhà Thanh về, thăng Thượng-thơ, cùng Lê-Anh-Tuấn vào làm chức Thị-tụng.

Lúc bấy giờ Trịnh-Cương muốn canh trương pháp-đô, Công-Hãng tán thành những ý kiến của Cương. Công-Hãng là người quả quyết tự dụng và Cương cũng tín dụng Công-Hãng nên mới định binh pháp lại, định phép vũ-cử, định các ngạch thuế, v.v... để thâu góp của cải của dân. Phàm việc gì mà quan hệ đến việc canh trương chẽ-độ đều do Công-Hãng bàn định.

Một hôm, vào lúc canh năm, Trịnh-Cương khiến với Công-Hãng và Anh-Tuấn vào nhà trong nghị việc, Công-Hãng đương ngủ chưa dậy, Cương ngồi đợi Công-Hãng vào, rồi cùng ngồi bàn việc, đến trưa mới ra.

Công-Hãng cùng bọn Trịnh-Quán khuyên Cương mặc áo sắc vàng, mà Cương không dám theo, chỉ mặc sắc cổ-đồng thôi. Lại muốn vì Cương dựng đô-thành ở Cổ-Bi, để dần-dần dời triều đình qua đấy, khiến thiên hạ muốn triều kiến thì

không đến Thăng-Long, mà chỉ đến với mình thôi. Sau Cương bị chết thình lình ở Như-Kinh (tên làng) việc ấy bèn im đi.

Đời Hôn-Đức-Công (Đế Duy-Phường) niên hiệu Vĩnh-Thạnh thứ đầu (1729), thăng Lại-bộ Thượng-thơ, gia hàm Thái-phó. Công-Hãng chấp chính đã lâu ngày, quyền khuynh trung ngoại, ngày một kiêu căng. Sau bị Trịnh-Trinh-Giang không ưa, phải ra làm Thừa-chính-sứ ở Tuyên-Quang rồi bị tú tử (bắt phải tự-tử).

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Phân-phân tân pháp võng dân tài,
Súy điện tham mưu mộ dạ bối.
Đô tỉ Cổ-Bi do vị cánh,
Tuyên-Quang nhất khứ dĩ nan hối.*

Dịch nôm :

*Phép mới bời-bời quét của dân,
Đêm hôm trong các được vào gần.
Cổ-Bi chưa thấy dời dinh phủ,
Ra trấn Tuyên-Quang đã bỏ thân.*

HÂN-(LÊ) 忻(黎)

Người huyện Nam-Đàn, Nghệ-An, đời Lê-Cảnh-Hưng làm chức Huyện-Thừa. Lúc Tây-Sơn nổi lên, ông quyên tiền mỗ dũng sĩ cầm cự rồi thăng thự trấn-thủ ở Kinh-Bắc. Khi Sĩ-Nghị đem quân qua viện, Hân đem dũng sĩ hội lại đánh cùng quân Tầu sáu trận đều thắng. Đến khi quân Thanh thua, Chiêu-Thống chạy qua Tàu, Hân cùng Lê-Văn-Trương lục tục chạy theo đến Yên-Kinh, cùng nhau ăn huyết thệ, dâng biểu lên vua Thanh xin viện binh, nhưng bị Thanh triều cản trở, và xiêng lại dẫn về yên trí ở phủ Phụng-Thiên.

Hân ở Tàu 14 năm, làm nghề thuốc trị bệnh có tiếng, được quan Thái-thú họ Lưu gả con gái cho. Gia-Long năm thứ 3 (1804) Hân theo linh-cữu vua Chiêu-Thống về đến Thăng-long. Rồi bệnh mất, chôn ở bên lăng vua.

HIỂU-(LÊ-PHỤNG) 曉(黎奉)

Người ở Băng-Sơn, Hoằng-Hóa, Thanh-Hóa ; lúc trẻ đã có tiếng hùng-dũng. Thời bấy giờ có hai làng : Cổ-Bi và Đàm-Xá giành địa giới, sắp đánh nhau. Phụng-Hiếu bảo các phụ lão rằng : « Một mình tôi đánh cũng nổi với chúng ». Phụ lão mừng dọn rượu thịt mời ông. Một mình ông ăn gấp hai chục người, uống rượu cũng thật nhiều. Ăn xong ra khiêu chiến với làng Đàm-Xá. Ông nhổ cây xông vào đánh dân chúng làng ấy, làm cho họ bị thương rất nhiều, rồi chúng không dám đến gần nữa.

Lý Thái-Tổ nghe tiếng, đòi vào cho làm Vũ-vệ Tướng-quân. Thái-Tổ băng ; di chiếu để cho Thái-tử Phật-Mã nối ngôi. Khi ấy ba vị vương là Đông-Chinh, Dực-Thánh và Vũ-Đức làm loạn. Thái-tử bảo đóng cửa thành, khiến vệ-sĩ canh giữ. Quân ba vương càng xông tới. Thái-tử nghĩ rằng không chống nổi, mới bảo Phụng-Hiếu và bọn Lý-Nhân-Nghĩa, Dương-Bình, Quách-Thịnh, Lý-Huyền-Sư rằng : « Việc đã xảy ra thế, thì ta chỉ có ở trong nầy hẫu tang Tiên-đế, còn việc ngoài giao cho các ngươi liệu lấy ». Mấy ông ấy đều lạy mà rằng : « Vì nạn vua mà chết, là chức phận của bầy tôi ; chết như thế là đắc kỳ sở, còn từ chối gì ». Bèn mở cửa ra đánh. Khi mới tiếp chiến, chưa quyết hơn thua, Phụng-Hiếu tức giận, tuốt gươm đến cửa Quảng-Phước mà hô to lên rằng : « Các ngươi dòm ngó ngôi báu, khinh rẻ tự quân, trên quên ơn chúa, dưới trái nghĩa tôi, vậy Phụng-Hiếu xin dâng lát gươm nầy ». Nói xong, chạy xông vào chém Vũ-Đức vương ở trận tiền. Quân các vương trông thấy, sợ hãi,

bỏ chạy cả. Dực-Thánh vương và Đông-Chinh vương cũng phải chạy trốn.

Khi trở vào, Thái-tử nói : « *Ta thường xem sử Đường, thấy Uất-Trì-Kính-Đức cứu vua khỏi nạn, ta tưởng đời sau không ai ví nổi ; nay mới biết Phụng-Hiếu trung dũng hơn Kính-Đức xưa vậy* ».

Thái-Tông lên ngôi, nghĩ Phụng-Hiếu có công dẹp loạn, cho thăng Đô-đốc Thượng-tướng-quân. Trong niên hiệu Thiên-Cảm-Thánh Vũ (1044) theo Thái-Tông đi đánh Chiêm-Thành, ông làm Tiên-phong, phá được quân giặc, bắt chúa Chiêm-Thành là Sạ-Đầu. Khi khải-hoàn định công treo thưởng, song Phung-Hiếu không muốn tước thưởng và chỉ xin lên núi Băng-Sơn, lia con dao ra, xem dao rót đến đâu, thì cho phần đất đến đấy để làm của riêng. Vua y cho. Phụng-Hiếu lên núi lia con dao xa hơn mười dặm, rót xuống địa phận làng Đa-Mỹ. Vua cho ông đất ấy mà thu thuế lấy. Sau ông mất, người trong làng làm nhà thờ ông.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Bạt đao trực phạm định tiêu-tường,
Tảo tự sơ niên phục lưỡng hương.
Nhất trích Băng-Sơn nhiêu sản nghiệp,
Cánh du Vương-Tiễn mỹ điền trang.*

Dịch nôm :

*Giờ gươm dẹp được loạn tiêu-tường ¹⁴
Hùng dũng từ khi phục mĩ làng.
Lên núi quăng dao nhiêu ruộng đất,
Hơn chàng Vương-Tiễn tốt điền trang.*

HỔ-(BÙI-CẨM) 虎(裴柃)

Người ở Đô-Liêu, Thiên-Lộc. Đời vua Lê Thái-Tông, vì có nho học, được tiến dụng, bổ chức Ngự-sử-trung-thừa. Tính ông cương trực, không sợ những kẻ có quyền thế ; gắp việc cũng hay can gián vua.

Đời vua Thái-Tông, Tể-tướng là Lê-Sát, người gian trá lại hay lạm quyền, vua muốn giết để bêu cho chúng biết. Cầm-Hổ tâu : « *Tôi Lê-Sát tuy đáng chết, nhưng đã tăng làm đại-thần, nay giết mà bêu ra xấu hổ, e đời sau người ta chê cười chăng !* » Thái-Tông nghe lời bèn cho Sát tự tận.

Đến đời Nhân-Tông, ông thăng Tham-tri chính-sự, rồi mất.

Tương truyền rằng lúc Bùi-Cầm-Hổ đi học ở Trường-An, nghe có một người đi buôn bán lâu ngày ở đường xa về nhà, người vợ nấu canh lươn cho ăn, thì chết liền. Người trong họ ngờ là người vợ thuốc chồng, đem việc ấy kiện lên quan, quan bắt người vợ giam để trị tội. Cầm-Hổ nghe vậy, cho là việc oan, rồi nói với mấy người quen rằng : « *Nếu tôi làm quan án, thì tôi xét nghi ngục ấy ra ngay* ». Quan Hữu-tư nghe nói thế bèn mời ông đến hỏi. Cầm-Hổ bảo đi tìm trong các chợ ở thành phố, thấy con lươn nào sắc vàng lẩn đen mà nơi cổ nhiều lãm-chãm như hột cườm, và ngóc đầu lên được ba tấc là thứ lươn độc, ăn phải thì chết ngay. Quan nghe lời, khiến đi tìm thứ lươn đó, đem về nấu cho một tên tù tử tội ăn, thì thật quả chết liền. Quan án khi ấy mới hiểu, liền tha người đàn bà ấy khỏi tội.

Gần nhà ông ở nơi Hồng-Lĩnh, ông có đào một đường kênh dẫn nước vào ruộng được hơn nghìn khoảnh. Người trong làng nhớ ơn ấy, sau khi ông mất, có đền thờ ông ở dưới Bạch-Tỷ sơn.

HUY-(ĐÀM-THẬN) 徽(譚慎)

Người ở Ông-Mặc, Đông-Ngạn, đậu Tiến-sĩ đời Lê-Hồng-Đức ; đầu hết làm Hàn-lâm Hiệu-thảo, dự vào Tao-đàn Nhị-thập-bát-tú. Đời Tương-Dực-Đế, có công ứng nghĩa, thăng Hình bộ Thượng-thơ, đi sứ Minh về, thăng Lại bộ Thượng-thơ, Lâm-xuyên bá. Khi vua Chiêu-Tông bỏ Thăng-Long đi, ông cùng Nguyễn-Hữu-Nghiêm, Nghiêm-Bá-Ký phụng mật chiêu về Bắc-giang khởi binh, suất con em binh sĩ hơn năm vạn người, đóng binh nơi Tây-Kiều-Giang ở Đông-Ngạn, chống với họ Mạc, không nổi, ông uống thuốc độc tự tận.

Đăng-Dung cảm lòng ông có nghĩa với vua, truy tặng tước Hầu. Sắc tặng mới đến thôn Cổ-Trâu, thình lình không có lửa mà bị cháy hết. Em Thận-Huy là Thận-Giản cũng đậu tiến-sĩ, và con cháu ông kế tiếp đăng khoa đến mấy đời.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tao-đàn tú-thất liệt quần tinh,
Sinh hữu tài danh, tử hữu linh.
Ngụy chiêu truy bao hà xứ vãng,
Trung đồ quỉ hỏa dĩ huỳnh-huỳnh.*

Dịch nôm :

*Tao đan lên sánh với chư tinh,
Sống có tài danh, thác có linh.
Chiêu ngụy truy phong đi chửa tối,
Giữa đường lửa dậy cháy thình-lình.*

HÙNG-VƯƠNG 雄王 (2879-258 tr Th.C)

Họ Hồng-Bàng. Theo Sử ký ngoại-ký : Vua Kinh-Dương-Vương lấy nàng Thần-Long, con vua Động-Đình, sinh ra Lạc Long-Quân ; Lạc-Long-Quân lấy nàng Âu Cơ, con vua Đẽ Lai, sinh ra Hùng-Vương. Hùng-Vương dựng nước, gọi là nước Văn-Lang, đóng đô ở Phong-Châu (bây giờ ở vào huyện Bạch-Hạc tỉnh Vĩnh-Yên), chia nước ra làm 15 bộ : 1) Văn-Lang (Bạch-hạc, Vĩnh-yên), 2) Châu-Diên (Sơn-Tây), 3) Phúc-Lộc (Sơn-Tây), 4) Tân-Hưng (Tuyên-Quang), 5) Vũ-Định (Thái-Nguyên, Cao-Bằng), 6) Vũ-Ninh (Bắc Ninh), 7) Lục-Hải (Lạng-Sơn), 8) Ninh-Hải (Quảng-Yên), 9) Dương-Tuyền (Hải-Dương), 10) Giao-Chỉ (Hà-Nội, Hưng-Yên, Nam-Định, Ninh-Bình), 11) Cửu-Chân (Thanh-Hóa), 12) Hoài-Hoan (Nghệ-An), 13) Cửu-Đức (Hà-Tĩnh), 12) Việt-Thường (Quảng-Bình, Quảng-Trị), 15) Bình-Văn (?)

Đặt chức quan : quan văn gọi là Lạc-hầu, quan vũ gọi là Lạc-tướng. Con trai vua gọi là Quan-lang, con gái vua gọi là Mỹ-nương. Cha truyền con nối được 18 đời đều gọi là Hùng-Vương.

Vua Hùng-Vương thứ 18 có một con gái là Mỹ-Nương, sắc đẹp. Vua nước Thục đến cầu hôn, Hùng-Vương không gả. Thục-vương tức giận, dặn con cháu về sau sao cũng đánh diệt nước Văn-Lang để báo thù. Đến khi Thục với Văn-Lang đánh nhau, Thục thường bị thua, Hùng-Vương lại càng ý mình có thần lực, không lo việc vũ-bị, chỉ lấy rượu chè chơi nhởn làm vui, nhưng cái thần nỏ đã mất máy đi rồi mà Hùng-Vương không biết. Khi quân Thục bức gần đến, vẫn

còn say chưa tỉnh. Quân lính đều trở giáo hàng giặc, đến bị mất nước.

Bài thi vịnh phiên âm :

*Văn-Lang kiến quốc lịch thiên niên,
Phụ đạo tương thừa thập bát truyền.
Tự thị tửu binh năng khước địch,
Khẳng tương lân nghị ngộ thuyền quyên.*

Dịch nôm :

*Văn-Lang dựng nước kể nghìn năm,
Mười tám đời vua nối dõi làm
Ỷ có tửu binh hay dẹp giặc,
Há vì lân nghị để con lâm.*

KỲ-(BÙI-BÁ) 耆(裴伯)

Người ở Hạ-Hồng (tức là Ninh-Giang), lúc đầu làm tỳ-tướng của Trần-Khát Chân, chống với giặc ở Đông-hải. Khi Quý-Ly đã tiếm ngôi, Bá-Kỳ sang Tàu cáo nạn, kể hết các tội thoán thí của cha con Quý-Ly, khiến cho các trung thần lương sĩ thấy đều đau lòng xót ruột và xin đem binh sang điểu dân phạt tội, trừ khử gian đồ, mà lập con cháu họ Trần, v.v...

Vua Minh Thành-Tổ, thấy lời lẽ cảm động, bèn khiến quan hữu-tư cấp áo cơm cho. Cũng trong lúc ấy, gặp một người gọi là Thiêm-Bình đến Minh, ngụy xưng là cháu họ Trần. Người Minh hỏi Bá-Kỳ có biết người ấy không. Bá-Kỳ nói rằng không biết. Đến khi cho Thiêm-Bình về nước, người Minh hỏi nêu bao nhiêu quân sĩ ; Thiêm-Bình nói chừng vài nghìn người thì đã vừa. Bá-Kỳ nói không được. Minh-Đế giận, truyền đem Bá-Kỳ an trí ở Cam-Túc. Đến khi Thiêm-Bình bị thua, Minh-Đế đòi Bá-Kỳ về, bảo về tìm con cháu họ Trần mà lập, mà Bá-Kỳ phải làm phụ thân để giúp. Sau khi người Minh đã bắt được cha con Quý-Ly, thì lập quận huyệ, cho Bá-Kỳ làm Hữu-tham-nghị. Bá Kỳ không chịu ở với đồng liêu nha môn chỉ ở một mình nơi Hoành dịch, những kẻ cựu thần bơ vơ, đều tiếp về với ông. Gặp khi người thổ-hào ở Đông-Triều là Phạm-Chấn lập Trần-Nguyệt-Hồ làm vua ở Bình-Than, người Minh ngờ Bá-Kỳ có dí chí, bắt đem qua Kim-Lăng, rồi sau không biết ông ở đâu nữa.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Nhất nhập u yên lữ ảnh đan,
Tự kỳ kế tuyệt ủy trung can.
Tịch cư hoành-dịch không hoài cựu,
Diệc dự Minh đô nhất tiểu quan.*

Dịch nôm :

*Từ vào đất khách bắt tin nhàn,
Mong lập Trần gia thỏa ruột gan.
Hoành-dịch một mình buồn nhớ cũ,
Triều Minh cũng dự một hàng quan.*

KÝ-(NGUYỄN-BÁ) 驥(阮伯)

Người ở Huân-Nội, phủ Chương-Đức, đậu tiến-sĩ đời vua Lê Nhân Tông, đầu bối làm Hàn-lâm Tri-chẽ-cáo, rồi thăng Trực-học-sĩ. Đi sứ sang nhà Minh mừng lễ lập Thái-tử, về bổ vào Kinh-diên, lần lượt lên chức Trung-thư-lệnh Thị-lang, gia hàm Quốc-tử-giám Tể-tửu, Văn-minh-điện Đại-học-sĩ, vua ban cho hiệu là Văn-Phong.

Ông thấy vua Thánh-Tông làm văn, thường lược bỏ kinh-sử, ông dâng sớ can. Vua khen là trung thắn. Khi ông mất, vua sai quan bộ Lễ đem sắc dụ đến tế. Trong văn tế có câu rằng : « Nhĩ, sự thượng dã trung, trì thân dã chính, đán tịch vu tư lục niên, khí cơ tuyệt thời, trung do vị dĩ... » (Ngươi, thờ vua trung, giữ mình chính, chầu chực hôm sớm đã sáu năm nay, lúc gần tắt hơi, vẫn còn lòng trung...)

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Bình sinh tri ngộ vị văn chương,
Bác sử cùng kinh miễn thánh vương.
Tể độc Thuần-Hoàng Dư-Hạ tập,
Văn-phong nhất sớ vị vi cuồng.*

Dịch nôm :

*Bình sinh tri ngộ tại văn hay,
Kinh sử khuyên vua để tỏ bày.
Xem kỹ tập văn Dư-Hạ đó,
Văn-phong một sớ chẳng là ngây.* 15

KIÊM-(ÔNG-ÍCH) 謙(翁益)

Người huyện Diên-Phước, Quảng-Nam, trước tên Khiêm, đậu cử-nhân khoa Bính-Ngọ, Thiệu-Trị năm thứ 6 (1816), bổ vào nội các, rồi ra tri-huyện, huyện Kim-Thành. Năm Tự-Đức thứ 15 (1862), bị việc cách chức. Vừa gặp ở Quảng-Yên có giặc Tàu-Ô, ông xin mộ quân đi theo hiệu lực, rồi được khai phục hàm Tri-huyện, sung chức Hiệp-quản ở Chiển-sĩ vệ. Ông đi đốc chiến có công, thọ hàm tri-phủ, sung chức Tán-tương. Đánh phá được hơn ba mươi đồn của giặc, bạt thọ Binh bộ Thị-lang, sung Tán-lý quân-thứ ở Lạng-Biên, rồi bị án phải tội đồ (đày), nhưng vẫn cho mộ quân để tùng chính. Năm thứ 22 (1869) đánh giải vây được tỉnh Bắc-Ninh, được khai phục, sung chức Tán-lý, thọ hàm Binh-bộ Hữu-tham-tri, sung Tham-tán. Sau lại bị tội « Tiễn chỉ tự do, bất tuân súy mạng », bị xiêng giải về Kinh đợi án, nhân bị bệnh cho về nhà. Năm thứ 35 (1882) vua Tự-Đức nghĩ ông có công lao, cho khai phục hàm Hồng lô-tự-khanh, Biện-lý Hộ bộ. Rồi thọ hàm Thị-lang, sung chức Tham-biện Hải-Phòng ở Bắc-Kỳ. Sau bị việc giáng làm chủ-sự, rồi thăng biện-lý bộ Lễ, Niên hiệu Kiến-Phước năm đầu (1884) có công nghinh lập (rước lập làm vua) thọ hàm Thị-lang, tấn phong Kiên-dũng nam, rồi lại bị việc, cách chức, đưa vào yên-trí ở Bình-Thuận, rồi mất. Đến đời Hàm-Nghi được truy phục hàm Thị-độc.

KIỂM-(TRỊNH) 檢(鄭)

Người ở Sóc-Sơn, Vĩnh-Phước, Thanh-Hóa, nhà nghèo ; lúc nhỏ mồ-côi cha, đi chăn trâu ở Phượng-Sơn, có khi ăn trộm gà, vịt của hàng xóm để nuôi mẹ. Khi lớn lên, hùng dũng hơn người, trong làng sợ anh chàng sẽ làm trộm cướp, muốn trừ đi, mà chưa được. Có người tên họ Mạc nuôi anh ta giữ ngựa, cho nên biết ngựa hay, bèn ăn trộm một con, trốn qua ở nơi sách Cổ-Lũng, huyện Cẩm-Thủy, họ Mạc đi tìm bắt mà không được.

Lúc bấy giờ Nguyễn-Kim lập Lê Trang-Tông. Trang-Tông tôn Nguyễn-Kim làm Thái-sư, để toan khôi phục. Kiểm qua nương ở với Nguyễn-Kim, Nguyễn-Kim cho làm Đức-nghĩa hầu, kiêm tri Mã-cơ. Từ đó được Trang-Tông tri ngộ, cho thăng Đại-tướng-quân, đem quân đánh họ Mạc, thăng trận ở Lôi-Dương được thăng Đô-tướng Lượng-quốc-công. Phàm quốc gia sự vụ, ông được dự nghị quyết đoán. Vua Trang-Tông tức vị, ông dâng kế lược bình định tây-nam. Tôi nhà Mạc là Nguyễn-Khai-Khương đem binh qui thuận. Từ đấy binh lực càng thêm mạnh, bèn dời Hành-tại về An Trường. Niên hiệu Thuận Bình năm thứ 7 (1555). Mạc-Kính-Điển đem binh đến phá Thanh-Hóa, Kiểm chia chư tướng ra cự định. Bắt tướng họ Mạc đến vài mươi người. Kính-Điển thu tàn quân trở về.

Trung-Tông băng, vô tự. Kiểm cùng các đại thần bàn hỏi tìm con cháu họ Lê mà lập. Tìm được Lê-Duy-Bang ở làng Bồ-Đề, huyện Đông-Sơn, rồi lập lên, ấy là vua Anh-Tông. Niên hiệu Thiên-Hựu năm đầu (1557), Kiểm suất các quân

thủy bộ đánh Sơn-Nam Trung-Lộ. Đến Phụng-Sí Giang phá quân họ Mạc, bắt được tướng là Khanh-Quốc Công, rồi định luôn Sơn-Nam Hạ-Lộ. Niên hiệu Chính-Trị năm thứ 2 (1559), đem binh đánh các phủ Khoái-Châu, Hồng Châu và Nam Sách ; quân họ Mạc gấp đâu chạy đấy. Năm thứ 3 (1560) đóng quân ở Lam-Sơn, chống cự với quân họ Mạc. Đánh phá các xứ Gia-Phước và Thanh-Lâm. Năm thứ 7 (1564) đốc đại binh lược định Sơn-Nam Trung-Lộ, đánh phá phủ An-Trường và các huyện, rồi trở về. Họ Mạc bị thua luôn, bèn bỏ Thăng-Long dời qua Bồ-Đề. Năm thứ 12 (1569), ông thăng Thượng-tướng Thái-quốc-công, tấn phong Thượng-phủ. Qua năm sau ông bệnh nặng, dâng biểu xin cho con trưởng là Cối thay lãnh binh quyền. Đến khi ông mất, Cối tập vị, con thứ ông là Tùng tranh lập, cự với Cối. Cối địch không nổi, chạy qua hàng họ Mạc.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Noãn dực thâm ân cánh bất ti,
Nhẫn vong đạo mã đạo kê thì.
Lâm chung di biểu ngu nhi tập,
Quyền bính Tùng tư dĩ hạ di.*

Dịch nôm :

*Che-chở ơn sâu chẳng nghĩ gì,
Trộm gà, trộm ngựa nỡ quên đi.
Lâm chung trỗi lại cho con dở,
Quyền bính từ nay đã thấy suy.*

KIỆT-(LÊ-TUẤN) 傑(黎俊)

Người ở Tân-Minh, Thanh-Hóa, làm quan Thượng-tể đời Lê. Khi Mạc-Đăng-Dung tiếm ngôi, ông trở về Thanh-Hóa, tập hợp binh mã để toan đánh lại. Đăng-Dung cho người đem vàng lụa dụ hàng, rồi sẽ phong cho tước vương. Tuân-Kiệt cả giận mắng rắng : « *Đăng-Dung là đứa nghịch thần, tội đại ác cực, trời đất không dung, qui thần đều giận. Ta muốn ăn thịt nó, có lẽ đâu mà lại gặp mặt đứa nịnh thần ấy* ». Ông bèn chém tên sai của Đăng-Dung, dựng nghĩa kỵ thảo tặc. Sau ông bị thua mà chết.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Ti từ hậu tệ mạt như hà,
Kim thạch thanh-thanh vĩnh bất ma.
Đường ty cự luân tuy mạc địch,
Nghĩa kỳ nhất phiến công sơn hà.*

Dịch nôm :

*Của nhiều nói ngọt há xiêu lòng,
Vàng đá lời kia giữ chẳng long.
Cánh chấu chống xe tuy chẳng nổi.
Lá cờ nghĩa dựng với non sông.*

KIỆT-(LÝ-THƯỜNG) 傑(李常)

Người ở phường Thái-Hòa, Thăng-Long (Hà-Nội) ; lúc trẻ dáng điệu xinh đẹp tự thiến (tự cắt sinh thực khí), vào nội làm hoạn quan, chầu vua Lý Thái-Tông. Đời Thánh-Tông, ông thăng Thái-bảo. Niên hiệu Thiên-Huống-Bửu-Triệu năm thứ hai (1069) theo vua đi đánh Chiêm-Thành, bắt được chúa Chiêm là Chẽ-Củ, về thăng Phụ-quốc Thái-phó. Đời vua Nhân-Tông, niên hiệu Đại-Ninh năm thứ 4 (1075), nhà Tống bên Tàu có Vương-An-Thạch cầm quyền. An-Thạch tâu với Tống để rằng nước Nam ta đã bị Chiêm-thành đánh phá, hiện giờ quân chỉ còn độ vạn người, có lẽ qua đánh lấy được. Tống triều bèn sai Trâm-Khỉ và Lưu-Di sang Quế-Châu, đóng binh ở các Man-Động ; đóng thuyền bè, tập thủy chiến. Cầm người Tàu ở các châu huyện gần nước ta không được qua lại buôn bán với người nước ta. Nhân-Tông biết được, sai Lý-Thường-Kiệt và Tôn-Đán chia quân đánh Tống. Thường-Kiệt sang vây đánh Khâm-Châu và Liêm-Châu (thuộc tỉnh Quảng-Đông) giết hại hơn 8000 người. Đạo quân của Tôn-Đán sang đánh Ung-Châu (thuộc tỉnh Quảng-Tây), quan Đô-giám Quảng-Tây là Trương-Thủ-Tiết đem binh lại cứu Ung-Châu, bị Lý-Thường-Kiệt đón đánh ở Côn-Lôn Quan (gần Nam-Ninh) chém chết ở trận tiền. Vây Ung Châu hơn bốn mươi ngày, quan tri-châu là Tô-Giám kiên cố giữ mãi. Đến khi quân nhà Lý hạ được thành, thì Tô-Giám tự tử. Thường-Kiệt và Tôn-Đán bắt người lấy của cải đem về nước.

Mùa thu tháng tám, vua lại sai Thường Kiệt đem quân sang đánh Chiêm-Thành, nhưng đánh không được, chỉ vẽ được địa đồ ba châu : Bố-Chính, Địa-Lý và Ma-Linh của Chế-Cù đã nhường ngày trước, rồi cho người sang ở.

Tống triều được tinh quân nhà Lý sang đánh phá ở châu Khâm, châu Liêm và châu Ung, tức giận lắm, bèn sai Quách-Quì làm Chiêu-thảo-sứ, Triệu-Tiết làm phó, đem 9 tướng-quân cùng hội với nước Chiêm-Thành và Chân-Lạp chia đường sang đánh nước ta. Lý-Thường-Kiệt đem binh chặn đánh quân nhà Tống ở sông Như-Nguyệt (làng Như-Nguyệt ở Bắc-Ninh). Quân Tống trận ấy chết hơn 1000 người. Quách Quì rút quân lui.

Nhiên hiệu Long-Phù năm thứ 3 (1103), ở Diễm-Châu (Nghệ-An) có tên Lý-Giác làm phản. Lý-Thường-Kiệt vào đánh, Giác thua chạy sang Chiêm-Thành dự quốc-vương là Chế-Ma-Na, sang đánh lấy lại ba châu : Ma Linh, Bố-Chính và Địa-Lý. Sang năm sau (1104), vua Nhân-Tông sai Lý-Thường-Kiệt vào đánh Chiêm-Thành, Chế-Ma-Na thua chạy, xin trả lại ba châu như trước.

Đến năm Ất Dậu (1105) ông mất, thọ hơn 70. Tặng tước Việt-quốc-công. Lý-Thường-Kiệt là người có tướng tài, tinh thao-lược ; bắc đánh Tống, nam đánh Chiêm, thật là một vị danh tướng nước ta vậy.

Bài thơ dịch phiên âm :

*Kham dụng hà tu sử tự cung,
Đãn luân tướng lược hữu thùy đồng.
Lưỡng xâm Tống cảnh, oai thanh chấn,*

Thần thị yêu ma tiếp nhưỡng nhung.

Dịch nôm

Có tại sao lại tự hình cung ¹⁶

Tướng lược ghen ai mây kẻ đồng.

Xâm Tống hai lần, oai rực-rỡ,

Châm, Miên giặc mọn ngó như không.

KIM-(NGUYỄN-THỊ) 金(阮氏)

Người ở Tỳ-Bà, Lương-Tài. Lúc Lê Chiêu-Thống đương làm Hoàng-tôn, lấy làm vợ. Đến khi lên ngôi thì lập làm Phi. Sau khi Tôn-Sĩ-Nghị bại trận, Chiêu-Thống mật sai người phò Thái-hậu và Nguyên-tử chạy qua Tàu, Thị-Kim chạy theo không kịp, bèn ở lẩn-lộn trong dân gian, mười năm mà không ai biết.

Năm Gia-Long thứ 3 (1804), đưa linh-cữu Chiêu-Thống về nước, Thị-Kim nghe được, qua tận đền Nam-Quan, đi theo đám tang về. Nàng không ăn cơm, ngày chỉ uống vài muỗm nước hổ, hầu bên linh-cửu. Đến Thăng-Long thỉnh kim-quan ra tết, nàng bèn dừng trước kim-quan khóc mà nói rằng : « Việc nước nay đã xong rồi, tôi không còn sống làm gì nữa ». Rồi nàng uống thuốc độc tuẫn theo.

Vua Gia-Long nghe việc ấy, truyền lập bia nơi mộ nàng và khắc mấy chữ : « KHÂM TỨ AN-TRINH TUẤN NGHĨA - NGUYỄN THỊ-KIM CHI MÔ ».

Bài thơ vịnh phiên âm :

Ky đích-thông mạng thống mạc truy.

Thoa điền kinh bối, cửu mê ly.

Triệu-triệu tuyệt lạp triều qui tần,

Nhất trản phê-sương cánh dự tùy.

Dịch nôm :

Theo giá chơi-vơi lạc lại sau.

Dải gai quần vải nau-nương lâu.

*Không ăn từng bữa chầu cung-tử¹⁷
Nhấm chén phê-sương để xuống chầu.* ¹⁸

KHA-(DƯƠNG-TAM) 哥(楊三)

Anh bà Dương Hậu là vợ Tiên Ngô-Vương, lúc đầu làm gia thần. Ngô-Vương bệnh nặng, trỗi lại cho Tam-Kha giúp con mình là Xương-Ngập. Tam-Kha bèn tiếm vị, xưng là Bình-Vương, rồi đem con thứ hai của Ngô-Vương là Xương-Văn làm con nuôi. Xương-Ngập sợ chạy trốn. Tam-Kha cho đi tìm, không được. Qua năm thứ 6 (950) sai Xương-Văn và Chỉ huy sứ là Dương-Cát-Lợi, Đỗ-Cảnh-Thạc đem binh đi đánh hai thôn : Thái-Bình và Đường-Nguyên. Đi đến Tù-Liêm, Xương-Văn bàn với các tướng đem quân trở về đánh lại Tam-Kha. Chúng muốn giết đi, nhưng Xương-Văn không cho và nói rằng : « *Tam-Kha có ơn với ta, không nên giết* ». Bèn giáng xuống cho làm Trương-dương-công.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Nhân-duyên nhân-á tú xi-hiêu,
Vũ đệ khu huynh, chí khí kiêu,
Cựu vật nan tranh, hoàn cựu vật,
Trương-công nhưng phục xí ngô triều.*

Dịch nôm :

*Buông tính hung-tàn ý ngoại thân.
Em nuôi, anh đuổi rõ kiêu nhân.
Khôn dành vật cũ hoàn nguyên cũ,
Còn được Trương-công bậc đại thần.*

KHẢ-(TRỊNH) 可(鄭)

Người ở Kim-Bôi, Vĩnh-Ninh (nay là Vĩnh-Lộc), lúc nhỏ đã có dũng lược. Khi lên 16 tuổi đi cày ruộng ; tướng nhà Minh thấy, đem về làm người giúp việc trong nhà. Được ít lâu tướng Minh xem tướng mạo ông, rồi nói rằng : « *Thăng nầy hình rồng mắt cọp, sức mạnh hơn chúng, ngày sau ắt làm Đại-tướng* ». Một lát lại nói rằng : « *Ngày sau giết ta cũng là thằng nầy, nên giết gấp nó đi mới được* ». Khả nghe thế, sợ rồi bỏ trốn đi.

Nghe Lê Thái-Tổ khởi nghĩa tại Lam-Sơn, tìm vào theo, được tin dùng. Thái-Tổ toan khỉ binh, cùng các thân nhân 18 người thề ước đồng hưu đồng thích, Khả cũng được dự vào số đó. Đi theo chinh chiến kể hàng trăm trận, đều có công lao, rồi thăng đến chức Thái giám.

Thái-Tổ chia các tướng đi giữ các chỗ. Khả lãnh binh ra Thiên-Quan, giữ 5 lộ : Quảng-Oai, Gia-Hưng, Tam-Đới, Lâm-Thao và Tuyên-Quang để chặn đường viện binh ngả Vân-Nam. Khả đi đường tắt về đánh Đông Đô. Người Minh thấy Khả thình-lình đến, đem binh ra cự ở Ninh-Kiều.

Khả đánh lại, bắt được quân giặc rất nhiều. Thái-Tổ từ Thanh-Hóa ra vây Đông-Đô, sai Khả đánh thành Tam-Giang, hạ được. Thăng Thiếu-úy. Minh đem đại quân qua viện. Khả đánh với tướng nhà Minh là Mộc-Thạnh nơi Lệ-Hóa-Quan. Thái-Tổ mật lệnh biểu đóng thành chờ giao chiến. Được ít lâu thì Liễu-Thăng bị thua, Mộc-Thạnh rút lui. Khả thừa thế đánh quân Minh thua to. Về được thăng Thượng-tướng-

quân. Sau thăng làm Tuyên-Quang Chiêu-thảo-sứ. Lúc bấy giờ chúa Ai-Lao là Côn-Cô mới kế vị, người tôi là Kha-Lai không phục. Côn-Cô sang cầu viện. Thái-Tổ sai Khả đem binh qua đánh giết Kha-Lai, và sắp đặt việc nước cho. Về, thăng chức Nhập-nội thiếu-bảo.

Đến triều vua Thái-Tông ông thụ di chiếu lập vua Nhân-Tông, rồi thăng Quận-thượng-hầu. Người Chiêm-Thành đến phá cướp Hóa-châu, Khả đem quân qua trước, Lê-Thứ tiếp theo sau. Vào Chiêm-Thành bắt Chiêm chúa là Bí-Cai đem về, rồi thăng Thượng-trụ-quốc cùng Lê-Thứ phụ chính.

Lúc bấy giờ vua Nhân-Tông đương nhỏ. Một hôm Khả ở triều ra, thấy nơi Vân-tập-đường có treo một cái lưới săn, ông khiến cất đi mà nói rằng : « *Chớ để cho vua, rồi ngày sau ham việc săn bắn* ».

Trịnh-Khả tính ngay thẳng, làm việc gì cũng hết lòng, biết gì cũng nói, dụng pháp rất nghiêm, không khi nào giả-dối. Sau bị có người gièm rằng cha con ông kết bè-đảng. Bà Thái-hậu giận, giết ông và người con trai ông là Trịnh-Quát. Khi vua Nhân-Tông thân chinh, biết ông bị oan, truy phục quan tước cho ông, cấp cho tể điền một trăm mẫu. Thành-Tông truy tặng hàm Thái-úy Liệt-quốc-công, lại truy phong Hiển-khánh-vương. Con thứ ông là Công-Lộ, Công-Đản, cả thảy mười người, đến khoảng niên hiệu Hồng-Đức đều quý hiển.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Long hình hổ nhẫn thiện chinh tru,
Hựu giới cầm hoang, khởi vũ phu.*

*Tặc kỵ binh gia chung bắt tử,
Sàm ngôn phụ thủ cánh nan ngu.*

Dịch nôm :

*Mắt cọp hình rồng đánh dẹp hay,
Lưỡi săn truyền cất sợ vua say.
Binh nhiều giặc ghét đều không thác.
Thái-hậu nghe gièm phải mắng tay.*

KHẢI-(TRẦN-QUANG) 啟(陳光)

Con thứ 3 vua Trần-Thái-Tôn, anh em đồng mẫu với Thánh-Tôn. Tính thông minh, có học thức. Lúc đầu được phong là Chiêu-minh đại-vương. Vua Thánh-Tôn lên ngôi, phong ông làm Tướng-quốc Thái-úy tổng-thiên-hạ-sự. Đến triều vua Nhân-Tông, lên chức Thượng-tướng.

Trong khoảng niên hiệu Thiệu-Bảo (1279), người Minh sai bọn Toa-Đô cử binh qua đánh phá. Hai vua (Thánh-Tông và Nhân-Tông) bỏ kinh thành chạy ; Quang-Khai đem binh theo hộ-vệ, rồi cùng Hoài-văn-hầu là Trần-Quốc-Toản phá được giặc ở Chương-Dương (huyện Phước-Thường, Hà-Nội). Quan quân thừa thắng đánh riết, chém Nguyên-súy Toa Đô, bắt được quân giặc hơn mấy vạn. Giặc lui rồi, Quang-Khai theo xa-giá về kinh. Khi khao yến quân sĩ, ông có làm bài thơ rằng :

Phiên âm :

*Đoạt sóc Chương-Dương đô,
Cầm hồ Hàm-Tử quan.
Thái bình tu nỗ lực,
Vạn cổ thử giang san.*

Dịch nôm :

*Cướp giáo bến Chương-Dương,
Bắt giặc ải Hàm-Tử.
Thái bình nên gắng sức,
Giang san ấy muôn thuở.*

Rồi ông lên chức Thái-sư Chiêu-minh đại-vương. Mất năm thứ hai niên hiệu Hưng-Long đời vua Anh-Tông (1294), thọ 55 tuổi.

Trước kia Quang-Khai cùng Hưng-Đạo vương có việc chêch-mêch với nhau. Một hôm, Hưng-Đạo từ Vạn Kiếp lại, Quang-Khai xuống thuyền đánh cờ, chơi vui cả ngày. Hưng-Đạo vương biểu sắm nước trong và nước huê để tắm, rồi nói : « *Hôm nay ta được tắm ông Thượng-tướng* ». Quang-Khai cũng nói : « *Hôm nay ta được Quốc-công tắm cho ta* ». Từ đấy hai ông ăn ở với nhau, tình hảo càng thêm thân mật.

Quang-Khai tính ham học, hay làm thi văn. Vườn ông ở, đặt hiệu là Phước-hưng-viên. Có để lại hai tập văn, gọi là Lạc-Dao tập. Con là Văn-Túc vương và Bảo-Tài cũng có tiếng văn học.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thác thân phế phủ diệu thai gai,
Hàm-Tử Chương-Dương trực hủy sài.
Hạnh đắc Quốc-Công tương tẩy dục,
San hè phất thức nhất triêu gai.*

Dịch nôm :

*Tình thân cốt nhục, chức sang cao,
Hàm-Tử Chương-Dương đuổi giặc Tàu.
May được Quốc công cùng tắm gội,
Non sông rưới quét sạch làu-làu.*

KHÁNH-(LƯƠNG-HỮU) 慶(梁有)

Người huyện Hoằng-Hóa, Thanh-Hóa, con Lương-Đắc-Băng. Lúc nhỏ mồ-côi cha, nhà nghèo, tướng mạo khôi ngô, khi mười tuổi đã biết làm văn. Ăn mỗi bữa gấp mấy lần người ta ; bà mẹ thường nhịn đói, để cho con ăn. Khánh nói với mẹ rằng : « *Tiên quân ta là bậc thanh bần, không để chi lại cho con cái, trong nhà thiếu thốn, xin mẹ cho con tự ý ra đi, cho khỏi phiền đến mẹ* ». Đoạn rồi ông từ giã mẹ đi, sang ở với một nhà nho nơi huyện gần đó. Ông mở miệng nên thơ, khoa bút thành phú, nhờ có tài văn chương như thế, mà được độ khẩu. Một ngày kia, đi qua đò giang ở sông Ngu-Giang, gặp năm, sáu ông sư, đi đàn chay về, thấy ông ta có dáng đói, bèn lấy mấy cái oản ở trong tráp cho ăn. Hữu-Khánh nói : « *Nhịn đói đã mấy ngày, chừng ấy oản mà thăm vào đâu* ». Ông sư cười mà rằng : « *Nhà ngươi thử làm bài thơ « Nho Tăng đồng châu », nếu qua đến bờ sông bên kia mà bài thơ rồi, thì ta cho hết cả tráp oản* ». Hữu-Khánh làm ngay, đến bên kia sông, ông đưa bài thơ ra. Sư xem thì khen ngợi vô cùng, rồi cho hết oản ở trong tráp. Ông ăn luôn hết sáu, bảy chục cái, sư lấy làm lạ lăm, rồi tặng thêm một quan tiền nữa. Sư từ giã ông và nói rằng : « *Lang quân có đại tài như thế, ngày nay tuy ở trong trán ai, nhưng thang mây nhẹ bước sẽ thấy liền đây. Ngày sau nếu gặp loạn lạc binh hỏa, thì nên tránh nơi Bồ-Đề cảnh giới để nhờ ơn Phật* ». Rồi hai bên từ giã nhau.

Lại có một buổi sớm kia, ông đến xã Vĩnh-Trị, gặp một bà già, ông hỏi chuyện, thì bà ấy nói rằng : « *Tôi có một*

khoảnh ruộng năm mẫu, nước sâu cỏ rậm, thuê người làm cỏ mà chưa được ». Hữu-Khánh nói : « Bà phải sắm gấp cơm canh cho đủ mười người ăn, và tiền công với gạo, trưa nầy đem đến nơi ruộng, thì tôi kêu người giúp bà ». Bà già y như lời, rồi trở về, Hữu-Khánh bèn lấy cái phạng lớn, ra phát cỏ ; chưa tới giờ ngọ mà năm mẫu ruộng sạch sẽ không còn một cây cỏ ; rồi lên nằm dưới gốc cây ngủ, ngáy tiếng như sấm dậy. Bà già với gia đồng đem cơm gạo ra, kêu dậy, ông ăn luôn một nghỉu (chập) thì hết cả, và lấy tiền gạo mang đi.

Lúc 18 tuổi, ông đến học ở Trình-Quốc-Công (Trạng Trình) ; ở đấy kẻ tùng học hơn ba nghìn người, chỉ Phùng-khắc-Khoan đứng đầu luôn. Hữu-Khánh mới đến, làm ba bài tịch thượng, thì áp-đảo Khắc-Khoan.

Vừa gặp lúc họ Mạc mở khóa thi, Hữu-Khánh vì có mẹ già, phải găng-gổ ứng thí. Ba trường đầu ông đứng thứ nhất, đến trường đệ tứ, vì rằng ông là người Thanh-Hóa, bị truất xuống thứ hai, mà để Khắc-Khoan thứ nhất, Hữu-Khánh không có chí ra làm quan, cho nên không vào thi Đình.

Ông thường ngao-du ở thành phố. Một hôm có được hơn 60 bát gạo và hai vò mắm cá biển, ông làm bữa cơm mai, trải chiếu dưới đất ngồi ăn, cả cười mà nói rằng : « Ăn như thế nầy, không thua gì ăn bữa đại tiệc ». Tình cờ có một ông quan họ Mạc ở triều về, dừng xe lại xem, thấy lũy làm lụa, rồi cho năm quan tiền. Nhân đó dụ ông ra làm quan, nói mấy ông cũng không chịu theo. Từ ấy hai mẹ con đi biệt tích. Sau đó ít năm, Khắc-Khoan ra hành chính, khiến người

tìm về, nói chuyện hàn-huyên rất vui vẻ. Khắc-Khoan dọn nhà cho ở, tiếp đãi rất hậu. Phàm việc triều chính thì cùng nhau bàn-bạc. Khắc-Khoan thường lấy lời dịu-ngọt dỗ ông ra làm quan, mà ông nhút thiết không chịu.

Một ngày kia, ông gởi mật biểu-văn về phủ An-Trường xin định ngày sai quân đem thuyền đến chực nơi cửa biển Thǎn-Phù đón tiếp, rồi ông lén trốn đi. Khắc-Khoan về nhà, thấy vậy cho quân đuổi theo mà không kịp.

Hữu-Khánh đến cửa biển Thǎn-Phù, thì đã thấy 5 chiếc thuyền và 1000 quân ở đó. Ông bèn lên thuyền đi. Quân Mạc đuổi theo cũng không kịp. Khi đến An-Trường, Trịnh-Vương ủy dụ, thăng cho chức Thị-lang, làm Tham-tán nhung-vụ. Ông dâng nhiều kỳ kế, lập đại công. Quan đến chức Bình-bộ Thượng-thơ, làm bậc công thần ở đời trung-hưng.

KHIÊM-(ĐẶNG-MINH) 謙(鄧鳴)

Người ở Mai-Bối, Sơn-Vi, dòng dõi Đặng-Tất, tướng cuối đời Trần, cha là Đặng-Dị, đậu Hoàng-giáp khoa Quý-Dậu (1453) đời Lê Nhân-Tông, quan đến Tham-chính. Minh-Khiêm, học văn bác nhã, khắng khái có đại chí, đậu bảng-nhãn khoa Đinh-vị (1487) niên hiệu Hồng-Đức năm thứ 18. Làm Hàn-lâm Thị-thư. Đi sứ Tàu, về thăng Lại-bộ Tả thị-lang, rồi thăng Lễ-bộ Thượng-thơ, kiêm Sử-quán Phó-tổng-tài. Trong khoảng niên hiệu Quang-Thiệu, làm bộ Đại-Việt Sử-ký. Lúc bấy giờ ở triều có nhiều việc khó khăn, Minh-Khiêm chính sắc lập triều, chí khí cương quyết, không ai làm nao-núng được. Đến khi tuổi già tự hiệu là Vân-Hiên tiên sinh. Tính khí rất trực, không ỷ lại vào ai. Ông biết thời thế không làm gì được, cứ lấy sử sách và ngâm vịnh làm thích. Từ chương chải-chuốt, đời bấy giờ người ta truyền tụng. Văn học và tiết tháo của ông thật đáng là bậc danh nho trong đời Lê. Người ta bảo rằng Đặng-Tất, Đặng-Dung có di phước cho con cháu.

KHIÊM-(NGUYỄN-BÌNH) 謙(阮秉)

Hiệu Bạch-Vân-Am, người ở Trung-Am, Vĩnh-Lại. Mới một tuổi đã biết nói, bốn tuổi đã học hiểu chính nghĩa của kinh, truyện, lớn lên nổi tiếng văn học. Đến 44 tuổi, vì nhà cha mẹ nghèo mới đi thi. Đậu Trạng-nguyên khoa Ất-Vị, niên hiệu Đại-Chính năm thứ 6 (1535), đời Mạc-Đăng-Doanh. Từ hương-thí đến hội-thí trường nào ông cũng đứng đầu. Làm quan thăng lần đến Lại-bộ Tả-thị-lang, kiêm Đông-các Đại-học-sĩ. Tại chức cả thảy là 8 năm, ông dâng sớ hạch các lộng thần 18 người, sớ dâng vào mà vua làm thịnh, ông bèn cáo bệnh về nhà, làm chỗ ở gọi là « Bạch-Vân-Am », tự hiệu là « Cư sĩ ». Làm hai cái cầu : Nghinh-xuân và Trường-tân ; dựng nhà mát nơi bến Tuyết-Giang, để chơi nghỉ. Đi dạo khắp các danh sơn cổさい, di-nhiên tự thích. Họ Mạc có việc gì quan trọng thì sai người tới hỏi hoặc mời ông đến để hỏi mưu kế, rồi ông lại trở về Am. Họ Mạc phong cho ông Lại-bộ Thượng-thơ, Thái-phó Trình Quốc-công, cho nên ta thường gọi là « ông Trạng-Trình ». Ông thọ 95 tuổi.

Bỉnh-Khiêm tinh về số-học, việc gì cũng biết trước. Lúc về nhà ông dạy học trò, thành tựu rất đông : Phùng-Khắc-Khoan, Lương-Hữu-Khánh, Nguyễn-Du, Trương-Cử đều là học trò của ông. Học trò gọi ông là « Tuyết-Giang phu-tử ». Ông có để lại tập thơ gọi là « Bạch-Vân-Am thi tập ».

Tương truyền rằng Bỉnh-Khiêm là học trò của Lương-Đắc-Bằng, lúc Lương đi sứ bên nhà Minh tìm được quyển « Thái Ất-Kinh » về cho ông, cho nên ông tinh về Dịch số.

Trời mưa nắng, việc họa phúc, ông biết trước cả. Cuối đời nhà Lê, trong khoảng niên hiệu Quang-Thiệu, thiên hạ loạn lạc, ông không chịu thi. Đến khi Đặng-Dung tiếm ngôi đã mười năm, ông bói Thái-Ất, thì biết rằng Lê còn mẩy chục năm nữa mới phục hưng được, nên ông mới thi ở triều họ Mạc. Lúc đã về nhà, họ Mạc hỏi ông về quốc sự, thì ông nói : « *Cao-Bằng tuy tiểu, khả diên số thể* » (Ngày sau có việc gì, thì tỉnh Cao-Bằng tuy nhỏ, cũng kéo dài được ít đời nữa). Sau hắn như lời ông nói.

Lê Trang-Tông mất mà vô tự. Trịnh-Kiểm mang lòng khuy-du, sai người đến hỏi kế hoạch, ông không đáp. Ông chỉ ngoái lại tên gia-đồng mà bảo rằng : « *Năm nay mất mùa, có ương mạ thì nên dùng giống cũ* ». Người đến hỏi đó, về thưa lại. Kiểm hiểu ý, bèn rước Duy-Bang lập lên, ấy là vua Anh-Tông.

Khi Nguyễn-Hoàng (Thái-Tổ Gia-DŨ) sắp khai cơ ở Thuận-Hóa, sai người đến vấn kế, thì Bỉnh Khiêm bảo : « *Hoành-sơn nhứt-đái, vạn đại dung thân* » (Một dải núi Hoành-sơn có thể yên thân được muôn đời ¹⁹). Khi ấy Nguyễn-Hoàng mới định kế xin vào Nam.

Sau đó đến đời Thanh, có sứ Tàu sang là Châu-Xán, có khen rằng : « *An-Nam lý học hữu Trình-Tuyễn* » (Lý học bên nước Nam có ông Trình-Tuyễn).

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tăng văn lý học hữu Trình-Tuyễn,
Thế vận long ô mặc hội tiên.
Hỗn nãi xảo đồ thần nhuận Mạc,*

Hi-Di, Khang-Tiết cự như nhiên. ²⁰

Dịch nôm :

*Từng nghe lý học chỉ mình thầy.
Bỉ thái trong đời biết trước ngay.
Khôn khéo sao làm tôi họ Mạc,
Hi-Di, Khang-Tiết há như vậy.*

KHOAN-(PHÙNG-KHẮC) 寬(馮克)

Hiệu Nghị-Trai, người ở Phùng-Xá, Thạch-Thất. Lúc nhỏ đã có tiếng văn học, khí khái, không chịu làm quan với họ Mạc. Đến đời vua Lê Trung-Tông mới cùng Lê-Bá-Ký về quy thuận. Thi khoa hương, đậu đầu, bổ làm Ngự-dinh Ký-lục. Trong khoảng niên hiệu Chính-Trị (1562-1564), vâng mạng đi các huyện chiêu tập lưu dân về phục nghiệp, rồi thăng Lễ-khoa Cấp-sự-trung. Đời Thế-Tông, niên hiệu Quang-Hưng năm thứ 3 (1580), Khắc-Khoan vào thi hội, đậu hoàng-giáp, thăng Đô-cấp-sự-trung ; năm thứ 5, bị việc bãi chức. Năm thứ 6, lại được vời làm Hồng-lô-tự-khanh, rồi thăng Công-bộ Thị-lang. Năm thứ 20, ông qua sứ Minh, dâng biểu cầu phong. Người nhà Minh mới ăn của lót của họ Mạc, không chịu nạp sứ. Khắc-Khoan đưa thơ cho quan Súy-ty, nói riết về việc họ Mạc tiếm-khiết, nay con cháu họ Lê tới kêu cửa thỉnh mạng, mà Thiên-trieu lại phò Mạc ức Lê, thế là theo tà mà hại chính, thì lấy gì để nêu rõ đại nghĩa trong thiên hạ, phù danh giáo ở muôn đời ? Người Minh nghĩ phải, mới cho vào nước.

Khi đến Yên-kinh, quan bộ Lễ trách rằng tượng bằng vàng gọi là « Đại thân kim nhân » (Tượng vàng thế mạng)²¹, không đúc theo dạng cũ (nghĩa là mình người phải cùi xuỗng) thì không cho vào dâng vua. Khắc-Khoan cãi rằng : « Họ Mạc tiếm đoạt, thì danh nghịch, họ Lê khôi phục là danh thuận ; họ Mạc được đúc người vàng, mình cùi xuỗng để thế mạng là đã may lăm rồi, họ Lê làm công thần đã mấy đời, người vàng đứng ngưỡng mặt lên, phép cũ xưa

nay vẫn thế. Nay nếu theo lệ như họ Mạc, thì lấy gì mà rõ lòng khuyên úy và tỏ ý răn-đe của Thành-triều ? »

Lời kháng nghị ấy thấu đến vua, vua Minh cho vào chầu. Minh đế sắc phong vua Thế-Tông làm An-nam Đô-thống, khiến Khắc-Khoan lãnh sắc về nước. Vì lúc họ Mạc tiếm ngôi, qua cầu phong với nhà Minh, vua Minh mới giáng xuống làm An-nam Đô-thống, đến đây lại phong như chức họ Mạc ngày trước. Khắc-Khoan dâng tờ biểu nói rằng : « *Chúa tôi là họ Lê, không có tội như họ Mạc, mà trở lại chịu chức như họ Mạc, chúng tôi không hiểu nghĩa là sao ?* » Vua Minh phán rằng : « *Họ Lê mới phục quốc, sợ e nhân tâm chưa định, hãy chịu như thế đã, sau rồi sẽ gia Vương tước, cũng không muộn gì* ». Khắc-Khoan mới lãnh sắc về.

Lúc ở Yên-kinh, gặp ngày vạn-thọ Minh-đế, Khắc-Khoan dâng ba chục bài thơ. Minh-đế phê rằng : « *Hiền tài hà địa vô chi* » (Kẻ hiền tài chỗ nào lại không có). Xem thơ thấy Khắc-Khoan có lòng rất trung thành, đáng khen, vua bèn truyền in ra mà ban hành. Người Tàu đều khen ông là một vị sứ thần giỏi. Khi ông về, vì có công, thăng Thượng-thơ, Mai Quận-công. Đến 86 tuổi ông mất, tặng Thái-phó.

Khắc-Khoan làm người cương nghị, tinh minh, có tài luyện đạt, từ chương chải chuốt, có tập thơ để lại.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Yên-kinh vạn lý phú hoàng hoa,
Bút trận tung hoành biện chính tà.
Phòng hoạn nan thành chuyên đổi dị,*

Trịnh gia thế diệt dị Minh gia.

Dịch nôm :

*Sứ thần muôn dặm tới Yên-kinh
Múa bút trao lời biện bạch minh.
Phòng hoạn khó hơn chuyên đổi dễ,
Thế hăng họ Trịnh khác nhà Minh.*

KHÔI-(LÊ) 魁(黎)

Người ở Thụy-Nguyên, con anh vua Lê Thái-Tổ, sinh ra có kỳ tướng, theo Thái-Tổ khỉ nghĩa, lập được nhiều chiến công. Khi Thái-Tổ từ Lam Sơn vào đánh Nghệ-An, gặp quân Minh nơi Khả-Lưu-Quan, Khôi lên hầm trận trước, bắt Đô-ty là Châu-Kiết, chém tướng Tiên-phong là Hoàng-Thành và bắt được rất nhiều. Khi quân Minh đến tiếp viện, Khôi cùng Phạm-Vân đem binh giúp Lê-Sát, đánh với Thôi-Tụ và Hoàng-Phúc nơi Xương-Giang, bắt được cả hai tướng ấy. Niên hiệu Thuận-Thiên năm đầu, thăng Thượng-quân, Phong-huyện-hầu, rồi thăng chức Tư-mã.

Năm thứ 3 (1437), vua Thái-Tổ nghĩ rằng Hóa-Châu tiếp giáp Chiêm-Thành, muốn ủy một viên trọng thần đến trấn. Bèn cho Lê-Khôi vào trấn. Khi đến Châu, ông truyền bãi bỏ các xích hậu, triệt quân cảnh-sát, chiêu tập những kẻ di-lưu, khuyến khóa nồng tang, trong cõi được yên tĩnh, người Chiêm-Thành thiếp phục.

Đời Thái-Tông, niên hiệu Thiệu-Bình năm thứ 4 (1437), thăng Nhập-nội tư-mã, Tham-tri chính-sự. Năm thứ 6 (1439), hộ giá đánh Ai-Lao, bắt được Man tướng là Đào-Mông rồi thăng Nhập-nội đô-đốc, sau nhân bị việc bãi về. Đời vua Nhân-Tông, niên hiệu Thái-Hòa năm đầu (1443), lại bổ Nhập-nội thiếu-úy. Năm thứ 4 (1446), Chiêm-Thành đánh phá Hóa-Châu, vua sai Trịnh-Khả đem quân cự chiến, Khôi dẫn quân bản bộ đến cửa biển Thị-Nại, qua cửa biển đến địa phận quân giặc, giặc thấy liền la to lên rằng : « Ông đến đó, có phải là ông Tư-mã không ? » Khôi cất mao cho

thấy mặt, quân giặc đều xuống ngựa quì lạy, đem đồ thô-sản dâng, không dám đánh lại. Sau đó đại binh tiếp đến, đánh bắt được chúa Chiêm-Thành là Bí-Cai rồi đem quân trở về. Đi đến Nam-Giới hải khẩu, dưới núi Long-Ngâm, ông bị bệnh mất. Tặng Nhập-nội Kiểm-hiệu, Tư-không-bình-chương-sự, Vũ-mục-công. Dân ở Hoan-châu nhớ ân đức ông, lập đền thờ nơi chỗ ông mất.

Bài thơ dịch phiên âm :

*Bách chiến gian-quan phụ tử binh,
Lịch dương trung ngoại thụ nồng thanh.
Hoan-châu di miếu thiên thu tại,
Truyền đạo tuần lương đệ nhứt danh.*

Dịch nôm :

*Trăm trận gay-go chẳng dám nài,
Tiếng hay trải khắp cả trong ngoài.
Châu Hoan còn dựng ngôi linh miếu,
Bia miệng tuần-lương chẳng có hai.*

KHÚC-CHÚA (KHÚC-THỪA-HẠO) 曲顥

Người Hồng-Châu (thuộc địa hạt Ninh-Giang), con nhà cự tộc, cha là Khúc-Thừa-Dụ, vốn là hào phú trong xứ, và tính lại khoan hòa, hay thương người, cho nên được nhiều người kính phục. Năm Bính-Dần (906), đời vua Chiêu-Tuyên nhà Đường, nhân khi trong châu loạn lạc, chúng cử Thừa-Dụ lên làm Tiết-đô-sứ, để cai trị Giao-Châu, vua Đường cũng thuận cho, ấy là *Khúc Tiên-Chúa*.

Thừa-Dụ làm được non một năm thì mất, để quyền lại cho con là Khúc-Hạo lên thay cha làm Tiết-đô-sứ, ấy là *Khúc Trung-Chúa*, lập ra lộ, phủ, xã ở các nơi. Đặt quan lại, sửa sang việc thuế má, sưu dịch, chính sự khoan hòa, dân được thư-thới.

Năm Đinh-Sửu (917) Khúc-Hạo mất, truyền nghiệp lại cho con là Khúc-Thừa-Mỹ. Thừa-Mỹ nhận chức tiết-đô-sứ của nhà Lương, ấy là *Khúc Hậu-Chúa*. Sau bị Nam-Hán-Chúa là Lưu-Yêm đánh bắt.

Q.S.D.C : [22](#)

*Ba trăm năm lẻ Tùy, Đường,
Lại trong Ngũ-quí tang thương cũng dài.
Hồng-Châu Khúc-Hạo hùng tài,
Gặp đời Thúc-quí, toan bài bá vương.
Cõi nhà hùng cứ Nam Phương,
Cùng-cầu một lǚ, Hán, Lương hài lòng.
Qui mô cũng rắp hồn đồng,
Điền tô, đinh ngạch đều cùng định nê.*

*Thùa-gia vừa mới tái truyền,
Bởi cầu Lương tiết, hóa nên Hán tù.
Dương-Đình-Nghệ lại báo thù,
Đuổi người Hán, lĩnh Châu phù vừa xong.
Nghĩa nhi gặp đứa gian hùng,
Kiều-Công-Tiễn lại nỡ lòng sao nênn.* ²³

KHƯƠNG-(NGUYỄN-TRỌNG) 姜(阮仲)

Người ở Chân Phước. Cuối đời Lê Cảnh-Hưng, làm Đội-trưởng lỵ-thuộc Nguyễn-Hữu-Chỉnh. Lúc Chỉnh tỵ nạn qua đầu hàng Tây-Sơn, Trọng-Khương đi theo. Sau trở về nước, Chiêu-Thống mới lên ngôi. Cảnh khỉ binh vào hộ-vệ, Trọng-Khương cũng đi theo. Người ở Đông-Quan là Bùi-Nhai cậy thế Trịnh-Bồng chống lại mạnh lệnh nhà vua, Trọng-Khương đánh hạ được.

Lúc bấy giờ tên giặc biển là Thiêm-Liên quấy rối Hải-Dương và An Quǎng đã lâu ngày. Cho Trọng-Khương trấn An-Quảng, đánh phá được. Khi Tây-Sơn tới đánh lại, Chiêu-Thống chạy ra Kinh-Bắc, Thống-lãnh là Hoàng-Viết-Tuyên đương ở Sơn-Nam, Trọng-Khương nghe được, bèn đem thủy binh lại hội với Việt-Tuyên, tôn Việt-Tuyên làm Thống-súy, và muốn hợp binh lại mà đánh giặc. Việt-Tuyên thì muốn hàng giặc, cho nên cứ trì-hồi thoái-thác. Trọng-Khương tuốt gươm ra khóc mà nói : « *Thăng-long thất thủ, quân phụ mông trấn* ²⁴, *Ấy là tội của ai ? Anh hãy giết Trọng-Khương nầy rồi hàng giặc, nếu không thì Trọng-Khương trói anh lại để đầu mũi thuyền mà xông thẳng vào trận giặc* ».

Các bộ tướng của Việt-Tuyên nghe nói, phần nhiều người tức giận, trợn mắt lên mà ngó Việt-Tuyên. Việt-Tuyên bất đắc dĩ phải hợp với Trọng-Khương. Kéo quân tới Lục-Đầu-Giang, gặp giặc, xông thẳng tới đánh, giặc chạy tan, bỏ thuyền lại hơn hai trăm chiếc, và tất cả khí giới binh trượng. Chúng khuyên Việt-Tuyên đi thắng tới Bắc-Ninh, cứ địa thế để toan tiến thủ. Việt-Tuyên do dự không quyết, giặc thêm

binh đến đánh, thế không địch nổi, phải lui giữ Vị-Hoàng, rồi nhân có trận gió to, quân lính tan rã hết, Trọng-Khương thì không biết đi đường nào mất.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Quân phụ mông trân tạ thị hà,
Phộc huynh xung trận khởi hoàng tha.
Vạn nhân đồng nộ tiên thôn tặc,
Bất đãi ao binh dĩ đảo qua.*

Dịch nôm :

*Bụi bám mình rỗng, thấy chạnh lòng,
Trói anh ra trận ấy là xong.
Muôn người cũng muốn ăn gan giặc,
Chẳng đợi giao binh đã bỏ dòng.*

LAI-(LÊ) 來(黎)

Người ở làng Dung-Tú, Lam-Sơn, lúc đầu theo Lê-Thái-Tổ khỉ nghĩa. Thái-Tổ đóng đồn ở Lạc-Thủy, quân Minh đến vây, mới lén lên núp ở núi Chí-Linh. Lúc bấy giờ quân ít thê cô, và năng bị người Minh tới bức. Vua hỏi chư tướng rằng : « Trong các người ai có thể lấy mình mà thay ta, ra đánh ở Tây-Đô để cho giặc bắt, ta nhân đó được nghỉ binh, thâu hợp quân sĩ, để lo liệu về việc sau ? » Lê-Lai tự xin ra thê. Ông bèn lãnh quân đến Tây-Đô, khiêu chiến, tự xưng mình là Bình-định-vương (tức là Lê-Thái-Tổ). Người Minh suýt hết cả quân lính đến vây, bắt đem về giết đi. Từ đó các thành ở Đông-quan đều đồn rằng Bình-định-vương đã chết rồi. Vua được ưu dưỡng ít năm, người Minh không để ý đến nữa.

Con ông Lai là Lê-Lâm cũng theo Thái-Tổ đánh Ai-Lao, tử trận. Lâm tức là cha Lê-Niệm. Trong bài chẽ-văn của vua Thánh-Tông phong cho ông Niệm, có câu rằng : « Nhứt gia trung hiếu, liên nãi tổ nãi phụ chi tử tuy ». (Một nhà trung hiếu, thương ông ngươi và cha ngươi đều phải tử trận). Là nói ông Lai và ông Lâm đó vậy.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Chí-Linh sơn hạ tứ sơn u,
Tự trước hoàng bào cuồng sở-hầu.
Tha nhứt Đông-Đô tân xã tắc,
Khẳng giao Kỷ-Tín độc an lưu.

Dịch nôm :

Chí-Linh dãy núi vốn âm-u,

*Mình mặc bào vàng giả dạng vua.
Xã tắc Đông-Đô sau dựng được,
Công như Ký-Tín há nào thua !* ²⁵

LANG-(NGUYỄN-VĂN) 郎(阮文)

Người ở Tống-Sơn, Thanh-Hóa, bà con với Trường-Lạc Hoàng-hậu, vợ vua Lê-Thánh-Tông. Lúc Oai-Mục-Đế lên ngôi, giết Hoàng-hậu và xua đuổi các người Tôn-thất và công-thần. Văn-Lang cũng vào trong số bị đuổi ấy. Có một Tôn-Thất đại thần là Lê-Năng-Cẩn, bắt đắc chí, mới âm mưu với Văn-Lang cử binh để giết lũ gian ác. Văn-Lang bèn suất Chiêm-nô (người bắt ở Chiêm-Thành về) là Chẽ-Man, Vũ-Ba, Vũ-Tiệp, v.v... hiệp với binh Tam-Phủ ở Thanh-Hóa, cử nghĩa sư ở Tây-Đô thành, và đem quân trấn cửa biển Thần-Phù. Lúc bấy giờ con Kiến-Vương-Tân là Giản-Tu-Công, tên Oanh, bị giam trong ngục, trốn thoát ra, chạy thẳng vào Tây-Đô, đến cửa biển Thần-Phù, Văn-Lang lập làm minh chủ. Nhân đó rồi cùng các đại thần là Nguyên-Diễn, Ngô-Hiệt cùng khỉ binh phế Oai-Mục mà lập Oanh, ấy là Tương-Dực-Đế. Niên hiệu Đồng-Thuận năm thứ 2 (1510), luận công-gia phong ông làm Nghĩa-quốc-công. Năm thứ 5 (1513) ông mất, tặng hàm Nghĩa-huân-vương. Tang lễ dùng như các bậc vương giả, đúc tượng vàng để thờ vào miếu.

LANG-(TRẦN-NGÔ) 郎(陳吳)

Người ở Mễ-Sở, làm Thiếu-úy đời Trần Dụ-Tông, được vua yêu, Dụ-Tông hay ngự ra nhà ông.

Dụ-Tông băng, Dương-Nhật-Lễ tiếm ngôi. Con vua Minh-Tông là Cung-Định-Vương (tức là Nghệ-Tông) sợ mắng họa, chạy ra tránh ở Đà-Giang, mật ước với em là Cung-Tuyên-Vương Cảnh, với Thượng-hầu là Nguyễn-Đản để khỉ binh. Nhật-Lễ thì tin dùng Ngô-Lang mà không biết Ngô-Lang cùng Cung-Định đồng mưu. Mỗi khi sai quân lính đi tìm bắt Cung-Định-Vương, thì ông dặn riêng biếu theo Cung-Định chờ trở về. Sai đi đã nhiều lần, mà không người nào trở về cả. Ngô-Lang xin đi, Nhật-Lễ không cho. Cung-Định bèn từ Đà-Giang đem quân về Kinh-Đô. Khi đến Đông-Bộ-Đầu, Ngô-Lang khuyên Nhật-Lễ mặc đồ thường phục xuống thuyền rước. Cung-Định bắt Nhật-Lễ giam tại Giang-Khẩu. Nhật-Lễ kêu Ngô-Lang vào trong màn mà nói dối rằng : « *Ta có vò vàng dấu trong cung, ngươi hãy vào lấy* ». Ngô-Lang đương quì xuống nghe, thì Nhật-Lễ đánh chết ngay. Việc ấy vỡ ra, Triều-đình đem Nhật-Lễ giết đi, tặng Ngô-Lang chức Nhập-nội tư-mã.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Nhẫn thị xương nhi trọc tử-thần,
Tiểm thông tiêu tức phục hưng trấn.
Cung trung kim úng chung tao đãi,
Minh triết y thùy thiện bảo thân ?*

Dịch nôm :

*Nỡ xem con hát uế ngôi Trần,
Tin-tức thăm thông để tinh toan.
Vàng dấu trong cung nghe nói dõi,
Giữ mình ai ấy chẳng khôn ngoan.*

LÃO-(PHẠM-NGŨ) 老(范五)

Người ở Phù-Üng, Đường-Hào, tài khí tuyệt vời, ham đọc sách, thích-thảng, có đại chí. Hưng-Đạo-Vương tiến cử lên, vua Trần-Nhân-Tôn cho làm Hữu-vệ Dực-thánh-quân. Đời Anh-Tông, niên hiệu Hưng-Long năm thứ 2 (1294), Thượng-hoàng (Nhân-Tông) đi đánh Ai-Lao, Trung-Thành-Vương làm Tiên-phong, bị quân Ai-Lao vây, Ngũ-Lão đem binh đến giải vây được. Năm thứ 5 (1297), Ai-Lao xâm đất ở sông Chàng-Long, Ngũ-Lão đánh đuổi quân giặc, lấy đất lại được.

Đời Minh-Tông, niên hiệu Đại-Khánh năm thứ 5 (1318) vua sai Huệ-Vũ-Vương là Quốc-Điền đánh Chiêm-Thành, quân sắp thua, Ngũ-Lão đem binh hậu tiếp, đánh tan quân địch, về thăng Quan-nội-hầu. Năm thứ 7 (1320), ông mất, thọ 66 tuổi. Được tin, vua nghỉ triều 5 ngày, để tỏ lòng thương tiếc.

Ngũ-Lão, hành quân có kỷ luật, dãi tướng hiệu như người nhà, cùng sĩ tốt đồng cam cộng khổ, cho nên ông đánh đâu được đấy. Đi trận mà lấy được vật gì, ông để vào của chung, để nhu dụng cho quân lính, ông coi rẻ tiền của, không kể ra gì. Tính ông ưa ngâm vịnh, ông có làm bài thơ như sau nầy :

Phiên âm :

*Hoành sóc giang sơn cáp kỷ thu,
Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu.
Nam nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ-Hầu.*

Dịch nôm :

*Non sông múa đáo mây thu nay,
Hùng hổ ba quân chí khí đầy.
Món nợ công danh còn vướng-vít.
Vũ-Hầu chuyện cũ hẹn tai đây.*

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Bạc phật Chiêm, Lào triển tráng du,
Đương thời danh tướng hân vi trù.
Thành công chỉ tại nǎng đồng đức,
Bất phụ cao ngâm sí Vũ-Hầu.*

Dịch nôm :

*Đánh dẹp Chàm, Lào trổ mọi tài,
Đương thời danh tướng ít ngang vai.
Công nên chỉ tại thương người dưới,
Chẳng phụ ngâm thơ trả nợ trai.*

LÊ-(ĐẠI-HÀNH) 黎(大行)

Họ Lê tên Hoàn, người làng Bảo-Thái, huyện Thanh-Liêm, tỉnh Hà Nam. Đinh Thiếu-Đế lên ngôi mới sáu tuổi, Lê-Hoàn giữ chức Thập-đạo Tướng-quân, nhiếp chính, làm như ông Chu-Công đời xưa, và tự xưng là Phó-vương. Bọn Nguyễn-Bặc, Đinh-Điền sợ Hoàn làm hại Thiếu-Đế, khỉ binh đánh mà không thành công.

Lúc bấy giờ vua Thái-Tông nhà Tống sai bọn Hầu-Nhân-Bửu và Tôn-Toàn Hưng sang xâm nước ta, Dương Thái-hậu (vợ Đinh-Tiên-Hoàng, mẹ Thiếu-Đế, tư thông với Lê-Hoàn) khiến Hoàn lừa dũng sĩ để ra cự chiến. Đại-tướng Phạm-Cự-Lượng xướng lên xin lập Lê-Hoàn làm vua, rồi sau sẽ xuất quân. Quân sĩ nghe nói thế, đều hô « vạn tuế ». Thái-hậu thấy quân sĩ thuận cả, liền sai lấy áo long-cổn mặc cho Lê-Hoàn. Lê-Hoàn lên làm vua, tức là Đại-Hành Hoàng-Đế, giáng Thiếu-đế Đinh-Tuyền xuống làm Vệ-vương, sau gọi là Phế-đế.

Vua Đại-Hành tự đem quân ra chống quân nhà Tống, đánh giết Hầu-Nhân-Bửu, bắt bọn tướng như Quách-Quân-Biên, v.v... Ở ngôi 24 năm.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thập-đạo uy quyền sĩ khí hàn,
Chu-công huân nghiệp khước nhàn khan.
Nhứt triều long-cổn gia thân thương,
Dục thảo, Đinh-Điền hạp tự quan.*

Dịch nôm :

*Binh quyền mười đạo, chúng đều kinh,
Công nghiệp Chu-công ngó cũng khinh.
Mình mặc cỗn bào mai sớm đó,
Đinh-Điễn muốn đánh phải suy mình.*

LÊ-(TRUNG-TÔNG) 黎(中宗) (1005)

Tên Long-Việt, con thứ ba của Đại-Hành, lên ngôi được ba ngày, thì bị em đồng mẫu là Long Đĩnh giết.

LÊ NGOA-TRIỀU-ĐẾ 黎卧朝帝 (1005-1009)

Tên Long-Đĩnh, con thứ nam của Đại-Hành. Lúc đầu xin làm thái-tử không được, đến khi Đại-Hành mất, Trung-Tông lên ngôi, được ba ngày thì Long-Đĩnh sai người vào cung giết, rồi cướp ngôi.

Long-Đĩnh là người tính bạo ngược, hay chém giết, ác bằng Kiệt-Trụ đời xưa. Dụng hình thì lấy tranh bao chung quanh tội nhân mà đốt, hoặc khiến lẩy con dao dùi mà xẻo từng miếng thịt, có khi bắt tù treo trên cây, rồi ở dưới sai chặt gốc cho cây đổ, có khi bỏ người vào sọt đem thả xuống sông. Làm những điều ác như thế, thì lẩy làm vui.

Ở ngôi được 4 năm thì mất. Vì lúc sống dâm dục quá độ, mắc bệnh không ngồi được, đến buổi chầu thì nằm mà coi chầu cho nên tục gọi là Ngọa-Triều.

Bài thi vịnh phiên âm :

*Vô quân vô phụ hựu vô dân,
Thùy Dượng, Thương Tân tổng nhứt nhân.
Túng sử vạn kim cầu nhĩ được,
Tùy năng y quốc huống y thân.*

Dịch nôm :

*Không cha không chúa lại không dân,
Thùy đế Thương vương cũng một phần ;
Dẫu có muôn vàng cầu trị tật,
Chưa hay trị nước huống là thân.*

LÊ THÁI-TỔ 黎太祖 (1428-1433)

Tên Lê-Lợi, người ở Lam-Sơn, huyện Lương-Giang (tức là huyện Thụy-Nguyên, tỉnh Thanh-Hóa), có đại chí, quan nhà Minh nghe tiếng, dụ cho làm quan, nhưng ông không chịu khuất. Thường nói rằng : « *Làm trai sinh ở đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn đời, chứ sao lại bo-bo làm đầy tớ người* ». Rồi ông khởi nghĩa binh ở Lam-Sơn. Quân đến đâu một mảy cũng không phạm của ai, chợ-búa đông nhóm như thường. Các Lộ ở Đông-Đô và các Phiên, Trấn các xứ đều hân-hoan hưởng ứng, dành nhau đem trâu, dê, cơm, rượu mà thưởng khao quân sĩ. Trong khoảng mười năm như thế, rồi mới đại định cả toàn quốc. Đến năm Mậu-Thân (1428) lên ngôi vua, đặt tên nước là Đại-Việt. Ở ngôi 6 năm.

Lúc trước người trong nước, ai ai cũng chán việc rối loạn của quân nhà Minh, trông sao cho có vua, mới yên được. Có một người tên là Trần-Cảo, giả xưng là con cháu họ Trần ; Lê-Lợi sai người rước về lập làm vua, đặt niên hiệu là Thiên-Khánh, để tạ từ với người Minh rằng nước ta đã có vua. Lại cho Tả-bộc-xạ là Lê-Quốc-Hưng làm phó, nhưng kỳ thiệt là để giữ một bên Trần-Cảo. Sau khi lên ngôi, Lê-Lợi liền cho giết Trần-Cảo đi.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Lam-Sơn nhứt nộ khởi nhân binh,
Thập tải gian quan để nghiệp thành.
Tăng thuyết trượng phu ưng bất khuất,*

Do linh Thiên-Khánh chiếm tiên thanh.

Dịch nôm :

*Núi Lam nổi giận dấy binh lên,
Khó nhọc mười năm, nghiệp đế nê.
Đã nói trượng phu không chịu khuất,
Còn tôn Thiên-Khánh để nhờ tên.*

LÊ-(THÁI-TÔNG) 黎(太宗)(1434-1442)

Tên Nguyên Long, con thứ vua Thái-Tổ, ở ngôi 9 năm. Lúc lên ngôi mới mười một tuổi, mà chính sự việc gì cũng làm lũy cả. Ở trong triều thì giết bọn cường thắn như Lê-Ngân, Lê-Sát, ở ngoài thì đánh Ngọc-Ma, bắt Cầm-Quí, và bình được các Thổ-tù ở Lạng-Sơn, Gia-Hưng, v.v... Thông minh dũng trí, hơn các vua đời trước, cũng là một ông vua thủ thành rất giỏi. Nhưng có tính ham mê nữ sắc, thấy nàng Nguyễn-Thị-Lộ, hầu ông Nguyễn-Trại, dung mạo đẹp, văn chương hay, thì đòi vào cung, cho làm chức Lễ-nghi học sĩ.

Tháng bảy năm Nhâm-Tuất (1442), vua ngự đông tuần, xa giá về đến Thiên-Đức giang (thuộc huyện Gia-Linh ở Bắc-Ninh) vào vườn Lê-Chi, vua mắc bệnh. Thị-Lộ chầu suốt đêm, sáng lại vua băng.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Xung linh tiễn tộ lại tiễn qui,
Nội ngoại tu nhương, vọng hữu vi.
Nhứt tự Lễ-nghi thừa sắc tiêu,
Lê-Chi viên lý nguyệt ba di.*

Dịch nôm :

*Tuổi trẻ lên ngôi giữ phép nhà,
Trong ngoài sửa đẹp trổ tài ra.
Từ khi Nữ-sĩ vào chầu chực,
Vườn Vải đêm khuya bóng nguyệt tà.*

LÊ-(NHÂN-TÔNG) 黎(仁宗) (1443-1459)

Tên Bang-Cơ, con thứ ba vua Thái-Tông, ở ngôi 17 năm. Lúc lên ngôi mới có hai tuổi, bà Mẫu-Hậu chấp chính, những kẻ quyền thần, hanh thǎn làm việc, hối lộ công hành.

Trước kia vua Thái-Tông đã lập Nghi-Dân làm Thái-Tử, sau vì bà mẹ là Dương-Thị có tội, rồi phế đi mà lập Bang-Cơ làm Thái-tử (tức là Nhân-Tông). Khi Nhân-Tông làm vua đến năm 1459, Nghi-Dân vì cớ mẹ không được lập, có lòng muốn trả thù, bèn cùng Chỉ-huy là Lê Đắc-Ninh mưu làm loạn. Đêm đến cùng với bọn Phạm-Truân bắc thang leo thành, có quân Cẩm-binh làm nội ứng, giết vua Nhân-Tông ở trong cung, rồi hôm sau bà Hoàng-Thái-Hậu cũng bị hại.

Bài thơ vịnh phiêm âm :

*Chính xuất thùy liêm tự tǎn kê,
Triêu đôn vô nại mật vân mê.
Văn-hoàng bất giải gia đình biển,
Chung sử linh nguyên tác loạn thê.*

Dịch nôm :

*Gà mái thày-lay lại giữ giờ,
Trời mai mới mọc bị mây mờ.
Anh em làm loạn trong cung cẩm,
Cũng bởi vua cha chẳng biết ngừa.*

LÊ-(THÁNH-TÔNG) 黎(聖宗)(1460-1497)

Tên Tư-Thành, con thứ tư vua Thái-Tông. Sau khi giết Nghi-Dân, quấn thân rước Bình-Nguyên Vương Tư-Thành làm vua, ở ngôi 38 năm.

Thánh-Tông là một ông vua thông minh, sửa sang được nhiều việc chính trị, mở-mang sự học hành ; đánh Chiêm, dẹp Lào, mở thêm bờ cõi, làm cho nước ta bấy giờ được văn minh thêm ra, lừng lẫy một phuong ; kể từ xưa đến đây, chưa bao giờ được cường thịnh như vậy.

Nhân lúc triều đình nhàn hạ, vua làm Quỳnh-uyển cửu ca (chín bài ca ở Quỳnh-uyển), vua tự làm Tao-đàn nguyên-súy (làm đầu ở Tao-đàn), lựa 28 văn thần vào Tao-đàn, để làm thi ca xướng họa, gọi là Nhị-thập-bát-tú (hai mươi tám ngôi sao) ; vua lại làm những bài Cung-tử và cho các ông học-sĩ như Thân-Nhân-Trung phê bình.

Nguyên Cung-Vương Khắc-Xương, thứ huynh của vua, người nhã-nhặn, đạm bạc, ăn mặc kiệm ước, như con nhà học trò. Năm Đại-Hữu thứ hai (1441), phong làm Tân-bình vương, đến khi Nghi-Dân tiếm vị, cải phong vương. Bọn đại thần như Lê-Lăng, sau khi phế Nghi-Dân, muốn rước Vương mà lập, Vương cố từ không chịu, chúng mới rước lập vua Thánh-Tông. Vua nghe vậy, không bằng lòng. Lê-Lăng tuy đã bị giết rồi, song le vua cứ nghi kỵ Cung-vương. Bấy giờ có người cáo rằng Cung-vương có dị tâm, vua bèn hạ chiếu bắt bỏ ngục. Cung-vương lo buồn rồi chết.

Niên hiệu Hồng-Đức, về mấy năm sau, vì quá ham nũ sắc vua mắc bệnh nặng. Bà Trường-Lạc Hoàng-hậu, bị giam ngục tối ở biệt cung đã lâu ngày, khi bệnh vua đã nặng mới được vào chầu. Hậu lén lấy thuốc độc bôi nơi mun, bệnh mới nặng thêm, rồi vua băng.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thiên tộ Lê gia khải trị triều,
Tao-đàn xướng họa tiêm tâm kiêu.
Cung-từ tự tục Trường-môn oán,
Sử bút thùy san xích bối diêu ?*

Dịch nôm :

*Trời cho Lê được trị bình,
Tao-đàn xướng họa, ra hình căng khoa.
Cung-từ Môn-oán cũng là,
Lời diêu « xích bối » ai mà xóa cho ?²⁶*

LÊ-(HIẾN-TÔNG) 黎(憲宗) (1497-1504)

Tên Tránh, con trưởng vua Thánh-Tông, ở Đông-cung hơn 30 năm, đức nghiệp ngày mỗi tiến tới, nhân hiếu thiên hạ đều biết. Khi lên ngôi, việc gì cũng giữ gìn theo phép của ông cha để lại. Giảm thuế khóa, khoan hinh phạt, nêu rõ người tiết nghĩa, tiến dụng kẻ hiền tài. Lúc ban đầu, chính sự cũng tiêm-tắt lắm, song mấy năm về sau, vì nội cung hẫu hạ quá nhiều, vua mắc bệnh rồi băng. Ở ngôi 7 năm.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thanh-cung cửu kiến nguyệt trùng luân,
Sơ chính thanh minh giám vị trân.
Oán ngẫu tăng tri Trường-lạc sự,
Sắc hoang do tự hiệu tiền nhân.*

Dịch nôm :

*Trăng sáng cung xanh thấy đã lâu,
Gương trong chưa bụi, sạch lìu-lìu.
Oán hờn biết việc cung Trường-lạc,
Hiếu sắc sao mà cứ nối nhau.*

LÊ-(TÚC-TÔNG) 黎(肅宗) (1504)

Tên Thuần, con vua Hiển-Tông, lên ngôi chưa được một năm thì băng.

LÊ-(OAI-MỤC-ĐẾ) 黎(威穆帝) (1505-1509)

Tên Tuân, con thứ hai vua Hiển-Tông, anh thứ vua Túc-Tông, ở ngôi 5 năm. Bà mẹ sinh ra vua là Nguyễn-Thị, lúc nhỏ mồ-côi và nghèo, vào ở quan-tỳ trong cung, hầu bà Quán-Ninh Hoàng-hậu ; khi vua Hiển-Tông đương làm Thái-tử, thấy mà ưng, đem về làm phi, rồi sinh ra vua. Túc-Tông băng, vô tự, bà thứ mẫu của vua là Kính-phi với nội thần là Nguyễn-Nhữ-Vi muốn lập vua, nhưng bà Thái-Hoàng Thái-hậu nói rằng vua là con người tỳ-thiếp không được kế thừa đại thống, đòi lập Lữ-Khôi Vương. Nhữ-Vi không chịu, bà Thái-hậu sai người đi rước Lữ-Khôi, thì Nhữ-Vi truyền đóng cửa thành lại mà lập vua. Từ đó vua oán bà Thái-hậu, khiến người lén giết đi. Vua mê đắm tửu sắc, triều chính giao cho các ngoại-thích cả : Phía đông thì làng Ba-Lăng (làng cha nuôi vua), phía tây thì làng Nhân-Mục (làng vợ vua), phía bắc thì làng Phù-Chẩn (làng mẹ vua). Những ngoại-thích ấy tự ý làm bùa, giết hại sinh linh và tàn hại các tôn thất. Giản-Tư-Công (tức là Tương-Dực-Đế) chạy về Tây-Đô, cử binh đánh. Oai-Mục-Đế bị bắt, tự tận. Giản-Tư-Công lấy hỏa pháo bắn tan thây. Lúc sứ nhà Minh là Hứa-Thiên-Tích qua tuyên phong, thấy tướng mạo nhà vua, có đề câu thơ rằng :

*An-nam tứ bách vận do trường,
Thiên ý như hà giáng qui vương ?*

Dịch nôm :

*Nước Nam vận hãy còn dài,
Cớ sao trời lại giáng loài Qui-vương,*

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Trường-lạc hà cô cự thủ ương,
Duy linh đại bính ủy tam hương.
Tàn khu pháo liệt danh do tại,
Nan át lân bang hoán Qui-vương.*

Dịch nôm :

*Thái-hậu vô can phải họa ương,
Chính quyền sao lại gởi ba làng.
Mình tàn xác pháo, danh còn để,
Khôn cấm người Tàu gọi Qui-vương.*

LÊ-(TƯƠNG-DỰC-ĐẾ) 黎(襄翼帝) (1510-1516)

Tên Oanh, cháu vua Thánh-Tông, lúc đầu được phong là Giản-Tư-Công. Sau khi giết Oai-Mục rồi, tự lên ngôi, càng buông lung xa xỉ, dâm đãng vô độ. Sứ nhà Minh là Phan-Hy-Tăng sang sách phong, thấy tướng mạo vua thì nói với chính-sứ là Trầm-Nhược-Thủy rằng : « Quốc vương An-Nam, tuy mặt đẹp mà mình nghiêng, tính lại hiếu dâm, ấy là Trư-vương (vua heo), nước Nam rồi phải loạn vong, e không lâu vậy ».

Ở ngôi 7 năm. Vua thích việc thô-mộc, làm cung điện hơn trăm sở, dựng cái đài chín tầng, làm hết của cải trong nước. Thường chơi trên Tây-Hồ, biểu các nữ-sĩ ở truồng mà chèo thuyền, lấy làm vui lắm. Sau bị quyền thần là Trịnh-Duy-Sản giết ở Bích-Câu.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tây hồ hổ thượng sạ di châu,
Thúc nhĩ sương phong chí Bích-câu.
Quảng hạ cao đài thùy yến xứ,
Trư-vương không tác Quỷ-vương trù.*

Dịch nôm :

*Hồ Tây vui thú gái truồng chèo,
Mũi bạc thình-lình đã đuổi theo,
Nhà lớn đài cao ai ở đó,
Rõ ràng vua Quỷ ban vua Heo.*

LÊ-(CHIÊU-TÔNG) 黎(昭宗) (1516-1521)

Tên Ý, chàu tằng-tôn vua Thánh-Tông. Trương-Dực-Đế bị bại, bọn Lê-Nghĩa-Chiêu, Trịnh-Duy-Sản rước về lập. Lúc ấy trong triều rối loạn, chính sự không phải do tay vua, và lại vua tư chất ám nhược, hay nghe gièm nịnh. Đô-lực-sĩ Thiết-Sơn bá là Trần-Chân, đánh giặc Trần-Tung có công to. Mạc-Đăng-Dung cũng phải kiêng nể. Vua nghe lời gièm của bọn Chử-Khai và Trình-Hựu, rồi đòi vào trong cung mà giết đi. Đồ đệ của Trần-Chân là Nguyễn-Kính, Nguyễn-Áng đem binh đến phạm cửa khuyết. Lũ Trịnh-Tuy cũng dấy binh làm loạn. Vua thì cứ nhờ một Mạc-Đăng-Dung để đánh dẹp các bọn ấy. Từ đó Đăng-Dung oai uyên càng ngày càng lớn, không sợ hãi gì nữa. Thủ-vệ là Nguyễn-Cầu, Đô-lực-sĩ Minh-sơn-bá là Nguyễn-Thọ với Đàm-Cù là những người tâm phúc của vua, đều bị Đăng-Dung giết cả. Vua bàn thăm với nội thần là bọn Phạm-Hiển, Phạm-Thứ toan trưng binh để đánh Đăng-Dung. Đầu tiên sai người sang Tây-kinh, mật dụ Trịnh-Tuy làm tiếp viện. Đêm đến lúc canh hai, vua cùng Hiển và Thứ đi sang Môn-Sơn ở Sơn-Tây. Đăng-Dung bèn mưu lập Hoàng-Đệ Thung, phế vua làm Đà-Giang-Vương, rồi sau cũng giết theo.

LÊ-(CUNG-ĐẾ) 黎(恭帝) (1521-1527)

Cháu tằng-tôn vua Thánh-Tông, em vua Chiêu-Tông. Đǎng-Dung, sau khi trục Chiêu-Tông, rước lập lên, ở ngôi 5 năm. Lúc bấy giờ, việc nước đã rã-rời, lòng người đã lìa tan, hiệu lệnh, chinh phạt đều do một tay Đǎng-Dung. Vua có làm bài thơ « Châu-Công phụ Thành-Vương » để vào quạt để cho Đǎng-Dung.

Chưa được bao lâu, Đǎng-Dung từ Cổ-Trai vào Kinh, khiến Đông-các đại-học-sĩ Nguyễn-Văn-Thái thảo chiếu truyền ngôi, bắt vua truyền ngôi cho mình, rồi giáng vua làm Cung-vương, sau lại giết đi.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Quốc sự nhân tâm cửu dĩ ly,
Thượng chuyên huynh vị chuế lưu thùy.
Lai triêu thiện chiếu bằng thùy thảo,
Thử nhụt phương đê tú phiến thi.*

Dịch nôm :

*Việc nước lòng người đã hững-hờ,
Còn mang đai mao ngó thò-ơ.
Mai kia thiện ²⁷ tay ai thảo,
Mảnh quạt còn ban ngự-chế thơ.*

LÊ-(TRANG-TÔNG) 黎(莊宗) (1533-1548)

Tên Ninh, con vua Chiêu-Tông. Lúc họ Mạc tiếm ngôi, vua tránh qua ở Ai-Lao, ông Nguyễn-Kim khởi nghĩa rước về lập, vua tôn ông làm Thượng-phủ Thái-sư Hưng-quốc-công, coi tất cả việc nội ngoại. Sau ông rước vua về Thanh-Hóa, lập Hành-điện ở Vạn-Lại. Ở ngôi 16 năm.

Lúc ấy giặc tuy chưa dẹp yên hết, giang sơn tuy chưa khôi phục lại hết, nhưng mà cơ-nghiệp trùng hưng thật đã gây từ đó vây.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Phấn tích Ai-Lao lại Thánh sinh,
Trùng-hưng nhụt nguyệt phục quang minh.
Hưu ngôn bản tịch sơ đa thiểu,
Chính thống trùng tân mạc dữ kinh.*

Dịch Nôm :

*Dãy nghiệp trên Lào được thánh phò,
Trùng hưng nhụt nguyệt chẳng còn lu.
Chưa bàn hộ tịch thâu nhiều ít,
Chính thống trùng tân dễ sánh đâu.*

LÊ-(TRUNG-TÔNG) 黎(中宗)(1548-1556)

Tên Huyêñ, con trưởng vua Trang-Tông, ở ngôi 8 năm.

LÊ-(ANH-TÔNG) 黎(英宗) (1556-1573)

Tên Duy-Bang, cháu đời thứ năm (huyền-tôn) ông Lê-Trừ, anh vua Thái-Tổ ngày trước. Trung-Tông băng, vô tự, Trịnh-Kiểm và các đại thần rước về lập. Khi Trịnh-Kiểm mất rồi, con là Cối thay ngôi, lãnh lấy chức quyền ; em là Tùng cùng bọn Lê-Cập-Đệ cử binh tranh quyền. Cối thế cô, chạy đầu hàng họ Mạc.

Vua phong cho Tùng chức Thái-úy-trưởng-quốc-công, oai quyền ngày một lừng lẫy. Lê-Cập-Đệ trở lòng, muốn hại Tùng. Tùng bèn dụ giết đi. Vua sợ hãi, chạy trốn vào Nghệ-An. Tùng sai người đuổi theo bắt, về đến đất Lôi-Dương giết đi. Ở ngôi được 16 năm.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Bàng chi tự khí đản do nhân,
Bạt hổ tướng-quân bất khả thân,
Nhược ngộ huých tướng thu đại bính,
Lôi-Dương hà sự chí mông trắn.*

Dịch nôm :

*Ngàn chính không con, cạnh nối ngôi,
Tướng-quân hung bạo phải xa thôi.
Anh em đánh lộn, thâu quyền được,
Thì chốn Lôi-Dương khỏi nạn rồi.*

LÊ-(THẾ-TÔNG) 黎(世宗) (1573-1595)

Tên Duy-Đàm, con thứ năm vua Anh-Tông, ở ngôi 27 năm. Lúc vua Anh-Tông trốn vào Nghệ-An, vua mới sáu tuổi. Trịnh-Tùng rước về làm vua. Vua phong Tùng chức Đô-tướng tiết-chẽ các xứ thủy bộ chư dinh, kiêm chưởng nội ngoại bình-chương quân quốc trọng sự. Tùng tự đỗc suất tướng sĩ đi đánh Mạc. Bắt được ngụy chúa Mạc-Mâu-Hợp, thu phục Đông-Đô, rước vua về Thăng-Long. Tân phong Tùng chức Đô-nguyên-súy, tổng quốc chính thương-phụ Bình-an-vương.

LÊ-(KÍNH-TÔNG) 黎(敬宗) (1600-1619)

Tên Duy-Tân, con thứ vua Thึ-Tông, ở ngôi 20 năm. Vua chỉ ngồi không, nhà nước việc gì cũng do Trịnh-Tùng xử đoán.

Một hôm Tùng đi sang Đông-tân-lâu, thình-lình có phục đạn bắn ra, biết vua mưu sát mình, Tùng bèn giảo (thắt cổ) giết vua.

LÊ-(THÂN-TÔNG) 黎(神宗)

(Lên ngôi hai lần : lần thứ nhứt 1619-1643 lần thứ hai 1649-1662). Tên Duy-Kỳ, con trưởng vua Kính-Tông, ở ngôi 25 năm. Trịnh-Tùng giết Kính-Tông rồi, rước vua về lập. Đến khi Tùng mất, truy phong làm Cung-hòa khoan-chính triết vương.

Con Tùng là Trịnh-Trang, có người con gái tên là Ngọc-Hành, trước đã gả cho Tôn-Thất Lê-Trụ, sinh được bốn người con. Trụ bị giam ngục, Trang đem Ngọc-Hành gả cho vua, vua nạp, lập làm Hoàng-hậu. Nguyễn-Thật và Nguyễn-Danh-Thế can vua nhiều lần, mà vua không nghe.

Niên hiệu Đức-Long năm thứ sáu (1643), truyền vị cho Hoàng-Thái-Tử là Duy-Hựu, ấy là vua Chân-Tông. Được bảy năm Chân-Tông băng, Trịnh-Tùng lại xin vua phục vị (1649-1662), lần này được 13 năm.

LÊ-(CHÂN-TÔNG) 黎(真宗) (1643-1649)

Tên Duy-Hựu, con trưởng vua Thần-Tông, lên ngôi từ lúc mười chín tuổi, ở ngôi 7 năm.

LÊ-(HUYỀN-TÔNG) 黎(玄宗) (1663-1671)

Tên Duy-Vũ, con thứ vua Thân-Tông, em vua Chân-Tông, ở ngôi 9 năm.

LÊ-(GIA-TÔNG) 黎(嘉宗) (1672-1675)

Tên Duy-Khoái, con thứ vua Thần-Tông. Khi Huyền-Tông băng, vô tự, vua lên nối ngôi, ở ngôi 4 năm.

LÊ-(HY-TÔNG) 黎(熙宗) (1676-1705)

Tên Duy-Hợp, con út vua Thần-Tông, ở ngôi 30 năm. Chính sự trong triều giao cho một tay họ Trịnh cả. Bấy lâu nay, con cháu họ Mạc chiếm cứ Cao-Bằng đã hơn 60 năm, đến đời vua Hy-Tông mới trừ dứt hết. Vua phong cho Trịnh-Căn làm Định-vương, tôn trọng một cách đặc biệt : Vào chầu không lạy, sớ tấu không viết tên, đặt giường ngồi ở bên tả ngai vua ngự. Lúc ấy mùa màng được, dân được yên nghiệp. Sử chép rằng năm ấy là năm thái-bình hơn hết trong thời kỳ trung hưng.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tam thập quang âm thác đại quyền,
Á-vương thù lễ tự nhân chuyên.
Hạnh phùng tuế nǎm thu toàn cảnh,
Diệc quý trung-hưng uế sử truyền.*

Dịch nôm :

*Ba chục năm dư chǎng có quyền,
Á-vương lễ trọng nhượng người chuyên.
Tuy may mùa được dân no đủ,
Cũng thuận trung-hưng chép sử truyền.*

LÊ-(DUY-TÔNG) 黎(裕宗) (1705-1729)

Tên Duy-Đường, con trưởng vua Hy-Tông, ở ngôi 26 năm. Lúc ấy trời đại hạn, năm mất mùa, dân gian đói khổ, phần thì đê vỡ, phần thì giặc biển ở Yên-Quảng hay phá rỗi. Các công việc sửa đổi rất nhiều, đều do tay Nguyễn-Công-Khang vì Trịnh-Cương mà làm ra cả. Thái-tử vua là Duy-Tường, ở Đông-cung đã hơn mươi năm mà Trịnh-Cương lại phế đi, lập em Duy-Tường là Duy-Phường làm Hoàng-thái-tử, vì Duy-Phường là con của một bà Trịnh-Thị.

LÊ-(PHẾ-ĐẾ) 黎(廢帝) (1729-1732)

Tên Duy-Phường, con thứ vua Dụ-Tông, ở ngôi 4 năm,
Trịnh-Giang phế làm Hôn-Đức-Công, rồi bị hại.

LÊ-(THUÂN-TÔNG) 黎(純宗) (1732-1735)

Tên Duy-Tường, con trưởng vua Dụ-Tông, ở ngôi 4 năm.

LÊ-(Ý-TÔNG) 黎(懿宗) (1735-1740)

Tên Duy-Thận, con thứ vua Dụ-Tông, ở ngôi 6 năm, trao ngôi cho cháu là Duy-Khiêu.

LÊ-(HIỂN-TÔNG) 黎(顯宗) (1740-1786)

Tên Duy-Khiêu, con trưởng vua Thuần-Tông cháu gọi vua Ý-Tông bằng chú, ở ngôi 47 năm. Nguyên vua Ý-Tông là em mà nỗi ngôi anh, thành ra người ta hay bàn-tán. Trịnh-Doanh mới xin vua Ý-Tông trả ngôi lại cho Duy-Khiêu, tức là vua Hiển-Tông, để cho bằng lòng quốc dân.

Vua Hiển-Tông là người thâm-trầm, uyên-mặc, gắp phải Trịnh-Sum là một tay hung-ác, giết Thái-tử Duy Vỹ, bỏ triều yết, mà vua cũng cứ nín lặng chịu yên. Đến năm cuối cùng, Tây-Sơn Nguyễn-Huệ, muốn lấy tiếng diệt Trịnh phò Lê, ra giết Trịnh-Khai, lấy đồ-tịch trong nước dâng cho vua. Chưa được bao lâu, vua băng, Huệ lấy hết của cải trong phủ khỗ trốn về Nam.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Gia thù quốc sĩ tổng băng thanh,
Cự hổ nghinh lang lưỡng bất thành.
Tất cánh vong tâm chân thạch phật,
Tham thiền nghiết uyển phó quẩn thân.*

Dịch nôm :

*Thù nhà, hổ nước thảy tiêu tan,
Đuổi cọp mời lang cũng chẳng toàn.
Rút cục quên lòng như phật đá,
Để phần cúng-dưỡng mặc người toan.*

LÊ-(MÃN-ĐẾ) 黎(愍帝) (1787-1790)

Tên Duy-Kiêm, con của Thái-tử Duy-Vỹ, cháu vua Hiển-Tông, ở ngôi 4 năm. Khi vua mới lên ngôi, tướng của Tây-Sơn là Vũ-Văn-Nhậm cử binh ra Bắc đánh, vua sai Nguyễn-Hữu-Chỉnh cự chiến, bị thua. Vua chạy ra Mục-Sơn (?), gặp tướng nhà Thanh là Tôn-Sĩ-Nghị đem sang cứu viện. Sĩ-Nghị cùng vua đánh lấy lại được thành Thăng-Long. Sau Sĩ-Nghị bị Nguyễn-Huệ đánh thua, vua theo Sĩ-Nghị chạy về Tàu. Người Tàu ăn của lót của Nguyễn-Huệ, dõi phỉnh vua hớt tóc, đổi y phục cho như người Tàu, đợi khi nào trở về nước sẽ đổi lại theo như tục của mình. Vua lầm tin theo. Quân Tàu thôi không đánh nữa, rồi chúng đem vua sang Yên-Kinh, được 4 năm thì băng.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thanh sư nhứt bại tộ tùy di,
Thế phát tung quân nhẫn sự di.
Lân nghị đảo điên vô túc luận,
Cô hồn dị vực cánh hà chi.*

Dịch nôm :

*Quân Thanh thua chạy thấy nguy cơ,
Hớt tóc theo quân bị phỉnh phờ.
Điên-đảo người Tàu không đủ kế,
Cô hồn đất khách ngó bơ-vơ !*

LỄ-(ĐÀM-VĂN) 禮(覃文)

Người ở Lam-Sơn, Quế-Dương, hiệu Đạo-Trai. Lúc nhỏ người ta gọi là thần-đồng, 18 tuổi đậu tiến-sĩ. Trong khoảng niên hiệu Hồng-Đức (1488-1494), ông làm Hàn-lâm thị-thơ, cùng ông Thân-Nhân-Trung soạn bộ « Thiên Nam Dư Hạ Tập ». Ông đi sứ Minh về, thăng Lễ bộ Thượng-thơ, Đông-các-đại-học-sĩ. Trong niên hiệu Cảnh-Thống, đình thần xin lập trù-vị, vua Hiển-Tông nghĩ rằng người con đầu là Tuân, tính ưa ăn mặc như đàn bà con gái và lại đã bỏ thuốc độc hại mẹ ; con thứ hai là Tuấn, đương nhỏ mà bất đức, e nối đại nghiệp không được ; chỉ người con thứ ba là Thuần, ham học hành, biết hiếu đỗ, và lại tuổi cũng trưởng thành, bèn lập làm Thái-tử, khiến Lễ làm phụ-đạo Thái-tử.

Khi Hiển-Tông nằm bệnh, bà Kinh-Phi muốn lập Tuân, vì Tuân là con người tỳ-thiếp mà Kinh-Phi nuôi làm con, cho nên muốn lập ông ấy. Nhưng sợ các đại thần không theo, mới lấy vàng lót cho Văn-Lễ. Văn-Lễ không chịu, bèn cùng Nguyễn-Công-Bật vâng di chiếu phò Thái-tử lên ngôi. Khi bấy giờ các Vương tranh lập. Văn-Lễ sợ thình lình nổi biến, mới vào tẩm-điện lấy Truyền-Quốc-Bửu dấu đi, rồi hội bách quan lập Thái-tử Thuần lên ngôi, ấy là vua Túc-Tông.

Tuân tức giận lắm. Chưa được một năm, Túc-Tông băng. Nội thần là Nguyễn-Nhữ-Vi cùng bà Kinh-Phi ở trong Cẩm-trung lập Tuân lên ngôi vua, ấy là Oai-Mục-Đỗ. Oai-Mục giáng chức Văn-Lễ xuống làm Thừa-tuyên-sứ ở Quảng-Nam. Ông đi đến Đại-Giang, huyện Chân-Phước, thì có người đuổi theo bắt ông tự tận. Văn-Lễ nhảy xuống sông tự tử. Sau đó

đình-thần biết ông không tội mà bị chết, kêu nài với vua.
Oai-Mục đổ lỗi cho Nhữ-Vi, rồi giết đi.

Trong niên hiệu Hồng-Thuận (1509) lại truy phục quan
tước cho ông Văn-Lễ.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Vạn kim bắt dịch thác cô tâm,
Chích thủ phan long đại vị lâm.
Hạnh ngộ Quỉ vương thôi tận tiết,
Trường giang nghị phách trú âm-âm.*

Dịch nôm :

*Thác cô lòng giữ chẵng tham vàng,
Tay đỡ ngai rồng được vẻ-vang.
May gặp Quỉ vương mau hết tiết,
Đành gieo mình xuống giữa trường giang.*

LỄ-(ĐỊNH) 禮(丁)

Người ở Tuy-Sách, Lam-Sơn, cháu gọi Lê Thái-Tổ bằng cậu, cùng với em là Định-Liệt ứng nghĩa, Thái-Tổ đem quân đến Chí-Linh bị người Minh vây, Lễ và bọn Lê-Xí, theo vua lén núp trên núi, hết lương thực, không có gì ăn. Khi quân giặc kéo đi, thì xuống xây lũy ở Lam-Sơn. Trận đánh ở Khả-Lưu-Quan, Lễ với bọn Lê-Sát, Lê-Vân vào hầm trận trước, bắt được Tư-đồ nhà Minh là Chu-Kiệt, chém tướng tiên-phong là Hoàng-Thành. Ông được thăng chức Tư-không. Thái-Tổ kéo quân vào Nghệ-An, khiến Định-Lễ giữ Diễn-Châu. Gặp quan Đô-ty nhà Minh là Trương-Hùng, ông phục binh đánh, chém giặc hơn ba trăm người. Thái-Tổ bèn khiến Lễ và bọn Lê-Sát, Lê-Triệu tập kích thành Tây-Đô, chém hơn năm trăm người. Người Minh đóng thành chống giữ. Lễ chiêu mộ cư dân, ai nấy đều tới quân môn hiệu lực, bèn vây bọc ngoài thành. Ông lại cùng chư tướng đem binh ra Đông-Đô. Gặp quân của Vương-Thông ở bến đò Cổ-Sơ, Lê-Triệu đánh với Thông không nổi, bèn báo cấp với Lễ, Lễ đem binh hội tại Cao-Bộ. Đoạn rồi chia binh phục ở mấy chỗ hiểm yếu, dụ quân Minh đến. Chưa tới sông An-Duyệt, phục binh nổi dậy, đánh giết ở Tụy-Động, phá được quân Minh và chém Minh Thượng-thơ là Trần Hiệp với sĩ tốt rất nhiều. Vương-Thông chạy về Đông-Quan, quân ta thừa thế tới vây, rồi báo tiếp về Lỗi-Giang (chỗ hành-tại của Thái-Tổ ở Thanh-Hóa). Thái-Tổ lập tức đi ra, đến Lô-Giang, khiến Lễ vây cửa nam thành Đông-Quan. Vương-Thông suất quân tinh nhuệ trong thành ra đánh Lê-Nguyên ở Tây-Phù-Liệt.

Lễ đem binh đến cứu. Khi đuổi đến My-Động, Thông thấy quân Lễ ít, vây chung quanh đánh. Lễ và Xí cõi voi hết sức chống cự, sa vào vòng vây, rồi bị bắt. Ông không chịu khuất phục, rồi phải chết.

Lúc ông ra trận, Thái-Tổ thường răn rằng chớ khinh địch. Trận thắng ở Tụy-Động, ai cũng mừng và khen rằng giỏi, chỉ Thái-Tổ lo rằng quen thắng rồi phải bại. Đến trận My-Động, quả nhiên bị thua. Sau Thái-Tổ nhớ công lao, liền phong em ông là Lê-Liệt làm Á-hầu.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*My-Động phiên khuynh Tụy-Động công,
Vi quân hà dụng tại nê trung.
Tướng-quân tiệp chí nhân gai hỉ,
Nựu thắng tiên ưu độc nại ông.*

Dịch nôm :

*Uổng công Tụy-Động vì My-Động,
Cớ bởi nhà ai phải bị lầy.
Chúng những mừng cho hay báo tiếp,
Được thua lo trước chỉ ông nầy.*

LỄ-(NGUYỄN) 禮(阮)

Người ở Thân-Vi, Thượng-Nguyên, đậu Hương cống triều Lê.

Nguyên Thái-tử con vua Hiển-Tông là Duy-Vĩ, tính cương trực, thường tức giận cường thắn lấn hiếp, có khi muốn thâu quyền lại. Thái-tử học rộng, ham muốn đạo nho, ai nấy cũng hâm mộ phong thái của ông. Trịnh-Sum lúc đương làm Thể-tử, vẫn có lòng ganh ghét. Đến khi Sum nối ngôi vương thì vu cho Thái-tử cùng cung nhân tư thông, bắt vua Hiển-Tông phế Thái-tử mà giam vào ngục tối. Liêu thuộc của Thái-tử là bọn Vũ-Sưởng bàn cứu Thái-tử thoát ra khỏi ngục, rồi nổi binh đánh lại. Người đồng đảng với Sum là Phạm-Huy-Đính cáo giác việc ấy ra, Sum vu cho Thái-tử cũng dự mưu và liên lụy đến Nguyễn-Lễ.

Sum bắt Sưởng và Lễ đến tra tấn, Lễ nói : « *Thái-tử là vị Trù-quân của nước, không có tội gì mà làm bức nhục như thế, nếu lập mưu để cứu ra, ấy là nghĩa cả, nhưng thật không dự mưu bao giờ. Nay bức vì khảo đả mà bắt phải chịu phục tội, thế là phi dung, lấy không làm có thể là phi nghĩa. Vả chăng việc ấy, bảo rằng chúng tôi tự mưu, thì có lẽ có, còn như Thái-tử đương ở trong ngục, làm sao mà dự được ? Nay tôi chịu chết thôi, không biết gì mà nói nữa* ».

Trịnh-Sum sai đánh đập, trong mình không còn một miếng da. Nhưng ông cứ một lời thề thôi. Phạm-Huy-Đính tự làm thành ngục án. Sum bèn giết Thái-tử và bọn Sưởng

với, Lễ. Ngày ấy trời u-ám, thiên hạ đều cho việc oan khúc, cho nên trời cảm động như vậy.

LY-(HỒ-QUÍ) 麟(胡季)

Tên chữ Ly-Nguyên, tổ ông là Hồ-Hưng-Dật, nguyên là người Tích-Giang bên Tàu, từ đời Ngũ-Quý sang nước ta, ở làng Bào-Đột, huyện Quỳnh-Lưu, Nghệ-An. Sau đến ông tổ tứ đại là Hồ-Liêm dời ra ở Thanh-Hóa, làm con nuôi nhà Lê-Huân, cho nên đổi họ là Lê. Quý-Ly có hai người cô đều lấy vua Minh-Tông nhà Trần, một sinh ra vua Nghệ-Tông, một sinh ra vua Duệ-Tông. Vì thế Quý-Ly được tín dụng. Vua Nghệ-Tông lại gả cho ông một người con gái ; lúc bấy giờ ông đã làm khu-mật đại sứ. Dời Đế-Hiện năm đầu (1377), thăng Tiểu-tư-không. Năm thứ 4 (1380), Chiêm-Thành đến đánh phá, vua sai ông lãnh thủy-quân đi đánh, Chiêm chúa thua, trốn về. Năm thứ 6 (1362) lại đánh đuổi quân Chiêm-Thành ở Thăn-Đầu (Ninh-Bình). Năm thứ 11 (1387) Quý-Ly thăng Đốc-bình-chương-sự, vua lại cho ông lá cờ đề mẫy chữ : « Văn-vũ toàn tài, quân thần đồng đức ». Thượng-hoàng (Nghệ-Tông) tín dụng lắm. Nhân đó ông ta càng ý thế, buông lung đắc ý, không sợ nể gì nữa ; đem dùng người bè-dảng đầy trong triều. Có kẻ nói rằng Quý-Ly là người gian-hùng trí-trá, Đế-Hiện (Phẽ-đẽ) mưu giết đi, mà mưu lộ ra, giết không được, Quý-Ly trở lại gièm với Thượng-hoàng, rồi phế Đế-Hiện làm Linh-đức đại vương.

Thuận-Tông lập lên, tuổi đương nhỏ, Thượng-Hoàng khiển Quý-Ly phụ chính, và biểu làm bức họa đồ, trong ấy vẽ Chu-Công phụ Thành-Tương, Hoác-Quang phụ Chiêu-Đẽ, Gia-Cát-Lượng phụ Thục Hậu-Chúa và Tô-Hiến-Thành phụ

Lý-Cao-Tông, gọi là « Tứ phụ đồ » để ban cho Quí-Ly và bảo rắng : « *Khanh giúp con trẫm phải noi như thế* ».

Một hôm Thượng-Hoàng gọi Quí-Ly mà bảo rắng : « *Khanh là bậc đại thần mà lại thân tộc, cho nên bao nhiêu việc nước, trẫm đều ủy thác cho cả ; nay quốc thể suy nhược, trẫm thì già rồi ; ngày sau con trẫm, có thể giúp thì giúp, không thì khanh tự làm lấy* ». Quí-Ly cất mao khóc mà thề rắng : « *Nếu hạ thần không hết lòng hết sức với nhà vua, thì trời tru đất diệt. Xin Bệ-hạ chớ lo ngại* ».

Nghệ-Tông mất rồi, Quí-Ly làm phụ-chính thái-sư, vào ở trong điện. Khuyên Thuận-Tông dời đô vào Thanh-Hóa, rồi bắt vua phải trao ngôi cho Hoàng-thái-tử Án. Thái-tử lên ngôi, tức là Thiếu-đế mới 3 tuổi, lúc lên ngôi, chưa biết lạy. Quí-Ly làm phụ-chính tự xưng là Khâm-Đức Hưng-Liệt đại-vương, sai người giết Thuận-Tông. Bấy giờ lại tự xưng là Quốc-Tổ Chương-Hoàng, mặc áo sắc vàng, ở cung Nhân-thọ. Được ba năm, bắt Thiếu-Đế nhượng ngôi, rồi tự xưng đế, hiệu là Thánh-Nguyên, đổi họ là Hồ. Nguyên họ Hồ là dòng-dõi vua Ngu-Thuấn bên Tàu, cho nên đặt quốc hiệu là Đại-Ngu. Rồi ông phế Thiếu-Đế làm Bảo-ninh-vương. Tiếm vị được một năm, để ngôi lại cho con là Hồ-Hán-Thương, tự xưng Thượng-Hoàng, mà chính trị tự tay quyết định lấy.

Đến năm Bính-Tuất (1406), quân Minh qua đánh đuỗi đến Kỳ-La (Hà-Tĩnh), bắt cả hai cha con Quí-Ly, bỏ vào cùi giải về Kim-Lăng.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Tứ phụ đồ thành mặc thượng tâm,

*Bồ-hoàng dĩ phục dĩ gia thân.
Vị lâm tuyễn hạ phùng Trần chúa,
Dĩ phó Yên-kinh kiến Bắc quân.*

Dịch nôm :

*Họa đồ nét mực chưa phai màu,
Mình mặc màu vàng muôn sướng mau.
Trần chúa suối vàng chưa giáp mặt,
Yên-Kinh đã đến gặp vua Tàu.*²⁸

LY-(LÊ-BÁ) 麗(黎伯)

Người ở Đông-Sơn, có sức khỏe, giỏi vũ nghệ. Đời Lê Chiêu-Tông, làm chức Hiệu-úy, thuộc dưới quyền của Mạc-Đăng-Dung. Đến khi họ Mạc tiếm ngôi, thì làm chức Thái-Tể, tước Quốc-công. Mạc-Nguyên bị tướng là Phạm-Tử-Nghi đuổi, Bá-Ly đuổi Tử-Nghi, rồi rước Mạc-Nguyên trở về Thăng-Long. Trong các tướng của họ Mạc, Bá-Ly công cao, vị trọng hơn hết, bè-đảng ràng-rịt, quyền thế rực-rỡ. Tên hanh thần của họ Mạc, là Phạm Quỳnh gièm với Nguyên rồi đem vây nhà Bá-lý mà đánh. Bá-Lý suất quân thuộc hạ cự lại. Mạc-Nguyên chạy qua tránh ở Bồ-Đề (phía Bắc sông Nhị-Hà). Bá-Lý chiếm giữ Thăng-Long. Chưa được bao lâu, Bá-Lý đem hai đạo quân của Sơn-Tây và Sơn-Nam, hơn một vạn người vào Thanh-Hóa qui thuận, rước Lê-Trung-Tôn từ Ngọc Khê tới Vạn Lai hành-dinh, để toan việc khôi phục, Trung-Tông tiếp đãi rất hậu, trao cho chức Bình-chương-quân-quốc trọng sư, Thượng-tể Diêm-quốc-công. Bá-Lý viết thơ dụ văn vũ quan của Mạc về hàng phục với Lê. Đồng thời các mưu thần mãnh sĩ đều qui phụ với Trung Tông. Từ ấy thế họ Mạc suy yếu, binh nhà Lê cường thịnh, bờ cõi ngày một mở mang. Trong các tướng qui phụ, có Nguyễn-Hữu-Liêу, Đăng-Huấn đều làm danh tướng đời Lê-Trung-Hưng. Bá-Lý về với nhà Lê, được 6 năm thì mất, thọ 81 tuổi. Truy phong Nghĩa-huân-công.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Kỵ dũng kiêm ưu Mạc tướng hùng,
Kỷ phiên phò định bỉ ngoan đồng.*

*Cùng đồ phản phế phương qui chính,
Chiêu bạn nan thường trợ ngược công.*

Dịch nôm :

*Dũng vũ gồm hai, tướng Mạc hay,
Mãy phen phò giúp đứa con ngây.*

*Cùng đồ mới chịu về đường chính,
Dụ giặc khôn đến tội xúi đây.*

LÝ-(NAM-ĐẾ) (tiền) 李(南帝)前 (544-548)

Họ-Lý, tên Bôn, người tinh Thái-Bình. Lúc bấy giờ Thủ-sử Giao-Châu là Tiêu-Tư, chính sự khắc bạo, làm thất nhân tâm, đẽ thì gia tư hào hữu, tài kiêm văn vũ, khởi nghĩa binh, hào kiệt các châu đều hưởng ứng. Tiêu-Tư nghe biết bèn đem của lót cho Đế, rồi chạy về Quảng-Châu. Đế chiếm cứ thành Thăng-Long.

Gặp khi Lâm Ấp đánh phá Nhật-Nam, đẽ đem binh đánh đuổi Lâm-Ấp ; nhân đó tự xưng là Nam-Việt-Đế, kiến nguyên là Thiên-Đức, quốc hiệu là Vạn-Xuân, nghĩa là trông cho lâu dài được muôn đời. Chưa được bao lâu, nhà Lương sai bọn Dương-Phiêu và Trần-Bá-Tiên đến xâm lược. Đế đánh nhiều trận bị thua, chạy lên mạn ngược, rồi đem binh đến đóng trên hồ Điển-Triệt (huyện Lập-Thạch). Đóng thuyền bè rất nhiều, choán hết cả hồ. Quân Lương sợ không dám vào trong hồ. Một hôm nước sông thình-lình dâng lên đến bảy thước, chảy vào hồ, Bá-Tiên cho binh thuyền theo dòng nước tiến tới. Vì đẽ không chuẩn bị, nên bị thua, bỏ chạy vào động Khuất-Liêu (thuộc đất tỉnh Hưng-Hóa), tính sửa sang binh mã để đánh lại, không ngờ bị bệnh rồi mất.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Nam chinh Bắc cự dục kinh luân,
Thảo muội qui mô tạm tế truân.
Điển-Triệt phong ba thâm dạ khỉ,
Không kỳ thế tộ vạn niên xuân.*

Dịch nôm :

*Đánh Nam dẹp Bắc muôn ra tài,
Gây dựng cơ đồ tạm đó thôi.
Sóng gió nửa đêm hồ Điển-Triệt,
Uổng công mong chúc nghiệp muôn đời.*

LÝ-(NAM-ĐẾ) (hậu) 李(南帝)後 (571-602)

Tên Phật-Tử, tộc tướng của Tiền Nam-Đế. Lúc Tiền Nam-Đế mất, Đào-Lang vương mất, chúng cử Phật-Tử lên nối vị để quản lãnh quân chúng. Thường đánh với Triệu-Việt-Vương (Quang-Phục) không thắng được, mới xin giảng hòa. Triệu-Việt nghĩ rằng Phật-Tử là dòng-dõi của Tiền Nam-Đế, không nỡ giết, mới cho giảng hòa và chia đất châu Quân-Thần (bãi đất ấy thuộc về làng Thượng-Cát, huyện Từ-Liêm, tỉnh Hà-Đông). Phật-Tử ở thành Ô-Diên (nay ở vào làng Đại Mỗ, Từ-Liêm, Hà-Đông). Sau lại dùng kế Nhã Lang (xem truyện Triệu-Việt-Vương), bội minh ước, trở lại đánh diệt Triệu-Quang-Phục, rập theo Nam-Đế hiệu vị, ở ngôi được 32 năm.

Tướng nhà Tùy là Lưu-Phương đến xâm, đế đầu hàng, theo về Tàu rồi mất. Người ta có làm đền thờ ở Tiểu-Nha hải-khổu để đối với đền thờ của Triệu-Việt-Vương ở Đại-Nha hải-khổu.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Quân-Thần châu thượng sạ du minh,
Thảng-thốt quên tiền hệ cảnh nghinh.
Địa hạ nhược phùng Quang-Phục diện,
Mạc vân Nha-Hải lưỡng từ hoành.*

Dịch nôm :

*Trên bãi Quân-Thần thoát lối thề,
Vội-vàng buộc cổ trước quân kia.
Suối vàng nếu gặp vua Quang-Phục,*

Chớ mách nhà thờ ở bãi tê.

LÝ-(THÁI-TỔ) 李(太祖) (1010-1028)

Họ Lý, tên Công-Uẩn, người làng Cổ-Pháp (nay thuộc huyện Đông-Ngạn, phủ Từ-Sơn, tỉnh Bắc-Ninh), thờ vua Lê-Trung-Tôn. Khi Trung-Tôn bị Ngọa-Triều giết, quần thần đều bỏ chạy trốn, chỉ có Công-Uẩn ôm thân vua mà khóc. Ngọa-Triều khen là trung-thần, cho thăng chức Tả-sƯƠNG Phó-chỉ-huy-sứ.

Trước đó ở làng Cổ-Pháp có cây mộc-miên (cây bông gòn) da nứt ra thành những nét chữ : « Hòa đao mộc lạc, thập bát tử thành », Sư Vạn-Hạnh đoán rằng : Hòa đao mộc là chữ Lê, lạc là rụng, thập bát tử là chữ Lý, thành là nên nghiệp được. Rồi sư nói với Công-Uẩn rằng : « Xem lời sấm thì họ Lý sẽ hưng vương nghiệp. Hiện nay họ Lý có ai bằng ngài. Ngài là người khoan từ, nhân thứ, lại đặc nhân tâm, nếu làm tôn chủ muôn dân, trừ phi ngài thì ai nữa ». Công-Uẩn nghe vậy thì mừng, nhưng sợ nói lộ ra chưa tiện, bèn khiết người anh em với Vạn-Hạnh dấu ở trong núi Tiều-Sơn. Từ ấy lấy làm tự phụ mà sinh lòng nhòm ngó ngôi báu.

Khi Ngọa-Triều băng thì con nối nghiệp đương nhỏ, bọn Đào-Cam-Mộc biết Công-Uẩn có ý muốn lén thay, bèn bàn cùng các quan tôn ông. Các quan đều băng lòng, rước ông lên chính điện, tôn làm đế, tức là vua Thái-Tổ nhà Lý. Vua dời đô đến Đại-La-Thành, sau đổi tên là Thăng-Long, tức là Hà-Nội bây giờ. Ở ngôi được 18 năm.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Thập bát tử thành tuy hữu sấm,

*Hòa đao mộc lạc khởi vô tâm.
Nhược phi Vạn-Hạnh khuynh thành ngũ,
Thùy biện đương niên nhất khốc thâm.*

Dịch nôm :

*Cội Lý sinh ra đà có sấm,
Ngành Lê rụng lại há nênlầm.
Nếu mà chẳng có lời sư nói,
Ai hiểu năm kia tiếng khóc thầm.*

LÝ-(THÁI-TÔNG) 李(太尊) (1028-1054)

Tên Phật-Mã, con trưởng vua Thái-Tổ. Khi Thái-Tổ được làm vua, liền lập làm Thái-Tử. Thái-Tổ vừa mất, thì các Hoàng-tử là bọn Vũ-Đức-Vương, Dục-Thánh-Vương và Đông-Bình-Vương đem binh đến vây thành để tranh ngôi của Thái-Tử. Thái-Tử từ cửa Tường-Phù vào điện Kiến-Nguyên thấy sự biến, bảo đóng cửa các điện và cho vệ sĩ phòng bị. Quân Tam-Phủ vây khít vào, Thái-Tử liền cho nội-thị là Lý-Nhân-Nghĩa và Cung-thần là Lê-Phụng-Hiếu ra quyết chiến. Lê-Phụng-Hiếu rút gươm ra chỉ vào tam vương mà kề tội. Nói xong, nhảy xông ra chém Vũ-Đức-Vương ở trận tiền. Quân các vương trông thấy sợ hãi bỏ chạy cả.

Nội loạn đã bình rồi, vua lên ngôi, trị vì được 27 năm. Lúc bấy giờ các châu, động, hẽ có làm phản banden, thì vua tự thân chinh, dẹp yên cả. Chiêm-Thành bỏ chức cống, vua cũng đi đánh, bắt được chúa là Sạ-Đầu và tù binh hơn năm nghìn người, đem về cho ở các trấn Vĩnh-Khuơng và Đăng-Châu.

Lúc Thái-Tổ băng, tang tế chưa xong, mà gặp ngày sinh nhựt của của đế, đế cũng bảo lấy trúc làm động gọi là động Vạn-tuế-nam-sơn ở trong cung, cho con hát vào trong hang động mà múa hát, bày yến tiệc đãi quần thần, v.v... Còn khi đánh Chiêm-Thành bắt cung-nữ của Chiêm biết ca khúc điệu Tây-thiên, thì cho ở vào cung riêng để ca hát.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Nội nạn sam di lại tướng tài,

*Tứ chinh lũ sách viễn nhân lai.
Tây-thiên khúc điệu gai thùy lạc,
Vạn tuế nam sơn bắt tự ai.*

Dịch nôm :

*Nhờ tướng tài dẹp yên nội loạn,
Đánh bắt người kể vạn kể nghìn.
Cùng ai vui khúc Tây-thiên,
Nam-sơn-vạn-tuế, sao yên trong lòng !*

LÝ-(THÁNH-TÔNG) 李(聖尊) (1054-1072)

Tên Nhật-Tông, con trưởng vua Thái-Tông, ở ngôi 17 năm. Vua là một ông vua nhân từ, có lòng thương dân. Một hôm trời rét lầm, vua bảo các quan hầu rằng : « *Ta ở trong cung, mặc áo cùu, ngồi sưởi than, mà còn rét thế nầy, nghĩ những tù phạm giam trong ngục, phải trói buộc, cơm ăn không no, áo mặc không ấm ; mà lại có người xét hỏi chưa xong, gian ngay chưa rõ, lỡ bị rét quá mà chết, thật là thương tâm. Các quan phải bảo lấy chăn chiếu cho tù nầm, và mỗi ngày cho ăn hai bữa cho no đủ ».* Vua lại có ý muốn khai hóa văn học, lập văn-miếu, làm tượng Chu-Công, Khổng Tử và 72 tiên-hiền để thờ.

Đời nhà Lý sùng thượng Phật-giáo, vua làm chùa Sùng-Khánh và chùa Bảo-Thiên, lại xây tháp Tư-Thiên mười hai tầng, cao mấy chục trượng.

Lúc vua đã bốn mươi tuổi mà chưa có con, thường đi chùa cầu tự, khi xa-giá đi qua, thì thiên hạ xem chật đường. Một hôm đi ngang qua làng Thổ-Lỗi (sau đổi tên là Siêu-loại lại đổi là Thượng-Quang), có một người con gái đi hái dâu, đứng trong đám cỏ lau, vua thấy bèn ưa, truyền gọi đem vào cung. Được vua yêu, phong làm Ỷ-lan-phu-nhân. Sau ít tháng có thai, sinh ra Hoàng-tử Kiến-Đức rồi phong phu-nhân làm Nguyên-phi.

Vua thường đi đánh Chiêm-Thành, đã lâu ngày mà chưa thành công. Khi kéo quân về nửa đường, nghe nói bà Nguyên-Phi Dương-Thị, ở triều coi việc nước, được nhân

tâm tin phục, trong nước yên ổn, và nguyên là bà tu đạo Phật, cho nên người ta gọi bà là « Quan-Âm-Nữ ». Vua nghe vậy bèn nói rằng : « Một người đàn bà mà được như vậy, ta là đàn ông, há dễ thua sao ? » Bèn trở lại đánh được giặc.

Đến khi vua băng, Thái-tử Kiến-Đức nối ngôi, ấy là vua Nhân-Tông, lúc ấy mới 7 tuổi, tôn bà Đích-Mẫu Dương-Thị làm Hoàng-thái-hậu, cùng vua coi việc chính trị ; bà sinh-mẫu Ỷ-lan-nguyên-phi làm Hoàng-thái-phi. Bà Thái-phi tính hay ganh-ghét, nghĩ mình là sinh-mẫu mà không được dự việc chính, mới nói với vua rằng : « Lão mẫu nầy chịu khó nhọc mới có ngày nay, bây giờ giàu sang thì người ta hưởng, lão mẫu có được gì đâu ». Vua đương nhỏ tuổi có biết gì, Thái-phi mới xúi vua bắt Dương-hậu giam ở Thượng-dương-cung, rồi bắt tuẫn-táng (chôn sống) nơi lăng vua Thánh-Tông.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Hồ-cừu thú thân niệm luy tù,
Nhất phiến nhân tâm Phật tác trù.
Cung nội Quan-Âm nan tế khổ,
Tư-thiên cao tháp vị thủy tu.*

Dịch nôm :

*Áo cừu, than thú nghĩ thân tù,
Một tấm lòng nhân, Phật chứng cho.
Bồ-tát trong cung khôn tế khổ,
Tư-thiên tháp nợ vị ai tu.*

LÝ-(NHÂN-TÔNG) 李(仁尊) (1072-1027)

Tên Kiến-Đức, con trưởng vua Thánh-Tông, ở ngôi 56 năm. Bắc đuổi quân Tống, nam phá Chiêm-thành, dân giàu, nước mạnh, thật là một vị vua giỏi đời Lý. Tiếc rằng lúc mới lên ngôi, nghe theo lời kêu nài của sinh mẫu mà hại bà Dương Thái-hậu, thật là một điều không hay.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thiều-sǎn ưng đồ lịch số trờng,
Vận phùng ninh-bật Lý gia quang.
Dục linh thứ tích vô di hám,
Tất văn Thao-giang tẩy Thượng-dương.*

Dịch nôm :

*Đương tuổi trẻ nỗi lên đại vị,
Buổi thăng-bình vận Lý rõ-ràng.
Muốn cho mọi việc trang-hoàng,
Nước sông Thao rửa Thượng-dương họa là.* ²⁹

LÝ-(THÂN-TÔNG) 李(神尊) (1128-1138)

Tên Dương-Hoán, con ông Sùng-Hiền-Hầu tôn-thất nhà Lý. Lúc Sùng-Hiền-Hầu chưa có con, thầy tăng ở chùa Thạch-Thất là Từ-Đạo-Hạnh đến nhà Hầu, Hầu nói đến việc cầu tự. Đạo-Hạnh bảo : « *Khi nào phu-nhân gần ở cũ, thì phải tin trước cho biết* ». Sau đó ba năm, phu nhân Đỗ-Thị có thai, khi ở cũ thấy khó, Hầu nhớ đến lời Đạo-Hạnh dặn, bèn sai người đi tin cho tăng biết. Đạo-Hạnh được tin, liền thay áo quần, tắm rửa sạch-sẽ, rồi vào trong hang núi thi-giải mà tịch (chết). Ở nhà, phu-nhân liền sinh được một trai, tức là Dương-Hoán.

Vua Nhân-Tông không con, đem về cung nuôi, lập làm Thái-tử rồi lên ngôi, trị vì được 11 năm.

Vua ham chuộng điềm trời, và mộ tin đạo Phật, nên bọn Lý-An-Dậu, Lý-Lộc, Lý-Tư-Khắc, đều nhờ được bạch lộc (con hươu trắng) mà thăng chức. Người Chân-Lạp đánh phá Nghệ-An, có Lý-Công-Bình đánh dẹp yên, mà vua thì cứ ngự hai cung Thái-Thanh và Cảnh-Linh với các chùa trong thành, lạy Phật, giả ơn Thần về việc đánh được giặc.

Con thứ-trưởng-tử của vua là Thiên-Lộc sinh trước, đã lập làm tự-tử, sau mới sinh Trưởng-Tử là Thiên-Tộ. Khi vua bệnh nặng, truyền cho Tư-Văn-Thông soạn tờ di chiếu. Ba bà phu-nhân là Cảm-Thánh, Nhật-Phụng và Phụng-Thành thường muốn cải lập Thái-tử, mới sai người đem của lót cho Tham-chính Tư-Văn-Thông mà dặn rằng : Nếu vâng lệnh

Hoàng-đế mà thảo di chiểu thì chớ quên ba Phu-nhân tôi.
Văn-Thông hứa lời xin vâng.

Khi bệnh quá nặng vua bảo soạn di chiểu, Văn-Thông tuy vâng lệnh, nhưng bụng thì cứ nghĩ nơi lời các Phu-nhân dặn, cầm bút mà không thảo. Được một lát, thì ba Phu-nhân vào, khóc tấp-tức mà tâu với vua rằng : « *Từ xưa đến nay, hễ nỗi ngôi thì lập đích chứ không lập thứ bao giờ. Thiên-Lộc là con thứ, nếu cho nó tự vị, mẹ nó ăn tiếm, rồi mẹ con chúng tôi e không khỏi khổ* ». Văn-Thông cũng tán thành theo. Vua bèn hạ chiểu lập Thiên-Tộ, phong Thiên-Lộc làm Minh-đạo-vương.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Đắc lộc thần du khinh thụ tước,
Bình Hồ tướng lược, độc đàm kinh.
Huống đương bằng kỷ truyền hiền nhựt,
Hoàn thính Văn-Thông khúc bút định.*

Dịch nôm :

*Được lộc tôi dua, ban chức tước,
Trí mưu dẹp giặc, chỉ bàn kinh.
Truyền hiền đã định ngày nương ghế,
Theo ý Văn-Thông việc lại định.*

LÝ-(ANH-TÔNG) 李(英尊) (1138-1175)

Tên Thiên-Tô, con đích trưởng vua Thần-Tông, ở ngôi 37 năm. Thiệu-Minh là niên hiệu đầu hết. Lúc lên ngôi mới 3 tuổi, chính sự bất kể lớn nhỏ đều giao cho Thái úy Đỗ-Anh-Vũ. Anh-Vũ lại tư thông với bà Thái-hậu, nhân thế lại càng kiêu căng thêm, ai cũng lác mắt, mà không dám nói. Vua nghe lời bọn Vũ-Đới, bắt Anh-Vũ giam ngục, bà Thái-hậu ưu phiền, kiểm cách để thả ra. Mới đặt hội đại xá tội nhân, rồi Anh-Vũ được tha, làm chức Thái-úy, phụ chính như cũ, sủng dụng càng hơn trước nữa.

Người Chiêm Thành là Ung-Minh-Ta-Điệp đến xin vua giúp cho để về nước làm vua. Vua sai Lý-Mông lấy binh đưa về nước, thì bị chúa nước ấy là Chẽ-Bì-Lá-Bút chống đánh lại, Lý-Mông bị chết.

Đến khi Anh-Vũ chết, Tô-Hiển-Thành làm Thái-úy, ông sửa việc binh, định lại thuế khóa, v.v... Quân Chiêm-Thành qua phá cướp, Hiển-Thành dẹp yên và bắt nạp khoản, phụng cống như xưa.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Nạp bạn dung gian hựu độc binh,
Thiệu-minh chính tích hữu hà minh.
Kỷ niên hưng thế do nhân lực,
Thái-úy tài vong Thái-úy sinh.*

Dịch nôm :

*Gian-phi dung nạp lại nhảm binh,
Nào có minh gì gọi Thiệu-minh.*

*Suy thịnh mấy phen nhờ sức chúng,
Mất ông Anh-Vũ có Tô-Thành.*

LÝ-(CAO-TÔNG) 李(高尊) (1176-1210)

Tên Long-Cán, con thứ vua Anh-Tông. Lúc mới hai tuổi, có người trong cung bỗng ra, thấy vua Anh-Tông đội mǎo, khóc mà đòi đội, vua cha chưa kịp đưa, lại khóc thêm, cha cởi mǎo đưa cho đội, thì cười. Anh-Tông lập làm Thái-tử, rồi lên ngôi, ở được 35 năm.

Vua ham xây dựng cung điện nhà cửa, chơi bời vô độ. Trộm cướp nổi lên như ong dậy, dân tình đói khát cực khổ. Cơ nghiệp nhà Lý từ đó đã suy dần. Vua thường khiến nhạc-công chế khúc nhạc gọi là « Chiêm-Thành âm », giọng điệu ai oán, ai nghe đến cũng phải sa nước mắt. Người ta cho đó là cái điểm bại vong.

Đến mấy năm sau, bị bọn Quách-Bốc dấy loạn, vua phải lánh ra Qui-Hóa giang (sông Thao-Giang, ở phía Bắc huyện Tam-Nông, Phú-Thọ). Nhờ có anh em Trần-Lý tập họp hương-bin, dẹp được loạn, rồi vua được trở về. Họ Trần thay nhà Lý bắt đầu từ đó.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Cưỡng bão bi tần dĩ tự do,
Cố tương dân mịch phụng bàn du.
Chiêm-Thành khúc lý đa ai oán.
Qui-hóa giang đầu thủy bất lưu.*

Dịch nôm :

*Tự do từ bé khóc liền cười,
Dân bệnh không cẩn, cứ việc chơi.
Khúc hát Chiêm-Thành ai oán nhẽ,*

Đầu sông Qui-hóa nước không trôi.

LÝ-(HUỆ-TÔNG) 李(惠尊) (1211-1225)

Tên Sảm, Thái-tử vua Cao-Tông. Lúc loạn Quách-Bốc, Thái-tử chạy đến Lưu-Gia, ở Hải-Ãp (tức là làng Túc-Mặc, huyện Mỹ-Lộc, phủ Hưng-Nhân), nghe Trần-Lý có người con gái đẹp, Thái-tử cưới làm vợ. Đến khi lên ngôi, sai Phụng-ngự-sứ là Phạm-Bố, Chỉ-huy-sứ là Tô-Trung-Tử rước Trần-Thị vào cung lập làm Nguyên-phi, phong anh Nguyên-phi là Trần-Tự-Khánh làm Chương-thành-hầu. Lúc bấy giờ giặc đã nổi lên khắp nơi. Tự-Khánh đem quân đến Kinh-sư xin rước vua đi. Vua không biết tình ý gì, nghi Tự-Khánh có ý phản nghịch, bèn giáng Trần-Thị xuống làm Ngự-nữ. Tự-Khánh nghe tin ấy, thân đến quân môn xin lỗi và xin rước vua đi, vua càng nghi thêm, bèn cùng Thái-hậu và Ngự-Nữ lên Lạng-Châu. Tự-Khánh lại phát binh, xin rước vua đi như mấy lần trước. Vua cũng không tin, rồi đem Thái-hậu với Ngự-nữ đến huyện Bình-Hợp (?), sách phong Ngự-nữ làm Trinh-thuận phu-nhân. Khi bấy giờ Thái-hậu cho Tự-Khánh là người phản trắc, thường chỉ vào mặt Trần-Thị mà xỉ mắng và bảo vua đuổi đi. Vua không nghe. Sau vì Thái-hậu ở khắc-bạc quá, vua và Trần-Thị lừa lúc đêm lén đi đến quân dinh Tự-Khánh, rồi sách phong Trần-Thị làm Hậu, thăng Tự-Khánh lên chức Thái-úy phụ-chính.

Đoạn rồi, vua mắc bệnh, thỉnh-thoảng có cơn điên, hoặc xưng rằng : « Thiên tướng giáng hạ », cầm gậy múa, rồi uống rượu say ngủ cả ngày, việc chính trị đều do Tự-Khánh quyết đoán cả.

Tháng chạp năm Quý-Vị (1223) thì Tự-Khánh mất. Vua cho người anh bà Hoàng-hậu là Trần-Thừa làm Phụ-quốc Thái-úy, người em họ là Trần-Thủ-Đô làm Điện-tiền chỉ-huy-sứ.

Vua ở ngôi được 14 năm, mà Thái-tử chưa có, Trần-Thị chỉ sinh được hai gái, người chị là Thuận-Thiên Công-chúa, thì đã gả cho Trần-Lễu, là con trưởng của Trần-Thừa, còn người em là Chiêu-Thánh công-chúa, tên là Phật-Kim, vua lập làm Thái-tử để truyền ngôi, ấy là Chiêu-Hoàng. Sau Chiêu-Hoàng truyền ngôi cho Trần, phế Huệ-Tông lên ở chùa Chân-giáo.

Một hôm, Trần-Thủ-Đô đi ngang qua chùa, thấy Huệ-Tông đương ngồi nhổ cỏ, Thủ-đô nói : « Nhổ thì phải nhổ cho hết gốc ». Sau bị Thủ-Đô giết.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Quân thứ tiêu bôn dã bắt tu,
Thiền môn bạt thảo cánh hà sầu.
Giai-nhân nhứt tiểu năng khuynh quốc,
Thiên tướng cuồng tăng diệc vị hưu.*

Dịch nôm :

*Dinh quân chẳng hẹn trốn ra đi,
Nhổ cỏ nhà chùa lại khổ chi.
Một nụ gái cười đà mất nước,
Tướng trời, sãi dại cứ si-si.*

LÝ-(CHIÊU-HOÀNG) 李(昭皇) (1224)

Tên Phật-Kim, lại cải là Thiên-Hinh, con gái thứ vua Huệ-Tông, ở ngôi 2 năm, rồi truyền ngôi cho Trần. Diễn ca (Trích ở Q.S.D.C.) :

*Chiêu-Hoàng là phật nữ-nhi,
Phấn son gánh việc gian-nguy được nào !
Xây vẫn cơ-tạo khéo sao,
Bỗng xui Trần-Cảnh hiện vào hầu trong.
Người yếu-điếc, kẻ tư-phong.
Bén hơi rơm lửa, động lòng mưa mây.
Vẩy nước chậu, vắt khăn tay,
Khi đêm đẹp bóng, khi ngày ngồi chung.
Hoa đào đã dạn gió đông,
Vua tôi phật đẹp, vợ chồng duyên may.
Chiếu rồng ban xuống năm mây,
Mừng rằng nữ chúa ngày nay có chồng.*

LIỆT-(ĐỊNH) 列(丁)

Người ở Tụy-Sách, Lam-Sơn, cháu gọi vua Lê-Thái-Tổ bằng cậu, cùng với anh là Đinh-Lễ theo Thái-Tổ khởi nghĩa, đi theo đánh dẹp có nhiều chiến công. Thái-Tổ vây thành Nghệ-An, gặp người Minh đem đại binh đến, Thái-Tổ chia quân cho Đinh-Liệt, khiến đi đường tắt đến giữ huyện Đồ-Gia (thuộc huyện Hương-Sơn) phục kích, đánh đuổi quân Minh. Về thăng Thiếu-úy Á-hầu.

Liễu-Thăng đến xâm, Liệt với Lê-Sát qua Chi-Lăng (thuộc Ôn-Châu, Lạng-Sơn) để chống lại. Ông cùng các tướng hết sức đánh, giết Liễu-Thăng và bắt hết cả quân lính. Ông được thăng Bình-thượng-hầu.

Đời Thái-Tông, niên hiệu Thiệu-Bình năm đầu (1434), người Chiêm-Thành dấy loạn, ông được sai làm Tổng-đốc các đạo quân ở Nghệ-An, Tân-Bình và Thuận-Hóa, qua Hóa-Châu tuần-tiểu, tiện nghi hành sự. Khi đến châu, gặp trong châu có loạn, châu-trưởng xin ông cứu viện. Ông chia binh đánh giúp, bắt được người và voi đem về.

Đời vua Nhân-Tông, niên hiệu Thái-Hòa (1443), ông làm Thái-phó, có người gièm ông, bà Thái-hậu truyền bắt giam, rồi cũng được tha. Trong niên hiệu Diên-Ninh (1454), ông lại làm chức Thái-bảo. Khi Lạng-Sơn vương Nghi-Dân thí nghịch. Liệt cùng bọn Nguyễn-Xí xướng nghĩa tru nghịch đảng. Sau Thánh-Tông phong Á-quận-hầu rồi sai ông cùng Lê-Lăng đi đánh Cầm-Man, thăng chức Thái-sư-phụ-chính. Niên hiệu Hồng-Đức năm đầu (1470), Thánh-Tông thân

chinh Chiêm-Thành, cho Liệt sung chức Chính-lộ Tướng-quân, cùng Lê-Niệm đốc quân tiến phát, Phá được thành Đồ-Bàn, bắt chúa Chiêm là Trà-Toàn đem về Kinh. Năm thứ 2 (1471), ông mất, sau truy phong Mục-vương.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Ngoại tặc quân thắn, nội cữu sanh,
Đồng tâm phan phụ, đệ kiêm huynh.
Thân kinh bách chiến khuông vương nghiệp,
Lũ phá Minh sư, thắn địch binh.*

Dịch nôm :

*Tình thì cậu cháu, nghĩa vua tôi,
Anh cũng đồng lòng giúp nước thôi.
Trăm trận theo đòi phò nghiệp chúa,
Phá Tàu chi sá Mọi-mường tôi.*

LIÊU-(NGUYỄN-HỮU) 僚(阮有)

Người ở Tây-Tựu, Từ-Liêm ; lúc nhỏ mồ-côi, nhà nghèo, không nghề-nghiệp gì, mà trí dũng hơn người. Đời Lê-Trung-Tông niên hiệu Thuận-Bình năm đầu (1549), theo Nguyễn-Khai-Khương và Lê-Bá-Ly qui-thuận, được phong Phù-đô-hầu. Năm thứ 4 (1552), Mạc-Kính-Điển vào đánh, đến Hải-Môn, quan quân đều bỏ chạy. Vua sai Hữu-Liêu đến cứu viện. Từ An-Định đến Phù-Hưng, đánh đuổi giặc tan, được thăng Đại-đô-đốc, Dương-quận-công. Khi Trịnh-Cối nổi loạn, Hữu-Liêu cùng các tướng theo Trịnh-Tùng vào yết vua ở An-Trường. Vua sai Liêu làm Hữu-lộ tiên-phong, đi đánh quân họ Mạc. Ông lấy được mấy huyện Nông-Cống, Ngọc-Sơn, bắt tướng họ Mạc là Phản-quận-công, rồi trở về.

Đời Thanh-Tông, Mạc-Kính-Điển hay tới đánh phá, Hữu-Liêu làm tiên-phong ra cự chiến, phá quân giặc ở Vĩnh-Phước-Giang, Kim-Ngọc-Độ và Đường-Nang-Sơn, trước sau hơn mươi trận, đánh đâu cũng có công, thăng Tây-quận Chưởng-phủ-sự. Niên hiệu Quang-Hưng năm thứ 14 (1591) bàn cử đại binh đánh Mạc, sai Hữu-Liêu lãnh một vạn quân đi trước. Gặp Mạc-Mậu-Hiệp đem binh mã hơn mười vạn, giao chiến với quan quân nơi Phản-Thượng (?) Hữu-Liêu xông tới đánh một hồi, cởi voi rượt tới, chém hai đại tướng của Mạc, quân Mạc tan vỡ. Mậu-Hiệp, một mình cởi ngựa chạy qua sông, quân sĩ đạp nhau xuống thuyền, bị chết đuối hơn phần nữa. Quan quân thừa thắng tiến đánh. Hữu-Liêu đem quân tinh nhuệ thắng về thành Thăng-Long, phóng hỏa thiêu hủy, trong thành kinh loạn. Mậu-Hiệp

hoảng hốt bỏ thành chạy qua dinh Bồ-Đề. Sáng ra Hữu-Liêu thu quân về dinh, tướng sĩ mừng rỡ, quân thẽ nổi bật lên. Rồi ông đem quân do cửa tây vào thành nội, quân Mạc bỏ chạy, quan quân bốn mặt giáp công, bèn thu phục được thành Thăng-Long. Năm thứ 16, luận công, phong tước Phụ-quốc công-thần Dương quận-công. Năm thứ 20 (1597), ông mất.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thiếu niên lạc-thác dĩ phi phàm,
Phấn tý tung nhung tức đại khâm.
Sử tượng trận tiên kiêu nhĩ tặc,
Mạc binh thập vạn tần tham-đàm.*

Dịch nôm :

*Trẻ nhỏ nghèo hèn đã biệt tài,
Theo quân đánh giặc được hơn hoài.
Cõi voi ra trận bêu đầu giặc,
Mười vạn binh kia thảy chạy dài.*

LIÊU-(TRỊNH-DUY) 僑(鄭維)

Người ở Thủy-Chú, Lôi-Dương, cháu Trịnh-Khắc-Phục, công thần nhà Lê. Duy-Liêu, người có chí khí, giỏi văn chương, cùng anh là Duy-Thuyên phò lập vua Trang-Tông. Niên hiệu Nguyên-Hòa năm đầu, vua sai đi sứ qua Minh. Lúc ấy họ Mạc chiếm cứ Thăng-Long, đường sá cách trở, Duy-Liêu cùng với mười người đi đường biển, từ Quảng-Nam theo tàu buôn của người Quảng-Đông, đi hai năm mới tới Yên-Kinh. Ông bày rõ đầu đuôi việc hoạ loạn, xin cử binh qua vân tội họ Mạc. Người Minh ngờ là dối, tra hỏi cẩn vặt. Duy-Liêu làm tờ kêu nài, tự ví mình như Thân-Bao Tư, Trương-Lương và Dự Nhượng, ai đọc tờ ấy cũng sa nước mắt. Minh đế đã được tờ tâu của Duy-Liêu, bèn truyền cho bộ Binh và bộ Lễ xét việc ấy, rồi sai Hàm-ninh-hầu là Cửu-Loan. Tổng-đốc quân vụ là Mao-Bá-Ôn làm Tham-tán, qua đánh họ Mạc. Chưa được bao lâu, Bá-Ôn ăn của lót của họ Mạc, rồi dâng sớ về triều Minh xin hoãn binh, vua Minh nghe theo. Bắt Duy-Liêu ở lại Quảng-Đông, rồi sau không biết tin tức ông ở đâu nữa.

LOAN-(TRƯƠNG-PHƯỚC) 爲(張福)

Người ở Quí-Huyện, Thanh-Hóa, con thứ của Quốc-công Trương Phước-Phãñ, phụ-chính đời chúa Hiếu-Vũ (Nguyễn-Phước-Khoát, 1738-1765). Hiếu-Vũ băng, theo thế thứ thì đáng lập Hưng-Tổ Hiếu-Khương, nghĩa là ông sinh ra vua Gia-Long, nhưng sợ ông này thông minh quá đoán, khó kiềm chế, bèn giả chiêu chỉ bắt giam vào ngục. Nguyễn-Phước-Thuần, mới 12 tuổi. Loan cùng Thái-Giám Chữ Chưởng-dinh Nguyễn Cửu-Thông lập nên nỗi ngôi (tức là Duệ-Tông Hiếu-định hoàng đế). Duệ-Tông lập lên, thì cứ chơi-bời không biết gì trong nước cả. Loan lên chức Quốc-phó, quyền bính đều về trong tay ông ta. Đem bà con anh em lên làm để kết bè đảng, quí hiển quyền hành không ai dám bì. Từ đó kiêu căng tham lận, tàn nhẫn hà khắc, không sợ nể ai cả, người thời bấy giờ gọi là : « Trương-Tần-Cối ».

Năm Quí-Tị (1778) Tây Sơn Nguyễn-Văn-Nhạc nổi lên, chiếm cứ Qui-Nhơn, Quảng-Ngãi, đánh Diên-Khánh. Tin vè cáo cấp, nhưng tướng sĩ thừa bình đã lâu ngày, không hề ra chiến trận, cho nên phần nhiều thác cớ cho khỏi đi trận. Còn những người phải đi đánh thì trong lòng đều oán hận, khi giáp trận thì họ chạy cả. Thành ra bên địch lại càng mạnh thêm.

Mùa đông năm Giáp-Ngọ (1774) tướng họ Trịnh là Hoàng-Ngũ-Phước kéo quân vào Nam, làm tờ hịch kể tội trạng của Loan mà nói rằng Phước-Loan hèn ngược nhân dân, quân vào đây là chỉ để trừ một tên Loan thôi, chứ không có lòng gì khác. Khi quân Trịnh đến Hồ-Xá thì

Chưởng-dinh là Tôn-Thất-Huống, Nguyễn-Cửu-Phát trói Loan mà đem nạp cho Ngũ-Phước, và giết hết các bè đảng của y. Đến năm Bính-Thân (1778) giải ra thành Thăng-Long, đi dọc đường thì Loan chết.

LẠNG-(PHẠM-CƯ) 倘(范巨)

Người ở Chí-Linh, Nam-Sách, ông nội là Chiêm thờ vua Ngô, làm chức Đông-giáp Tướng-quân ; cha là Mãn, làm Tham tri Đô-đốc đời Nam-Tấn ; anh là Hạp, làm Vệ-úy triều Đinh. Cự-Lạng làm Đại-tướng-quân đời Đinh-Tiên-Hoàng. Cuối đời Phê-đế, Tống sai Hầu-Nhân-Bửu đem binh qua xâm nước ta. Thái-hậu khiến Cự-Lạng cùng Thập-đạo Tướng-quân là Lê-Hoàn ra cự địch. Đương sắp sửa xuất quân, Cự-Lạng cùng các tướng đều mặc nhung phục, đi thẳng vào trong phủ và bảo chúng rằng : « *Vả chăng có công thì thường, có lỗi thì phạt phép hành quân rõ ràng như thế. Nay Chúa-thượng đương nhỏ, nếu chúng ta hết sức ngự địch, mà có được chút công lao, thì ai biết cho ? Tôi nghĩ không chi bằng, trước hết ta nên tôn Thập-đạo Tướng-quân làm Thiên-tử, rồi sẽ xuất sư* ».

Quân sĩ nghe vậy, đều hô « Vạn tuế ». Thái-hậu nghe được, bèn lấy áo long-cổn mặc cho Lê-Hoàn tức vị, ấy là Lê-Đại-Hành. Sau Cự-Lạng thăng chức Thái-úy, rồi mất.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Đinh triều vũ sĩ đại Tướng-quân,
Phụng mạng hưng sư ngự ngoại phân.
Chúa thiếu quốc nguy đồ báo nhựt,
Cự tôn Thập-đạo thụ tân huân.*

Dịch nôm :

*Đường-đường đại-tướng nhà Đinh,
Giữa triều phụng mạng đem binh dẹp loạn.*

*Nợ quân quốc chưa toan đền trả,
Tôn Lê-Hoàn vội-vã tâng-công.*

MAI-(HẮC-ĐẾ) 梅(黑帝) (722)

Họ Mai, tên Thúc-Loan, người huyện Thiên-Lộc, tức là Can-Lộc, tỉnh Hà-Tĩnh bấy giờ ; mặt mũi đen sì, sức vóc mạnh khỏe. Nhân lúc ấy quan nhà Đường cai trị nước ta, làm nhiều điều tàn bạo, dân gian khổ sở, lại nhân lúc bấy giờ lăm giặc dã, ông bèn chiêu mộ những người nghĩa dũng, rồi chiếm lấy một chỗ đất ở Hoan-Châu (nay thuộc huyện Nam-Đàn tỉnh Nghệ-An), rồi lại xây thành đắp lũy, xưng đế, tục gọi Hắc-Đế. Bề ngoài Đế lại giao hiếu với nước Lâm-Ãp và nước Chân-Lạp để làm ngoại viễn.

Vua nhà Đường sai Vệ-tướng-quân là Dương-Tư-Húc và Đô-hộ là Nguyễn-Sở-Khách sang đánh Mai-Hắc-Đế. Đế thế yếu, không địch nổi, phải bỏ chạy, được ít lâu thì mất.

Nay ở núi Vệ-Sơn, huyện Nam-Đường, Nghệ-An còn có di tích thành của Mai-Hắc-Đế ; ở xã Hương-Lãm, chính làng của Đế, về huyện Nam Đường còn có đền thờ.

Diễn ca (D.N.Q.S) :

*Quan Đường lăm kẻ tham tài,
Binh dân hàm oán, trong ngoài hợp mưu.
Mai-Thúc-Loan người Hoan-Châu,
Quân ba mươi vạn ruổi vào ải xa.
Hiệu cờ Hắc-Đế mở ra,
Cũng toan quét sạch sơn hà một phuong.
Đường sai Tư-Húc tiếp sang,
Hợp cùng Sở-Khách hai đường giáp công.
Vận đời còn chưa hanh thông,*

Nước non để giận anh hùng nghìn thu.

MẠI-(NGUYỄN) 邁(阮)

Người ở Ninh Xá, Chí-Linh, đậu Tiến-sĩ đời vua Lê-Hy-Tông. Tính thông minh, cương trực, cõi ngựa và bắn đều giỏi, làm Phó-đô ngự sử. Đời Dụ-Tông niên hiệu Vĩnh-Thịnh (1705), lũ cướp ở Sơn-Tây phá rồi, Mại làm An-trấn, chính sự khoan hòa, xử đoán phân minh, dân nhờ được yên. Một hôm ông đi ngang qua chợ Gia-Bình, thấy một người đàn bà nói mất gà, ra giữa chợ chửi rủa om-xòm, ông dừng lại rồi la rằng : « *Một con gà giá đáng bao nhiêu, mà mày chửi rủa như thế ?* » Ông bèn truyền cho mỗi người chung quanh đó vả mụ ấy một vả. Ai cũng phải đến vả, nhưng vả nhè-nhé thôi ; duy có một người vả một cái thật mạnh, ông liền bắt giữ và nói : « *Chính mày ăn trộm gà, mày phải chịu đi* ». Người ấy thú chịu, đem gà trả lại.

Tại chùa Sơn-Vi, các cô-ni ở chung với nhau, có một cô kêu bị mất một vật gì đó, mà tìm không ra. Ông sai đặt một cái đòn, bắt các cô-ni, một tay nắm cành phan, một tay nắm một nắm lúa mà đi quanh đòn. Ông bảo hễ người nào gian, thì lúa trong tay sinh mộng ra. Có một cô cứ mở hé tay ra xem, ông bèn bắt hỏi, thì cô ấy quả chịu tội. Ông tra án, xét việc như cách ấy nhiều lăm ; không ai dám lừa dối ; dân sự được nhờ, và rất có tiếng khen. Thăng Lễ-bộ Thị-lang Sơn-tây chính Trấn-thủ. Khi mất, tặng hàm Thượng thư. Người Sơn-Tây nhớ ơn đức ông, có làm « Đức chính kỷ ».

MÂU-(LÊ-TUẤN) 慨(黎俊)

Người ở Xuân-Lỗi, An-Phong, đậu Tiến-sĩ đời Lê-Hồng-Đức. Lúc đầu bổ làm Hàn-lâm, đi sứ Minh, khi về làm đến Đô-ngự-sử. Khi Mạc-Đăng Dung mới được vua yêu chuộng, Tuân-Mậu biết Đăng-Dung có tướng phản, can nhiều lần mà vua không nghe. Đến khi Đăng-Dung tiếm ngôi, bắt phải vào triều, Tuân-Mậu dẫu đá trong tay áo, ném Đăng-Dung, không trúng, rồi bị hại.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Phản tướng tiên tri thực dự mưu,
Hà kham điển diện sự gian du.
Tụ trung hoài thạch tuy hư-trích,
Thượng hữu tâm trung thạch khả đầu.*

Dịch nôm :

*Phản tướng đà hay những lúc đầu,
Mặt nào theo bợ đứa gian-du.
Trong tay ném đá tuy không trúng,
Còn đá trong lòng biết xiết bao.*

MỸ CHÂU 媚珠

Con gái vua Thục-An-Dương-Vương (297 tr. Kỷ-Nguyên). Vua An-Dương-Vương được móng chân rùa kim-qui, sai người tông là Cao-Lộ làm cái nỏ, lấy móng ấy làm máy nỏ, đặt tên là « Linh Quang kim-qui thần nỗ ». Sau quan Úy Nam-Hải là Triệu-Đà đến xâm, vua lấy nỏ bắn, Đà thua chạy, Đà bèn xin giảng hòa ; cho con là Trọng-Thủy vào chầu trong Túc-vệ và hỏi con gái vua là Mỹ-Châu làm vợ. Vua gả cho. Trọng-Thủy dỗ Mỹ-Châu cho xem Linh-nỗ, lén phá máy đi, rồi về tin cho cha biết. Triệu-Đà phát binh qua đánh, vua đem nỏ ra bắn, thì đã hư hỏng rồi. Vua thua chạy, cho Mỹ-Châu ngồi trên mình ngựa, chạy về phía Nam. Đến bờ biển, cùng đường, không có thuyền bè gì, vua kêu lên mấy tiếng : « *Kim-Qui, Kim-Qui ! tới mau cứu ta !* » Kim-Qui dưới nước trồi lên mà nạt rắng : « *Người ngồi theo ngựa đó là giặc vậy, sao không giết đi ?* » Vua An-Dương rút gươm ra muốn chém Mỹ-Châu, Mỹ-Châu bèn khấn rắng : « *Tôi giữ một lòng trung tín mà bị người phỉngh gạt ; nếu thác, thì hóa làm ngọc trai để rửa thù* ». Rồi vua chém nàng đi.

Nguyên lúc Trọng-Thủy trở về thăm cha, thì nói với Mỹ-Châu rằng : « *Vợ chồng ta ân tình không quên nhau được, nếu hai nước thất hòa, ta trở lại thì tìm thế nào cho gặp nhau ?* » Mỹ-Châu nói : « *Thiếp có cái nêm độn bằng lông ngỗng, khi nào cũng đem theo bên mình, hễ chạy đến đâu thiếp sẽ rắc lông ấy nơi ngã đường để làm dấu, cứ theo dấu mà tìm thì gặp ngay* ». Đến khi Thục-Vương thua chạy,

Trọng-Thủy nhìn dấu lông ngỗng đuối theo. Khi đến, thì thấy Mỵ-Châu đã chết rồi. Trọng-Thủy ôm thây nàng mà khóc, rồi đem về chôn ở thành Cổ-Loa, thây hóa thành ngọc thạch. Trọng-Thủy thương tiếc Mỵ-Châu, nhảy xuống giếng tự tử.

Tục truyền lại rằng Mỵ-Châu chết, huyết chảy xuống nước, loài trai (nghêu) đớp lấy, hóa thành hạt ngọc trai. Sau người ta được hạt trai ở Đông-Hải lấy nước giếng nơi Trọng-Thủy chết để rửa, thì sắc ngọc càng tươi đẹp thêm.

Nay ở núi Mộ-Dạ, địa phận huyện Đông-Thành, tỉnh Nghệ-An có miếu thờ Thục-Vương (chỗ vua nhảy xuống biển tự tận) và nhà thờ Mỵ-Châu.

(Trong truyện này, thuộc về Ngoại-ký, có nhiều việc hoang đường không thể tin được, nhưng cũng chép vào để mà khảo cứu).

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Qui trảo linh cơ dĩ ám tôi,
Nga mao cẩm nhục thượng chiêu lai.
Nguyện vi châu ngọc chương trung tín,
Tẩy địch do tư tinh thủy bôi.*

Dịch nôm :

*Móng rùa nở đã mất đi rồi,
Lông ngỗng còn deo rắc chưa khô.
Muốn tẩy lòng ngay xin hóa ngọc,
Rửa vào nước giếng sáng thêm người.*

Mỵ-Ê 媚醞

Vợ chúa Chiêm-Thành là Sạ-Đầu. Vua Thái-Tông nhà Lý, niên hiệu Minh-Đạo, năm thứ 3 (1044), tự mình đi đánh Chiêm-Thành bắt quốc chúa Sạ-Đầu giết đi. Đoạn rồi tiến binh đến quốc đô là Phật-Thệ thành (nay ở làng Nguyệt-Biều, huyện Hương-Thủy, tỉnh Thừa-Thiên, tục gọi là Thành-Lỗi), vào thành bắt vương-phi Mỵ-Ê và các cung nữ biết hát điệu Tây-thiên đem về. Khi về đến Hành-điện Ly nhân, vua khiến thị-nữ đài Mỵ-Ê qua chầu bên thuyền ngự. Mỵ-Ê từ rằng : « *Thiếp là vợ mường gái quê, không như cung phi của Hoàng-đế. Vả nay nước tan, chồng mất, chỉ dành một chết mà thôi* ». Rồi lấy chăn bọc lấy mình, lăn xuống sông tự tận. Thái-Tông khen là trinh tiết, phong hiệu là : « Hiệp chính hựu thiên phu nhân ». Sau phuơng dân đêm đêm thường nghe bên bờ sông có tiếng khóc, mới lập đền thờ ở đấy.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Man thê, lý phụ phi cung nga,
Quốc phá phu vong, thi mỹ tha.
Chiên nhục tự triền đầu bích thủy,
Trường văn dạ-dạ khốc trùng ba.*

Dịch nôm :

*Vợ Mường đâu dám sánh cung-phi,
Nước mất, chồng không, quyết một bể.
Ném bỏ mình gieo dòng nước biếc,
Đêm-đêm nghe khóc tiếng rầm-rì.*

MINH-(DƯƠNG-TỰ) 明(杨嗣)

Người ở Thái-Nguyên, lúc đầu làm Thủ-lãnh ở phủ Phú-Lương. Đời Lý-Anh-Tông, niên hiệu Đại-Định năm thứ 3 (1142), vua sai tới Quảng-Yên chiêu tập lưu dân, năm thứ 4 đi coi việc đường sá các khe động dọc bờ biển. Được ít lâu vua gả công-chúa cho, phong chức Phò-mã. Năm thứ 6, người Tống tên là Đàm-Hữu-Lương cướp phá châu Quảng-Uyên, vua sai Tự-Minh với bọn Nguyễn-Như-Mai đánh đuổi, bắt được bọn cướp 21 người đem trả cho quan nhà Tống. Quan Thú châu Ung là Triệu-Nguyễn giả làm tờ cáo sắc đòi Hữu-Lương đến, rồi bắt giao cho quan Kinh-lược Quảng-Tây chém đi.

Lúc bấy giờ Anh-Tông đương nhỏ, Đỗ-Anh-Vũ tư thông với bà Lê-Thái-Hậu, quyền hành trong cung. Tự-Minh với bọn Vũ-Đới ngầm mưu bắt Anh-Vũ mà không được. Anh-Vũ mật tâu với vua bắt bọn Vũ-Đới trị tội, Tự-Minh thì bị đày đi xứ xa. Ông mất, dân ở Thái-Nguyên lập đền thờ ông.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Bất tập hào xa Phụ-mã-lang,
Nội phòng ngoại ngữ, mậu khuông tương.
Dục trừ uế đức thanh cung-cấm,
Đầu thoán ninh từ chướng lệ hương.*

Dịch nôm :

*Chẳng tập hào-xa dáng Phấn-Hầu,³⁰
Trong ngoài ngăn cấm để khuông phò.
Muốn trừ thói xấu trong cung-cấm,*

Lam chướng dày xa há ngại lo.

MINH-(NGUYỄN-KHOA) 明(阮科)

Con Nguyễn-Khoa-Thuyên, em đốc-chiến Nguyễn-Khoa-Kiên, vì con nhà thế phiệt, được bổ vào Hàn-lâm, làm chức Thị-thơ thăng đến Hộ bộ Thiêm-sự Quảng Đức Ký-lục. Trong niên hiệu Minh-Mạng, thăng Công bộ Hữu-tham-tri, cai quản Đồ-gia (Nhà-đồ) rồi thăng đến Hình bộ Thượng-Thơ, bị lối cách về, sau lại phục chức Nội-các tu-soạn, làm dần đến Lễ-bộ Thượng-thơ, thăng Hiệp-biện Đại-học-sĩ, gia làm Thái-tử Thái-bảo, sung Cơ-mật viện-đại-thần. Khi mất, vua ban gấm vóc, tiền bạc để làm ma.

Em ông là Khoa-Hào cũng làm đến Bình-bộ Thượng-thơ. Con ông là Khoa-Dục, người khảng khái, có trí lược, đời Minh-Mạng, tập ấm được bổ quan ; đời Thiệu-Trị, thăng chức Án-sát ở Hưng-Hóa. Đời Tự-Đức ông làm Bố-chính Hưng-Hóa, Hộ-lý Tuần-vũ, vừa gặp quân giặc Khách tới phá rồi tinh thành, Khoa-Dục ra thành đốc chiến, bắt lũ Trần-Văn hơn 150 người, bèn giải giao về cho quan Đốc-trấn ở Quỳnh-Châu. Đốc-trấn khiến đem binh thuyền đến sông Bạch-Đằng nhận về. Khoa-Dục thăng thụ Tuần-vũ. Sau bị việc phải cách chức, rồi đi hiệu lực, được ít lâu phục chức Chủ-sự, thăng thụ Án-sát Quảng-Yên. Gặp quân giặc khách tới đánh phá Hải-Ninh, Khoa-Dục tự ra đốc chiến, bị tử trận. Truy tặng hàm thiêt-thợ Án-sát.

MÔ-(NGUYỄN-CẢNH) 模(阮景)

Người ở Nông-Sơn, Nam-Đường. Đời vua Lê Anh-Tông, niên hiệu Chính-Trị năm thứ 13 (1570), Trịnh-Cối và Trịnh-Tùng cử binh đánh nhau ; Mạc-Kính-Điển thừa hấn xâm Thanh-Hóa. Cối chống không nổi, đem cả quân lính hàng họ Mạc. Cảnh-Mô cùng các tướng chỉ trời mà thề, rồi chia binh chống giữ, Kính-Điển đã được Trịnh-Cối hàng, thêm quân lại đánh. Anh-Tông truyền chư tướng chia quân làm ba đạo để ngự địch. Cảnh-Mô ra đánh phía tả, lấy lại từ An-Định đến Vĩnh-Phước. Quân họ Mạc thua chạy về. Cảnh-Mô được công, thăng Thái-phó. Chưa được bao lâu, Kính-Điển đánh Nghệ-An, rồi chiếm lấy, Cảnh-Mô liền cùng Phan Công-Tích vào đánh lấy đất Nghệ-An lại.

Đời vua Thế-Tông, niên hiệu Gia-Thái năm thứ 2 (1574), tướng Mạc là Nguyễn-Quyên xâm Nghệ-An, Cảnh-Mô cùng giặc đánh, cầm cự trong mấy tháng, đánh đã nhiều trận mà không được, bèn bỏ chạy về Thanh-Hóa. Quyên đuổi theo bắt được, dụ biểu đầu hàng. Cảnh-Mô nói : « *Lê triều là chính thống, họ Mạc là tiếm thiết, xưa cha mấy đã cải tâm quy thuận (?), nay mấy lại bội bạc mà hàng Mạc ; mấy đã bất trung bất hiếu, không cải hóa tự Tân được thì thôi, nay lại toan bắt chước Vệ-Luật khuyên Tô-Vũ hàng Hung-Nô hay sao ?* » Ông bèn bị hại.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Hoan-châu tùy phục hựu tùy luân,
Lực kiệt thân luy chí vị dân.*

*Vệ-Luật nan dao Tô-Vũ chí,
Túc linh quí tử nhị tâm thǎn.*

Dịch nôm :

*Hoan-châu đã thắng lại liền thua,
Sức hết nhưng mà chí vẫn to.
Thẹn chêt hai lòng ngươi Vệ-Luật,
Dễ lay nào được tiết ông Tô³¹*

MỘNG-(PHẠM-ỨNG) 夢(范應)

Người ở Thanh-Miện, Hồng-Châu ; lúc nhỏ theo học ở Kinh-sư. Vua Trần-Thái-Tông ngủ nằm mộng, thấy một ông thần chỉ cho một người mà bảo rằng : « *Người này sau có thể làm Hành-khiển được* ». Tỉnh dậy, vua không biết là người nào. Một hôm vua ra ngoài thành, thấy một người trẻ trai đi học ở phía nam thành ấy, hình dáng in như người bữa thấy trong giấc mộng. Gọi lại hỏi, thì ứng đối như lời trong mộng. Vua muốn cho vào Nội làm chức Hành-khiển, mà chưa biết dùng cách nào để đem vào. Bèn phỏng theo việc của vua đời Lý dùng ông Lý-Thường-Kiệt (Lý-Thái-Tông biểu Lý-Thường-Kiệt tự cắt sinh-thực-kí (thiến dài) mới vào nội chầu được), cho người ấy bốn trăm quan, biểu tự hoạn (lặt dài) để vào chầu. Sau Ứng-Mộng làm đến chức Hành-khiển thì mất.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tăng phủ tinh thần mặc cảm thông,
Cự năng ngộ hợp nhứt tiêu trung.
Khước linh huân-hủ tuần tiền triệt,
Tiểu tượng bàng cầu quả dị đồng.*

Dịch nôm :

*Chẳng biết tinh thần cảm thấy thế nào,
Mà hay hội-hợp lúc chiêm bao.
Bèn cho yêm hoạn theo lề trước,
Họa tượng cầu tìm có thể sao ?*

NIỆM-(LÊ) 念(黎)

Người ở làng Dung-Tư, huyện Thụy-Nguyên, cháu Lê-Lai, con Lê-Lâm. Lâm theo vua Lê-Thái-Tổ đánh Ai-Lao, bị mũi tên bắn, tử trận. Niệm lúc nhỏ đã thông minh lại có tài văn vũ, lấy hàm ấm thụ được bổ dụng, thăng dần lên đến chức Nhập nội đô-đốc Bình-chương quân-quốc trọng sự. Niên hiệu Hồng-Đức năm đầu (1470), đi đánh Chiêm Thành, hạ được thành Đồ-Bàn, bắt chúa Chiêm-Thành là Trà-Toàn, đem về. Sau lại làm Bình-nhung tướng quân, đánh phá được Bồn-Man, rồi trở về, gia hàm Thái-phó Tịnh-quốc-công. Ông mất, tặng hàm Thái-úy.

Lê-Niệm là thế thần cựu tộc, nhiều lần đem đại binh, lập đại công, oai vọng lừng-lẫy, trong triều lấy làm ý trọng. Có học vấn, hay văn thơ, vua Thánh-Tông thường khiết xướng họa. Chỗ ông ở đê là Nhật-Thiền-Hiên. Ông có chí hâm mộ Đào-Chu (tức là Phạm-Lãi). Thân tuy ở chốn lang miếu, mà phong trí rất thanh đạm. Người ta đều phục chí cao thượng của ông.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tam thế trung huân tuy nhứt môn,
Bình nhung chinh lỗ đáp quân ơn.
Vong cơ hựu mộ Đào-Chu chí,
Đạm bạc thi đê niếm mãn nôn.*

Dịch nôm :

*Công lớn ba đời nhóm một nhà,
Dẹp Mường đuổi Mọi đáp án ba.*

*Vong cơ lại muốn theo ông Phạm,
Thanh đạm để thi tỏ chí ta.*

NGẠC-(TRÂN) 頸(陳)

Con thứ vua Nghệ-Tông, phong Trang-Định-Vương. Vua Duệ-Tông lên ngôi, cho làm Tư-Đồ và trấn-thủ Thái-Nguyên. Trần-Phê-Đế lên ngôi, thăng chức Thái-úy. Nghệ-Tông lúc ấy làm Thái-thượng-hoàng, việc gì cũng ủy thác cho Quý-Lý. Quý-Lý rắp-ranh có lòng tiếm đoạt, những kẻ hiền nhân quân tử đều lo sợ. Phê-Đế bàn cùng Trần-Ngạc rằng : « *Quí-Ly tự ý dụng sự, nếu mình không liệu trước, rồi e khó trị* ». Nguyễn-Nhữ-Mai, là quan thị-học nghe được lời bàn ấy, liền mách với Quý-Lý. Quý-Lý đem việc ấy kêu van với Thượng-hoàng, bèn giáng Đế-Hiến (tức là Phê-Đế) làm Linh-Đức-Vương, rồi bắt thắt cổ chết và lập con út tên là Ngung lên ngôi, tức là Thuận-Tông.

Khi Linh-Đức-Vương bị phế, Quý-Lý rao lên nói để lập Ngạc nối ngôi, Ngạc từ chối không chịu. Quý-Lý nói với Thượng-Hoàng rằng : « *Thái-úy mà từ đại vị, thật là người có đại đức* ». Thượng-Hoàng bèn phong Ngạc làm Đại-vương. Về sau Ngạc và Quý-Lý có hiềm khích với nhau, nồng bị Quý-Lý gièm. Ngạc trốn ra Nam-Định trang. Người ở trong trang lấy thuyền đưa đến trại Vạn-Ninh. Nhưng có người ở trại tên là Dương-Đô không cho vào, rồi Thượng Hoàng sai bọn Nhân Liệt đuổi theo bắt về. Quý-Lý ngầm biểu giết đi, rồi về tâu rằng Ngạc chống cự đánh lại, nên chúng nó phải giết. Thượng-Hoàng giận, giáng chức Ngạc làm Mân-vương. Sau đó Thượng-Hoàng hối ngộ, truy vấn chính người đi bắt Ngạc là ai. Nhân-Liệt sợ rồi tự tử.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thiên vị duy gian khởi trá từ,
Cô trung nan miễn thước kim từ.
Vạn-Ninh trại ngoại phí vương phủ,
Hoàng ngưỡng ưng tầm nhứt tử trì.*

Dịch nôm :

*Ngôi báu khôn đương há nói chơi,
Lòng ngay gièm siểm đúc nên lời.
Vạn-Ninh chẳng phải nơi vương phủ,
Chậm xuống hoàng tuyển cũng hổ ngươi.*

NGẠN-(NGUYỄN-TRUNG) 彦(阮忠)

Hiệu Giới-Hiên, người ở Thổ-Hoàng, đậu tiến-sĩ lúc 16 tuổi. Vua Trần-Minh-Tông lên ngôi, ông cùng Phạm-Ngộ đi sứ Tàu (nhà Nguyên). Niên hiệu Đại-Khánh thứ 8 (1321) làm Thị-ngự-sử. Niên hiệu Khai-Thái năm đầu (1324), sứ nhà Nguyên là bọn Mã-Hợp-Mưu đi tới cầu Tây-thẫu-trì (gần cung vua) không xuống ngựa, Trung-Ngạn bắt lối, Hợp-Mưu phải xuống ngựa đi bộ. Sau nhân việc trái chỉ vua, bị đổi làm Thông-phán châu Viêm-Lang. Làm việc có tiếng tốt, được thăng chức Thiêm-tri. Năm thứ 3 (1326), vì việc chúa thích triều ban sơ suất, bị đổi làm An-vũ-sứ ở Thanh-Hóa. Đến đời Hiển-Tông, thăng Nội-mật-viện Phó-sử, coi việc hình. Năm thứ 7 (1335), Thượng-hoàng (Anh-Tông) đi đánh Ai-Lao, ông sung chức Phát-vận-sứ. Đến đời Dụ-Tông, thăng chức khu-mật-viện-sứ Thân-quốc-công. Thọ hơn 80 tuổi. Trung-Ngạn có tài khí, tính thô suất và hay tự phụ. Ông có làm bài thơ rằng :

Phiên âm :

*Giới-hiên tiên sinh, lang miếu khí,
Diệu linh dĩ hữu thôn ngưu chí.
Niên phương thập nhị thái học sinh,
Tài đăng thập lục sung Đinh thí.
Nhị thập hựu tứ nhập Gián quan,
Nhị thập hựu lục, Yên kinh sứ.*

Dịch nôm :

Giới-hiên tiên sinh tài lang miếu,

Tuổi trẻ đã có chí nuốt sao.³²
Lúc mười hai tuổi, Thái-học sinh,
Đến khi mười sáu vào Đình thi.
Hai mươi bốn tuổi làm Gián-quan,
Hai mươi sáu tuổi Yên-kinh sứ.

Trung-Ngạn làm quan trải bốn triều : (Anh-Tông, Minh-Tông, Hiển-Tông, Dụ-Tông), hai lần ở Đài-sanh (Ngự-sử), không phụ tiếng nho gia. Bình sinh ưa ngâm vịnh, lời văn của ông hùng kiện. Có để lại tập thơ gọi là Giới-Hiên Thi Tập.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Diệu linh bạt tuy kết thù tri,
Tứ đại khuông tương biểu lệnh nghi.
Thủy tín Giới-Hiên lang miếu khí,
Bình sinh bất phụ tự bình thi.

Dịch nôm :

Tuổi trẻ hơn người được Chúa hay,
Bốn đời phò giúp, lệnh nghi bày.
Giới-Hiên thật có tài lang miếu.
Chẳng phụ bình sinh tự vịnh nầy.

NGHỆ-(DƯƠNG-ĐÌNH) 藝(楊廷) (931-938)

Người Giao-Châu, tướng của Khúc-Thùa-Hạo ngày trước. Hán chúa Yểm sai tướng là Lý-Khắc-Chính đem binh đánh Giao-Châu, bắt Khúc-Thùa-Mỹ (con Thùa-Hạo) về, rồi cho tướng của mình là Lý-Tiễn thay làm Thứ-sử. Đinh-Nghệ muốn phục thù cho họ Khúc, mới bày trường tập vũ, để chiêu tập những kẻ hào kiệt trong châu đồng mưu nổi việc.

Nhiên hiệu Trùng-Hưng năm thứ 2, vua Trang-Tông nhà Đường phát binh đánh Giao-Châu, Thứ-sử Lý-Tiễn bỏ thành chạy trốn. Hán chúa sai Thùa-chỉ là Trần-Bửu lại đánh. Lúc bấy giờ Đinh-Nghệ bộ hạ được ba nghìn người, đương tính việc khôi phục, vừa gặp Bửu đến vây thành. Nghệ ra đánh, Bửu thua rồi chết. Đinh-Nghệ bèn tự xưng Tiết-đô-sứ, cai trị cả châu. Sau Nghệ bị nha-tướng là Kiều-Công-Tiễn giết và cướp ngôi.

Diễn ca (trích ở Q.S.D.C của L. Ng. C. Ph. d. T.) :

*Ba trăm năm lẻ Tùy-Đường,
Lại trong Ngũ-Quí tang thương cũng dài.
Hồng-Châu Khúc-Hạo hung tài,
Gặp đời Thúc-Quí toàn bài bá vương.
Cõi nhà hùng cứ Nam phương,
Cung cầu một lẽ, Hán, Lương hai lòng.
Qui mô cũng rắp hồn đồng.
Điển lô đinh ngạch đều cùng định nên.
Thùa gia vừa mới tái truyền.
Bởi cầu Lương tiết hóa nên Hán tù.*

*Dương-Đình-Nghệ lại báo thù,
Đuổi người Hán, lanh châu phù vừa xong.
Nghĩa nhi gắp đứa gian hùng,
Kiều-Công-Tiễn lại nỡ lòng sao nêñ ?*

NHĨÊM-(NGUYỄN-HỮU) 嚴(阮有)

Người ở Phước-Khê, Đông-Ngạn, lúc trẻ đã có tiếng văn học, đậu thám-hoa triều Lê Oai-Mục-Đế, lúc 18 tuổi. Làm quan từ Hàn-lâm Thị-thơ rồi đến Thượng thơ, kiêm Chưởng-viện-sứ. Vua Chiêu-Tông chạy sang Tàu, ông cùng thầy học ông là Đàm-Thận Huy về Bắc-Giang nổi binh đánh với tướng họ Mạc ở An-Trường-Giang, phá được quân Mạc. Sau vì thế kém chống không nổi, lui về giữ Thọ-Giang (thuộc huyện Yên-Thẽ), lại cũng bị thua. Thận-Huy mất, Hữu-Nghiêm về nhà để từ giã bà mẹ, quân giặc đuổi theo kịp, Hữu-Nghiêm lạy mẹ để cho giặc bắt. Người con ông cũng mắng dữ dội. Đăng Dung giết cả hai cha con.

Bài vịnh thơ phiên âm :

*Hữu thị môn-sinh hữu thi sư,
Cánh kiêm phụ nhụ diệc trung kỳ.
Bất hiềm biệt duệ Vương-Lăng mẫu,
Cam dự quyên khu cảnh thiến nhi.*

Dịch nôm :

*Được có trò hay được cả thầy,
Lại còn con vợ cũng lòng ngay.
Từ thân giống mẹ Vương-Lăng trước,
Đành chịu quăng mình với trẻ ngây.*

NGỌC-(LÊ-BÁ) 玉(黎伯)

(Không rõ người ở đâu) Triều Lý-Nhân-Tông, nhờ có văn học, được bổ làm quan, thăng đến chức Lễ bộ Thị-lang. Trong niên hiệu Long-Phù, bị có lỗi, biếm làm Nội-đài-thơ-giá. Niên hiệu Thiên-Phù-Duệ-Vũ năm thứ 2 (1221), lại làm Lễ bộ Thị lang. Năm thứ 6 (1215), mọi Nùng ở Quảng-Nguyên làm phản, vua sai ông đi đánh. Lúc gần đi, ông hội quân sĩ ngoài cửa Đại-Hưng-Môn, tuyên bố quân lệnh. Đi đến châu Quảng-Nguyên, lũ phản banden sợ bỏ chạy trốn qua Tàu. Ông kéo quân về.

Nhân-Tông bệnh, đòi ông vào, bảo làm chức Cố-mạng (giữ lời dặn của vua) để phụ ấu chúa. Trong tờ di chiếu có câu rằng : « *Hỡi người Bá-ngọc, người thật là bậc thương nhân, hãy sửa sang binh khí của ngươi, để phòng khi bắt trắc, ngươi chớ quên mặng lệnh của ta* ».

Đến đời vua Thần-Tông, bàn về công đức đới (công giúp phò vua), thăng ông lên chức Thái-úy, tước Hầu. Niên hiệu Thiên-Thuận năm đầu, gia hàm Thái-sư. Năm Thiên-Chương-Hữu-Tự thứ 3 (1135) ông mất.

Bá-Ngọc là văn thần mà giỏi binh pháp, chịu chức Cố-mạng, chức đền Sư, Phó, công nghiệp rực-rỡ ở hai triều, thật là bậc nguyên phụ trong một đời vậy.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Lưỡng triều nguyên phụ đế vương sư,
Tướng tướng thân kiêm hựu thụ di.
Thần đạo hữu chung chân hăn đắc,*

Bất cô Nhân-miếu chú thù tri.

Dịch nôm :

*Hai triều giúp chúa xứng vai thầy,
Văn vũ tài kiêm chịu chiểu ngay.
Trọn đạo làm tôi xem ít có,
Thỏa lòng chúa thượng biết tôi hay.*

NGÔ-(TIÊN-CHÚA) 吳(先主) (939-945)

Họ Ngô tên Quyền, người ở Đường-Lâm, cùng một làng với Phùng-Hưng ngày xưa. Lúc trước ông làm tướng của Giao-Châu Thứ-sử Dương-Đình-Nghệ, giữ Ái Châu (Thanh-Hóa). Đinh-Nghệ bị Kiều-Công-Tiễn giết, Tiên-Chúa cử binh đánh Tiễn. Tiễn đem của cầu cứu Nam-Hán chúa là Lưu-Yểm. Yểm sai thái-tử Hoằng-Thao đem binh cứu Tiễn, còn tự mình dẫn binh đóng đồn ở Hải-Môn để làm thanh viễn. Hoằng-Thao đem quân lính thuyền bè vào sông Bạch-Đắng, thì bên nầy Tiên-Chúa đã giết Tiễn ở Hải-Môn, rồi dùng cọc gỗ vặt nhọn, đầu bịt sắt, đóng ngầm dưới mặt nước, sai quân dùng thuyền nhỏ ra khiêu chiến, giả thua. Quân Nam-Hán rượt theo vào trong sông. Gặp khi thủy triều xuống, binh thuyền của Hoằng-Thao bị vướng mắc trên cọc, úp chìm, quân lính chết hơn phần nửa. Tiên-Chúa thừa thắng đuổi bắt Hoằng-Thao, giết ngay. Tiên-Chúa xưng vương, đặt trăm quan, chẽ triều nghi, định phục sắc. Ở ngôi được 6 năm. Trước khi mất, trối lại cho anh bà Dương-Hậu (vợ Tiên-Chúa, con Dương-Đình-Nghệ), là Dương-Tam-Kha giúp con mình để trị nước. Sau bị Tam Kha cướp-ngôi.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Nhung y nhứt tẩy Bạch-Đắng ba,
Nam Bắc phân cương tạm yển qua.
Lục tải kinh dinh đa thiểu lực,
Đỗ tương thành nghiệp ủy Tam-Kha.*

Dịch nôm :

*Bạch-Đắng gột rửa nhung y,
Bắc Nam chia cõi tạm về nghỉ ngơi.
Sáu năm công khó vừa rồi,
Luống giao cơ nghiệp cho người nội huynh.* ³³

NGÔ-(HẬU-CHÚA) 吳(後主) (951-965)

Tên Xương-Văn, con thứ hai của Tiên-chúa. Khi Tam-Kha đã tiếm vị, xưng Bình-Vương, con trưởng của Tiên-Chúa là Xương-Ngập chạy trốn, Tam-Kha đem Xương-Văn vào làm con nuôi. Được sáu năm, ở hai thôn Thái-Bình (thuộc tỉnh Sơn-Tây) nổi loạn. Tam-Kha sai Xương-Văn và hai tướng là Dương-Cát-Lợi và Đỗ-Cảnh-Thạc đem quân đi đánh. Đi đến đất Từ-Liêm, Xương-Văn nói với hai tướng rằng : « *Tiên-vương ta đã có ân trạch với dân, được lòng người qui phục, nay Bình-vương làm điều bất nghĩa, cướp ngôi của anh em ta, tội ấy rất lớn, bây giờ lại sai chúng ta đi đánh những thôn ấp vô tội, nếu người ta không phục, thì làm sao ?* » Hai tướng đáp lại rằng : « *Việc ấy tùy ông* ». Xương-Văn lại nói : « *Ta muốn trở về đánh Bình-Vương để khôi phục nghiệp cũ của Tiên-Vương, có nên không ?* » Hai tướng vâng lời. Xương-Văn kéo quân về, đánh bắt Tam-Kha. Quân chúng muốn giết Tam-Kha, Xương-Văn không cho và nói : « *Bình-Vương có ơn với ta, không nỡ giết* ». Rồi giáng cho làm Trưởng-dương-công.

Xương-Văn, sau khi đã truất Tam-Kha, xưng làm Nam-Tần-Vương, và sai người đi đến làng Trà-Hương (làng của Phạm-Lệnh-Công ở) rước Xương-Ngập về Kinh-sư để coi chung việc nước và xưng là Thiên-Sách-Vương. Xương-Ngập từ đó muốn chuyên quyền một mình, Nam-Tần-Vương không dự việc chính trị nữa. Nhưng đến năm Giáp-Dần(954), Xương-Ngập mất, vương lại phục vị. Lúc bấy giờ giặc giã nổi lên khắp cả mọi nơi, Nam-Tần-Vương thân

chinh đi đánh dẹp. Khi đi đánh giặc ở hai thôn Thái-Bình, không may bị tên bắn chết.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Nghĩa kỳ nhứt phản phục hồng ky,
Ấp nhượng phong quang chính thủ thi.
Hữu tội bất tru, vô tội phạt,
Thôn tiền lưu thi cánh hè bi.*

Dịch nôm :

*Phất cờ nghĩa lại dựng nền xưa,
Hòa thuận phong quang ngó đã vừa.
Có tội chẳng trường, không tội phạt,
Tên bay xảy đến, đáng buồn chưa !*

NGUY-(VÕ-DY) 巍(武彝)

Người huyện Phú-Vang, Thừa-Thiên, có công ở Vọng-Các (những người theo vua Gia-Long sang thành Vọng-Các, tức là Bangkok, kinh đô nước Xiêm), giỏi về thủy chiến. Năm Canh Thân (1800), theo đánh giặc ở Qui-Nhơn, binh thuyền Tây Sơn vây cửa Thị-Nại rất ráo-riết. Đến năm Tân-Dậu, Gia-Long dùng hỏa công, đốt phá thuyền Tây-Sơn. Di-Nguy cùng Lê-Văn-Duyệt dẫn binh xông đến, Tây-Sơn cự chiến, Di-Nguy ngồi trước mũi thuyền, bị bắn rơi xuống nước chết. Tặng hàm Thiếu-bảo, tước Quận-công.

NHÂN-(ĐỖ-THANH) 仁(杜清)

Người huyện Hương-Trà, Thừa-Thiên, tính hùng dũng, lúc đầu quân làm thuyền-hữu đội-trưởng. Năm Ất Vị (1775), theo Duệ-Tông Hiếu-Định (Chúa thứ 9 nhà Nguyễn ở Phú-Xuân) vào Gia-Định. Năm Bính-Thân (1776), Hiếu-Định tới Trấn-Biên, vời Tống-Phước-Hiệp đem quân cứu viện, và khiến Thanh-Nhân làm hịch văn (tờ bõ cáo) hiệu triệu các đạo binh cẩn vương. Quân của Phước-Hiệp chưa tới, Thanh-Nhân đã họp được ba nghìn người ở Tam-Phụ, tự xưng là Đông-Sơn thượng tướng quân (có nghĩa là đối địch với quân Tây-Sơn), sai thuộc tướng là bọn Nguyễn-Hoàng-Đức, Trần-Búa, Đỗ-Vàng, Vũ-Nhàn (anh Vũ-Tánh), Đỗ Bằng đem binh từ Tam-Phụ đến đánh Nguyễn-Văn-Lữ tại Sài-Gòn, được thắng luôn, quân địch chạy tan, Lữ trở về Qui-Nhơn. Thanh Nhân lấy Sài-Gòn lại, rước vua về Bến-nghé. Duệ-Tông khen có công, cho Thanh-Nhân làm Ngoại-hữu Chưởng dinh Phương-quận-công. Đến năm Mậu-Tuất (1778) Thế-Tổ (Gia-Long) nhiếp chính, Thanh-Nhân đánh lấy lại được Trấn-Biên. Thế-Tổ lên vương vị, gia cho Thanh-Nhân hàm Ngoại-hữu phụ-chính Thượng-tướng-quân.

Từ khi ông theo Duệ-Tông và Thế-Tổ, đi chinh chiến nhiều nơi, công nghiệp to tát, như lấy lại Sài-Gòn, Trấn-Biên, bình được Chân-Lạp, Trà-Vinh, v.v... mà sử chép rằng : « *Mùa xuân năm Tân-Sửu (1781), Đỗ-Thanh-Nhân có tội bị xử tử* ». Những lời sau này cũng có chép trong Việt-Sử : Thanh-Nhân ý có tài mạnh, nắm quyền đạo binh Đông-Sơn trong tay, đã có chí « *bạt hổ* » (vùng-vẫy, muốn làm

phản) ; lại từ khi có công to, chí thêm kiêu căng, sống chết lấy cho đều do tay ông cả, Chưởng-cơ Tống-Phước-Thiêm nói mật với Thể-Tổ : « *Nên trừ tên giặc ở bên mình Ngài* ». Thể-Tổ cho là phải, bèn giả bệnh cho đòn Thanh-Nhân vào nội để bàn việc. Nhân đó khiến vũ sĩ chặn bắt mà giết đi. Bọn bộ tướng của ông là Vũ-Nhàn, Đỗ-Bảng, v.v... giữ đất Tam-Phụ chống cự lại, Thể-Tổ sai chư tướng tới đánh, bắt bọn Nhàn rồi giết đi, dư đảng tan rã hết.

NHƯỢNG-(TRÂN) 讓(陳)

Tên chữ là Ngu-Quan, tiền nhân ông nguyên ở Bắc vào Thuận-Hóa, mộ dân khẩn đất ; nhân đó liền nhập tịch ở huyện Quảng-Điền, Thừa-Thiên. Tăng-tổ là Nghi làm quan triều Lê. Ông tổ là Giảng, trong lúc loạn Tây-Sơn, nghe Thế-Tổ (Gia-Long) đóng quân ở Gia-Định, ông vào Nam theo đi đánh dẹp. Nhờ có quân công, thăng chức Tham-tụng, Lịch-trị-hầu. Thân sinh ông là Trần-Đản, đậu Tiến-sĩ ở triều Gia-Long, bổ làm Nội-các hành-tẩu, rồi có bệnh xin về, dạy con và các học trò, thành đạt cũng nhiều. Ông Nhượng đương trẻ tuổi mà rất thông minh. Đậu Cử-nhân khoa Bính-Ngọ, niên hiệu Thiệu-Trị năm thứ 6 (1846). Trong đời Tự-Đức, ông làm quan Công-bộ Tham-tri, kiêm Đô-sát-viện Hữu-phó-đô-ngự-sử, lãnh An-tĩnh Tổng-đốc, kiêm Sơn-phòng-sứ. Niên hiệu Kiến-Phước năm đầu, phải đổi về làm Lễ bộ Thị-lang, rồi đổi vào Bố-chính Quảng-Ngãi, có bệnh xin về nhà. Niên hiệu Thành-Thái năm đầu, được vời ra làm Lễ bộ Tham-tri, sung Kinh-diên nhật-giảng-quan (quan chầu vua học). Chưa được bao lâu xin về hưu trí rồi mất. Anh ông là Thúc-Soạn, đậu phó-bảng khoa Giáp-Thìn, niên hiệu Thiệu-Trị năm thứ 4 (1844), làm quan đến chức Tuần-vũ Hà-Tĩnh. Em ông là Thúc-Nhẫn, đậu cử-nhân khoa Đinh-Mão, niên hiệu Tự-Đức năm thứ 20 (1867), làm đến chức Lễ bộ Tham-tri. Vào đời Phế-Đế (Hiệp-Hòa), Thúc-Nhẫn vâng mạng xuống cửa Thuận-An để thương thuyết với người Pháp, không xong ; và khi Hải-thành (thành đóng ở Thuận-An) bị thất thủ, ông Nhẫn nhảy xuống sông tự tận.

OAI-(HỒ) 威(胡)

Người huyện Phong-Điền, Thừa-Thiên, đời Minh-Mạng vào ngạch lính, đến đời Thiệu-Trị, thăng Nghị-đảng Thị-vệ. Niên hiệu Tự-Đức thứ 12, phái vào quân-thứ ở Quảng-Nam, trận đánh tại Hải-Châu có công, thăng đến chức Chưởng-vệ, quyền chưởng Long-vũ dinh ấn triện. Năm thứ 19 (1866), Đoàn-Trưng tụ đảng làm loạn, kéo vào cửa Ngọ-môn, đến nhà Duyệt-thị, Oai đè cánh cửa cự lại, không cho quân nghịch xô vào, bị quân nghịch thò lưỡi gươm nơi kẽ cửa, rách sứt vành tai trái của Oai. Oai bèn la to cho Nội-giám đóng riết cửa Tả-sương lại, rồi ra hiệu lệnh cho những Cẩn-tín, Thị-vệ túc trực trong ấy đuổi bắt giặc. Ông đuổi theo đám giặc, Đoàn-Trưng cũng bị bắt. Nhờ công ấy, được thăng Đô-thống và phong tước Trung-dõng-tử. Đổi qua làm Tiền-quân Đô-thống kiêm chưởng Tả-quân. Lúc ở Nghệ-An có tên Trần-Tân làm loạn, ông sung chức Nghệ-An Tổng-thống đại-thần. Nhưng làm không được việc, bị đổi về quê, giáng xuống Chưởng-vệ mà cứ quyền chưởng Tiền-quân, rồi ông mất.

PHAN-(NGUYỄN) 潘(阮)

Người ở Hoàng-Hoa, Thanh-Hóa, mồ côi, nhà nghèo, xuất thân ở hàng binh ngũ. Đời Lê-Hiển-Tông, theo Trịnh-Doanh đánh trận ở Ngân-Già, có công. Năm thứ 2 (1741), theo quan quân đánh giặc Nguyễn-Cù ở Ninh-Xá phá được.

Trong khoảng niên hiệu Cảnh-Hưng (1759), người ở An-Lạc tên là Nguyễn-Danh-Phương phiến loạn, chiếm cứ miền thượng du ở Sơn-Tây, dựa vào hai núi Độc-Tôn và Ngọc-Bội làm sào huyệt. Các huyện Tam-Đới, Lâm-Thao, Đa-Giang đều bị giặc chiếm. Quan quân đánh đã mấy lần mà không được, Trịnh-Doanh tự suất các tướng đánh tại Úc-Kỳ, giặc đem hết cả quân chúng ra cự lại, đạn bắn xuống như mưa, Doanh lấy thanh kiếm trao cho Phan mà nói : « *Nếu đồn này không hạ được, thì lấy quân-pháp trị* ». Phan liền cởi chiến bào, nhảy xuống ngựa để đấu chiến. Ông ngoài lại các thủ hạ mà nói rằng : « *Ngày nay chính là ngày ta liều mình để trả ơn nước, cũng là ngày các ngươi trả ơn của ta nuôi nấng bấy lâu nay. Người nào có cha già con dại, tình không dứt được, thì cho trả lui, còn hết thảy thì phải gắng sức cùng ta quyết tử sinh để trả ơn nước, cho khỏi hổ thẹn râu mày* ».

Quân sĩ nghe, không có người nào trở lui cả. Phan đi trước sĩ tốt, tiến đánh phá được. Quan quân thừa thắng tiến công ở Độc-Tôn và Ngọc-Bội, rồi bắt được Danh-Phương. Quân kéo về, ông có công to, được phong là Phan-phái-hầu. Năm thứ 30 (1769), Lê-Duy-Mật tụ đảng ở Trấn-Ninh, giữ núi Trình Quang để đóng quân. Trịnh-Doanh bàn việc ra

đánh, thì nghĩ cũng khó, nhưng rồi sau cử Bùi-Thế-Đạt làm thống-lãnh mà sai Nguyễn-Phan làm Đốc-lãnh, điệu quân của ba đạo đến đánh. Mật nghe quan quân đến, thì dựa núi và đóng cửa luỹ chống giữ. Phan và Thế-Đạt leo theo triền núi, đến ngoài vách luỹ. Mật bỏ chạy, rồi tự thiêu mà chết. Phan được công ấy, thăng Thái-tể.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thụ đao giải giáp nhất thân tiên
Nghĩa khích tam quân cộng hướng tiễn.
Ngọc-Bội thâm sào tiên thất hiểm,
Trình-Quang viễn trĩ mạc băng kiên.*

Dịch nôm :

*Lãnh gươm cởi giáp bước đi đầu,
Nghĩa khích ba quân chẳng dám sau.
Ngọc-Bội ẩn sâu đà mất hiểm,
Trình-Quang núi ngái dựa vào đâu.*

PHÙNG-HƯNG 馮興

Tức là Bố-Cái-Đại-Vương, người ở Đường-Lâm, tỉnh Sơn-Tây, nhà hào phú, có sức mạnh. Trong niên hiệu Đại-Lịch nhà Đường (791), An-Nam Kinh-lược-sứ là Cao-Chính-Bình, bắt dân chịu sưu thuế quá nặng, nhân dân ta oán. Phùng-Hưng dấy lên đem quân về phá phủ Đô-hộ. Cao-Chính-Bình lo sợ, thành bệnh mà chết. Phùng Hưng mới chiếm cứ phủ thành, tự làm việc Đô-hộ. Được mấy năm thì mất. Quân sĩ lập con ông là Phùng-An nối nghiệp. Dân tình ái mộ ông Phùng-Hưng, lập đền thờ và tôn hiệu là Bố-Cái-Đại-Vương, vì nước ta thường gọi Cha là Bố, Mẹ là Cái, nghĩa là xưng ông như cha mẹ vậy.

Sau đó ít tháng, Đường sai Triệu-Xương qua làm đô-hộ. Xương cho người dụ Phùng-An, An đem quân ra đầu hàng.

V.S.D.C, của L. ng. C và Ph. d. T. :

Xiết bao phú trọng, chính hà,
Sinh dân sầu khổ, ai là xót chăng ?
Đường-Lâm mới có Phùng-Hưng,
Đã tay kiêu dũng, lại lưng phú hào.
Cõi Tây nổi việc cung đao,
Đô-quân tôn hiệu, Tản, Thao hiệp tình.
Đem quân thắng đến vây thành,
Đại-La thế bức, Chính-Bình hồn tiêu.
Nhân phủ-ly mở ngôi triều,
Phong-Châu một dài, nghiệp điều mấy niên.
Đế-hương phút trở xe biễn,

*Đại-Vương Bố-Cái tiếng truyền muôn thu.
Phùng-An con nỗi thơ ngu,
Nghe quan nhu viễn bàng mưu hàng Đường.* ³⁵

PHƯƠNG-(NGUYỄN-TRI) 方(阮知)

Hiệu là Đường-Xuyên, người huyện Phong-Điền, Thừa-Thiên, lõi-lạc có đại chí, không học lối cử nghiệp, nhưng các sách Thượng-thơ, Hiếu-kinh, Tả-truyện, Luận- ngữ đều đọc cả. Đời Minh-Mạng, bổ làm thơ ký ở bộ Hộ, thăng dần lên đến chức Thị-lang. Năm thứ 16 (1835), sung vào quân thứ ở Gia-Định đi phỏng sát tình hình, rồi xin lưu lại để đánh giặc (giặc Nồng-Văn-Vân). Khi đến đánh thành, thì ông xông vào trước, rồi các binh tướng reo la mà nhảy tới, lấy thành lại được. Ông được gia hàm Tham-tri, rồi thăng Công-bộ Thượng-thơ. Niên hiệu Thiệu-Trị năm đầu, ông làm Hộ-lý An-Tĩnh Tổng-đốc. Ở phủ Ba Xuyên, tỉnh An-Giang có quân Thổ-phỉ dấy loạn, vua sai ông đi đánh dẹp, ông tới đâu yên đấy, vua ban cho tước An-tây trí-dõng-tướng. Khi Trần-Tây yên rồi, ông trở về Kinh thăng Thượng-thơ, Hiệp-biện đại-học-sĩ, lãnh Công-bộ Thượng-thơ, sung Cơ-mật-viện đại-thần, tǎn phong Tráng-liệt-tử. Vũ công cáo thành, nhà vua đúc súng đại bác bằng đồng, khắc tên ông vào khẩu súng Bảo-Đại-Định-Công, và dựng bia ở Vũ-miếu, khắc tên ông. Niên hiệu Thiệu-Trị năm thứ 7 (1847), ông chịu di chiếu sung chức Phụ-chính đại-thần. Đời Tự-Đức, tǎn phong tước Tráng-liệt-bá, thụ Đông-các đại-học-sĩ, sung Nam-Kỳ Kinh-lược đại-thần. Năm thứ 10 (1857), tàu người Pháp đến Đà-Nẵng gây việc, ông sung chức Quảng-Nam quân-thứ Tổng-thống đại-thần. Khi tàu Pháp đi rồi, ông mới rút quân về. Đến lúc người Cao-Miên với người Tàu đến đánh Hà-Tiên, vua lại sai ông tiễu biên (đánh dẹp). Năm thứ 14 (1861) đại

đồn ở Gia-Định bị thất thủ, ông bị giáng làm Tham-tri, còn tước Bá thuộc về công ông bình Nam, để cho không tước đoạt. Đến khi hoà nghị xong, được đổi về Kinh. Gặp lúc các Thổ phỉ ở Tuyên-Quang, ông sung chức Tây-bắc, Tổng-thống quân-vụ, đánh dẹp yên, thăng chức Hiệp-biện đại-học-sĩ. Sau đó ở Hải-An có quân giặc núp lén ngoài hải đảo, ông sung chức Hải-An Tổng-thống quân-vụ ra đánh phá được. Về thăng Vũ-hiển-điện đại-học-sĩ. Đến lúc ở miền Bắc tao loạn, vua sai Tri-Phương sung chức Khâm-mạng tuyên-sát đồng-sức đại-thần, lập tức ra quân thứ hai tỉnh Sơn-Tây và Hải Dương để xử trí. Vừa gặp viên quan ba Pháp là An-Nghiệp (Francis Garnier) đem binh thuyền đến Hà-Nội gây việc, đánh tinh thành. Tri-Phương cùng con là Phò-mã Lâm giữ cửa Đông-Nam. Quân Pháp leo lên thành, Lâm bị đạn bắn nhầm, tử trận ; Tri-Phương bị thương, thành Hà-Nội thất thủ. Tri-Phương tuyệt thực, gần một tháng thì mất. Thọ 74 tuổi. Nhà nước gia ân truy phục cho ông hàm Binb bộ Thượng-thơ, nguyên giữ Bá tước năm Tự-Đức thứ 28 (1875) được thờ vào từ Trung-nghĩa. Nhà vua lại nghĩ rằng Tri-Phương cùng em là Duy, con là Lâm, một là vì nước bỏ mình, hai là cùng cha tuẫn nạn, trung hiếu tiết nghĩa nhóm vào một nhà, nên mới lập ra nhà thờ lại làng ông (Chí-Long) gọi là « Trung-nghĩa-từ », mỗi năm có quan sở-tại đến tế lễ. Niên hiệu Đồng-Khánh năm đầu, truy phục nguyên hàm, lại đem vào thờ ở nhà thờ Hiền-Lương. Con trưởng là Ngạc tập phong Tráng-liệt-tử, coi việc cúng cắp. Con thứ là Lâm, nguyên là chồng bà Đồng-Xuân công-chúa, làm Phò mã, tử trận ở Hà-Nội, truy tặng hàm Binb bộ Thị-lang ; cháu ông là

Nguyễn-Thiện, tú-tài, rồi đậu phó-bảng, quan Hàn-lâm viện Thị-độc.

QUÁT-(LÊ) 括(黎)

Tên chữ là Bá-Quát, người ở Phủ-Lý, Đông-Sơn, hiệu là Mai-phong, học trò Chu-An. Triều Trần-Minh-Tông, làm chức Bộc-xạ, rồi đến chức Hành-xạ, rồi đến chức Hành-khiển. Thời bấy giờ Thích đạo (đạo Phật) thịnh hành, ông muốn bài trừ dị đoan, nêu rõ chính đạo, nên có làm bài bi ký ở chùa Thiệu-Phước tại Bắc-Giang. Bài ký ấy đại khái như sau nầy : « *Phật thị lấy điêu hoạ phước mà động lòng người, sao mà sâu xa và bền chặt như vậy ? Trên từ vương công, dưới đến thứ dân, hễ làm cái gì thuộc về việc Phật, tuy hết cả gia tài cũng không tiếc. Nếu hôm nay đem tiền của để làm chùa, xây tháp, thì hớn-hở vui vẻ, như trong tay đã cầm được cái biên-lai để ngày sau đi nhận lãnh số tiền trả báo lại. Cho nên trong từ Kinh-thành ngoài đến chau phủ, đường cùng, ngõ hẻm, chẳng khiến đà theo, chẳng thẻ mà tin ; hễ chỗ nào có nhà người ở, thì có chùa Phật ; bỏ đi thì làm lại, hư đi thì sửa lại. Lầu chuông đài trống cũng phần nửa của nhà thiên hạ ở, xây cất rất dễ và tôn sùng cũng đà lăm vậy. Ta từ lúc nhỏ đã đọc sách, chăm vào việc cổ kim, cũng rõ được nhiều ít đạo lý thánh hiền, để khai hoá tư dân, mà chưa được người trong một làng tin ta. Ta thường đi du lăm sơn xuyên, cùng nam cực bắc, tìm những chỗ gọi là học-cung, gọi là văn-miếu, thì rất ít thấy, vì vậy ta lấy làm hổ thẹn với bọn Phật-đồ lăm vậy. Cho nên ta mới viết ra bài này ».* Lê-Quát có văn học, cũng nổi tiếng như Phạm-Sư-Mạnh, cho nên bấy giờ người ta thường xưng là « Lê-Phạm ».

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Danh đô tịch hăng bán chiêu đê,
Tế chướng tư thâm thục điểm mê.
Hạnh hữu nhứt bi minh chính đạo,
Chu môn cao đệ xí Xương-Lê.*

Dịch nôm :

*Chùa-chiền quê chợ, đã ê-hề,
Che lấp nào ai tỉnh giấc mê ?
May có tấm bia bày đạo chính,
Văn-Trinh môn đệ nối Xương-Lê.* ³⁶

QUẾ-(TRƯƠNG-ĐĂNG) 桂(張登)

Người huyện Bình-Sơn, Quảng-Ngãi, đậu Hương-cống đời Gia-Long. Quảng-Ngãi mà đậu khoa Hương-Cống, ông là đầu hết. Đời Minh-Mạng, ông sung chức Đông-Cung bạn-độc, rồi thăng dần đến Bình bộ Thượng-thơ, sung Cơ-mật-viện đại-thần. Năm thứ 14 (1833) gia hàm Thái-sư Thiếu-bảo. Năm thứ 15 (1834), sung chức Kinh-lược đại-sứ vào Nam-kỳ khám đặc điền thổ, rồi thăng Hiệp-biện-đại-học-sĩ, cử lãnh chức Bình bộ Thượng-thơ. Năm thứ 21 (1841), sung chức Phụ-chính. Triệu-Trị năm đầu (1841), vì có công dực đới (giúp vua lên ngôi), thăng thụ Văn-minh-điện đại-học-sĩ, gia hàm Thái-bảo, quản lý Bình-bộ, kiêm Cơ-mật-viện đại-thần, phong Tuy-thanh-tử. Lại vì đánh được giặc Trấn-tây công ông về phần nhiều, cho nên nhà-nước đúc súng đại-bác, khắc tên ông vào khẩu súng « Bảo-đại-định-công » ngôi thứ nhứt. Năm thứ 7 (1847), tháng chín, chịu di-chiếu làm cõ-mạng lương-thần, sung Phụ-chính. Tự-Đức năm đầu (1848), thăng Cần-chính điện đại-học-sĩ, phong tước Quận-công, sung Kinh-diên giảng-quan. Sau vì tuổi già, bệnh, xin về nhà, rồi mất. Thọ 73 tuổi.

Trương-Đăng-Quế trải thờ bốn triều (Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức), coi việc cơ yếu hơn 40 năm, trung, cẩn, thận mệt, cho nên giữ được hoàn toàn công danh. Đến khi mất được thăng hàm Thái-sư, thụy Văn-Lượng, tùng tự ở Thể-miếu. Ông có để lại tập sách « Học Văn Tập ». Con trưởng là Quang-Trụ, chức Phò-mã, tập phong tước Hầu, con thứ hai là Quang-Dản, làm Đông-các

đại-học-sĩ Phụ-chính đại-thần triều Thành-Thái, con thứ ba
là Quang-Để làm đến Bình-bộ Tham-tri.

QUYÊN-(NGUYỄN-VĂN) 潤(阮文)

Người ở Bồ-Đề, Đông-Sơn, Thanh-Hoá, làm mã-đồng (người đánh xe ngựa) cho vua Xuất-Đế (Chiêu-Thống). Xuất-Đế chạy qua Tàu. Văn-Quyên cầm cương đánh xe hầu. Khi tới Yên-Kinh, Xuất-Đế và các tôi tùng vong làm tờ biểu xin viện binh, đem trình với Nhương-hoàng-kỳ Đô-thống là Kim-Giản. Giản không nạp, mà lại dùng qui kẽ bắt mấy người tôi của Xuất-Đế đem an trí ngoài ba trăm dặm. Từ đấy Xuất-Đế lo phiền, xót ruột, mai sờm lại biểu đánh xe đến dinh Kim-Giản thật sớm, để kêu nài cho các người tôi bị an trí. Lúc ấy Giản đương chầu vua Cao-Tôn (Kiền-Long) ở vườn Viên-Minh. Xuất-Đế biểu đánh xe thắng vào vườn. Người canh cửa không cho vào, Văn-Quyên tay cầm dây cương, nắm lăn xuống đất mà la to lên. Người canh cửa sợ tiếng la hét thấu đến chỗ ngự, mới đến dụt dây cương và đẩy Xuất-Đế lên xe, dắt tới Thận-hình-ty (chỗ giam). Văn-Quyên la to lên : « *Thắng con Khách vô lễ, đám làm nhục vua của ta* ». Rồi lấy hòn gạch đánh vào người giữ cửa, để gỡ cho vua khỏi nạn. Tên giữ cửa đánh Văn-Quyên gần chết, rồi cũng dắt xe đến Thận-hình-ty ; một tháng mới tha về. Văn-Quyên nhân đó đau rồi chết. Sau đó khi đưa đám Xuất-Đế về nước (1804), di hài của Văn-Quyên được chôn một bên lăng vua.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Chấp đích tùng vong vạn lý diêu,
Nộ phao đình bịch, chấn Thanh triều.
Qui hài tuyệt thắng tam lương tuẫn,*

Mục-lệ thuỷ vân tận bỉ tiêu ?

Dịch nôm :

*Cầm cương theo chạy phương xa,
Giận quăng hòn gạch, hét la om-xòm.
Linh-cữu về tiếng thơm còn để,
Xưa tam-lương há dẽ hơn người.* ³⁷
*Cho hay trung nghĩa tính trời,
Ai răng mục-lệ là loài nhỏ-nhen ?*

QUÝNH-(LÊ) 倩(黎)

Người ở Siêu-Loại, con Lê-Đoan-Giản, Công-bô Thị-Lang nhà Lê. Đời Xuất-Đế (Chiêu-Thống), Quýnh làm Bình-chương, Trường-phái-hầu. Nguyễn-Huệ đánh được Nguyễn-Chỉnh rồi dẫn binh vào Nam, Xuất-Đế lại từ Hải-Dương trở về Kinh-Bắc. Quýnh phò Thái-hậu và Hoàng-tử chạy lên Cao-Bằng. Xuất-Đế khiến Quýnh và bọn Nguyễn Định sang Tàu xin viện binh, bị quân Huệ đuổi theo. Quýnh trốn vào rừng, đêm thì đi, ngày thì núp, tránh được khỏi. Khi ông đã đến Long Châu, Tuần-vu Quảng-Tây là Tôn-Sĩ-Nghị đem việc ấy về triều tâu. Vua Cao-Tông nhà Thanh truyền cho Sĩ-Nghị lấy quân ở Vân-Nam, Quí-Châu và Lưỡng-Quảng (Quảng-Đông, Quảng-Tây) lập tức đi cứu viện. Sĩ-Nghị khiến Quýnh đi lén về trước, thăm dò cho biết Xuất-Đế ở đâu.

Trong năm ấy (1789), quân nhà Thanh do cửa Nam-Quan sang nước ta, Xuất-Đế được tin của Quýnh, từ Dương-Tài trở về, gặp Quýnh ở Phượng-Nhãn, rồi cùng nhau về Thăng-Long. Chưa được bao lâu, Sĩ-Nghị bị thua, chạy về Tàu, Xuất-Đế chạy theo. Quýnh cùng người em họ là Lê-Tri với bọn Lý-Bình-Tảo, Trịnh-Hiển, cả thảy là hai mươi người, lục-tục chạy theo. Sau đó vua Cao-Tông sai Nội các thần là Phước-Khương-An qua dẹp loạn ở nước ta. Đến Quảng-Tây thì Khương-An ăn của lót của Nguyễn-Huệ, rồi phỉnh Xuất-Đế hớt tóc để bín (tục gọi là đuôi chuột). Nhân đó Khương An làm tờ biểu tâu với vua Tàu rằng vua nhà Lê tự nguyện

an cư ở Trung-Quốc, không có lòng trở về An-Nam nữa. Vua nhà Thanh tin theo.

Khương-An bèn cho tờ trát đòi Quýnh đến mạc-phủ để bàn quốc sự. Khi Quýnh đến, thì bắt hớt tóc mà để bín. Quýnh nói : « *Tôi nghe đòi đến để bàn quốc sự, nay không đàm phán gì mà chỉ khiến hớt tóc. Chúng tôi thì đâu có thể hớt được, chứ tóc thì không thể hớt* ». Khương-An truyền tổng giải về Yên-Kinh. Vua Thanh dỗ bắt hớt tóc, Quýnh tâu : « *Chúng tôi muôn dặm theo vua, xin cho chúng tôi giữ nguyên quốc tục để ra mắt Quốc-vương chúng tôi, rồi vâng theo Thánh-chỉ cũng chưa muộn gì* ». Thanh để khen là trung thắn.

Lúc bấy giờ những kẻ tùng vong đều bị hớt tóc cả, chỉ có Quýnh, Bình, Tảo, Tri và Tiên cả thảy bốn mươi người không chịu mà thôi. Những người ấy sau bị tổng giam ở ty Thận-hình (Bộ Hình). Đến lúc vua Nhân-Tông nhà Thanh lên ngôi tha cho ra ngoài, được tự tiên. Triều Gia-Long năm thứ 2 (1804) mới trở về nước.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Dị vực khi-khu khắt viện si,
Vô như thương quốc diệc đa khi.
Độc năng lưu phát qui tang tử,
Toàn tiết kiêm toàn phụ mẫu di.*

Dịch nôm :

*Gập-ghẽnh đất khách để xin binh,
Nước lớn sao mà lại dõi quanh ?
Giữ tóc may về nơi xứ sở,*

Tiết ngay gồm trọn với thân sinh.

SẢN-(TRỊNH-DUY) 懿(鄭惟)

Người ở Thuỵ-Chu, Lôi-Dương, cháu Thái-uý Trịnh-Khả. Lúc đầu theo Tương-Dực-Đế khởi binh, được phong tước Mỹ-huê-hầu. Niên hiệu Hồng-Thuận năm thứ 3 (1511), Sơn-Tây Trần-Thuận làm phản, ông đem quân đánh dẹp được, phong Nguyên-quận-công, chưởng Cẩm-y-vệ. Năm thứ 7 (1515), bình được loạn Lê-Hy và Trình-Hưng, được thăng Đô-tướng ; phá được giặc Phùng-Chương ở Tam-Đảo, có nhiều công, được cai quản Cẩm-lữ, ngày càng kiêu căng. Thấy vua Tương-Dực bất đức, Duy-Sản hay can gián, bị tội truỵt, bèn có lòng muốn phế lập. Khi Trần-Tung khởi binh ở Bắc-Giang, Duy-Sản sắm sửa thuyền bè khí giới ở Thái-Cực lâu, lấy tiếng rồng để đánh giặc. Đêm đến khi canh hai, đem quân Hộ-vệ Kim-Ngô hơn ba nghìn người vào cửa Bắc-Thần. Tương-Dực-Đế tưởng là giặc đến, bèn từ cửa Bửu-Khánh đi ra, đến phường Bích-Câu, hồ Châu-Tước, gặp Duy-Sản thì hỏi rằng giặc ở đâu. Duy-Sản không trả lời, khiến vũ sĩ lấy giáo giết vua và Thừa-chỉ Nguyễn-Võ. Rồi cùng bọn Lê-Nghĩa-Chiêu rước lập vua Chiêu-Tông. Chiêu-Tông lên ngôi, khiến Duy-Sản tiết chế thuỷ bộ các dinh để đi đánh Trần-Tung. Bình kéo đến Chiêu-Linh, cùng Tung đánh ở Nam-Giản. Quân giặc khiêu chiến, Duy-Sản cả giận, chia quân ra đánh, quân thua tan rã, Duy-Sản bị bắt, đem về Vạn-Kiếp quan, rồi bị giết.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Đỗ văn thụ tẩu nhút thiên ngôn,³⁸
Đảo chỉ sinh kỳ phạm khuyết môn.*

*Châu-Tước trì biên, Nam-Giản thương,
Xảo phùng giả thủ tuyết tiền oan.*

Dịch nôm :

*Chỉ nghe gậy lớn đánh thì tuôn,
Trở ngược sinh kỳ phạm chí tôn.
Châu-Tước hồ kia, Nam-Giản nợ,
Mượn tay người khác trả thù oan.*

SÁT-(LÊ) 索(黎)

Người ở Lam-Sơn, Thanh-Hoá, có trí dũng, theo Lê-Thái Tổ khởi binh, nhiều chiến công, đánh tướng giặc là Tạ-Phùng ở trại Quan-Du, giết hơn nghìn người, làm cho thế giặc phải suy. Trận đánh ở Khả-Lưu-Quan, phá được quân của Sơn-Thọ, Trần-Tri, đuổi thăng đến Nghệ-An, rồi ra thăng Đông-Đô, thăng chức Thiếu-uý. Ông cùng Trần-Nguyên-Hãn đánh hạ Xương-Giang thành. Tướng nhà Minh là Liễu-Thăng đem binh đến cứu viện. Sát đem binh ở Chi-Lăng (Lạng-Sơn), khiến quân ra dụ giặc đánh, rồi giả thua, Thăng mừng đuổi theo, đến chỗ phục binh, quân ồ lên đánh, chém Liễu-Thăng ở núi Mã-Yên (ở Ôn-Châu). Lại một trận nữa đánh bắt được Thôi-Tụ và Hoàng-Phước. Sau mấy trận ấy, ông thăng chức Nhập-nội Kiểm-hiệu, Huyện-thượng hầu. Niên hiệu Thuận-Thiên năm thứ 6 (1433), thăng chức Tư-đồ, vâng di-chiếu, phụ chính vua Thái-Tông.

Lê-Sát người vũ biền, không học vấn, không hiểu đại thể, khi được chấp chính thì chuyên quyền bính, ăn hối lộ, ganh ghét hiền tài. Thường vì điều tư oán mà truất Trịnh-Khả, giết Lê-Nhân-Chú và bài xích Bùi-U-Đài, Bùi-Cầm-Hổ, v.v...

Khi vua Thái-Tông đã lớn, rõ việc triều chính, mà Sát thì cứ tham quyền cố vị, Thái-Tông thấy thế lãy làm chán ghét. Quan Ngự-sử bạch rằng Lê-Sát chuyên quyền. Vua bèn bãi chức cho về, rồi cho tự tử (bắt phải tự tử) tại nhà và tịch một gia sản.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Chi-Lăng phục tốt vận kỳ mưu,
Quắc Liễu, cầm Thôi, chiến tích ưu.
Độc thị Hoắc-Quang nguyên bất học,
Huống hồ bất học cánh đa vưu.*

Dịch nôm :

*Chi-Lăng binh phục vận mưu hay.
Chém Liễu, tù Thôi công trạng dày. ³⁹
Chẳng những Hoắc-Quang nguyên chẳng học,
Huống hồ chẳng học lại làm bay.*

SĨ-(NGÔ-THÌ) 仕(吳時)

Người ở Tả-Thanh-Oai, hiệu Ngọ-Phong, lúc nhỏ siêng học, có tiếng giỏi ; nhà nghèo, ông có làm bài « Trách bần quỉ văn » (Bài văn trách con quỉ nghèo). Bài ấy lời lẽ thú vị, thời bấy giờ ai cũng đọc thuộc lòng. Đậu Hương-cống ; vì có văn học giỏi, được Trịnh-Sum yêu chuộng, làm đến chức Cấp-sự-trung, Đốc-đồng ở Thái-Nguyên. Đậu Tiên-sĩ đời Hiển-Tông nhà Lê, bổ Hiến-sát-sứ ở Thanh-Hóa. Ông tại chức thì phụng công thủ pháp, ở triều cung nghe tiếng. Khi rảnh việc quan, đi dạo khắp các danh sơn thăng tích, ngâm vịnh tự thích. Ở núi Bàn-A, ông dựng cái nhà chơi, gọi là « Quan lan sào » để thơ khắc vào đá. Chưa được bao lâu, đổi về làm Tham-chính Nghệ-An, sau bị có lỗi, bãi chức về nhà, ông đóng cửa làm sách, lấy sách sử làm vui. Niên hiệu Cảnh-Hưng năm thứ 38 (1777), được khôi phục làm Hàn-lâm Hiệu-thư ; rồi thăng chức Thiêm-đô Ngự-sử. Ông điều trần bốn việc :

- 1) Thân định phép thi cử.
- 2) Thân sức tụng lệ.
- 3) Truy sùng nho tiên.
- 4) Ly chính văn thể.

Ông lại điều trần các việc thuộc về binh và dân. Những điều ấy được thi hành cả. Rồi ông được ra trần Lạng-Sơn. Lúc bấy giờ ở Lạng-Sơn mất mùa, đói kém, dân trong xứ lưu vong rất nhiều. Thị-Sĩ tới, tùy phương điều tể, chiêu lưu dân về, khẩn đất hoang, ông tự coi việc cày cấy, để khuyến khích dân. Năm ấy được mùa, đạo tặc tiêu hết, dân được

yên cư. Khi rảnh việc quan, thường lên động Tam-Thanh ngâm thơ uống rượu.Ở trấn được ba năm thì mất. Ông có để lại quyển « Ngọ-Phong Văn Tập ».

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Đáo xứ công dư ký tửu thi,
Cúc tùng tam kính nhẫn tương ly.
Quải quan nhược hữu Bàng-Manh chí,
Bần qui hè tu phí trách từ.*

Dịch nôm :

*Rảnh việc quan rồi hứng rượu thơ,
Ba đường tùng cúc dễ thở-ơ.
Bàng-Manh nếu sẵn lòng lui bước,
Trách qui nghèo kia ngó cũng dư.*

SIÊU-(ĐẶNG-ĐỨC) 超(鄧德)

Người Bồng-Sơn, Bình-Định, tổ tiên vốn dòng nho và y. Lúc nhỏ ông ra du học ở Huế, trú ngụ ở quê vợ là làng Xước-Dũ, huyện Hương-Trà, rồi ở luôn đó. Đậu Hương-tiến lúc 16 tuổi. Đời Duệ-Tông Hiếu-Định vào Hàn-lâm. Năm Giáp-Ngọ (1774), quân Trịnh đến đánh Phú-Xuân, Đức-Siêu tránh qua Long Hồ dạy học trò. Thường làm những bài phú « Thương sơn tứ hạo », « Thương-lương chùy », « Tô-vũ tiết », « Tự kỷ Quản Nhạc », v.v... để tỏ chí của mình. Quan của họ Trịnh là Trần-Nguyên-Nhung thấy những bài ấy thì rất khen ngợi, đòi mà Ông không đến. Tây-Sơn Nguyễn-Huệ đuổi Trịnh, chiếm cứ Phú-Xuân, mời ông đến muốn bổ cho làm quan, nhưng ông giả bệnh không tới, Thế-Tổ (Gia-Long) ở Gia-Định, nghe tiếng ông khiến người mời ông vào, nhưng vì ngẽn đường không vào được. Đến năm Mậu-Ngọ (1798), theo thuyền đi mới vào được. Nguyễn-Văn-Nhân dẫn Ông yết kiến, ông dâng phương-lược bình Tây. Thế-Tổ rất khen mà nói rằng : « *Ta đợi người đã lâu, mà người vào sao chậm vậy ?* » Bèn trao cho chức Trung-dinh Tham-mưu, ngày đêm bàn bạc, được Thế-Tổ quyển chú lăm.

Năm Kỷ-Vị (1799), theo Thế-Tổ đánh lấy lại được Qui-Nhơn, đổi tên Qui-Nhơn làm thành Bình-Định. Đức-Siêu cùng Ngô-Tùng-Châu tuyển binh đặt làm năm đồn quân Ngự-lâm. Bấy giờ có kẻ bàn xin đánh thuế thân các dân cư ở Bình-Định. Siêu mật sớ tâu rằng :

« *Làm điều mà chúng đồng ưng, thì không ai không hứng ; làm điều mà chúng đồng ghét, thì không ai không*

nguy. Từ xưa các bậc đại thánh nhân, cử đại sự, không khi nào không thuận lòng người, mà làm nên việc. Dẫu đến lũ gian hùng tiếm thiết, cũng nhân theo lòng dân ưng muỗn, mới làm nổi việc. Kìa như anh em Nhạc, Huệ là kẻ bạch đinh, không có một tấc đất, mà khi hô hào lên thì người ta theo kể vạn kể ức, chưa đầy năm sáu năm mà chiếm hết giang sơn thổ vũ. Chúng không tài đức hơn người, mà dấy lên bồng-bột như thế, là vì sao vậy ? Chẳng qua là chúng nhân dân ta oán hận quyền thần, dân Lê chán phiền họ Trịnh đó thôi. Vả chăng pháp chế đời loạn và pháp chế đời trị thì không giống nhau, phải nhân thời mà thay đổi, theo việc mà biến thiên. Đời xưa đất Ngụy-bắc ngạnh hóa, không biết có nhà Đường, vua Hiển-Tông phát của kho bốn mươi vạn để chuộc Ngụy-bắc ; đất U và đất Yên chìm đắm, không biết có nhà Tống, vua Nghệ-Tổ lấy của kho mẩy trăm vạn để chuộc U-Yên. Hiển-Tông là một ông vua tiết kiệm, mặc áo giặt đi giặt lại nhiều lần ; Nghệ-Tổ là một ông vua anh hùng, tiêu một đồng tiền cũng tiếc, mà hai ông làm như vậy, chẳng qua là tính việc lớn thì chẳng kể phí nhỏ, toan lợi xa thì chẳng kể công gần đó thôi. Nay xứ Qui-Nhơn bị loạn lạc gần ba mươi năm, không thấy thái-bình thành pháp đã lâu ngày, cho nên nhân dân khát vọng cho quân nhà vua tới cứu vớt ra khỏi lầm than. Đường lúc dụng binh thì phải bắt thuế là lẽ tất nhiên, cũng không đến nỗi làm cho dân hờn oán. Nhưng vì xứ Qui-Nhơn từ niên hiệu Thái-Đức đến Cảnh-Thạnh (niên hiệu Tây-Sơn), cải ấp làm đội, bắt thay dân vào ngạch lính, mà tha thuế thân ; nếu ngày nay ta bắt dân phải chịu thuế thân, thì số tiền nhập một năm bất búa

được ba vạn quan, mà quân giặc thù ở gần bên ta, chỉ cách một giải núi Thạch-Tân, thì những người có hai lòng nhân thê mà về với giặc, như thế thì sở đắc ít mà sở thất nhiều, việc ấy tưởng không nên làm. Tôi nhớ rằng nước ta lúc trước, ông Chiêu-vũ-hầu Nguyễn-Hữu-Dật lấy bảy huyện ở Nghệ-An, đóng đồn bảy năm, nhân tình khiếp phục. Sau vì quân nhu thiếu thốn, bèn hạ mộc bài thâu tiền của dân, nhân tình náo động, người Trịnh nhân đó vào đánh lấy đất lại, ta phải triệt quân về, không còn một tấc đất ở ngoài Bố-Chinh Bắc-Hà. Việc cũ còn đó, nên làm gương soi. Công việc ngày nay, xin trước hết phải giãn binh mà tha thân thuế cho một năm, để thu phục nhân tâm trong xứ, và cho thiên hạ quan chiêm ».

Tờ sớ dâng vào, Thể-Tổ khen rằng phải, rồi không nói việc ấy nữa.

Năm Canh-Thân (1800), Đức-Siêu theo Thể-Tổ đến Phú-Yên, dâng kế dùng hỏa công đốt binh thuyền của Tây-Sơn, được đại thắng lợi. Ông lại tâu rằng Tây-Sơn đem hết quân vào vây Bình-Định, tất nhiên sào huyệt của chúng ở Phú-Xuân phải bỏ trống, nên thừa cơ ra đánh. Xin chia binh thuyền làm hai đạo, một đạo đánh cửa Tư-Hiền, một đạo đánh cửa Thuận-An, chắc là toàn thắng. Thể-Tổ nghe theo. Cho nên ngày tháng năm năm Tân-Dậu (1801) lấy lại đô thành Phú-Xuân, công Đặng-Đức-Siêu cũng nhiều. Đầu năm Nhâm-Tuất (1802), kiến nguyên Gia-Long nguyên niên, cũng là lời Đức-Siêu xin vậy.

Tương truyền chín khúc ca « Hồi loan » bằng quốc-âm là của ông soạn ra. Bọn hát nha-trò Thanh-Nghệ ngày nay còn

truyền tụng. Lễ nhạc chế độ do tay ông sắp đặt vẽ phần nhiều. Thăng Lễ bộ Thượng-thơ. Năm Canh-Ngọ thứ 9 (1810) ông mất, thọ 60 tuổi, tặng hàm Tham-chính.

Đặng-Đức-Siêu học vấn uyên bác, văn chương thuần-nhã, đức hạnh tiết tháo, nhân vật ở bản triều ai cũng tôn trọng. Gặp lúc loạn lạc ông thao quang hối tích (dẫu tài mình, ở ẩn không cho ai biết) hơn ba mươi năm, giữ danh tiết được toàn vẹn. Trong buổi trung-hưng ông giữ việc bang giao, kiêm sung chức Hoàng-tử Phụ-đạo, công nghiệp rất to tát. Niên hiệu Minh-Mạng năm thứ 6 (1825), truy tặng hàm Thiếu-sư Hiệp-biện đại-học-sĩ. Đời Tự-Đức thờ vào miếu Trung-hưng công thần.

SIÊU-(TRƯƠNG HÁN) 超(張漢)

Tên chữ là Thăng-Phủ, người ở An-Ninh (tức An-Khánh) ; lúc đầu làm môn khách của Trần Hưng-Đạo-vương Quốc-Tuấn, vua Anh-Tông cho làm Hàn-lâm Học-sĩ. Đời Minh-Tông, thăng chức Hành-khiển. Đời Hiển-Tông, làm Môn-hạ-hữu-ty Lang trung. Dũ-Tông lên ngôi, ủy ông soạn bộ Quốc-Triều-Đại-Điển, và Hình-Thư, thăng Tả-ty Lang-trung, kiêm Lạng-sơn Kinh-lược-sứ, rồi thăng dần lên đến chức Gián-nghị đại-phu Tham-tri chính-sự.

Niên hiệu Thiệu-Phong năm thứ 13 (1353), Chiêm-Thành đến đánh phá, quan quân bị thua. Vua đài Hán-Siêu để bàn việc, rồi khiến lãnh quân Thần-sách vào trấn Hóa-Châu. Biên cảnh được yên. Ông ở ngoài lâu ngày, phần uất, bất đắc chí, rồi xin cáo bệnh về. Vua y cho. Đi chưa đến Kinh thì ông mất. Tặng Thái-phó.

Hán-Siêu, tính khí cốt ngạnh, có văn tài, vua Dũ-Tông thường gọi là thầy, chứ không kêu tên. Nhà Trần nỗi sau nhà Lý, cho nên sùng thượng đạo Thích quá. Đến nỗi vua làm Đạo-sĩ, Hoàng-hậu làm Tỳ-kheo, con các vương công thì làm tăng chúng. Chùa tháp đầy khắp mọi nơi. Hán-Siêu thầy thì ghét, muốn đương lấy việc bài xích dị đoan. Ông có làm bài văn khắc nơi bia chùa Quán-Nghiêm ở Bắc-Giang, đại lược nói rằng : « *Chùa hư mà dựng lại, đã không phải ý của ta ; bia dựng mà khắc chữ, cần gì đến lời văn của ta ? Hiện nay Thánh triều muốn mở mang đạo chính, để duồng bỏ tục hủ. Dị đoan thì nên truất, thánh đạo phải phục hành. Kẻ sĩ phu, không phải đạo Nghiêu, Thuấn, thì không nên* »

bày ra trước vua, không phải đạo Khổng, Mạnh, thì không đem trước thuật. Sao lại bo-bo dùng kinh Phật mà đọc làm-xàm nơi mồm ? Làm như thế là muốn dối ai đó vậy ? »

Hán-Siêu cũng có tiếng trong thời bấy giờ, nhưng tính hay suất lược, và khinh bỉ kẻ đồng liêu. Lúc ông làm Hành-khiển, một hôm ở trong triều, ông tâu Hình-quan là Phạm-Ngộ và Lê-Duy ăn hối lộ. Minh-Tông liền biểu điều tra, xem có thật không. Hán-Siêu nói riêng với người ta rằng : « Tôi thấy Chúa-thượng tin tôi, cho nên mới tâu thế, ngờ đâu Ngài biểu đi khám xét ». Đến khi xét ra thì ông sút lý, bị trách phạt. Cách ông hay sơ suất là như thế. Lúc ông ở Lạng-Giang thì gả con cho tên Tù-trưởng châu ấy là Nùng-Ích-Vân. Giám thị chùa Quỳnh-Lâm, thì gả con cho người giữ Tam-bảo là Nguyễn-Chẽ, đều là ham giàu cả. Ông Tôn-chính đại-khanh là Lê-Cự-Nhân thường cho ông Hán-Siêu là « Thôn-cầu-cước », nghĩa là anh đá cầu nhà-quê, đá hay trật, không trúng, để ví ông liệu việc hay trật, hay sai lầm vậy.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tàn bi cổ tự dĩ thù trẫn,
Dục chướng đồi lan, học vị thuẫn.
Phú hộ đa tình đồng liệt bộ,
Chấp tiên ưng quí Tố-vương thǎn.* ⁴⁰

Dịch nôm :

*Bia tàn, chùa cũ nhện dăng quanh,
Luồng sóng ưng ngăn, học chửa rành.
Ham của, tìm giàu làm bạn-tác,*

Cầm roi phải thẹn Khổng-môn sinh. ⁴¹

SÚY-(NGUYỄN) 勝(阮)

(Không rõ người ở đâu), làm Thái-phó đời Trùng-Quang-Đẽ, chống đánh với người Minh. Lúc bấy giờ Giản-Định-Đẽ giữ Ngũ-thiên-dinh, Súy lừa lúc đêm đem quân tới bắt được, đem về Nghệ-An, Trùng-Quang-Đẽ ra rước, tôn làm Thượng-Hoàng, để chung sức mà liệu việc chống giặc. Chưa được bao lâu, Giản-Định lại bị Trương-Phụ bắt. Trận đánh ở Mô-Độ, Súy vì quân ít, không địch nổi, chạy về đường biển, rồi lại đem binh đến Vân-Đồn, để đánh quân Minh. Trương-Phụ đến Hóa-Châu, Súy chặn đánh ở Thái-Già, cầm cự đã mấy tháng. Súy khiến ba người thích khách chở rơm cỏ theo dòng nước xuống đến thuyền Trương-Phụ. Một người lên đầu mũi, một người lên sau lái, nhưng không biết mặt Trương-Phụ, Phụ nhảy xuống thuyền con chạy thoát.

Sau đó Trùng-Quang-Đẽ bị Phụ bắt, Súy nghe được, về bảo vợ rằng : « *Làm tôi thò vua, sống thác không nài ; sống thì mình hưởng lộc, thác thì mình cũng phải đồng hoạn nạn. Nay chúa ta bị bắt, mà mình lay lắt cho khỏi, thì sống làm chi ?* » Rồi đi tìm gặp Trùng-Quang-Đẽ, cầm tay nhau khóc, cùng đi theo về Đông-quan (Phụ bắt Trùng-Quang tính đem về Đông-Quan). Đi giữa đường, Trùng-Quang nhảy xuống nước tự tận. Súy thì ngày-ngày cùng người giám-thủ đánh cờ, lẩn-lẩn quen, ông lấy bàn cờ đánh chết tên Giám-thủ, rồi cũng nhảy xuống nước chết.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Chủ lỗ khởi cam cầu tự miễn,

*Trần vong thê bắt dự Minh sinh.
Đối kỳ tảo dĩ tranh tiên trước,
Tùy hướng trường lưu vân Khuất-Bình.*

Dịch nôm :

*Chúa bị bắt, mình yên sao nỡ !
Trần vong, thê chẳng ở cùng Minh.
Cờ cao nước trước đành-rành,
Xuống dòng nước biếc, Khuất-Bình tìm thăm.⁴²*

TÁNH-(VŨ) 性(武) (cũng gọi là VŨ-TÍNH)

Người ở Phước-Yên, tỉnh Biên-Hòa ; anh là Vũ-Nhàn, Cai-cơ thuộc tướng của Đỗ-Thanh-Nhân. Thế-Tổ (Gia-Long) giết Đỗ-Thanh-Nhân, Nhàn bèn tụ dư đảng của đạo quân Đông-Sơn (đạo quân của Đỗ-Thanh-Nhân), làm phản chống lại, rồi bị bắt giết. Năm Giáp-Thìn (1784), Tây-Sơn vào đánh Gia-Định, Thế-Tổ qua Xiêm, Tánh lấy quân dư đảng của Nhàn, rồi kết hợp những kẻ hào kiệt, khởi nghĩa ở Vườn-Trầu (thuộc Gia-Định) để đánh Tây-Sơn. Nhưng Vườn-Trầu không phải chỗ dụng vũ, bèn dời đến Định-Tường, quân chúng được hơn vạn người, gọi là Kiên-hòa-đạo, ông tự xưng là Tổng-Nhung. Quân Tây-Sơn đi ngang đó, thì chặn giết hết. Thế-Tổ ở Vọng-Các mà đã nghe tiếng ông. Khi về nước, ngài cho Nguyễn-Đức-Xuyên vời đến, Tánh vâng mạng đến. Thế-Tổ rất mừng, cho ông làm Tiên-phong dinh Khai-sai-tổng-nhung Chưởng-cơ, rồi gả trưởng-công-chúa là Ngọc-Du cho ông, Năm Nhâm-Tí (1792), Thế-Tổ thân chinh Qui-Nhơn, để Tánh và Tôn-Thất-Huy ở lại Gia-Định. Năm sau đó, Thế-Tổ lại trở ra thân chinh Qui-Nhơn. Tánh đi theo hộ giá, tới Bình-Khương, quân Tây Sơn bỏ chạy, liền thừa thăng đi thăng ra Xuân-Đài, rồi lấy lại đất Phú-Yên, Quân kéo ra cửa biển Thi-Nại, Tánh đánh đồn Thi-Nại, lấy được, rồi đuổi đến Tân-Hội-Kiều. Quân Tây-Sơn lui về giữ Úc-Sơn. Tánh dừng quân ở Bình-Thành. Nguyễn-Văn-Nhạc khiến con là Bửu ra thành cự chiến. Tánh đánh đuổi chạy. Bửu lui đóng đồn từ Thổ-Sơn đến Úc-Sơn để chống. Vừa lúc đó, bọn Tôn-Thất-Hội từ Hà-Nha, Cù-Mông, kéo

quân về, cùng Nguyễn-Văn-Thành hội với Tánh tập kích, xuất kỳ bất ý, quân Tây-Sơn thất kinh bỏ chạy, đạp nhau, bị thương và chết rất nhiều. Bửu trở về Qui-Nhơn. Nhạc đóng thành cố thủ. Tánh và Tôn-Thất-Hội đem các đạo bộ binh vây thành Qui-Nhơn, sau vì Tây-Sơn có binh viện, nên phải kéo về.

Từ năm Quý-Mão (1793) đến năm Mậu-Ngọ (1796), Vũ-Tánh chinh chiến nhiều trận, khi thì đi với Thể-Tổ, khi thì đi với Đông-Cung Cảnh, v.v... Năm Kỷ-Vị (1799), Thể-Tổ thân chinh Qui-Nhơn, Tánh đem thủy quân theo đến cửa Thi-Nại, cùng Chưởng-hữu-quân Nguyễn-Hoàng-Đức đóng đồn ở Phú-Trung, đánh nhau ở Thị-Dạ. Thiếu úy của Tây-Sơn là Trương-Tiến-Túy thua chạy, đuối đến cầu Tân-An. Chém Đô đốc Nguyễn-Thiệt và bắt được quân lính voi ngựa rất nhiều. Đại Đô-đốc Tây-Sơn là Lê-Chất tới đầu hàng, rồi theo dưới quyền điều khiển của Tánh. Quân kéo đến thành Qui-Nhơn, Tánh điều khiển các đạo quân vây thành. Thái-phó Tây-Sơn là Lê-Văn-Úng, ra thành toan đi lên Tây-sơn-Thượng để thu vận quân lương, làm thế ỷ giocard (nương dựa nhau). Chất báo cáo với Tánh. Tánh ủy Nguyễn-Đức-Xuyên làm Tả-đạo, Chất làm Hữu-đạo, còn Tánh tự quản Trung-đạo chặn Úng ở Kha-Dao. Bắt hết cả binh lính sáu nghìn người, voi năm chục thớt, Úng may chạy trốn khỏi. Đại-tổng-quản Lê-Văn-Thanh, Bình bộ Thượng-thơ Nguyễn-Đại-Phác đem thành đi nạp xin hàng. Xa-giá vào thành, vỗ về sĩ tốt, đổi tên Qui-Nhơn làm Bình-Định thành. Có người xin thừa thăng ra thăng lấy Phú-Xuân. Thể-Tổ hỏi Tánh, Tánh thưa rằng : « Qui-Nhơn tuy mình đã hạ được, nhưng ở Phú-Xuân, bên

địch còn cả toàn lực, binh ta nay đã mỏi mệt, chưa nên khinh tiến ». Thể-Tổ cho là phải, xa-giá trở về, để Tánh ở lại trấn-thủ, và Ngô-Tùng-Châu làm phó.

Thiếu-phó Tây-Sơn Trần-Quang-Diệu, ở Phú-Xuân nghe Tánh giữ Bình-Định, bèn cùng Tư-đồ Vũ-Văn-Dõng bàn rằng : « *Ta nghe tiếng Vũ-Tánh đã lâu, chư tướng không ai địch nổi, nay y giữ cô thành, tiến thối không có viện binh, ta sẽ đem bộ binh đến đánh và lấy thủy binh chặn ngang cửa Thi-Nại, để ngăn đường viện binh trong Gia-Định đi ra, như thế thì lấy lại thành chắc được ».*

Mùa đông năm ấy, chúng bèn đem mấy vạn kinh binh và thuyền mấy trăm chiếc, cả thủy và lục đều tiến. Dõng đem thủy binh vào Thi-Nại, Diệu đem bộ binh đến Thạch-Tân, quân thẽ rất mạnh. Vũ-Tánh biết rằng giặc mới vào đương tinh nhuệ, mình chưa thể đánh được, bèn sai Hậu-quân Phó-tướng Nguyễn-Văn-Biên điểm binh lính đem vào thành, mà trước hết thì khiến Lê-Chất đem bộ tốt của ông ta vào Gia-Định để điều khiển, và lại đem tình hình tâu cho Thể-Tổ hay (sai Lê-Chất đi như thế là vì Chất nguyên ở bên Tây-Sơn mới đầu hàng, Tánh cũng đương ngờ chưa tin lắm). Lê-Chất đi rồi, quân Tây-Sơn đến vây thành, khiêu chiến đã nhiều lần, mà Tánh thì đóng riết thành, bất động. Diệu bảo với Dõng rằng : « *Tánh không chịu đánh là muốn để diễn dãy kéo dài ngày ra để cho quân ta mỏi mệt ».*

Rồi ở ngoài thành chúng đắp cái lũy rất dài (chu vi đến 4.300 trượng, cứ mỗi trượng hai người tuẫn phu), đem bộ binh vây chung quanh đến mấy lớp, việc ấy thì Diệu làm chủ tướng. Mặt biển thì đem thủy binh giăng làm đồn bảo,

lại lấy chiếc Định-quốc đại thuyền chặn lấp cửa Thị-Nại, việc này thì Dũng làm chủ tướng. Phòng bị rất là nghiêm nhặt.

Có tin vào cho Thẽ-Tổ hay, Thẽ Tổ vời các tướng để bàn việc. Ai cũng xin lập tức đem binh cứu viện. Thẽ-Tổ dạy rằng : « *Vũ-Tánh giữ giỏi, chắc là không khinh chiến, quân giặc sợ Tánh như cọp, cũng không dám bạo động. Vả lại ở Bình-Định lương thực ăn được một năm, nay đương mùa gió bắc, đường biển đi không tiện, hãy đợi tháng Giêng sẽ đi cứu, cũng chưa muộn gì* ».

Năm Canh-Thân (1800), Thẽ-Tổ đốc thủy quân đi cứu viện, đóng quân ở Cù-Mông, khiến Nguyễn-Văn-Thành diệu phát bộ binh, từ Xuân-Đài đến Hội-An, đi qua gò Ái-Thạch, cùng quân Tây-Sơn đánh nhiều lần. Sau đó Tánh nghe có viện binh đến, liền mở cửa nam nơi thành ra, đánh dữ dội một trận ở nơi núi Tam-Tháp, đốt phá thành lũy, tối lại rút binh về thành. Lúc bấy giờ, thành bị vây rất ngặt. Diệu tự khoe mình có tướng lược giỏi, cho người trong thành được ra vào, là muốn để chiêu hàng. Vì thế Tánh mới thường sai người ra chỗ Hành-tại (chỗ vua ở tạm) để thông tin tức ; Thẽ-Tổ cũng đưa giấy tờ vào ủy lạo tướng sĩ. Tin tức thì thông mà đánh thì không thể được. Quân bộ của Tánh đóng ở Thị-Dạ, thủy binh thì ở Cù-Mông, thủy lục gián cách không tiếp nhau, vì vậy đã lâu mà chưa giải được. Thẽ-Tổ lấy làm ưu uất. Một hôm đi thuyền ra ngoài khơi, trông vào cửa Thị-Nại, thấy quân Tây-Sơn canh giữ rất riết, Ngài than rằng : « *Trời chưa muốn để ta diệt Tây-Sơn hay sao ? Sao lại bắt lương tướng ta khốn-đốn ở đó hoài ?* »

Mùa Xuân-năm Tân-Dậu (1801), dùng kế hỏa công, khiến bọn Nguyễn-Văn-Trương tới trước, bọn Lê-Văn-Duyệt tiếp sau, lén vào cửa Thị-Nại đốt binh thuyền Tây-Sơn. Có tin trước cho Tánh biết. Tánh trong đêm ấy cũng mở cửa đông ra đánh, đốt phá dinh trại rất nhiều. Dũng ở thủy đồn cũng bị bọn Trương-Diệt đánh phá, chạy lên hiệp lực với Diệu, vây thành càng riết. Thế-Tổ nghĩ rằng trong thành lương thực ít, giữ e không nổi, bèn bảo với chư tướng rằng : « *Thà mất thành, không thà mất lương tướng của ta* ». Bèn khiến kẻ đem thơ lặn xuống nước, rồi lén vào thành, khiến Tánh phá vây mà ra để hội với đại binh.

Tánh nghĩ rằng hào lũy Tây-Sơn kiên cố, chưa có thể phá được, nếu vậy thì bị chết bị thương chắc nhiều. Tánh mới làm tờ biểu gởi ra nói rằng : « *Hiện nay tướng mạnh binh cường của Tây-Sơn đều ở đây cả. Phú-Xuân bỏ trống. Lập kế ngày nay, không gì bằng lấy ngói đổi vàng. Xin chớ kể Bình-Định, nên thừa hư đi thẳng ra lấy Phú-Xuân, ấy là một cơ hội tốt. Lấy Phú-Xuân mà đổi mạng tôi, tôi cũng sướng lắm rồi vậy* ».

Thế-Tổ xem tờ biểu, than thở một hồi lâu. Trước đó trong các tướng có người bàn rằng như đánh cờ nên thí xe ; Thế-Tổ còn do-dự không nỡ làm, kịp đến khi được tờ thơ trong thành đưa ra, ý Ngài mới quyết.

Mùa hạ năm ấy, lưu Nguyễn-Văn-Thành giữ Thị-Nại, làm thanh ứng cho Tánh. Đại quân do đường thủy ra lấy Phú-Xuân. Thế-Tổ khiến Lê-Văn-Duyệt, Lê-Chất, Tống-Viết-Phước, đem binh vào viện, tới Quảng-Ngãi thì Bình-Định đã bị hãm rồi.

Thành bị vây đã lâu ngày, gần bị hãm, nhưng Tánh tùy phương chống giữ, quân lệnh nghiêm minh, bố trí chỉnh bị, đánh nhau nhiều mà không hề nản chí. Có người khuyên ông bỏ thành mà ra, ông nói. « *Không nên. Ta phụng mạng giữ thành, thì còn hay mất cũng theo thành, nay bỏ thành để cầu sống, thì mặt mũi nào mà thấy Chúa thương* ».

Đến khi lương thực hết, phải giết voi, ngựa mà ăn. Ông thấy sĩ tốt có sắc đói, cũng muốn phá vây mà ra, nhưng sợ quân lính không khỏi bị tử thương nhiều. Ông bèn làm lá thơ gởi cho Quang-Diệm mà nói rằng : « *Trong thành nay hết lương thực, không thể giữ được nữa, chủ tướng giữ phẫn phải chết, đó là việc của tôi, tôi đã nhứt định rồi, nhưng sĩ tốt không có tội, xin chớ gia hại chúng nó* ».

Nhân đó ông nói với chư tướng rằng : « *Uống thuốc cũng chết, nhảy vào lửa tự thiêu cũng chết, chết thuốc độc thì giặc còn thấy mặt, ta không nỡ cho giặc gặp mặt, vậy ta thà chết thiêu* ».

Ông bèn khiến chất cùi ở nơi lầu bát-giác, dưới để thuốc súng làm mồi. Ông tắm gội sạch sẽ, mặc đồ triều phục, xoay mặt về cửa khuyết (cửa vua), lạy năm lạy, rồi lên lầu ngồi, nhóm tất cả tướng sĩ mà bảo rằng : « *Từ khi ta phụng mạng giữ thành này, Tây-sơn đem hết cả binh lực, vây đánh đã hai năm nay, cũng nhờ các tướng sĩ đồng tâm mới giữ được làm vậy. Nay lương hết sức mòn, giữ cũng không được, đánh cũng vô ích, thôi ta chịu chết, để cho các tướng sĩ khỏi bị khổ* ».

Tướng sĩ đều nép xuống đất mà khóc rống. Ông dơ tay khoát trở lui. Rồi ông lấy khẩu súng bắn chim giao cho Lưu-thủ Nguyễn-Văn-Thành mà nói rằng : « *Ngươi đem cái này đưa cho Diệu mà nói rằng ta xin gởi quan quân ta cho y* ».

Ông bèn khiến Phó-tướng Nguyễn-Văn-Biên châm lửa, Biên khóc mà chạy đi. Ông đương hút thuốc lào, liền lấy đóm lửa ném nơi thuốc súng, ngọn lửa phụt lên, ông tự phán. Thống-binh Nguyễn-Tiến-Huyêng ở ngoài chạy vào, cũng nhảy vào lửa chết theo.

Khi ông thiêu rồi. Diệu đem binh vào thành, thấy thế cũng ứa nước mắt, theo lễ niêm táng tiêm-tất, Tướng sĩ ở trong thành, không bị hại người nào, rồi ai ai cũng tự về, không người nào chịu theo với Diệu. Đó cũng là lòng trung thành của ông làm cho người cảm động như thế vậy.

Việc ấy tin về triều, vua Gia-Long khóc than rồi nói với quần thần rằng : « *Vũ-Tánh giữ trọng danh tiết như thế, tuy kẻ trung liệt đời xưa như Trương-Tuần, Hứa-Viễn cũng không hơn được* ». Tặng Dực-vận công-thần đặc tiến phu-quốc Thượng-tướng-quân, Thượng-trụ quốc, Thiếu-úy Quốc-công, thụy Trung-liệt.

TẮC-(TRẦN-ÍCH) 稷(陳益)

Con thứ vua Trần-Thái-Tông, phong Chiêu-quốc-công. Thông minh hiếu học, kinh sử lục nghệ đều thông, văn chương hơn chúng. Mở trường học bên cạnh phủ, cho văn sĩ xa gần đến học, người nào nghèo, thì ông cấp cơm áo cho.

Lúc Ích-Tắc chưa sinh, Thái-Tông nắm chiêm bao thấy một thần nhân, có ba con mắt, từ trên trời xuống, nói với Thái-Tông rằng : « *Tôi bị Thượng-đế trách phạt, xin đến gởi mình nơi Ngài, sau rồi sẽ trở về Tàu* ». Đến khi sinh ra, giữa trán ông có cái đốm như hình con mắt. Lớn lên, thông hiểu kinh sử và các nghề vặt. Ích-Tắc có lòng muôn đoạt đích. Thường gởi tư thơ cho bọn khách thương ở Vân-Đồn, xin nhà Nguyên qua đánh nước ta. Niên hiệu Thiên-Bửu (1279), Toa-Đô nhà Nguyên qua đánh phá. Nhân-Tông chạy, Ích-Tắc đem cả gia quyến hàng Nguyên. Nguyên phong cho làm An-Nam quốc-vương. Niên hiệu Trùng-Hưng năm thứ 2 (1286), Nguyên lại đem binh qua xâm, giả đưa ông ta về nước để phong làm vua. Đến khi quân Nguyên bị thua, Ích-Tắc cũng chạy theo qua Tàu, ở Ngạc-Châu. Người Nguyên cho làm chức Bình-chương ở Hồ-Quảng. Sau đó thôi việc chinh chiến, nhà Trần lại thông hiểu với nhà Nguyên. Nguyễn-Đại-Phật đi sứ Tàu về việc giảng hòa, đến Ngạc-Châu, thấy Ích-Tắc ngồi với mấy ông Bình-Chương kia, Đại-Phật thi lễ với mấy ông kia, nhưng không thèm chào Ích-Tắc. Ích-Tắc nói : « *Mấy nguyên là tên hẫu trà của Chiêu-đạo vương ngày trước phải không ?* » Đại-Phật nói : « *Việc đời thay đổi không thường, Đại-Phật này vẫn trước là tên*

*hầu trà của Chiêu-đạo vương mà nay làm sứ thần, cũng như
ngài trước là Hoàng-tử, con vua, nay trở lại làm tên hàng
giặc ». Ích-Tắc nghe câu đáp ấy, có sắc thẹn nơm mặt.*

Vua Nguyên Thành-Tông cho ông ta 500 khoảnh ruộng
ở Hàm-dương, được ít lâu rồi thâu lại. Đời Vũ-Tông lại cho
như cũ, Ích-Tắc mất ở Tàu, thọ hơn 70 tuổi.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tạm nhân hà lai phục sâu qui,
Nhất sinh học hạnh lưỡng tương vi.
Bình-chương hàng lỗ, ninh vô si.
Chiêu-đạo thơ nhi thận vật ky.*

Dịch nôm :

*Ba mắt sinh ra lại vội vã.
Học hành đều trái cả hai bể.
Bình-chương hàng giặc sao không hổ.
Chiêu-đạo trò kia, hãy chớ chê.*

TÂY-SƠN-(NGUYỄN-VĂN-NHẠC) 西山(阮文岳)

Người ở Qui-Nhơn, Bình-Định, nguyên tổ tiên là người Hưng-Nguyên, Nghệ-An. Ông tổ bốn đời bị quân Nguyễn bắt, đem an trí ở ấp Tây-Sơn, thuộc huyện Hoài-Nhân. Cha là Phước dời xuống ở Kiên-Thành (huyện Tuy-Viễn), sinh được ba trai : Nhạc, Lữ và Huệ. Nhạc làm nghề buôn trâu. Thường đi trong đường núi, được một cái gươm, tự cho là thần vật, đem mà phỉnh chúng, có nhiều người tin. Sau học nghề vũ của Giáo-Hiển, Hiển khen có tài giỏi. Nhạc làm Tuần-biện lại ở Vân-Đồn, tiêu thâm tiền thuế, Đốc-trưng là Đặng đòi bắt riết quá, Nhạc mới trốn vào núi đi ăn cướp. Năm Tân-Mão (1771), Nhạc lập đồn trại ở Tây-Sơn thượng đạo, thế càng ngày càng mạnh, quan địa phương không ngăn cấm được. Nhạc bàn với các thủ hạ rằng : « *Hiện nay gian thần Trương-Phước-Loan, hối lộ công hành, nhân dân ta oán, nay ta cử binh trừ đi, còn Hoàng-Tôn-Dương, người thông minh, ta nên rước lập lên để an Vương thất* ». Ước định xong, truyền bá việc ấy ra, xa gần đều tin mà theo cả.

Mùa thu năm Quý-Tỵ (1773), Nhạc tự Tây-Sơn xuất chúng xuống đóng ở Kiên-Thành, tự xưng là Đệ nhứt trại chủ cai quản hai huyện Phù Ly và Bồng-Sơn. Lại cho một bọn đồ đảng xuống phủ Qui-Nhơn, nhân lúc đêm tối vây đánh, chúng đều kinh hãi tẩu tán. Tuần-vũ là Nguyễn-Khắc-Tuyên cũng trốn chạy. Sau khi đánh mấy trận với quan quân, quan quân thất lợi. Nhạc chiếm cứ Quảng-Ngãi, rồi cho vào xâm lược các phủ Diên-Khánh và Bình-Khương. Khi

ãy từ Quảng-Ngãi trở vào Nam đến Bình-Thuận, là địa phận của Nhạc cả.

Mùa đông năm Giáp-Ngọ (1774), quân Trịnh tới đánh hãm Đô-thành (Huế). Duệ Tông (Hiếu-định Hoàng-đế) chạy vào Quảng-Nam, nhưng cho Hoàng-Tôn-Dương theo đường Ái-Vân vào trước. Qua năm sau (Ấp-Vị) Duệ-Tông trú tại Bến-Vân, vời Cửu-Dật tới chỗ hành-tại bàn việc, rồi lập Hoàng-Tôn Dương làm Đông-cung, coi việc chinh chiến. Ở được ít ngày, Nhạc sai bọn Lý-Tài đem binh thuyền ra cửa Đại-Áp, Nhạc thì theo đường núi xuống ngả sông Thu-Bồn, hai bên giáp lại đánh. Cửu-Dật chống cự không nổi, chạy về Trà-Sơn. Duệ-Tông chạy thẳng vào Gia-Định, để Đông-Cung ở lại đóng đồn tại Câu-Đê. Nhạc muốn rước lập Đông-cung để cậy thế mà hoắc chúng, bèn sai người tìm khắp mọi nơi, Đông-cung đi tới Ô-Da, Lý-Tai chặn được, đem về Hội-An.

Quân của Ngũ-Phước kéo qua Ái-Vân, Nhạc khiến Tập-Đình làm tiên-phong, Lý-Tài làm Trung-quân, Nhạc giữ hậu-đội, đánh với quân Ngũ-Phước tại Cẩm-Sa. Quân của Tập-Đình bị quân Trịnh đánh, bị thương rất nhiều. Nhạc và Lý-Tài chạy lui về Bến-Vân. Nhạc rước Đông-cung vào Qui-Nhơn. Lúc bấy giờ quân Hoàng-Ngũ-Phước đóng ở Quảng-Nam, quân của Tống-Phước-Hiệp kéo tới Phú-Yên, Nhạc sợ chống không nổi, bèn đem Đông-cung về Hà-Liêu, An-Thái (hai tên đất thuộc tỉnh Bình-Định), đem vàng bạc của cải chôn ở Tây-Sơn thượng để trốn. Nhạc khiến bọn Phan-Văn-Tuệ đem thơ và vàng bạc cho Ngũ-Phước, xin nạp đất ba phủ Quảng-Ngãi, Qui-Nhơn, Phú-Yên, và xin làm tiểu tướng để giúp đánh lấy Gia-định. Ngũ-Phước thuận cho, bèn quyển

trao cho Nhạc chức Tây-sơn hiệu trưởng Tráng-liệt Tướng quân. Sai Nguyễn-Hữu-Chỉnh đem sắc ấn cờ kiêm trao cho. Nhạc lại khiến người đến quân dinh Phước-Hiệp xin đầu hàng, rồi rước Đông-cung về Bồng-Giang, gả con gái là nàng Thọ-Hương cho Đông-cung làm vợ. Nhạc xin Đông-cung chính vương vị, đã nhiều lần mà Đông-cung không chịu. Sau Nhạc sai Tôn-Thất-Diệt về Phú-Yên nói với Phước-Hiệp nên phò lập Đông-cung để yên xã-tắc. Hiệp tin, cho nên không phòng bị gì nữa. Nhạc sai Huệ thình lình đến đánh, cai đội Nguyễn-Văn-Hiền tử trận, cai-cơ Nguyễn-Khoa-Kiên bị bắt về (Nhạc dụ Kiên hàng, không chịu, nên bị ghết). Huệ để Lý-Tài đồn ở Phú-Yên. Phước-Hiệp trở về giữ Hòn-Khôi. Sau Lý-Tài tới quân dinh Phước-Hiệp xin hàng. Hoàng-Ngũ-Phước về đóng ở Châu-Ổ (địa đầu Quảng-Ngãi). Nhạc nghĩ rằng phá được Phú-Yên là công của Huệ, xin cho thăng chức Ngũ-Phước cho Huệ quyền chức Tây-Sơn hiệu Tiên-Phong tướng-quân. Vừa lúc ấy có bệnh dịch, quân Trịnh chết hơn phân nửa, Ngũ-Phước trở về Phú-Xuân, rồi bệnh chết dọc đường. Mùa đông năm ấy, Tôn-Thất-Quyên, Tôn-Thất-Xuân nổi binh ở Quảng-Nam, lấy lại được phủ Thăng và phủ Điện. Nhạc đem hết cả quân lính cầm cự đến hai tháng mới đánh phá được, rồi để Nguyễn-Văn-Duệ giữ Quảng-Nam, và tự dẫn quân về Qui-Nhơn.

Năm Bính-Thân (1776), Nhạc sai em là Lữ đem thủy quân vào đánh Gia-Định, Duệ-Tông chạy về Trấn-Biên (Biên-Hòa), Lữ chiếm cứ Sài-Gòn (Gia-Định). Vừa gấp đạo quân Đông-Sơn của Đỗ-Thanh-Nhân đánh lấy Sài-Gòn lại. Lữ chở lúa thóc trong kho đem về Qui-Nhơn. Tháng hai năm

ấy. Nhạc đắp thành Đồ-Bàn, tiếm xưng Tây-Sơn vương, rồi dời Đông-cung lên chùa Thập-tháp. Đông-cung nhân lén đi đường biển, trốn vào Gia-Định. Vừa lúc ấy hàng tướng là Hòa-Nghĩa và Lý-Tài (người Tàu) giữ núi Chiêu-Thái, phản lại Tây-Sơn, nghe Đông-Cung vào, bèn đem quân xuống Sài-Gòn lập Đông-cung làm Tân-chính-vương và tôn Duệ-Tông làm Thái-thượng-vương.

Năm Đinh-Dậu (1777), Trịnh-Sum cho Nhạc làm Quảng-Nam Trấn-thủ, tuyên-úy đại-sứ, phong Cung-quốc-công. Nhạc khiến Lữ và Huệ đem thủy binh và bộ binh vào đánh Sài-gòn, Lý-Tài chống lại, bị thua, Tân-Chính-vương lui về Trà-Tân (thuộc Định-Tường), rồi trở về Ba-Việt (thuộc Vĩnh-Long), Thái-Thượng-vương chạy qua Long-Xuyên (Hà-Tiên). Bọn Huệ đuổi theo kịp, hai Vương đều bị hại. Lữ và Huệ trở về Qui-Nhơn, để Tổng-đốc Châu, Hồ-Tường-Hàn, Tư-khấu Oai điều khiển, với Cai-cơ Chẩn giữ Gia-Định. Mùa đông năm ấy, Thế-Tổ (Gia-Long) nổi binh ở Long-Xuyên, tới đánh Sài-Gòn, bọn Châu, Hán thua chạy về Qui-Nhơn.

Năm Mậu-Tuất (1778), Nhạc tự xưng đế, hiệu Thái-Đức, cải tên thành Đồ-Bàn làm Hoàng-đế thành. Cho Lữ làm Tiết-chẽ, Huệ làm Long-Nhương tướng-quân, Khiến Tổng-đốc Châu, Tư-khấu Oai, Hồ-giá Phan-Ngạn đem thủy sư vào xâm lược các địa phận duyên hải ở Trấn-Biên (Biên-Hòa) và Phiên-Trấn (Gia-Định). Thế-Tổ tự dẫn quân ra đánh, Đỗ-Thanh-Nhân chém Tư-khấu Oai ở Bến-Nghé. Tổng-binh Nguyễn-Văn-Hoàng đóng quân ở Đồng-Nai, chém hai tên tướng của Nhạc là Liêm và Lăng (không biết họ gì), Phan-

Ngạn thua chạy về, quân Thể-Tổ thừa thắng lấy lại Bình-Thuận, rồi tới vây Diên-Khánh.

Năm Canh-Tý (1780), Thể-Tổ tức vương-vị tại Sài-Gòn.

Năm Nhâm-Dần Đỗ-Thanh-Nhân phạm tội bị xử tử. Nhạc nghe được tin ấy thì mừng mà nói rằng : Hữu-Phương (tên riêng của Thanh-Nhân) đã chết rồi, thì các tướng kia mình không đủ sợ. Bèn cùng Huệ đem mấy trăm chiến thuyền vào cửa Căn-Giờ, đánh tại Thất-Kỳ giang. Quân Thể-tổ bị thua, trở lui về giữ Tam-Phụ. Từ ấy Sài-Gòn lại về tay Nhạc chiếm cứ.

Mùa hạ tháng tư, Tiết-chế ở Bình-Thuận là Tôn-Thất-Dũ lấy đạo quân của Hòa-Nghĩa (người Tàu) vào cứu viện, chém Phan-Ngạn ở cầu Tham-Lương, Nhạc giận Hòa-Nghĩa giết Phan-Ngạn, cho nên những người Tàu, không kể gì là bình dân hay thương mại đều bắt giết ném thây xuống sông cả. Lúc ấy Thể-Tổ ở Lữ-Phụ, Tây-Sơn Đề-đốc Học đuổi theo, bị Nguyễn-Kim-Phẩm chém chết, dư chúng chạy tan. Huệ kéo quân đến đánh, quân Thể-Tổ thua, phải chạy qua đảo Phú-Quốc. Nhạc trở về Qui-Nhơn, để Đông-Sơn hàng tướng là Đỗ-Nhàn-Trập và Hộ-bộ Bá ở lại giữ Gia-Định. Qua tháng tám, Chưởng-cơ Châu-Văn-Tiếp từ Phú-Yên đem quân vào viện, bọn Nhàn-Trập thua chạy, Thể-Tổ trở về Gia-Định.

Năm Quý-Mão (1783), Lữ và Huệ vào đánh, quân của Văn-Tiếp bị thua, Thể-Tổ chạy qua Tam-Phụ, Nguyễn-Hoàng-Đức chạy theo sau, bị bắt, Thể-Tổ qua đảo Côn-Lôn. Phò-mã Tây-Sơn là Trương-Văn-Đa đem binh đuổi theo, gặp lúc trời giông-tổ tối tăm, thuyền của Tây-Sơn bị chìm đắm

rất nhiều. Thẽ-Tổ lại trở về đảo Phú-Quốc, Huệ dẫn binh trở về Qui-Nhơn, khiến Văn-Đa ở lại giữ Gia-Định.

Năm Giáp-Thìn (1784), Thẽ-Tổ qua Xiêm xin viện binh của Chiêu-Tăng, Chiêu-Sương về đánh, quân Tây-Sơn thua.

Văn-Đa cáo cấp, Huệ bèn dẫn thủy lục quân vào đánh, quân Xiêm bị thua.

Năm Ất-Tị (1785), Thẽ-Tổ qua Xiêm đến Vọng-Các (Bangkok), Huệ thì để Đô-úy Đặng-Văn-Chấn ở lại giữ Gia-Định, mà trở về Qui-Nhơn.

Lúc Đô-thành Huế bị quân Trịnh chiếm cứ, Hoàng-Ngũ-Phước chết thì Bùi-Thẽ-Đạt thay làm Trấn-vũ, Thẽ-Đạt trở về, Phạm-Ngô-Cầu thay làm. Nhạc muốn lấy Huế mà chưa có cơ hội. Đến năm Bính-Ngọ (1786), Ngô-Cầu sai Nguyễn-Phú Nhu vào Tây-Sơn để dò tình thế. Phú-Nhu là bạn quen với Nguyễn-Hữu-Chỉnh. Chỉnh hỏi có thể ra đánh Huế được không, Phú Nhu nói được. Chỉnh mới bàn với Nhạc, Nhạc bèn cho Huệ làm Tiết-chẽ thủy bộ chư quân, Chỉnh làm hữu-quân Đô-đốc, rể là Vũ-Văn-Nhâm làm Tả-quân Đô-đốc, Lữ đem thủy quân tiếp theo. Tháng năm Huệ đánh lấy Phú-Xuân, khiến Lữ ở lại giữ. Huệ thì đem thủy quân ra thăng Bác-Hà. Có thơ về tin việc ấy, Nhạc không băng lòng, khiến người ngăn lại, thì Huệ đã vượt biển đi rồi. Đến khi nghe Huệ đã lấy thành Thăng-long, Nhạc thất kinh, bèn tự dẫn năm trăm quân ra Phú-Xuân, tuyển thêm quân tinh nhuệ, đi thăng ra Bắc. Lúc bấy giờ, Lê-Hiển-Tông mất rồi, cháu là Duy-Kỳ nối ngôi, tức là vua Chiêu-Thống. Nghe tin Nhạc đến, Chiêu-Thống đem bách quan ra đón tiếp. Nhạc kéo

thẳng quân đi, khiến người nói để đến ngày mai sẽ gặp. Ngày mai Chiêu-Thống đến chỗ Nhạc trú, Nhạc đứng chắp tay ở trên thềm, khiến Huệ xuồng thềm rước. Khi vào nhà, Nhạc ngồi giữa, Chiêu-Thống ngồi bên đông, Huệ ngồi bên tây. Chiêu-Thống ung dung nói cảm ơn, xin cắt ít quần ấp để khao thưởng tướng sĩ. Nhạc đáp rằng : Vì họ Trịnh chuyên chẽ, cho nên chúng tôi làm việc này là để tôn phò nhà vua. Nếu như đất đai của Trịnh thị, thì một tấc cũng không để, còn như đất của nhà Lê, thì một tấc cũng không dám lấy. Chỉ muốn Tự-Hoàng phẫn phát kiên cường, bảo ninh vũ nội, để đời-đời giữ nền hòa hảo lân giao, ấy là hạnh phúc của hai nước vậy.

Lúc Nhạc mới đến Thăng-Long, ai ai cũng lo sợ, có kẻ khuyên vua Chiêu-Thống dâng biểu xin hàng, đến khi ấy nhân tình mới yên. Nhạc ở lại độ tuần nhụt, rồi cùng Huệ với các tướng sĩ trở vào Nam.

Chia phần từ Ái-Vân trở ra thuộc về Huệ, làm Bắc-bình-vương, Gia-Định thuộc về Lữ, làm Đông-Định-Vương, còn Nhạc thì tự xưng Trung-ương-hoàng-đế. Nhạc đã đắc chí, ngày một kiêu căng dâm bạo, giết Nguyễn-Thung, lấy vợ Huệ, ai cũng chê bai. Khi ra Bắc, bao nhiêu của cải châu báu của nhà họ Trịnh, Huệ thâu cả, Nhạc đòi không đưa. Huệ muốn chiếm luôn cả đất Quảng-Nam, Nhạc cũng không chịu. Từ ấy hai anh em trở thành cừu địch. Huệ bèn làm tờ hịch văn kể các điều tội ác của Nhạc, đến nỗi nhiếc là : loài cẩu trệ, v.v... Nhạc thấy thế, cả giận, rồi sắp quân để đánh nhau.

Huệ ý thế mạnh, đem thăng binh vào vây thành Qui-Nhơn. Vây đã vài tháng, mà Nhạc thì đóng riết thành lại tự thủ. Huệ bèn đắp ụ đất, gác súng đại-bác lên trên, bắn vào thành, đạn rơi xuống có viên to bằng trái dừa. Tướng của Nhạc là Đặng-Văn-Châu từ Gia-Định ra cứu viện, đến Phú-Yên bị Huệ chặn bắt. Nhạc cùng thế, mới đứng trên thành mà hô lên rằng : « *Nỗi da xáo thịt, em sao nỡ lòng* ». Hai anh em ngó nhau mà khóc, rồi giải binh giảng hòa, lấy Bến-Vân làm giới hạn, Quảng-Nam dĩ nam, Nhạc làm chủ, Thăng-Điện dĩ bắc Huệ làm chủ.

Từ khi hai anh em Nhạc-Huệ có hiềm khích với nhau thì không rảnh mà chăm về việc trong Nam nữa. Thế-Tổ tự Xiêm trở về, vào cửa Cần-Giờ, Lữ lui giữ Lương-Phụ (thuộc Biên-Hòa), Phạm-Văn-Sâm giữ Sài-Gòn, quân Thế-Tổ đánh không lại. Mới giả mật thư của Nhạc, nói Sâm người kiêu hoạnh, khiến Lữ lập kế để giết đi, mà giả đưa lộn vào chỗ Sâm. Sâm được thơ, rất kinh hãi, bên giả treo lá cờ trăng, và kéo quân xuống Lương-Phụ, Lữ tưởng Sâm đã đầu hàng, chạy về Qui-Nhơn, rồi bị chết (Sâm sau cũng đầu hàng mà lại mưu phản, bị tử tội).

Năm Mậu-Thân (1788), vua Chiêu-Thống nhờ quân Thanh vào chiếm cứ Thăng-Long, Huệ xưng đế, đem binh ra Bắc đánh. Chiêu-Thống bỏ chạy, Huệ lấy hết cả đất An-Nam. Lúc bấy giờ Thế-Tổ đã lấy lại Gia-Định, thanh thế lừng lẫy, rồi thừa thắng lấy luôn Bình-Thuận, Bình-Khương, Diên-Khánh. Nhạc thì chỉ giữ mấy xứ Qui-Nhơn, Quảng-Ngãi, Phú-Yên mà thôi.

Năm Nhâm-Tí (1792), Huệ chết, con là Quang-Toản nối ngôi. Nhạc nghe Huệ chết, suýt liêu thuộc và người em gái ra thăm, đến địa đầu Quảng-Ngãi, bị đồn tướng của Huệ chặn lại không cho ra. Nhạc phải trở lui vào Qui-Nhơn.

Năm Quý-Sửu (1792), quân Nguyễn vây thành Qui-Nhơn, Nhạc cho con là Bửu ra chống cự. Quân Bửu bị thua chạy. Lúc ấy Nhạc đã thọ bệnh, cho mang thơ ra Phú-xuân cáo cấp. Toản cho các tướng như Phạm-Hưng, Nguyễn-Văn-Huân, Lê-Trung, Ngô-Văn-Sở, Đặng-Văn-Chấn đem thủy bộ quân vào cứu viện, quân Nguyễn giải vây trở về. Bọn Hưng vào thành Qui-Nhơn, Nhạc lấy vàng bạc khao quân. Hưng tịch biên của cải trong kho tàng, thâu hết binh giáp, và giữ lấy thành. Nhạc tức giận, thổ huyết mà chết (tiếm ngôi 16 năm). Toản phong cho con Nhạc là Bửu tước Hiển-Công, cắt cho một huyện Phù-Ly làm thực ấp, hiệu là Tiểu-triều. Mẹ Bửu khích rằng : Khai cương thác thổ, đều là công của cha mầy, nay chỉ ăn bỗng trong một huyện, nhục như thế, thà chết còn hơn. Sau Hưng bị bệnh trở về Phú-Xuân, Bùi-Đắc-Trử, Nguyễn-Văn-Huân, Lê Trung kế tiếp nhau lưu thủ, giả danh là ở giúp Bửu, kỳ thật là kiềm chế Bửu, Bửu đã bị Toản tước đoạt quyền lợi, lại bị bọn Lê-Trung hiếp chế, trong lòng rất bất bình.

Năm Đinh-Tị (1797), chúa Nguyễn đốc suất thủy quân vào cửa biển Thị-Nại, đánh không hạ được, bèn trở lui Quảng-Nam, vào cửa Đà-Nẵng. Sai người vào mật dụ Bửu rằng : Nay quân ta tới lấy Quảng-Nam rồi vào lấy Qui-Nhơn, nếu người muốn rửa thù cha, thì nên chiêu tập cựu quân, đợi quân ta đến ngoài thành, thì giết Lê-Trung để đón rước

vào, đòi tội lập công là chính ở lúc đó. Chớ ngờ rằng cha có tội mà lây đến con, ta không giết kẻ đầu hàng đâu. Phải liệu lấy. Đoạn rồi chúa Nguyễn kéo quân vào thành Gia-Định.

Năm Mậu-Ngọ (1798), Trung nghe Thiếu-phó Trần-Quang-Diệu cùng các tướng không hòa hợp, bèn suất bộ tốt về Phú-Xuân, để Uyên-Thanh-Hầu ở lại giúp Bửu. Bửu bèn bỏ tù Uyên-Thanh-Hầu mà giữ lấy thành, khiến Đô-đốc Đoàn-Văn-Cát, Nguyễn-Văn-Thiếu giữ Phú-Yên, rồi dâng tờ biểu xin hàng. Thế-Tổ y cho, khiến Nguyễn-Văn-Thành đến tiếp ứng. Quân chưa tới nơi, thì Toản đã phát binh vây thành, bắt Bửu về, cho uống thuốc độc giết đi.

TÂY-SƠN-(NGUYỄN-VĂN-HUỆ) 西山(阮文惠)

Em Nguyễn-Văn-Nhạc, tiếng nói như chuông, mắt chớp như điện, tinh khôn, mạnh bạo, ai-ai cũng sợ. Năm Ất-Vị (1775), Tây-Sơn đánh phá thành Phú-Yên, Nhạc xin với Hoàng-Ngũ-Phước cho Huệ quyền chức Tiên-phong Tướng-quân, đến khi Nhạc xưng đế, thì cho lên chức Long-nhương Tướng-quân. Sau khi đánh bắt tướng nhà Trịnh là Phạm-Ngô-Cầu ở Đô-thành Huế, Huệ thừa thắng ra đánh luôn Đồng-Hới. Lấy Đồng-Hới xong, Huệ theo lời Nguyễn-Hữu-Chỉnh, kéo thắng ra Bắc, lấy danh là phò Lê diệt Trịnh. Quân của Huệ kéo đến Thăng-Long, dân chúng xôn-xao, khủng khiếp. Trịnh-Khai đem quân ra chống cự, quân Tây-Sơn xông vào đánh, quân Trịnh tan rã, Huệ liền vào thành, đóng quân ở phủ họ Trịnh, hạ lệnh chiêu an. Trịnh-Khai chạy qua Sơn-Tây, bị nghịch dân bắt đưa về quân dinh của Huệ. Đi giữa đường Khải tự thắt cổ chết. Việc ấy nhầm vào ngày 26 tháng 6 năm 1786.

Nguyễn-Huệ vào thành, cho người tâu vua Lê xin vào yết kiến. Hôm sau Huệ vào yết tại điện Vạn-Thọ. Lê-đế mời ngồi ở cái sập một bên, ôn-tồn ủy lạo. Huệ tâu rằng : « *Chúng tôi đây ở Tây-Sơn, đội ơn Thành đức đã lâu ngày, nhân vì họ Trịnh lấn lướt Triều-đình, nên chi Trời hộ cho tôi ra diệt trừ đi được, ấy cũng nhờ đức của Bệ-hạ mới thành việc được* ».

Lê-đế thì khiêm nhượng mà nói rằng đó là công của Huệ cả. Huệ lại thưa rằng : « *Chí tôi là ở nơi tôn phò, có dám kể công lao gì đâu. Việc ngày nay chính là ý Trời muốn cho Bệ-*

*hạ nhứt thõng sơn hà. Từ nay xin lập kỷ trấn kinh, an nội
ninh ngoại, thì tôi cũng được nhờ ơn vậy ».*

Nhân đó lại trả Nguyễn-Hữu-Chỉnh mà nói rằng : « Ông
nầy là cựu thần của Bệ-hạ, tôi làm được việc nầy cũng nhờ
sức ông ta cả ».

Lê-Đế đáp rằng : « Chỉnh được có ngày nay cũng nhờ
Ngài thành cho đó vậy ».

Chỉnh cúi đầu bái tạ. Hai ông lãnh nước trà rồi thông thả
lui ra.

Từ đây nhân tình mới yên, triều thần cũng dần-dần trở
vào phục chức ở Triều. Chỉnh nhân thế nói với Huệ rằng :
« Tướng-quân đến đây là tôn phò nhà Lê, thì nên làm rõ
việc ra, bùa vào yết kiến đó thiên hạ chưa biết. Vậy nay nên
chọn ngày triều kiến, để cho trong nước ai ai cũng biết, ấy
là việc mình làm chính đại ».

Huệ nghe theo lời, mới chọn ngày mồng bảy tháng bảy,
xin Lê-đế thiết đại-triều ở điện Kính-Thiên, Huệ dẫn tướng sĩ
do cửa Đoan-Môn vào làm lễ ngũ bái tam khâu, bày tỏ tại
saô phải diệt Trịnh, và đem cả quân dân bộ tịch lũy bên phủ
họ Trịnh dâng cho Lê-đế. Lê-đế nhận rồi ban tờ chiếu nhứt
thống dán ngoài cửa Đại-Hưng. Ngày mai phong cho Huệ
chức Nguyên-súy-dực-vận Oai quốc-công.

Huệ lãnh chức phong rồi nói riêng với Chỉnh rằng : « Ta
đem mấy vạn quân, nhứt cử mà định được Bắc-Hà, một tấc
đất một tên dân cũng là của ta cả, nếu ta xưng đế xưng
vương gì lại không được. Nhưng ta nhường mà không làm,
là hậu đãi với nhà Lê đó thôi ».

Chỉnh biết Huệ có ý bất mãn, bèn nói với Lê-đẽ gả bà Công-chúa Ngọc-Hân cho Huệ.

Lê-đẽ bệnh rồi băng. Tự-Tôn là Duy-Kỳ lên ngôi, tức là Chiêu-Thống đế. Huệ chịu tang, mặc đồ tư-thôi (áo chẽ lén trôn). Khi đưa đám, Huệ đưa đến bến đò rồi trở về.

Chưa được bao lâu, Nhạc từ Tây-Sơn ra Bắc. Được một tuần, hai anh em Huệ và Nhạc trở vào Nam (xem chung truyện Nguyễn-Nhạc). Đến Nghệ-An thì muốn lập kế chiếm cứ đất Nghệ-An để làm căn-cứ ?

Lúc Huệ sắp sửa vào Nam thì không cho Hữu-Chỉnh biết, đến khi tới Nghệ-An thì Chính rượt theo kịp, cố xin đi theo. Huệ không cho đi theo và nói rằng : Nay tướng Trịnh là Hoàng-Phùng-Cơ và Đinh-Tích-Nhuống chưa trừ được, tại Bắc-Hà không có người ở lại thì không được. Rồi cho vàng bạc khiến cùng Nguyễn-Văn-Duệ giữ Nghệ-An, Đô-đốc Vũ-Chiêu-Viễn đóng đồn ở Hà-Trung, Vũ-Văn-Nhậm đồn ở Đồng-Hới, để làm thế ỷ giöc (dựa nhau).

Năm Đinh-Vị (1787), vua Chiêu-Thống sai Trần-Công-Xán, Ngô-Nho đem bức thơ cho Huệ để xin đất Nghệ-An lại. Huệ giận, bắt giam vào ngục. Ngô-Văn-Sở xin giết mấy người ấy đi. Lúc bấy giờ Huệ và Nhạc đương sắp sửa quân lính để đánh nhau. Huệ mới nói với Văn-Kỷ rằng : Việc biến trong nhà (anh em đánh nhau) không nên để cho người ngoài biết, nay sứ người bắc đương ở đây, để cho họ về thì lậu việc nước ra, mà giết đi thì mang tiếng không tốt. Đoạn cho sứ giả về, nhưng khiến Đô-đốc Vũ-Văn-Nguyệt đón

thuyền đưa đi, đến ngoài biển Đơn-Nhai, đâm lủng thuyền cho chìm đắm. Bọn Trần-Công-Xán đều chết đuối.

Đến khi Tôn-Sĩ-Nghị bên Tàu sắp đem quân qua cứu viện, thì ở các trấn nhà Lê đã đặt quan chức lại. Vả lại nghe Sĩ-Nghị sắp cử đại binh tiến đánh, Huệ cả giận, muốn ra lệnh cử binh ra Bắc ngay. Các tướng sĩ đều xin chính vị hiệu để cho vững lòng người. Huệ bèn đắp tẽ-dàn ở phía nam núi Ngự-Bình, ngày rằm tháng mười một, tự tôn mình làm đế, cải nguyên là Quang-Trung. Liền ngày ấy phát đại binh cả thủy và lục khải hành. Ngày 20 tháng chạp đến Nghệ-An lưu lại đó mười ngày để tuyển thêm binh lính. Ngày mồng mười tháng giêng đến núi Tam-Điệp. Ngày 13 tháng giêng năm Kỉ-Dậu (1789), quân Nguyễn-Huệ đến Hà-Nội, nhầm lúc nửa đêm, vây quanh đồn, dùng ống truyền thanh hô gọi, nghe tiếng hưởng ứng có mấy vạn người, trong đồn ai nấy đều run sợ, chưa đánh mà đã tự tan chạy. Quân Tây-Sơn thâu hết lương thực, khí giới. Sáng ngày rằm quân Tây-Sơn đến đánh lũy Ngọc-Bội, quân Thanh chống không nổi, các tướng như Hứa-Thể-Hành, Sầm-Nghi-Đống đều bị chết. Sĩ-Nghị ở tại Sa-Châu nghe được tin, cõi ngựa chạy về ngả bắc. Huệ lùa quân vào thành. Chiêu-Thống chạy theo Sĩ-Nghị. Như thế là Lê mất nước, Huệ gồm có cả đất đai của An-Nam.

Vua Thanh được tin Nghị thua chạy, bèn sai Phước-Khương-An sang thay Nghị, để kinh lý việc An-Nam. Vừa lúc ấy, Tả-giang-binh-bị-đạo là Thanh-Hùng-Nghiệp đưa bức thư cho Huệ nói rằng Lê-Duy-Kỳ (Chiêu-Thống) bỏ nước mà chạy, Thiên-triều nhứt định không cho giữ nước An-Nam

nữa. Nên nhân lúc chưa có dụ chỉ vua ban ra, sai người qua cầu xin, có lẽ Thiên-triều ban ơn cho. Huệ được thợ, biết người Thanh có ý muốn giảng hòa. Bèn khiến tướng là Hồ-Hổ-Hầu đem tờ biểu sang Tàu xin làm An-Nam Quốc-Vương. Để Ngô-Văn-Sở giữ Bắc-Thành, còn Huệ thì kéo quân về Nam. Phước-Khương-An đến Việt-Tây, Huệ đem của lót và xin giảng hòa. Huệ bèn cải tên là Quang-Bình, khiến cháu là Nguyễn-Quang-Hiền, bồi-thần là Vũ-Huy-Tấn mang phẩm vật đến Quan-Ải xin qua chầu. Thanh-để y cho, và định đến sang năm cho qua chầu Bắc-triều, Thanh-để phong cho Huệ làm An-Nam Quốc-Vương.

Năm Canh-Tuất (1790), Huệ cho cháu kêu bằng cậu là Phạm-Công-Tri mạo tên mình, đi với Ngô-Văn-Sở, Đặng-Văn-Chấn, Phan-Huy-Ích, v.v... đem đồ lễ phẩm sang chầu, có Phước-Khương-An, Tôn-Vĩnh-Thành bạn tống. Thanh-để khen là trung thành, khi trở về, Thanh-để ban châu báu rất nhiều.

Huệ đã đắc chí, rồi tự ví mình là bậc Đế, lập Ngọc-Hân làm Bắc-cung Hoàng-hậu, con đích là Quang-Toản làm Thái-tử. Nghĩ rằng xứ Nghệ-An là tổ quán, mới đắp thành đất ở dưới núi Kỳ-Lân, xây dựng lâu dài, và gọi là Trung-Đô, cải Thăng-Long làm Bắc-Thành.

Năm Nhâm-Tí (1792), Huệ khiến làm tờ biểu đưa qua Thanh để cầu hôn, nghĩa là để dò ý vua Thanh và nhân đó mà gây việc binh-đao với nước Tàu. Rủi thay, bị bệnh, không làm gì được nữa. Bệnh ngày một thêm nặng, vời Trần-thủ Nghệ-An là Trần-Quang-Diệu về thương nghị việc dời đô ra Nghệ-An. Việc thì chưa định, lại thêm Thế-Tổ nhà

Nguyễn (Gia-Long) đã lấy lại được Bình-Thuận, Bình-Khương, Diên-Khánh, thanh thố lùng-lẫy. Huệ nghe vậy lại càng ưu muộn, bệnh lại nặng thêm. Huệ vời lũ Quang-Diệu vào dặn việc đặt Thái-tử là Quang-Toản nối ngôi. Đến ngày 29 tháng 9 mất. Tiếtm ngôi năm năm, tuổi mới 40, chôn ở phía nam sông Hương-Giang.

TÂY-SƠN-(NGUYỄN-QUANG-TOẢN) 西山(阮光 續)

Con đích tử của Huệ, mẹ họ Phạm, anh em đồng mẫu dị phụ với Bùi-Đắc-Tuyên. Lúc Huệ chết, Toản mới 10 tuổi, vua nhà Thanh phong cho làm An-Nam Quốc-Vương. Năm Nhâm-Tí (1792), cải hiệu là Cảnh-Thạnh. Lên ngôi rồi, sắp đặt công việc trong nước, cho cậu là Bùi-Đắc-Tuyên, làm Thái-sư. Toản tuổi đương nhỏ, chỉ ham chơi-bời, việc gì cũng do Đắc-Tuyên quyết đoán cả. Tuyên tự làm oai phúc, ai ai cũng oán hận. Năm Quý-Sửu (1793), quân Nguyễn vây Qui-Nhơn, Nhạc khiến người ra cáo cấp, Toản sai bọn Phạm-Công-Hưng vào cứu viện, quân Nguyễn phải rút lui. Hưng bèn bức Nhạc mà chiếm cứ lấy thành, Nhạc tức giận rồi chết. Toản phong cho con Nhạc là Bửu làm Hiếu-công, phái người giám hộ.

Từ khi Đắc-Tuyên làm Thái-sư, quyền bính ở trong tay, làm nhiều điều phi pháp, bọn Vũ-Văn-Dõng, Phạm-Công-Hưng, Nguyễn-Văn-Huân đem quân đến vây chùa Thuyền-Lâm (Tuyên lấy chùa Thuyền-Lâm làm phủ đệ mà ở), đêm ấy Tuyên ngủ trong phủ Toản, Dõng đem quân vây phủ, Toản bất đắc dĩ phải bắt Tuyên đưa ra, Dõng bỏ Tuyên vào ngục giam, lại khiến Nguyễn-Văn-Huân lấy binh vây Qui-Nhơn, bắt con Tuyên là Đắc-Trưởng giải về Kinh, kết thành án phản bội, rồi nịch sát (cho chết đuối) cả hai cha con. Toản không ngăn cấm được chỉ khóc mà thôi.

Năm Đinh-Tị (1797), quân Nguyễn đánh Qui-Nhơn, chưa hạ được, mà lại kéo binh thuyền ra Quảng-Nam, Đà-Nẵng, Cầu-Đê, Hải-Vân. Toản khiến Nguyễn-Văn-Huân đem hết cả quân ra cự chiến, và Trần-Quang-Diệu giữ cửa Thuận. Qua mùa Thu quân Nguyễn rút về.

Năm Mậu-Ngọ (1798), Tiểu-triều Nguyễn-Văn-Bửu đánh lấy Qui-Nhơn, rồi sai đem thơ tin với Thể-Tổ, quân Nguyễn chưa ra đến Qui-Nhơn, Toản đã phát binh vây thành bắt Bửu, đem về cho uống thuốc độc giết đi. Rồi khiến Lê-Văn-Thanh giữ Qui-Nhơn.

Năm Kỷ-Tị (1799), quân Nguyễn lại tiến đánh Qui-Nhơn, Lê-Văn-Thanh đóng thành cố thủ. Đợi quân cứu viện không được, Văn-Thanh bèn cùng Thượng-thơ Nguyễn-Đại-Phác, Thiếu-úy Trương-Tiễn-Túy đem thành ra hàng. Họ Nguyễn được thành Qui-Nhơn, bèn đổi tên là Bình-Định thành, để Chưởng-hậu-quân Võ-Tánh, Lễ-bộ Ngô-Tùng-Châu lại làm Trấn-Thủ.

Năm Canh-Thân (1800), Diệu đem bộ binh vào vây thành Qui-Nhơn, khiêu chiến đã nhiều lần. Võ-Tánh đóng riết cửa thành tự thủ. Diệu ở ngoài thành đắp lũy cả tứ phía mà vây. Dỗng thì đem hai chiếc Định-quốc đại thuyền, và hơn trăm chiếc chiến thuyền chặn ngang ở cửa biển Thị-Nại. Hai bên cửa biển, bên tả là Nhãnh-Châu, bên hữu là Tam-Tòa-Sơn, xây hai cái đồn, đặt súng đại-bác trên cao bắn vào, bổ vây thật là nghiêm nhặt. Thể-Tổ suất quân đến cứu viện, quân bộ thì ở đồn Thị-Dạ, quân thủy thì ở ngoài cửa Thị-Nại, như thế là thủy lục không thông với nhau được. Võ-Tánh thì ở trong thành cũng cố thủ để đợi viện binh.

Năm Tân-Dậu (1801), Thanh-Tổ thân đốc thủy quân vào cửa Thị-Nại, khiến Nguyễn-Văn-Trương, Tống-Phước-Lương lãnh tiền đạo vào trước đốt thủy đồn của Tây-Sơn. Lê-Văn-Duyệt, Vũ-Dy-Nguy tiếp theo sau. Đông đốc quân cự chiến, đạn xuồng như mưa. Dy-Nguy ngồi trước mũi thuyền rót xuồng nước chết, quân bị thương và chết rất nhiều. Lê-Văn-Duyệt càng ra sức đốc chiến, nhờ có gió xuôi, đốt cháy hết thuyền của Tây-Sơn, khói lên đen trời. Đông thoát trốn khỏi. Diệu thấy thủy quân thất lợi, lại đắp thêm lũy đất, ụ đất để bắn vào thành, trồng cọc cây chung quanh thành để làm kẽ cắm cự lâu dài. Quân Nguyễn đã đánh mấy tuần nhụt mà không hạ được. Thanh-Tổ bèn lưu bộ tướng Nguyễn-Văn-Thành giữ Thị-Nại để duy trì với Diệu, mà tự đem thủy sư ra thăng Phú-Xuân. Ngày mồng một tháng năm, vào cửa biển Tư-Dung. Phò-mã Tây-Sơn là Nguyễn-Văn-Tri hiến cứ núi Qui-Sơn (tức là núi Linh-Thái), đóng cọc gỗ cù lao. Quân tiền đạo của Nguyễn đánh không nổi. Lê-Văn-Duyệt, Lê-Chất đêm lại đem mấy chục chiếc thuyền vượt ngang qua độn cát, vào đầm Hà-Trung, lén đánh ngả sau, nhổ các cọc gỗ mà rượt tới, Tri thất kinh, quân sĩ tan chạy. Đại binh tới phá Hà-Trung, bắt được Tri và Đô-đốc Phan-Văn-Sách, quân đầu hàng độ năm trăm người. Đại quân tiến tới cửa Hòa-Duân, Toản đem hết quân chúng ra cự thủ. Quân Nguyễn thừa thăng tiến nữa, Toản bèn bỏ chạy. Đại binh thăng lên Kinh-Đô. Qua ngày mồng ba Toản mang đồ bửu khí chạy ra Bắc, mà để đồ sắc ấn của triều Thanh cho lúc trước ở lại Huế, không đem đi theo. Vừa qua khỏi cầu Phú-Xuân vài dặm thì quân lính tú tán cả, bèn cùng em là Quang-Thiều,

Quang-Khánh, Đại-tư-mã Tú, Đô đốc Trử cõi ngựa chạy thẳng ra Đồng-Hới, chạy cả ngày liền đêm, đến ngày mồng năm qua đò sông Gianh, quân Nguyễn đuổi theo không kịp. Đến Nghệ-An ở lại ít ngày, nhưng dấu không nỗi việc đó. Sau lại lấy trạm chạy thẳng ra Thanh-Hóa, phi báo với Quang-Thùy (khi Quang-Toản mới lên ngôi phong cho Thùy làm Khương-Công, Tiết-chẽ Bắc biên hủy bộ chư dinh, kiêm tổng binh-dân thứ vụ) đem binh vào rước.

Lấy được Phú-Xuân rồi, Thể-Tổ khiến Lê-Văn-Duyệt, Lê-Chất, Tống-Viết-Phước vào cứu viện Bình-Định, quân đi chưa tới, thì trong ấy lương thực hết, Lưu-trấn Võ-Tánh, Hiệp-trấn Ngô-Tùng-Châu đều chết. Diệu và Dũng chiếm cứ thành lại, rồi cho Đại-đô-đốc Trương-Phước-Phùng, Tư-khẩu Định đem binh theo đường thượng-du ra viện Phú-Xuân. Phùng hết lương thực, đến Tả-Trạch-Nguyên thì đầu hàng quân Nguyễn. Định tới Cao-Đôi, đánh thua chạy, rồi chết trong xứ Mọi.

Hạ tuần tháng năm, Toản đến Bắc-Thành, ở tại phủ-đệ Quang-Thùy, cải hiệu là Bửu-Hưng nguyên niên, sắp đặt việc chính trị, sai bọn Nguyễn-Đăng-Sở qua Thanh nạp cống hằng năm và xin viện binh nữa. Lúc ấy sứ Nguyễn là Trịnh-Hoài-Đức đã sang Quảng-Đông nạp sắc ấn của Tây-Sơn, vua Gia-Khánh thâu nạp mà đuổi bọn Đăng-Sở về. Tháng tám, Toản cho em là Quang-Thùy đả điểm binh mã vào đồn trú và trấn xứ Nghệ-An. Tháng mười một, Toản để Quang-Thiếu, Quang-Khánh ở lại giữ Bắc thành, còn tự mình dẫn quân bốn trấn cùng quân Thanh-Nghệ vào Nam. Vợ Diệu là Bùi-Thị-Xuân suất thủ hạ năm nghìn người đi theo. Tiết-chẽ

Thùy, Tổng-quản Siêu vào đánh lũy Trấn-Ninh (tức là Quảng-Bình quan), Tư-lệ Tuyết, Đô-đốc Nguyễn-Văn-Kiên đánh lũy Đầu-Mâu. Thiếu-úy Đặng-Văn-Đăng, Đô-đốc Lục liên kết thuyền tàu-ô hơn trăm chiếc, giăng ngoài biển trước cửa Sông-Gianh, quân thẽ rất mạnh. Quân Nguyễn lui giữ Đồng Hới.

Ngày mười ba, Toản đem hết quân chúng qua Sông-Gianh. Thẽ Tổ lúc ấy thân chinh, trú tại Đồng-Hới, khiến Phạm-Văn-Nhơn, Đặng-Trần-Thường đem bộ binh, Nguyễn-Văn-Trương đem thủy binh, phân đạo để cự chiến.

Mồng một tháng Giêng năm Nhâm-Tuất (1802), Quang-Thùy đem binh đánh lũy Trấn-Ninh, quân Nguyễn khai lũy đánh đuổi được. Toản lại dẫn tất cả quân chúng đánh lũy Đầu-Mâu, chúng xông trèo lên lũy, bên quân Nguyễn lấy súng đại-bác bắn, và ném đá xuống. làm cho chúng bị thương và chết rất nhiều. Toản sợ, muốn rút lui, Thị-Xuân xin cỗ trì lại đánh. Đánh từ buổi mai đến trưa chưa chịu lui. Vừa nghe được tin thủy binh Tây-Sơn bị Nguyễn-Văn-Trương đánh úp, thì thất kinh chạy tan rã cả. Ngày mồng hai, Toản chạy qua Đông-Cao, qua Sông-Gianh, chạy ra Bắc, những kẻ tùng giả mười phần chỉ còn một vài phần. Những thuyền chở lương thực, quân tư, khí giới đều bị quân Nguyễn lấy cả. Quang-Thùy đến Sông-Gianh bị quân Nguyễn đón lại, không qua được, phải theo đường núi đi hơn một tuần nhật mới đến Nghệ-An gặp Toản, rồi hai anh em chạy ra Bắc.

Lúc bấy giờ quân Nguyễn đã qua Sông Gianh, tới đánh đồn Tam-Hợp ở Bắc-Bố-Chính, lấy được. Thủy quân của

Nguyễn-Văn-Trương đến cửa Đơn-Nhai, đánh phá đồn bảo Tây-Sơn. Bộ quân của Lê-Duyệt, Lê-Chất đến sông Thanh-Long, cướp kho lúa ở Kỳ-Lân (thuộc Nghệ-An). Tây-Sơn trấn-thủ Nguyễn-Văn-Thân, Hiệp-Trấn Nguyễn-Triêm, Thủy-quân Thống-lãnh Đội, Thiếu-úy Đăng bỏ thành chạy về đồn Tiên-Lý (tức là Phủ-Diễn-Châu). Triêm tự ải chết, Thân chạy ra Thanh-Hóa. Quân Nguyễn lấy được Nghệ-An, sắp đặt quan lại, coi việc cai trị. Diệu từ Qui-Hợp đi xuống Hương-Sơn. nghe Nghệ-An bị thất-thủ, bèn qua Thanh-Chương, qua sông Thanh-Long, những kẻ tùng giá trốn đi lẩn lẩn gần hết. Diệu và vợ là Thị-Xuân đều bị quân Nguyễn bắt sống. Văn-Dũng cũng bị dân ở Nông-Cống bắt giải về. Đại binh đến Thanh-Hóa, Tây-Sơn Đốc-trấn Quang-Bàn với bọn Thân và Đăng đều tới đầu hàng. Quân Nguyễn thừa thắng đi tới, không ai dám kháng cự lại. Ngày 16 tháng 6, Quang-Toản tự nghĩ không chống được nữa, bèn cùng em là Quang-Thùy, Quang-Thiếu với Tư-mã Nguyễn-Văn-Dũng, Nguyễn-Văn-Tú, Đô-đốc Tư qua sông Nhĩ-Hà chạy về phía bắc. Đến Xương-Giang, đêm nghỉ lại, dân trong làng toan ra bắt, Quang-Thùy tự ải, Tư và người vợ cũng tự ải. Toản thì bị tên dân ở làng Phượng-Nhãn bắt, bỏ vào cũi đưa về Bắc-thành. Ngày 23, chúa Nguyễn vào thành Thăng-Long, văn vũ quan lại các trấn dàn nhau tới trước quân môn đầu thú. Qua mùa đông về Kinh, cáo Miếu hiến phù, những người bắt được đều đem ra theo phép trừng trị. Năm Minh-Mạng thứ mười hai, lại bắt được con của Nhạc là Văn-Đức, Văn-Lương, cháu là Văn-Đầu, đều xử tử. Từ ấy dòng Tây-Sơn không còn sót người nào hết.

Ký chú : Anh em Tây-Sơn phân trị không thống nghiệp nhau : Nhạc nổi từ năm Mậu-Tuất (1778) đến năm Quý-Sửu (1793), được 16 năm. Huệ nổi từ năm Mậu-Thân (1788) đến năm Nhâm-Tí (1792), được 5 năm. Toản nổi từ năm 1793 đến năm Nhâm-Tuất (1802), được 10 năm. Nhưng từ năm Kỷ-Dậu (1789) nhà Lê mất, Huệ mới chiếm cứ cả toàn quốc. Vậy lấy năm mà tính, đến năm Nhâm-Tuất Toản bị bắt, thì chỉ được 14 năm thôi.

TẤT-(ĐẶNG) 悉(鄧)

Người ở Can-Lộc, Hà-Tĩnh, quan nhà Trần, trước kia hàng Minh, được làm Đại-tri-châu. Gặp khi Trương-Phụ trở về Tàu, Trần-Giản-Định-Đẽ, nổi binh ở Mô-độ (thuộc huyện Yên-Mộ, Ninh Bình), bị người Minh đánh, thua chạy vào Nghệ-An. Tất nghe được, bèn giết quan Minh, đem quân vào với Giản-Định-Đẽ, dâng người con gái vào hậu cung. Để phong cho tước Quốc-công, cùng lo việc khôi phục. Tất đánh giết được hàng tướng nhà Minh là Phạm-Thế-Căng ở cửa Nhựt-Lê.

Giản-Định-Đẽ hội tất cả quân Thuận-Hóa, Tân-Bình, Nghệ-An, Diễn-Châu, Thanh-Hóa, rồi tiến ra Đông-Đô. Quân ra đến Trường-An (Ninh-Bình), thì các quan liêu và những kẻ hào kiệt ở các nơi đến hưởng ứng rất nhiều.

Vua Minh sai Mộc-Thành đem 5 vạn quân ở Vân-Nam sang đánh. Mộc-Thành cùng với quan Đô-chưởng là Lữ-Nghi vào đến bến Bô-Cô (thuộc xã Hiếu-Cổ, huyện Phong-Dinh) thì gặp quân nhà Trần. Hai bên giao chiến. Vua Giản-Định tự cầm trống thúc quân, tướng sĩ ai nấy hết sức xung đột, từ giờ Tị đến giờ Thân, phá tan được quân Minh, chém Lữ-Nghi ở trận tiền và đuổi Mộc-Thành đến thành Cổ-Lộng (thành của người Minh xây, bây giờ ở làng Bình-Cách, huyện Ý-Yên).

Khi ấy vua Giản-Định muốn thừa thắng đánh luôn ra để lấy lại Đông-Quan (tức là Đông-Đô, Hà-Nội). Nhưng Đặng-Tất ngăn lại, muốn để đợi quân các Lộ về đã, rồi sẽ đánh.

Lúc ấy Mộc-Thành trở về Đông-Quan. Tất cả chia quân vây cả các thành, truyền hịch cho các Lộ ra đánh. Sau đó vài tháng, bị tên Nguyễn-Quí và Nguyễn-Mộng-Trang gièm với vua rằng Tất chuyên quyền dữ đoạt, không tính trước, sợ sau khó trị. Giản-Định đế bèn giết Đặng-Tất.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Cam chiến giang tiền tặc thề cô,
Đông-Quan bắt thủ, thủ sàm phu.
Quân vương tự thị trừ Minh sách,
Tảo sử Ngô-Tư khuất chúc lâu.*

Dịch nôm :

*Đánh riết bên sông, giặc chạy tan,
Nghe gièm nên nỗi bỏ Đông-Quan.
Nhà vua ý có mưu trừ Bắc,
Bèn khiến Ngô-Tư phải thác oan.* ⁴³

TIÊM-(BÙI-SĨ) 邊(裴仕)

Người ở Kinh-Lũ, Đông-Quan, lúc trẻ đã có tiếng tài trí hơn người. Đậu Tiến-sĩ đời Dũ-Tông (1705). Tính khẳng khái, cương trực. Đời Hôn-Đức-Công (Đỗ Duy-Phường), ông làm Thái-thường-tự-khanh. Nguyên con trưởng vua Dũ-Tông là Duy-Tường, ở Đông-cung đã hơn mươi năm, mà Trịnh-Cương, vì cớ rằng em Duy-Tường là Duy-Phương là con của một bà họ Trịnh sinh ra, cho nên mưu lập làm Thái-tử. Rồi bắt Dũ-Tông trao ngôi cho Thái-tử. Các quan tại triều không ai dám nói cả. Chưa được bao lâu, Cương chết, con là Giang tập vị. Tể-thần là Nguyễn-Công-Khang vì họ Trịnh mà lập mưu, thay đổi chế độ, để cho mạnh tư gia họ Trịnh. Sĩ-Tiêm điều trần mười điều. Điều thứ nhứt nói gần đây việc vua truyền ngôi, không biết có phải vì vua mệt thật lòng phó thác không. Che mắt thiên hạ lâu sao cho được. Cho nên gần đây thiên tai địa biến thường thấy hiện ra, việc triều chính phải nên sửa đổi lại, v.v... Chín điều cũng nói thời sự, đại khái như thế cả.

Giang tức giận, đoạt quan tước của Sĩ-Tiêm, cho về nhà quê ở. Lê-Trọng-Thứ nói rằng đuổi Sĩ-Tiêm về là không đáng tội, cũng bị bắt giam. Sau đó Giang thấy Duy-Phường dâm ngược, rồi phế làm Hôn-đức-công, rước Duy-Tường lập lên ấy là Thuận-Tông.

Đời vua Hiển-Tông, niên hiệu Cảnh-Hưng năm đầu (1740) truy phục chức hàm của Sĩ-Tiêm, tặng hàm Tham-chính Trung-tiết-hầu.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Bách niên văn vũ Trịnh gia thần,
Thập sự duy năng xúc nghịch lân.
Để tử tha triêu hoàn tác đế,
Qui điền diệc hạnh xỉ nhàn dân.*

Dịch nôm :

*Tớ tôi nhà Trịnh đã lâu ngày,
Mười việc điều trần chẳng sợ ngay.
Con chúa rồi sau làm được chúa,
Vẽ vườn thong-thả cũng là may.*

TIẾN-(NGUYỄN-HỮU)

Tổ tiên nguyên ở Ngọc-Sơn, Thanh-Hóa, sau dời vào ở huyện Bồng-Sơn, Bình-Định. Trạng mạo khôi ngô, nhà nghèo đi làm mướn với người ta, tính trầm nghị, có đại chí, thường nói với người ta rằng : Nếu ta gặp thời thì ra dẹp loạn, để tỏ tài ta. Ai nghe cũng nói rằng người si. Năm Tân-Vị (1631), Nội-tán Đào-Duy-Từ tiến cử ông lên, Hi-tông-hiếu-văn cho làm Đội-trưởng, rồi thăng Cai-đội. Năm Mậu-Tí (1648), quân Trịnh vào đánh cửa Nhụt-Lệ. Hữu-Tiến ra đánh, đuổi quân Trịnh ra đến sông Gianh, rồi trở vào. Ông lãnh binh ba nghìn đóng đồn tại Vũ-Xá để phòng bị, gọi là Lưu-đồn-đạo (tục gọi là Dinh-mười). Ông cùng Nguyễn-Hữu-Dật đồng thời đánh với quân Trịnh, làm cho Trịnh phải thua nhiều trận rất to. Đương thời gọi hai ông Tiến và Dật là hai hổ tướng. Năm Nhâm-Dần (1662), ông cùng Hữu-Dật đắp lũy Trần-Ninh, đến mấy tháng mới xong, từ đó biên bị rất vững vàng. Năm Bính-Ngọ (1666), ông mắc bệnh rồi mất, thọ 65 tuổi. Tặng hàm Quận-công.

TIẾP-(CHÂU-VĂN) 接(朱文)

Một tên khác gọi là Đoan-Ngạnh, người ở Phù-Mỹ, Bình-Định, dũng-hãn, có tướng tài, vũ nghệ tuyệt luân. Lúc đầu hết làm nghề thương mãi, quen biết với Nguyễn-Nhạc. Năm Quý-Tị (1773), Tây-Sơn nổi dậy, Tiếp cùng anh là Đoan-Chử, em là Đoan-Chân, Đoan-Hãn qua nguồn Hà-Duy tập họp dân chúng hơn nghìn người chiếm giữ núi Trà-Lang, những kẻ hào kiệt về theo cũng nhiều. Lúc bấy giờ anh em Nhạc mới dấy lên, ngoài thì sợ binh họ Trịnh, trong thì sợ binh ở Gia-Định, Nhạc khiến người nhắc đến tình cő cựu, ước hẹn cùng nhau hội binh lại đi rước Đông-Cung-Dương về mà lập. Tiếp chịu hứa lời. Năm Ất-Vị (1775), ra Quảng-Nam rước Đông-Cung, về đến Qui-Nhơn. Nhạc bội ước không chịu lập. Tiếp đem bộ tốt về Phú-Yên, chiếm cứ Trà-Lang để cự với Nhạc, Lưu-thủ Long-Hồ là Tống-Phước-Hiệp, đóng đồn ở Hòn-Khói, Tiếp cho người đến giao thông. Hiệp thua với Diệu-Tông (Hiếu-Định), Duệ-Tông cho Tiếp đem bộ tốt giữ thượng đạo cùng Ngự-Dinh làm thanh ứng, từ ấy quân thế phẫn chấn lén. Năm Bính-Thân (1776), Tây-Sơn vào đánh Gia-Định, Duệ-Tông chạy qua Tam-Phụ, Thể-Tổ (Gia-Long) quyển quốc chính, cho Tiếp làm Khâm-sai Đô-đốc Chưởng-cơ, điều khiển các đạo binh để đánh Tây-Sơn, nhưng quân giặc mạnh và đông hơn, nên phải lui, Tiếp trở về giữ Trà-Lang. Năm Nhâm-Dần (1782), Tây-Sơn vào đánh, Thể-Tổ chạy qua đảo Phú-Quốc, Tiếp đem binh vào cứu viện, cờ đề bốn chữ « Lương sơn tá quốc », cùng các tướng đánh đuổi Tây-Sơn trở về Qui-Nhơn. Tiếp thu phục Sài-Gòn lại, rước

Thế-Tổ trở về. Năm Quý-Mão (1783), Nguyễn-Huệ vào đánh, Tiết dùng hỏa công, bị ngược gió, thất lợi, chạy lui. Thế-Tổ qua Tam-Phụ, Tiết theo đường núi chạy thăng qua Xiêm cầu viện. Vua Xiêm muốn cho binh viện, nhưng chưa nhút định, khiến Tiết đi theo đường núi trở về, vua Xiêm lại sai tướng là Thát-Xỉ-Đa đem binh thuyền mời Thế-Tổ vào nước. Tiết làm tờ mật biểu khiếu người đi theo quân Xiêm đem cho Thế-Tổ, Thế-Tổ được tờ biểu rất mừng, bèn cùng tướng Xiêm hội đàm, rồi qua Xiêm. Vua Xiêm cũng cho người đón Tiết trở về. Thế-Tổ cùng vua Xiêm đương nói chưa xong câu chuyện, vừa Tiết ở ngoài đi vào, ôm đầu gối Thế-Tổ mà khóc nức-nở. Vua Xiêm thấy vậy cũng cảm động mà nói với các bầy tôi rằng : « Chiêu-nam-cốc (tức là Thiên-vương) có tôi như thế, thì ý trời mình cũng hiểu được ». Bèn ước giúp binh cho.

Mùa hạ năm Giáp-Thìn (1784), Thế-Tổ từ Xiêm trở về, vua Xiêm khiếu cháu là Chiêu-Tăng và Chiêu-Sương đem hai vạn quân, ba trăm chiếc thuyền qua cứu viện. Thế-Tổ cho Tiết làm Bình-tây-đại-đô-đốc, điều khiển các đạo quân. Mùa thu năm ấy Tiết suất thủy binh cùng Tây-Sơn đánh ở sông Mâm-Thiết. Tiết nhảy qua bên thuyền Tây-Sơn, bị quân Tây-Sơn lẩy giáo đâm nhầm, Thế-Tổ thúc quân đánh riết, chém viên Chưởng-tiền-bảo của Tây-Sơn. Quân Tây-Sơn chạy về Long-Hồ. Tiết bị thương nặng, bèn la to lên rằng : « Trời chưa cho bình Tây-tặc hay sao ? » Rồi mất. Tặng hàm Tả-quân Đô-đốc-phủ Chưởng-phủ sự, tước Quận-công.

TOẢN-(TRẦN-QUỐC)

Tôn-Thất nhà Trần, cho nên được phong tước là Hoài-Văn-Hầu. Trong khoảng niên hiệu Thiệu-Hưng (1279-1584) đời vua Nhân-Tông, binh nhà Nguyên qua đánh. Vua hội các vương hầu để bàn việc cự chiến. Quốc-Toản lúc bấy giờ mới 15, 16 tuổi cũng theo ra hội, nhưng vì còn nhỏ tuổi không được dự bàn. Ông căm tức lắm, đến nỗi trái cam cầm trong tay bóp vỡ nát bao giờ không biết.

Tan hội về, Quốc-Toản, tự họp những người thân thuộc, sửa đồ khí giới, may lá cờ đề sáu chữ : « Phá cường địch, báo Hoàng ân », rồi đem đi đánh giặc. Đánh đâu quân giặc cũng phải lui. Sau cùng đi với Trần-Quang-Khai phá quân Nguyên ở Chương-Dương. Khi ông mất, vua Nhân-Tông than tiếc, tự làm bài văn tế ông, tặng tước Vương.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Lục tự kỳ khai thích nội tàm,
Vạn phu phi bị chiến phương cam.
Dự tri tảo kiến bình Nguyên tích,
Nhứt tự diên trung thủ toái cam.*

Dịch nôm :

*Cờ đề sáu chữ giải hòn này,
Lăn-lóc muôn quân vẫn đánh say.
Công thăng quân Nguyên đà chắc trước,
Từ khi cam nát ở trong tay.*

TÔ-(NGUYỄN-TRƯỜNG) 祇(阮長)

Cách đây một thế kỷ, ở nước ta có một vỹ nhân, tài trí hơn người, đại học vấn, đại tư tưởng, đại nghị luận, mà đời không biết dùng, rốt cục cứ ôm tài trí ấy mà uất-ức trọn đời, không thi-thố gì được, thật là đáng thương, đáng tiếc không biết dường nào. Vỹ nhân ấy là ai, là Nguyễn-Trường-Tô tiên sinh vậy.

Tiên sinh sinh năm Minh-Mạng thứ 9 (1838), ở thôn Bùi-Chu, huyện Hưng-Nguyên, tỉnh Nghệ-An, lúc nhỏ đã thông minh, thân sinh ông tên Nguyễn-Quang-Thọ, làm thầy thuốc. Năm Thiệu-Trị thứ 7 (1846), học ông tú Giai (không biết họ gì). Hễ đọc một quyển sách gì rồi thì tiên sinh cùng suy cực cứu, gấp nghĩa gì hơi nghi thì hỏi ngay, thầy cũng có chỗ túng, giải thích không được. Năm Tự-Đức thứ tám (1855), theo học ông tri-huyện Địa-linh (không nhớ tên họ là gì). Nhưng lúc bấy giờ tiên sinh đã chán lối học từ chương, muốn tìm chân lý, thường đóng một quyển sổ tay, khi trong lòng nghĩ được điều gì, mắt thầy được việc gì, thì chép ngay vào sổ. Một ngày kia, thầy dắt học trò lên núi Lô-Sơn chơi, các trò kia, người ngâm kẻ vịnh, tiên sinh chỉ ngồi điểm nhiên ngắm nghĩ, rồi thỉnh-lành hỏi các bạn rằng : Núi này cao mấy thước, diện tích mấy tầm, cách núi Song-Ngư mấy trượng ? Bạn không đáp được. Học ba năm chỉ khảo thí một lần, đầu đề bài khảo thí là « Xa giá tây đô Trường-an phú ». Thầy thúc giục lăm, tiên sinh mới làm, khi chấm quyển thì tiên sinh đứng đầu, thầy rất khen ; nhưng mà tiên

sinh đã rõ biết học khoa cử không bổ ích gì trong sự thiết dụng, cho nên không hề để ý đến. Lúc ấy tiên sinh 27 tuổi.

Năm Tự-Đức thứ 11 (1858), nhà-thờ Tân-Ãp rước tiên sinh làm thầy dạy Hán-tự, Ông Giám-mục Ngô-Gia-Hậu thấy tiên sinh thông mẫn bèn dạy chữ và tiếng Pháp cho, và ít món phổ thông khoa học. Học trong hai năm mà đại tiến ích. Năm Tự-Đức thứ 13 (1860), Ngô-Gia-Hậu đem tiên sinh qua Pháp. Đi đến La-Mã, vào yết kiến đức Giáo-Hoàng, rồi đến Ba-Lê, lưu học trong mấy năm, rất tiến ích. Nhân lúc rảnh học, tiên sinh khảo cứu chính trị, học thuật, kỹ nghệ của nước Pháp, rồi trở về nước. Khi tàu đến Hương-Cảng, gặp một Giám-mục người Anh, tình ý tương tự, Giám-mục cầm ở lại đó mấy tháng ; khi từ giã về, Giám-mục tặng cho mấy trăm bộ sách, nhưng khi đi giữa đường, bị quân Tàu-Ô cướp lấy hết, chỉ còn một đôi quyển sách chữ Hán thôi. Lúc ấy tiên sinh đã 33 tuổi.

Tiên sinh du học bên Pháp về, muốn đem cái sở đắc của mình trong sự học văn, kinh-lịch bấy lâu ra giúp nước, để cứu vãn tình thế, nhưng sớ văn điều đối của tiên sinh dâng lên vua Tự-Đức (sớ văn ấy đóng thành một tập lớn hiện trữ tại viện Văn-Hóa ở Huế) không được thái dung, vì lời điều trần không hợp với sở kiến của người đương thời. Rủi thay, tiên sinh lâm bệnh ngày một trầm trọng, đến tháng 10 năm Tự-Đức thứ 24 (1871), tiên sinh tạ thế thọ 41 tuổi.

Than ôi, tiên sinh là một nhà đại văn học, đại chính trị, cũng là một nhà tân học trong thời đại cũ của nước ta, cái tư tưởng của tiên sinh, kiến thức của tiên sinh hơn người đương thời ức vạn phần. Trong lúc quốc dân đương say mê

đường khoa cử, tiên sinh xin bỏ việc khoa cử, trong lúc quốc dân vẫn say mê việc bế môn tự đại (đóng cửa không thèm tiếp đón người ngoài), tiên sinh lại hô hào, chỉ bày đại thể của thiên hạ. Còn như việc nội chính ngoại giao, điều trần mọi việc, mưu kế rất sâu xa, so với các vỹ nhân nước Nhật như Phước-Trạch, Bồ-Sơn thì còn hơn chứ không thua kém gì. Tiếc rằng thời bấy giờ, trên vua thì không biết dùng người, dưới bấy tôi thì ghét kẻ chí hướng khác mình, cho nên lời nói của tiên sinh không trúng dụng, kế hoạch của tiên sinh không thi hành được, tiên sinh đành ôm chí hướng viễn đại ở trong lòng cho đến phút cuối cùng.

Hôm nay, ta thấy non sông như cũ, thành quách khác xưa, ai đi ngang qua nhà cũ của tiên sinh, thấy cây dừa xưa của tiên sinh tự tay trồng lấy, cũng bùi-ngùi than thở mà sinh cảm khái vô cùng vậy.

TU-(VŨ) 聚(武)

Người ở Hoạch-Trạch, Đường-An, đậu tiến-sĩ đời Lê-Thánh-Tông, trong niên hiệu Hồng-Đức, làm quan đến Hình bộ Thị-lang. Tính ông ngay thẳng có tiếng thanh liêm, không khi nào lấy bậy của ai. Một ngày kia, vua Thánh Tông khiển người, đêm đem lụa thử cho ông, ông không lấy. Rồi Thánh Tông khen ông có tiết tháo như người xưa mỏ dạ khước kim (đêm hôm mà không lấy vàng của người). Vua ban cho hai chữ « Liêm tiết » thêu vào mảnh vóc, hễ khi nào vào triều thì mang nơi bâu áo ông, để phân biệt những người khác.

Làm quan đến chức Thị-lang, trong nhà thường không có gạo đủ, mà trong lòng ông cứ vui-vẻ như thường. Ai ai cũng khen là người quân tử.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Khước quyến dao đồng mỏ dạ câm,
Thần tâm như thủy dịu vẫn tâm.
Gia vô đám thạch, di nhiên lạc,
Liêm tiết quan thường hiệp sức khâm.*

Dịch nôm :

*Từ lụa từ vàng cũng đồng nhau,
Lòng tôi như nước sạch lâu-làu.
Nhà không gạo sẵn, lòng vui-vẻ,
Liêm tiết tua thêu đính áo chầu.*

TUÂN-(LÊ-CẢNH) 恂(黎景)

(Không biết người ở đâu). Lúc đầu làm Hạ-trai học sinh với họ Hồ. Khi người Minh đã bổ Bùi-Bá-Kỳ làm chức Tham-Nghị. Cảnh-Tuân làm bức thơ gởi lên cho Bá-Kỳ, trong thơ ấy có thượng, trung, hạ ba sách. Đại lược ông nói : « *Nhà Minh đã có sắc cho ngài đợi con cháu nhà Hồ, rồi lập con cháu họ Trần lên. Nay thấy đặt Bố-chính-ty, trao chức tước cao cho ngài, chỉ cấp người để quét tước miếu thờ họ Trần thôi. Nếu ngài tâu rõ với vua Minh rằng con cháu họ Trần chưa tuyệt, nên ra chiêu sắc khác để phong cho họ Trần lại, ấy là thượng sách. Không được như vậy, thì xin ngài thôi chức ấy đi, để làm quan giữ nhà thờ cho họ Trần, ấy là trung sách. Như ngài muốn giữ chức cao, tham bổng lớn, ấy là hạ sách đó vậy. Như thượng sách mà làm được, thì tôi đây cũng như các vị nhân-sâm, cam-thảo, chỉ-xác, trần-bì trong tủ thuốc để cho ngài dùng. Hay là trung sách làm được, thì tôi cũng muốn hầu hạ hai bên, tùy ngài sai khiến. Còn như hạ sách, thì tôi về trồng rau, câu cá, để cho biết hết ngày trời mà thôi ».* Đến khi người Minh tịch nhà Bá-Kỳ, thấy cái thơ ấy, cho tìm bắt Cảnh-Tuân để hỏi. Vừa gặp lúc loạn-lạc, không biết ông đi đâu, bắt không được. Sau đó người Minh đặt học hiệu ở Giao-Châu, thấy Cảnh-Tuân làm Giáo-thụ, bèn bắt đem về Kim-Lăng, hạ ngục. Con ông là Thái-Diễn, cũng bị bắt theo. Cả hai cha con đều bị bệnh chết ở Kim-Lăng.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Tam sách ân-cần bút thổ hoa,

*Hoàn tương giáo chức phụng Trần gia.
Kim-Lăng nhứt khú, song hồn đoạn,
Vị hướng thâm sơn vấn Mộng-Ba.*

Dịch nôm :

*Lời dâng ba sách thật ân-cần,
Giáo chức rồi theo phép tắc Trần.
Rủi tới Kim-Lăng hai mạng bỏ,
Còn đâu vào núi viếng Bùi-Quân. ⁴⁴*

TUÂN-(NGUY-KHẮC) 循(魏克)

Người ở Xuân-Viện, Hà-Tĩnh, đậu tiến-sĩ khoa Mậu-Tuất (1838), triều Minh-Mạng ; người luyện đạt có thao thủ, trải thờ ba triều (Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức), lịch lỵ mười bốn tỉnh, ở đâu cũng có tiếng tuần lương. Đời Tự-Đức làm Hộ-bộ Thượng-thơ sung Kinh-diên (chầu vua học), kiêm Quốc-sử quản Tổng-tài, kiêm quản Quốc-tử-giám ; khi mất, tặng hàm Hiệp-biện đại-học-sĩ.

TUẤN-(TRẦN-QUỐC) 峻(陳國)

Con ông An-Sinh Vương Liễu, anh vua Thái-Tông nhà Trần. Ông dung mạo khôi ngô, thông minh hơn chúng, học rộng, tài kiêm văn võ.

Đời vua Nhân-Tông, niên hiệu Thiệu-bửu (1279), nhà Nguyên cho Thừa-tướng là Toa-Đô, Thái-tử Thoát-Hoan, và các tướng khác đem binh qua đánh nước ta. Thánh-Tông lúc ấy làm Thái-thượng-hoàng giả ướm hỏi ông rằng : « *Thế giặc quá mạnh, ta nên hàng chăng ?* » Ông thưa rằng : « *Xin chém đầu tôi trước đã, rồi sẽ hàng sau* ». Vua bèn ủy ông tiết-chẽ các đạo quân cả thủy và bộ, hội quân của các vương hầu tại Vạn-Kiếp, đánh với quân nhà Nguyên. Toa-Đô bị thua, Thoát-Hoan và mấy tướng khác đều bỏ chạy, quan quân đuổi theo đánh, quân Nguyên tan rã, giết được tướng là Lý-Thường.

Nhiên hiệu Trùng-Hưng thứ 2 (1286), Nguyên lại cử đại binh sang đánh. Vua vời hỏi kể. Ông thưa : « *Năm nay dễ đánh hơn* ». Ông phân binh đồn thủ các quan ải. Trước hết ông khiến đóng cọc gỗ ở nơi sông Bạch-Đằng, phủ cỏ lên trên. Đợi thủy triều lớn, ra khiêu chiến, quân giặc đuổi theo, khi nước hạ thì thuyền của giặc bị vướng cọc, úp chìm rất nhiều. Bắt được Ô-Mã-Nhi và mấy tướng khác. Vì có công lớn ấy, được gia phong Đại-vương Thượng Quốc-công. Tiếng ông nghe đến bên Tàu. Vua có gọi đến ông, thì xưng là Hưng-Đạo-Vương chứ không gọi tên.

Nguyên ông Liễu (thân sinh ông), vì vua Thái-Tông đoạt vợ mình là Lý Công-chúa (con Lý-Huệ-Tông), mới sinh hiềm khích, trong lòng cứ tức giận. Khi lâm-chung, trối lại với con rắng : « *Con không vì ta mà cướp lấy ngôi, thì ta chết không nhắm mắt* ». Ông lặng để trong lòng, không cho lời trối ấy là phải lẽ. Đến khi thiên hạ loạn lạc, quyền binh về một tay ông cả. Một hôm, ông lấy lời trối của cha khi trước giả cách hỏi con. Người con thứ là Quốc-Tảng thưa rằng : « *Tổng Thái-Tổ là một điền-xá-ông (một người làm ruộng) thừa cơ dấy nghiệp mà còn lấy thiên hạ được...* » Ông liền rút gươm ra kể tội mà mắng : « *Loạn thần sinh ra nơi đứa con bất hiếu* ». Rồi muốn chém Quốc-Tảng, may có người can mới khỏi.

Khi đi hầu vua, ông thường cầm cái mộc trượng, ở đầu có bit mấu sắt. Vì ông vẫn có kỳ tài, lại có cái hiềm khích của An-Sinh-Vương, cho nên chúng nghi, để ý đến, ông bèn vất cái mấu sắt đi, chỉ cầm có cái trượng không. Phàm việc gì ông cũng cẩn thận như thế cả.

Quốc-Tuấn đã là họ thân với nhà vua, có mưu lược về binh cơ, lập được đại công, lại hay vì nước tiến cử người hiền, như Dã-Tượng, Yết-Kiêu là gia thần của ông cả. Các ông Phạm-Ngũ-Lão, Trần-Kiến, Trương-Hán-Siêu, Phạm-Lãm, Trình-Du, Ngô-Thì-Sĩ, Nguyễn-Thế-Trực đều là môn khách của ông, đều có tài văn chương chính sự hơn chúng. Ông thường làm hịch-văn để khích lệ các tướng hiệu. Trong hịch-văn ông dẫn truyện Kỷ-Tín liều thân chịu chết thay cho vua Hán-Cao-Tổ, Do-Tu lấy mình đỡ ngọn dáo cho Chiêu-Vương, v.v... Ông lại soạn Bình-Gia-Diệu-Lý-Yếu-Lược-Thư

để dạy các tùy tướng, v.v... Ông mất rồi linh hiển. Ở Vạn-Kiếp có đèn thờ, cầu gì cũng ứng nghiệm. Khi có việc cản gãy, đến đèn thờ cầu đảo, trong tráp kiểm nghe có tiếng reo, thì đi đánh chắc có thắng lợi.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Vì quốc vong gia quýnh vật tình,
Thủ trung không trượng, vũ công thành.
Hậu lai Bắc lỗ do kinh độn,
Bạch trú phong lôi hạp kiểm minh.*

Dịch nôm :

*Vì nước quên nhà, khác chúng nhiều,
Trượng không tay nắm lúc vào Triều.
Về sau giặc Bắc còn kinh sơ,
Gió sấm ban ngày hộp kiểm reo.*

TÚC-(TRẦN-ĐÌNH) 肅(陳廷)

Người huyện Do-Linh, Quảng-Trị, đậu Hương-tiến năm Thiệu-Trị thứ 2 (1842), làm đến chức Quản-đạo Phú-Yên. Niên-hiệu Tự-Đức năm thứ 12, thăng Hồng-lô-tự khanh, sung Quân-thứ Tán-tương. Khi tỉnh Biên-Hòa thất thủ, Ông bị cách lưu. Năm thứ 15, phục nguyên hàm, làm Biện-lý bộ Hình, rồi sung Dinh-điền-sứ (mộ dân khai khẩn đất hoang ở Thừa-Thiên và Quảng-Trị). Năm thứ 18, gia hàm Hộ bộ thị-lang. Năm thứ 21 (1868), được phái đi công cán ở Hương-Cảng, về lãnh-chức Tuần-vũ Hà-Nội, rồi đổi qua Hưng-Hóa, và Tán-tương Sơn-Tây, Hưng-Yên, Tuyên-Quang quản vụ. Năm thứ 26 (1873), Hà-Nội, Nam-Định, Ninh-Bình thất thủ, nước Pháp sai Ngạc-Nhi (Francis Garnier) sang, là có ý giảng hòa, vua đặc mạng Đinh-Túc lãnh chức Hà-Nội Tổng-đốc, cùng Tuần-vũ Nguyễn-Trọng-Hiệp, án-sát Trương-Gia-Hội tới để nhận thành trì và định thương ước. Đến Hà-Nội, thì hôm sau, quân giặc Cờ-den đánh, Ngạc-Nhi tử trận, người Pháp ngờ quân ta, việc gần hỏng, Đinh-Túc và Trọng-Hiệp lũy lě chống cãi. Vừa lúc ấy Khâm-sai Nguyễn-Văn-Tường cùng quan Thống-binhl Pháp là Sát-Phi-Lác (?) từ Gia-Định ra hội lại, thương nghị được thỏa mãn, rồi định ngày giao thành trì lại cho Nam-triều. Nhờ có công dính điền lúc trước, ông được thiệt-thụ Tổng-đốc. Vì tuổi già và hay có bệnh ông xin về hưu, nhà vua không cho. Năm thứ 33 (1880), ông lại xin nhà vua cho về, nhưng phải lựa người khác thế, rồi cho lãnh nửa lương về nhà. Năm thứ 35, Hà-Nội lại thất thủ, ông lại làm Khâm-sai đại-thần lãnh Hà-Nội

Tổng-đốc, giảng hòa lấy thành trì trở về. Lúc ở Thuận-An có việc rắc rối, ông lãnh chức Lễ bộ Thượng-thơ sung định ước Toàn-quyền Đại-thần, hòa nghị rồi trở về. Niên hiệu Thành-Thái năm thứ 3 (1891), thiệt thụ Hiệp-biện đại-học-sĩ, năm thứ 4 ông mất ở tại nhà. Con là Đình-Phác làm đến chức Hộ bộ đại thần.

TÙNG-(TRỊNH) 松(鄭)

Con thứ của Trịnh Kiểm. Lúc đầu được phong Phước-Lương hầu. Dời Lê-Anh-Tông, niên hiệu Chính-trị năm thứ 12 (1569). Kiểm mất, cho con trưởng là Cối kế giữ quân chúng. Cối ham mê tửu sắc, quân sĩ ly tâm. Tùng cùng Lê-Cập-Đệ lừa đêm đem binh tướng chạy qua An-Trường Hành-tại (chỗ vua ở) yết vua, nhân đó xin vua dời Hành-tại đến Vạn-Lại, phân binh cự thủ. Cối nghe được, dẫn binh đánh lại. Đánh đã nhiều lần, không thắng được, bèn đi đầu hàng họ Mạc. Anh-Tông sắc phong cho Tùng Tiết-chế Trưởng-Quận-công, đốc binh ngự địch. Mạc-Kính-Điển cử binh lại xâm. Tùng chia binh ra phá được, về thăng Thái úy Trưởng-Quốc-Công. Lê-Cập-Đệ mưu giết Tùng, rồi bị Tùng giết. Phan-Đinh-Ngạn tâu với vua rằng : « *Tả-tướng binh quyền thế lớn, Bệ-hạ khó mà chống lại* ». Anh-Tông sợ, chạy vào Nghệ-An, Tùng bèn cùng chư tướng rước con thứ năm vua Anh-Tông là Đàm lên ngôi, ấy là Thế-Tông, rồi sai Tống-Đức-Vi chặn giết Anh-Tông ở Lôi-Dương.

Nhiên hiệu Gia-Thái năm đầu (1573), gia tước cho Tùng là Bình-chương quân-quốc trọng-sự, việc gì cũng tự định đoạt trước rồi tâu vua sau. Tùng thống suất chư quân đánh họ Mạc, phá được nhiều trận. Dời Hành-tại lên Vạn-Lại. Niên hiệu Quang-Hưng năm thứ 14 (1591) Tùng lại nghị cử binh, tự đốc suất chư tướng đến đánh Thăng-Long. Mạc-Kính-Điển bỏ thành chạy, đuổi theo bắt được ở Phượng-Nhãn. Đảng họ Mạc là Kính-Chỉ trở về giữ Thanh-Lâm cũng đánh bắt được. Rước Thái-Tông về Thăng-Long, rồi thăng Tùng

làm Nguyên-súy Thượng-phủ, Bình-an-vương. Thể-Tông băng. Tùng lập con thứ là Duy-Tân lên thay, ấy là Kính-Tông. Tùng khi ấy có công lớn, tóm cả quốc-chính, oai uyển trong tay, làm nhiều điều phi pháp. Kính-Tông cùng con Tùng là Trịnh-Thung mưu để giết Tùng. Tùng biết được bèn khiến con là Trịnh-Tráng vào nô nạt tra hỏi, rồi giết Kính-Tông, rước con trưởng là vua Duy-Kỳ lập lên, ấy là Thần-Tông. Niên hiệu Vĩnh-Tộ năm thứ 5 (1623), Tùng bệnh, cho con là Trịnh-Tráng thay lãnh binh uyển. Con thứ là Trịnh-Thung đem binh đến phá phủ đệ của Tùng, bắt đuổi ra ngoài, đốt cháy nhà cửa mây chõ trong thành. Tùng chạy lên xã Hoàng-Mai, ở Thành-Trì, khiến Bùi-Sĩ-Lâm vào nhà em là Trịnh-Đô, dụ Thung vào rồi giết đi. Tùng trở về đến quán Thanh-Xuân thì chết.

Con Tráng tập vị, tự làm Thanh-đô-vương. Tráng chết, con là Tạc, tự làm Tây-định-vương. Tạc chết, con là Căn, tự làm Định-nam-vương. Căn chết, tằng tôn là Cương, tự làm An-đô-vương. Cương chết, con là Giang, tự làm Thuận-vương. Giang bị phế, con là Dinh, tự là Minh-đô-vương. Dinh chết, con là Sum, tự là Tịnh-dô-vương, đến con Sum là Khải thì hết.

TÙ-(ĐÀO-DUY) 慈(陶維)

Người ở Ngọc-Sơn, Thanh-Hóa, con người con hát tên là Đào-Tá-Hán ; bản tính thông-minh học rộng kinh sử, văn hay lại thông tinh lịch số, ứng thi khoa hương ở triều Lê, các khảo quan nói rằng Duy-Tù là con người bạn hát không cho thi. Từ tức giận trở về. Nghe Thái-Tổ (Nguyễn-Kim) biết thương dân trọng sĩ, những kẻ hào kiệt đều hâm mộ. Ông bèn quyết chí vào Nam. Đi đến Vũ-Xương, ở hơn một tháng mà chưa ai biết mình. Sau nghe rằng ở Qui-Nhơn có ông Khám-Lý là Trần-Đức-Hòa, được chúa thân tín. Từ mới vào, ở chăn trâu cho một người nhà giàu ở Tùng-châu. Một hôm ông chủ nhà đặt tiệc rượu, mời các bạn văn sĩ đến ngâm vịnh chơi vui. Chiều đến Duy-Tù lùa trâu về tay đương cầm cây roi, đứng trước các văn sĩ bàn luận việc cổ kim, kinh sử bách gia, điều gì cũng thông suốt, cử tọa ai cũng kinh ngạc. Ông nhà giàu lấy làm lạ, rồi nói với Đức-Hòa. Đức-Hòa vời Duy-Tù đến nói chuyện, thì thấy người học rộng biết nhiều, bèn đem về nhà nuôi và gả con gái cho. Duy-Tù thường ngâm thiêng Ngao-long-cương làm bằng quốc-âm, mà tự ví mình như Khổng-Minh, Gia-Cát-Lượng. Đức-Hòa thấy rồi nói : « *Duy-Tù e là Ngao-Long đời nay chẳng ?* »

Năm Đinh-Mão (1627), Đức-Hòa tiến cử Duy-Tù. Hi-Tông Hiếu-văn cho làm Nha-úy-nội-tán, trước Lộc-khê-hầu, Mùa đông năm ấy Trịnh-Tráng muôn vào Nam xâm lược, nhưng khiến Nguyễn-Khắc-Minh mang sắc thơ vào tấn phong Hiếu-văn làm Thái-phó Quốc-công, và biểu phải ra Đông-đô để đi đánh giặc. Khắc-Minh đến nơi, Hiếu-văn vời

quần thần vào bàn việc. Duy-Từ nói : « *Đó là Trịnh thị giả mạng Lê để sai khiến ta. Nếu ta nhận chức mà không ra, thì họ có cớ để trách ta, nếu ta không nhận, thì tất họ sẽ động binh, đánh nhau có thể hại đến sinh dân. Huống nữa thành quách ta chưa bền chắc, sĩ tốt ta chưa luyện tập, quân địch lại thì lấy gì mà chống ? Ta hãy chịu lấy cho họ đừng nghi, rồi tự liệu việc phòng thủ và sau sẽ trả chức lại, thì họ không có cớ gì mà nói ta được ».* Hiếu-Văn hậu đãi sứ giả, rồi đưa về.

Duy-Từ khuyên chúa Hiếu-Văn đừng nạp cống thuế cho Trịnh nữa. Chúa lấy làm khó. Duy-Từ nói : « *Tôi có một cách rất hay, tuy khó nhọc một lúc mà yên ổn được lâu dài, nghĩa là xin quân dân hai xứ để đắp một cái lũy dài từ núi Trường-Dục đến bãi cát Hắc-Hải, tùy chỗ mà đặt đồn bảo để phòng bị, tuy quân địch lại, cũng không làm gì được ».* Chúa theo lời của ông.

Năm Canh-Ngọ (1630), phát binh dân đắp lũy Trường-Dục, hơn một tháng thì lũy thành.

Duy-Từ xin chúa làm cái mâm đồng hai đáy, dấu tờ sắc thơ ở trong ấy, dùng vàng lụa phẩm vật, sai Tướng-thần là Lại-Văn-Khuông sung chức tạ ân sứ ra Bắc. Văn-Khuông ra đến Đông-Đô, đem vàng lụa phẩm vật vào dâng, rồi lén đi mất. Đến khi thấy mâm hai đáy, chẻ ra thì thấy tờ sắc thơ và một cái thiếp ở trong. Nơi thiếp có 16 chữ : 矛而無掖, 覓不見跡, 愛落心腸, 力來相敵 « Mâu nhi vô địch, mịch bất kiếp tích, ái lạc tâm trường, lực lai tương địch ». Trịnh-Tráng đưa cho bấy tôi xem, thì không ai hiểu gì hết, Chỉ có Thiếu-úy Phùng-Khắc-Khoan biết, mới cắt nghĩa rằng : Chữ 矛 (mâu)

mà không có phết (ノ) tức là chữ 予 (dư), nghĩa là ta, Chữ 觀 (mịch) mà không có chữ 見 (kiến) tức là chữ 不 (bất) nghĩa là không. Chữ 愛 (ái) mà không chữ 心 (tâm) ở giữa tức là chữ 受 (thụ), nghĩa là chịu, lãnh. Chữ 力 (lực) và chữ 來 (lai) hợp lại thành chữ 勅 (sắc). Đó là lời ẩn ngữ nói : 予不受勅 « Dư bất thụ sắc » (Ta không chịu lãnh sắc văn). Trịnh-Tráng tức giận, sai người đuổi theo bắt Văn-Khuông, thì Khuông đã đi rồi. Văn-Khuông trở về, chúa Hiếu-Văn rất mừng và nói rằng : « *Duy-Từ thật Trương-Lương, Khổng-Minh đời nay vậy* ». Mùa đông năm ấy, ông lại xin phát binh đánh lấy Nam-Bồ-Chính. Chúa bèn sai Nguyễn-Đình-Hùng ra đánh, chém Tri-châu là Nguyễn-Tích, lấy hết đất đến Linh-Giang làm giới hạn.

Năm Tân-Vị (1631), Duy-Từ lại xin đắp một cái lũy từ cửa Nhựt-Lệ đến núi Đâu-Mâu, chúa Hiếu-Văn mới cho Duy-Từ cùng với Nguyễn-Hữu-Dật đốc công, trong mấy tháng thì lũy thành, gọi tên là Lũy-Thầy, tức là Định-Bắc-Trường-Thành ngày nay. Lũy cao một trượng năm thước, dài hơn ba nghìn trượng thật là chỗ ách-tắc lớn ngăn chia Nam và Bắc. Cũng trong năm ấy, ông tiến cử Nguyễn-Hữu-Tiễn.

Mùa đông năm Giáp-Tuất (1634), Duy-Từ bệnh nặng, chúa đến thăm, ông khóc mà nói rằng : « *Tôi tao ngộ thánh minh, mấy may chưa báo, nay đã như vậy, còn nói chi nữa* ». Ông mất, thọ 61 tuổi. Chúa than thở thương tiếc không nguôi, tặng Hiệp mưu-đồng-đức công thần, đặc-tiễn-trụ-quốc Kim-tử-vinh-lộc đại-phu, Lộc-khê-hầu.

TƯỚC-(PHAN-THIÊN) 爵(潘天)

Người ở Vũ-Ninh (tức là Vũ.Giang ngày nay) ; tính cương trực khẳng-khai, xuất thân văn học. Đời vua Lê Thái-Tổ, làm chức Đài-gián. Triều Thái-tông, thăng Thị-ngự-sử. Thái-Tông lúc mới lên ngôi, chơi-bời với những người hầu hạ hai bên, và có tính buông lung, không câu thúc. Thiên-Tước cùng với Điện-trung Thị-ngự-sử là Lương-Thiên-Phước, Giám-sát-ngự-sử là Nguyễn-Chiêu-Phủ dâng sớ can, Lời sớ rằng : « *Tiên-đế ta chải gió dầm mưa mới định được thiên-hạ. Nay Bệ-hạ nỗi lấy nghiệp cả, phải nên lưu tâm học tập, cầu việc cầu hiền, để lo việc nước. Đại-thần cử Thiếu-bảo vào chầu học, bệ-hạ đứng dậy mà không thèm nghe, ấy là điều sai thứ nhứt. Tiên-đế chọn người làm mẫu-sư, để dạy trong cung, bệ-hạ khinh lòn mà không ngó lại, ấy là điều sai thứ hai. Bà Thân-phi và Huệ-phi là bậcdì, vào để dạy-dỗ, bệ-hạ truyền đóng cửa không cho vào, ấy là điều sai thứ ba. Các viên quản lanh ở chầu bệ-hạ, thấy bệ-hạ không đọc sách, mà lại cầm cung bắn chim, hoặc có viên can gián, Bệ-hạ cũng không thèm nghe, ấy là điều sai thứ tư. Tiên-đế chọn con em các bậc công-thần để vào chầu học, bệ-hạ lại lơ xa đi, mà chơi với những người hầu-hạ ở trong cung, ấy là điều sai thứ năm. Vả chăng ông vua thì phải chọn những người hiền tài, hay nói thẳng và kẻ có công để thưởng ; nay bệ-hạ trở lại chơi với bọn Hoạn-quan, rồi thưởng cho chúng nó, ấy là điều sai thứ sáu. Chúng tôi xin bệ-bạ lúc ra Triều, hoặc khi tiếp các đại thần, hoặc khi nghe quan-thần tâu việc, thì hình dung phải nghiêm chỉnh, diện mạo phải đoan* »

trang, kính lễ các đại thần, ủy lạo kẻ có công, nghe lời can gián, để khai ngôn lộ và đạt hạ tình, thì cái hiểu kế chí thuật sự cũng không thua gì vua Thái-Giáp, vua Thành-Thang ngày xưa vậy ».

Thái-Tông thấy tờ sớ giận lắm, rồi cho người ra trách quở. Thiên-Tước nói : « *Đạo làm tôi trọng lại thương vua, phải hết chức phận, chết cũng không lo gì* ». Vua bèn nguôi giận.

Năm thứ 2 (1435) nghĩ việc chia đất trồng dâu cho quân dân làm thường nghiệp khỏi nộp thuế, mà không nghĩ đến những kẻ quan quả (quan là đàn ông không có vợ, quả là đàn bà không có chồng). Thiên-Tước nói : « *Quan quả là những kẻ nhà nước phải thương, nay làm ơn cho quân dân, mà chúng không dự đến, vậy chúng không phải dân của vua hay sao ?* » Khi ấy mới cho những kẻ quan quả mỗi người khỏi thuế ba sào.

Ông lại làm sớ hạch quan Tư-đồ là Lê-Thụ, đương ở tang mà cưới vợ, làm nhà cửa, lầu đài, v.v... Lúc bấy giờ các đại thần cũng hay dùng quân nhân về làm nhà cửa riêng cho mình, vua mới khiến Thiên-Tước đi khám xét cả, và nhân đó vua lại nói rằng : « *Các đại thần đều không làm như thế cả sao, mà ngươi chỉ hạch một mình Lê-Thụ là sao vậy ?* » Tước tâu : « *Chúng tôi tưởng các đại thần là bậc lớn, làm việc gì cũng phải noi theo lễ phép, nay đã như thế, nên chúng tôi phải nói. Vả Lê-Thụ còn có các việc khác nữa, cho nên phải nói luôn. Nay bệ-hạ sai tôi xem xét đệ-trach của các quan, tôi dám không hết chức phận đâu* ». Sau đó ông dâng sớ hạch các quan làm nhà mới, từ Tham-tri Lê-Định

trở xuống là hơn hai mươi ông. Thái-Tông tuy không cùng cứu, nhưng vẫn khen ông là trực.

Các đại thần xin đem Nguyễn-Trại, Trình-Thuấn-Du vào chầu vua học, Thái-Tông không chịu. Ông Tước lại dâng sớ nói rằng : « *Sinh trí ai bằng vua Nghiêu, vua Thuấn, mà còn dùng ông Quân-Trù, ông Thành-Chiêu làm thầy* (Ngoại sử kỷ : *Vua Nghiêu học ông Quân-Trù, vua Thuấn học ông Tụ-Thành-Chiêu*). Các bậc đế vương đời xưa, tăng ích được thánh đức không bao giờ không bởi sự học vấn. Nay bệ-hạ xuân thu đương thịnh (tuổi còn trẻ), trị đạo xưa nay chưa biết đủ. Các đại thần xin đem nho thần vào chầu học, là muốn bệ-hạ trở nên Nghiêu, Thuấn, sao lại không nghĩ xã-tắc mà lại trái lòng trung thành của bầy tôi ? » Đến việc cõi voi, đầu đê, ông đều tùy việc can gián cả.

Thái-Tông thấy ông nghiêm cũng nể. Ông làm chỉ đến chức Trung-thừa.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thiệu-binh chính tích quý trung tài,
Tận lực hồi thiên tể nộ lôi ?
Thiết sử ngạn di vô thủ lão,
Nguy cơ bất đãi Lệ-Chi lai.*

Dịch nôm :

*Thiệu-bình việc chính có hay gì,
Hết sức can ngăn, chúa dẹp uy,
Trời nếu chẳng dành ông sót lại,
Chờ đâu vườn Vải mới lâm nguy.* 45

THÀNH-(NGUYỄN-VĂN) 誠(阮文)

Người huyện Quảng-Điền, Thừa-Thiên, con của Cai-cơ Nguyễn-Văn-Hiền. Lúc họ Nguyễn Trung-hưng, theo Thế-Tổ (Gia-Long) đi đánh dẹp, có công Vọng-Các (công thần theo Thế-Tổ qua Bang-Kock, kinh đô nước Xiêm) làm dần lên đến chức Tiền-chi Hiệu-úy, có nhiều chiến công, thăng Chưởng Tiền-phong-dinh, rồi qua Chưởng Tiền-quân-dinh. Khi Thế-Tổ thân đóng thuyền sư ra lấy Phú-Xuân, lưu Văn-Thành đồn ở Thị Dạ, cùng tướng Tây-Sơn là Trần-Quang-Diệu chống giữ có công lo, phong Bình-tây đại Tướng quân, quận công.

Năm Nhâm-Tuất (1802), làm Tổng-trấn Bắc-thành, được tám năm, vời về Kinh, giữ chức Trung-quân. Niên hiệu Gia-Long thứ 15 (1816), vì tội án của người con là Nguyễn-Thuyên, ấn thụ Chưởng-Trung-quân của ông bị thu hồi, qua năm sau, ông uống thuốc tự tận.

Nguyễn-Văn-Thành, đủ văn vũ tài lược, khi lâm trận dụng binh, trù hoạch rồi mới ra đánh, cho nên ít khi bị thua, Đời Nguyễn Trung-hưng, công ông rất lớn, Đến khi Bắc-Hà đã định, thì ông một mình đương lấy trọng trấn, điều trấn các việc đều thi dụng được cả, thật là có tài kinh quốc, chỉ vì tự ý công cao, hanh-hanh tự dụng, nên mới thất bại. Ngục án của Thuyên mà lây đến ông, cũng vì có nhiều kẻ thù oán mà thêu dệt thành ra vậy. Đến năm Tự Đức thứ 21 (1868), nhờ có Đông-các Đại-học-sĩ Vũ-Xuân-Cẩn tâu lên, mới được truy phục Vọng-Các công thần, Chưởng Trung-

quân, Bình-Tây đại-tướng, Quận-công, thờ vào miếu Trung-Hưng công-thần.

THÀNH-(TÔ-HIẾN) 誠(蘇憲)

(Không rõ người ở đâu) Lúc trẻ đã có văn vũ tài lược. Đời vua Lý Anh-Tông, làm chức Thái-phó dự vào việc binh, Trong khoảng niên hiệu Đại-Định (1140-1156), bắt được tên giặc là Thân-Lợi, phá giặc ở Ngưu-Hỗng (tên đất mường, nay thuộc tỉnh Hưng-Yên), và ở Ai-Lao (tức là nước Vạn-Tượng), thăng chức Thái-úy, rồi lên chức Đại-tướng.

Thái-tử con vua Anh-Tông là Long-Xưởng có tội, phế làm thứ nhân, lập thứ tử là Long-Cán làm Thái-tử và ủy Hiển-Thành làm Phụ-đạo Đông-cung. Anh-Tông băng, di chiếu cho ông phụ-đạo Thái-tử, và ủy ông quyết đoán các việc trong nước. Bà Linh-Chiêu Thái-hậu (vợ của Anh-Tông) muốn lập Thái-tử Long-Xưởng, lấy vàng lót cho bà vợ ông Hiển-Thành. Hiển-Thành nói : « *Ta là bậc đại thần, vâng mạng Tiên-đế phụ Thái-tử, nay lại ăn của lót mà làm việc phế lập, mặt mũi nào mà gặp Tiên-đế dưới cửa tuyển ?* » Bà Hậu lại vời ông vào, dỗ dành trăm chiêu, thì ông thưa rằng : « *Bất nghĩa mà giàu sang, kẻ trung thần nghĩa sĩ không đời nào làm, há lại không nghe việc ông Y ông Hoác hay sao ?* » (Y-Doãn phụ vua Thành-Tương, Hoác-Quang phụ vua Chiêu-đế), Ông không chịu nghe lời bà Thái-hậu. Việc ấy rồi im đi.

Cao-Tông (Long-Cán) lên ngôi, nghĩ ông có công phù lập, thăng ông lên chức Thái-úy, lãnh Cấm-binh.

Ông Hiển-Thành làm việc, hiệu lệnh nghiêm, thường phạt minh, ai cũng kính phục. Phụ chính được 4 năm thì ông mất.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Nghĩa trọng tài khinh thị trượng phu,

Y, Chu tâm tích thế gian vô.

Lâm chung nhứt ngữ do kim thạch,

Tinh nhựt tranh huy Tứ-phụ đồ.

Dịch nôm :

Trọng nghĩa khinh tài, đặng trượng-phu,

Trong đời ít có bật Y, Chu.

Lâm chung còn để lời vàng đá, ⁴⁶

Rực-rỡ chen vai Tứ-phụ-đồ. ⁴⁷

THÀNH-(TRẦN-TIỄN) 誠(陳踐)

Tổ tiên nguyên người ở Phúc-Kiến bên Tàu, làm quan triều Minh, đến đời Thanh, tránh qua Việt-Nam, ở làng Minh-Hương, huyện Hương-Trà Thừa-Thiên. Ông lúc nhỏ, dĩnh ngộ, có khí thức, siêng học. Niên hiệu Minh-Mạng năm thứ 19 (1838), đậu Tiến-sĩ. Dời Triệu-trị, làm đến Án-sát-sứ tỉnh Thanh-Hóa. Dời Tự-Đức, thăng Công bộ Thượng-thơ, kiêm Thuận-An-Tân Đốc-phòng, rồi đổi qua bộ Hộ, sung Cơ-mật-viện đại-thần. Năm Tự-Đức thứ 17 (1864), viên Toàn-quyền nước Pháp Hà-Ba-Lý (?) tới Kinh, ông sung chức Khâm-sai Toàn-quyền Phó-sứ để hội định hiệp ước, ông được thiêt thụ Hiệp-biện đại-học-sĩ. Vừa gặp lúc ba tỉnh Vĩnh-Long, Định-Tường, Hà-Tiên có việc rắc-rối, ông sung chức Khâm-sai Đại thần vào Gia-Định để thương-thuyết với Nguyên-súy Pháp ; thương thuyết không có hiệu quả, bị giáng xuống hàm Tham-tri. Rồi đinh gian (có tang) bà mẹ, nên xin về nghỉ. Chưa được bao lâu, thăng Văn-minh đien Đại-học-sĩ. Năm Tự-Đức thứ 36 (1883), thụ di chiếu, Hoàng-trưởng-tử Thụy-Quốc-công nối lên (tức là vua Tự-Đức), Tiễn-thành, Nguyễn-Văn-Tường, Tôn-Thất-Thuyết đều sung chức Phụ-chính đại thần. Đến ngày tân tôn, vì trong di chiếu có một đoạn khiển trách tự-quân (Dục-Đức), tính không lương thiện, ham mê tửu sắc, v.v... Tự-Quân vời các quan Phụ-chính vào bàn. Ông Tường và ông Thuyết đều nói rằng : « Cái ấy tùy Ngài định lấy ». Khi tuyên đọc chiếu văn, đến đoạn ấy, Tiễn-Thành đọc nhỏ tiếng lại, có ý hồi-hộ. Hai ông Tường và Thuyết lấy điều ấy làm cớ, mà muốn phế

tự-quân. Lúc bấy giờ hai ông ấy sẵn có binh quyền trong tay, đình-thần không ai dám nói câu gì cả, Tiễn-Thành cũng phải chịu theo.

Phế-đế, Lãng-Quốc Công, tức là vua Hiệp-Hòa lập lên, thăng ông chức Thái-bảo Căn-chính-điện Đại-học-sĩ, ông hết sức từ mà không được. Đoạn rồi Khoa-Đạo dâng sớ hạch tội ông lúc tuyên đọc tờ di chiếu có bỏ một đoạn. Việc ấy giao cho đình-thần nghị, ông bị giáng hai cấp. Ông bèn nói trong mình có bệnh, từ chức Cơ-mật về ở nhà riêng nơi Chợ-Dinh (Đường Gia-Hội). Đến khi hai ông, Tường và Thuyết mưu việc phế vua (Hiệp-Hòa), bàn với ông thì ông không đồng ý. Hai ông Tường và Thuyết ngờ và ghét ông. Đêm đó có kẻ hung đột tới nhà giết ông, ai cũng nghi hai ông ấy sử, nhưng không dám nói. Ông bị hại rồi, hai ông ấy xin giáng ông xuống hàm Binh bộ Thượng-thơ, đến đời Đồng-Khánh mới cho phục nguyên hàm lại.

Tiễn-Thành ra hành chính hơn bốn mươi năm, vị đến Thủ-tướng mà như kẻ hàn tố, lại hay vị nước tiến hiền, dùng người giỏi để thờ vua, ai cũng phục là có độ lượng bậc đại thần, đến lúc tuổi già mà gặp việc rủi-ro như thế, ai cũng lấy làm tiếc.

THẬN-(ĐỊNH-NHỰT)

Người huyện Thanh-Chương, Nghệ-An, năm Minh-Mạng thứ 19 (1838), đậu tiến-sĩ, quan đến Tri-phủ, vì có lỗi bị cách chức. Ông tính rất thông mãn, sách xem qua thì nhớ cả, nắm bút thì ra văn, chẳng đợi nghĩ ngợi sắp đặt gì hối. Lúc ở Kinh, có người muốn thử tài ông, giao cho ông một quyển tự-điển, khiếu về đọc thuộc lòng, ông nhận lời. Đến hôm sau, ông đem sách trả, người ấy trích ra từng chỗ mà hỏi, thì chỗ nào ông cũng đọc nhớ cả. Người ấy lấy làm lạ mà khen lắm. Ông có làm quyển « Thu Dạ Lữ Hoài Ngâm » để lại.

THẬN-(LÊ-BÁ) 慎(黎伯)

Tên chữ là Thẩm-Chi, người làng Phú-Xuân, huyện Hương-Trà, Thừa-Thiên. Đậu Phó-bảng năm Tự-Đức năm đầu (1848), thăng dần lên đến chức Binh bộ Tham-tri, cải Đô-sát-viện Tả-phó-đô Ngự-sử. Năm thứ 21, sung chức Ninh-Thái đạo Tham-tán, đánh đuổi giặc Khách, thăng Binh bộ Thượng-thơ. Khi thành Thanh-Hóa bị thất thủ, giáng làm Bố-chính Thái-Nguyên, rồi đổi về Thị-lang bộ Lễ, sau lại thụ hàm Thượng-thơ. Lúc ấy ở Hà-Tĩnh có tên Trần-Quang-Hoàng nổi biến, đánh lấy tỉnh thành, Bá-Thận làm Tổng-đốc quân vụ cùng Hiệp-đốc là Vũ-Lữ đem binh thuyền qua sông Gianh bình tiễn. Khi đến nơi ông cùng Khâm-sai Nguyễn-Văn-Tường tới đánh lấy thành lại, về thăng thụ Hiệp-biện đại-học-sĩ, lãnh Lễ bộ, kiêm Cơ-mật viện ; sau vì bị tội phạm tất (đi phạm đến chỗ vua ngự) phải tội đồ (đày ở một nơi), ông bệnh rồi mất. Đến đời vua Thành Thái truy phục Hiệp-biện nguyên hàm.

THẬN-(MỤC) 慎(穆)

(Không rõ người ở đâu), lúc đầu làm nghề chài. Một ngày kia, vua Lý Nhân-Tông ngự đến đầm Dâm-Đàm, đi một chiếc thuyền con để xem cá. Thình-lình trời có mù, trong đám mờ-mịt nghe có tiếng chèo của một chiếc thuyền lại gần, vua lấy cây dáo phóng qua thuyền ấy, một chõc-lát mù tan, thấy trong thuyền có một con cọp, chúng đều sợ hãi, la cấp cứu. Mục-Thận lấy cái lưới chài quăng trùm trên mình cọp, xem ra thì không phải cọp, mà là quan Thái-sư Lê-Văn-Thịnh.

Vua bèn thưởng cho Mục-Thận quan chức và tiền bạc. Lại cho đất ở Tây-Hồ làm thực ấp. Sau Thận làm đến chức Thái-úy.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Yên ba cửu dĩ ký bình tung,
Cự liệu quân vương giải cấu phùng.
Võng lý vô ngư hoàn hữu hổ.
Tây-Hồ hà hoạn thiểu ngư long.*

Dịch nôm :

*Dẫu bèo cô-cút bấy lâu nay,
Ai ngờ quân vương gấp-gở đây.
Trong lưới cá không, nhưng có cọp.
Lo gì cá hiếm ở Hồ-Tây.*

THẬP-NHỊ-SỨ-QUÂN 十二使君 (966)

Thế lực nhà Ngô lúc bấy giờ đã suy kém, từ khi Dương-Tam-Kha tiếm vị rồi, những người thổ-hào như bọn Nguyễn-Hữu-Tiệp, Ngô-Xương-Xí, v.v... đều xưởng độc lập, xưng là Sứ-quân, mỗi người hùng cứ một nơi, cả thảy là 12 người, trong sử gọi là Thập-nhị-sứ-quân. Những Sứ-quân ấy cứ đánh lẫn nhau, làm cho dân gian khổ sở. May nhờ có Đinh Bộ-Lãnh (tức Đinh-Tiên-Hoàng) đánh dẹp xong cái loạn Sứ-quân, đem giang sơn lại làm một mối.

Diễn ca (Đ.N.Q.S.D.C) :

Nghịệp Ngô rày có ai thay,

Dua nhau lại phó mặc tay quần-hùng.

Tiên-Du riêng một đề-phòng, ⁴⁸

Nguyễn-Công Thủ-Tiệp cứ vùng Nguyệt-Thiên. ⁴⁹

Đường-Lâm riêng một sơn xuyên

Ngô-Công Nhật-Khanh cứ miền Tân-Thao ⁵⁰

Tây-Phù-Liệt có Nguyễn-Siêu. ⁵¹

Ngô-Xương-Xí giữ Bình-kiều một phuong. ⁵²

Tế-giang nầy có Lữ-Đường. ⁵³

Nguyễn-Khoang hùng cứ Vĩnh-Tường phải chăng. ⁵⁴

Phạm-Phòng-Át giữ châu Đăng, ⁵⁵

Kiều-Tam-Chẽ giữ ngàn rừng châu Phong. ⁵⁶

Đỗ-Giang kìa Đỗ-Cảnh-công. ⁵⁷

Kiều-công tên Thuận ở trong Hồi-Hồ. ⁵⁸

Kiến ong Siêu-Loại tranh đua,

Lý-Khuê một cõi trì khu dẫu lòng.⁵⁹
Kinh-nghê Bối-Hải vẫy vùng,
Trần-công tên Lãm xưng hùng một nơi.⁶⁰
Phân tranh hối ấy nực cười,
Mười hai sứ-tướng mỗi người một phương.

THÍCH (ĐỖ) 穤(杜)

Người ở Thiên-Bản, lúc đầu làm kẻ lại ở Đông-quan. Một đêm kia, nằm trên cầu, thoắt thấy cái sao bay vào mồm, lấy làm điềm tốt, bèn sinh lòng toan đại sự. Đời Đinh Tiên-Hoàng, niên hiệu Thái-bình năm thứ 10 (979), làm Chi-hậu nội-nhân (như chức Thị-vệ), nhân khi Tiên-Hoàng uống rượu say, nằm giữa sân, Đỗ-Thích liền giết đi, và giết luôn con trưởng vua là Nam-Việt-Vương tên Liễn. Việc ấy phát ra, quân lính vây tìm bắt, Thích nhảy lên nằm núp trong cái máng xối nơi mái nhà. Đã ba ngày, khát nước quá. Nhân khi trời mưa, giơ tay ra hứng nước uống, người cung nữ thấy, liền thưa với Trịnh-quốc-công Nguyễn-Bặc, bèn bắt xuống đem chém và xẻo thịt ra ; người trong nước, ai cũng dành ăn một miếng.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Nghịch thí Đinh-đinh sấm ngữ phù,
Đỗ nhiên hy-khởi, tốc chiêu vưu.
Chung tàng thiêm lưu thừa phi vũ,
Nhập khẩu lưu tinh chi khát phầu.*

Dịch nôm :

*Nghịch giết vua Đinh có sấm rồi ⁶¹
Mong lòng dòm-dò, phải mang tai.
Nép mình trên xối chờ mưa xuống,
Trong miệng sao sa khát chẳng thôi.*

THIỀU-(NGUYỄN-GIA) 韶(阮嘉)

Tức là Ôn-Như-Hầu, người ở làng Liễu-Ngạn, Kinh-Bắc (nay là Bắc-Ninh), sinh năm Tân-Dậu, niên hiệu Cảnh-Hưng, năm thứ 2 (1741). Ông là con của Đạt-Văn-Hầu và bà Quỳnh-Liên Công-chúa. Vì là thân thích nhà vua, nên được vào ở trong cung năm mới 5 tuổi.

Năm 19 tuổi, ông được vua ban chức Hiệu-úy, sau nhiều lần theo vua đi đánh giặc có công, được thăng Chỉ-huy Đồng-tri và phong tước Hầu.

Tính ông thích sự phóng-khoáng tự do, cho nên lúc đương làm quan, ông xin nghỉ, về ở Tây-Hồ, nghiên cứu Lão-giáo và Phật-giáo.

Năm Canh-Tí (1780), ông được thăng Đô-chỉ-huy-sứ, rồi có sắc sai ông giám đốc việc làm tháp ở chùa Thiên-Tích.

Năm Nhâm-Dần (1782), ông sung chức Lưu-thủ xứ Hưng-Hóa, thu phục được cả dân thập châu, biên cảnh được yên. Đến khi gặp quốc biến, ông lãnh chức ở miền thượng-du, rồi lại đổi về Hưng-Hóa. Nhà Tây-Sơn dùng quan tước dù ông nhưng không được.

Ông mất ngày 9 tháng 5 năm Mậu-Ngọ (1798), thọ 58 tuổi.

Thơ chữ Hán của ông, có bộ « Tiên Hậu Thi Tập », nay còn truyền lại ít nhiều ; về Quốc-văn thì ngoài « Cung Oán Ngâm Khúc » còn có bộ « Tứ-Trai », « Tây-Hồ Thi Tập », lời rất mầu-nhiệm, ý rất sâu xa.

THỊNH-(LÊ-VĂN) 盛(黎文)

Người ở Đông-Cửu, Gia-Định (tức là Gia-Lâm), đậu khoa minh-kinh, đời Lý Nhân-Tông năm thứ 4 (1075), vào chầu vua học, rồi thăng Bình bộ Thị-Lang. Năm thứ 9 (1084), người Tống sang xâm ta, vua sai Văn-Thịnh qua Tàu định chia cương giới. Đến nơi, ông lấy lời lẽ phân giải rõ-ràng. Tống đế khen là cung thuận, ban cho áo mao, rồi trả sáu huyện ở Bảo-Lạc, và sáu động ở Túc-Tang cho nước ta. Về thăng Thái-sư.

Văn-Thịnh nguyên có nuôi một người Mường làm tư nô (đầy tớ riêng trong nhà), người ấy có biến-hóa kỳ-thuật. Lúc bấy giờ, Văn-Thịnh làm chức Tam-công, quyền bính lớn, ai cũng kính nể, bèn sinh lòng làm điều bất quĩ (trái phép, nghĩa là muốn tiếm thiết). Gặp khi Nhân-Tông ngự đến Dâm-Đàm, đi một chiếc thuyền con để xem cá. Thình-lình trời mù tối. Trong đám mù tối. Trong đám mù nghe có tiếng chèo thuyền réo-rắc từ xa đến, rồi dần-dần đến gần thuyền vua. Vua lấy cây giáo phóng qua, trong chốc-lát mù tan, thấy trong thuyền kia có một con cọp, ai nấy đều sợ khiếp, may có tên chèo thuyền là Mục-Thận quăng lưới phủ, chụp được cọp ấy, xem ra thì chính là Thái-sư Lê-Văn-Thịnh. Vua nghĩ ông ấy là một vị đại thần, có công giúp nước bấy lâu, không nỡ giết, bèn đày đi Thao-Giang.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Văn học đồ vi tiến thủ tư,
Man nô tư súc nhật căng kỳ.*

*Thần qua nhất kích hôn phân tán,
Yêu hổ nguyên lai thị Thái-sư.*

Dịch nôm :

*Mượn nghề văn học để lén quan,
Riêng chưa tôi Mường, rắp chước gian.
Cợp vốn Thái-sư đà rõ mặt,
Cũng nhờ thần kích đánh mù tan.*

THUẤN-(PHAN-THỊ) 舜(潘氏)

Người ở Trảo-Nha, Thạch-Hà, vợ hầu ông Ngô-Phước-Hoàn, quan đội Tiền-trạch nhà Lê. Lúc Tây-Sơn đánh, Phước-Hoàn theo quan quân ra chống giữ nơi sông Túy-Ái, bị tử trận. Người trong gia-quyến đều mặc đồ tang phục, chỉ một mình Thị-Thuấn không thấy thương xót gì, và cũng ăn mặc như thường, có người thấy thế thì cười nàng. Nàng đáp rằng : « Vì việc nước mà chết là tử đắc kỳ sở, còn thương buồn gì nữa ». Được hơn một tháng, nàng đến trên bờ sông lập bàn thờ cúng chồng ; cúng xong, nàng nhảy xuống sông tự tận.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Trương phu tử sự diệc hè bi,
Nhược chất hùng tâm vị dị khuy.
Giang thương thung-dung thân khốc điện.
Khiết thân dĩ định trạc liên-y.*

Dịch nôm :

*Mất chồng vì nước cũng vui lòng,
Mình yếu nhưng mà chí vẫn hùng.
Thong thả trên sông dâng lễ điện.
Sạch mình đã định rửa dòng trong.*

THỰC AN-DƯƠNG-VƯƠNG 蜀安陽王

(257-208 tr. Th. Ch.) Họ Thục tên Phán, người ở Ba-Thục, có dũng lược, khi đã lấy nước Văn-Lang, cải quốc hiệu là Âu-Lạc, đắp thành ở Việt-Thường, rộng nghìn trượng, hình thế như trôn ốc, cho nên gọi là Loa-Thành (di tích ở xã Cổ-Loa, Đông-Ngạn ngày nay). Ông được cái móng chân rùa (Linh-Qui), biểu thợ làm cái nỏ, lấy móng ấy làm máy, đặt tên là « Linh-Quang Kim Qui thắn nỗ ». Về sau Triệu-Đà đem binh đến xâm, ông lấy linh-nỗ bắn, Đà thua chạy. Đà biết ông có thắn nỗ, địch không nổi, sai sứ xin giảng hòa, rồi cho con là Trọng-Thủy vào chầu và làm rể. Ông gả con gái là Mỵ-Châu cho Trọng-Thủy. Trọng-Thủy dỗ Mỵ-Châu cho xem linh-nỗ, rồi lén phá cái máy ấy mà đổi cái khác vào. Đoạn rồi giả xin về thăm cha và bảo Mỵ-Châu rằng : « *Nếu hai nước thất hòa, bắc nam cách biệt, vợ chồng ta làm sao mà gặp nhau được ?* » Mỵ-Châu nói : « *Thiếp có cái nệm độn lông ngỗng, đi đâu cũng mang theo, như có việc phải chạy, thì thiếp rắc lông ngỗng ở các nẻo đường, chàng cứ theo dấu mà tìm thì gặp* ».

Trọng-Thủy về thưa với cha. Triệu-Đà liền cử binh đến đánh. Vua Thục không biết cái nỏ đã mất máy, cứ đánh cờ, cười mà nói rằng : « *Đà không sợ cái thắn nỏ của ta hay sao ?* » Đến khi quân Triệu-Đà bức đến gần, đem nỏ ra bắn, thì thấy máy đã hỏng, rồi bị thua chạy, cho Mỵ-Châu ngồi chung trên ngựa, chạy về phía Nam. Trọng-Thủy thì cứ nhìn theo lông ngỗng mà đuổi. Đến trên biển cùng đồ, vua mới

biết vì Mỹ-Châu mà mình bị nguy, bèn tuốt gươm chém nàng, rồi nhảy xuống biển tự tận.

Tương truyền rằng ở núi Mộ-Dạ, huyện Đông-Thành, tỉnh Nghệ-An là chỗ An-Dương-Vương nhảy xuống biển, có miếu thờ ở đấy.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Loa thành tài trúc, nő tài khoa,
Hải thương đồ cùng hối dĩ xa.
Nhược ngộ hưng vong do nhứt nữ
Hòa thân hà tất giám tiền xa.*

Dịch nôm :

*Loa-thành vừa đắp, nỏ vừa khoe,
Trên biển đường cùng đã chạy te.
Nếu biết hưng vong vì một gái,
Hòa thân việc trước chẳng thèm nghe.* ⁶²

THỰC-(ĐOÀN-NGUYỄN) 傅(段阮)

Người ở Huỳnh-Đô, đậu tiến-sĩ đời vua Lê-Hiển-Tông ; tính cương trực, có khí tiết. Làm đến chức Thiêm-đô Ngự-sử, nhân có tang bà mẹ, xin về nhà, hai lần vua vời phục chức, ông cõi từ. Gặp lúc Hoàng-Công-Chất dấy loạn xâm nhiễu các miền thượng-du ở Hưng-Hóa, cùng Lê-Duy-Mật làm đảng viên. Triều-Đinh đương bàn việc đi đánh dẹp. Nguyên-Thục nghe được, dâng thơ tự xin đi đánh để báo ơn nước. Khi ấy ông phục chức làm Giám-quân các đạo Thanh-Hóa, Sơn-Tây và Tuyên-Quang. Đem quân đi đến Cổ-Tháp, Thống-lãnh là Nguyễn-Đình-Huân nghe giặc vây Thanh-Châu, thì do-dự không muốn tiến binh, muốn kéo quân trở về, các tướng cũng có nhiều người theo ý ấy. Nguyễn-Thục quả quyết nói rằng không nên. Ông bèn dâng sớ hạch Đình-Huân. Vua mới sai Nguyễn-Thục thay làm Thống-lãnh, điều khiển tướng sĩ. Nguyễn-Thục phụng mệnh, hăng-hái dơ gươm ra mà bảo chư tướng rằng : « *Hỡi ai trái mạng lệnh thì hãy xem cái gươm này* ». Quân sĩ đều run sợ. Bèn đến vây quân giặc ở Thanh-Châu, phá được giặc, thẳng vào thành, phá lầu chòi, hào lũy của giặc. Tha những kẻ bị hiếp tung, tha tù đồn. Làm cho trong châu được yên ổn rồi trở về.

Khi yên giặc rồi, ông lại từ chức, xin về nhà cho hết chẽ bà mẹ. Sang năm sau, ông lại làm Thống-lãnh đánh hàng được dư đảng của nghịch Mật.

Niệu hiệu Cảnh-Hưng năm thứ 32 (1771), ông cùng Lê-Quí-Đôn vào khám xét hộ khẩu ở Thanh-Hóa, ông xin khoan

xá các món thuế như thổ-sản, thủy-sản của các huyện, được triều-đình y cho.

Đi sứ Thanh về, thăng Phó-đô Ngự-sử. Năm thứ 35 (1777), Trịnh-Sum Nam xâm, cho Nguyễn-Thục làm Đốc-thị an-trấn-sứ ở Nghệ-An, kiêm coi việc lương hường. Sum lại khiến tên Nội-thụ (giám) là Phạm-Huy-Đính cùng đi. Nguyễn-Thục không chịu đứng tên dưới tên Đinh. Ông cõi xin từ chức về nhà. Về được một năm thì mất. Tặng hàm Đô-ngự-sử.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Nguyễn đương kim cách báo quân ân,
Bạt kiếm lâm nhung, tặc dĩ bôn ?
Tất cánh vị thùy nan biện bạch,
Thao-thao đương nhật bất thăng luân ?*

Dịch nôm :

*Muốn xông pha trận báo ơn vua,
Tuốt kiếm ra oai, giặc đã thua,
Rút cục thì ai khôn biện bạch.
Bời-bời thuở ấy khó phân-bua.*

THUYÊN-(HÀN) 韓(誣)

Nguyên ông là họ Nguyễn, người ở Thanh-Lâm, đậu Thái-học-sinh đời Trần Thái-Tông. Ông làm Thượng-thơ bộ hình. Lúc bấy giờ ở sông Lư-Giang có nhiều cá sấu, vua khiết ông làm bài văn ném xuống sông, cá sấu kéo nhau đi hết. Vua cho là giỗng việc Hàn-Dũ lúc xưa (Hàn-Dũ bên Tàu, xưa có làm bài văn tế Ngạc-Ngư (cá sấu), rồi sấu đi hết, mới đổi cho ông ra họ Hàn.

Ông Thuyên hay làm thơ, phú bằng quốc-âm. Nước ta thơ, phú hay dùng quốc-âm, bắt đầu từ đó. Ông làm đến chức Thượng-thơ, có để lại tập văn, gọi là « Phi Sa Tập ».

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Quốc-ngữ văn chương thủy nhiễm hàn,
Bất vong đôn bản bị tham khan.
Lư-giang di ngạc hà thắn tốc,
Bác đặc quân vương tứ tính Hàn.*

Dịch nôm :

*Quốc-ngữ văn chương mới nhúng tay,
Chẳng quên tiếng mẹ, khá khen thay.
Sông Lư đuổi sấu in Hàn-Dũ,
Nên được nhà vua đổi họ ngay.*

THUÂN-(TRỊNH-DUY) 惟(鄭惟)

(Phụ thêm tiểu sử em là Trịnh-Duy-Liêu). Cháu Trịnh-Khắc-Phục, công thần nhà Lê. Đời vua Chiêu-Tông, ông mới được phong tước Lý-quốc-công, trấn-thủ Thanh-Hóa. Chiêu-Tông tránh giặc chạy, để Hoàng-Tử Ninh ở lại Tây-Đô, giao cho Duy-Thuân bảo vệ. Chiêu-Tông đến Lạc-Thổ, bị quân Mạc đánh, thua chạy trở về Kinh. Duy-Thuân tránh về sách Thủy-Chú, khiến Lê-Quản đem Hoàng-tử Ninh qua trốn núp ở Ai-Lao. Họ Mạc tiếm ngôi, tìm con cháu nhà Lê để gia hại. Duy-Thuân chịu cực khổ dấu-diếm tin tức của Hoàng-tử. Lúc bấy giờ, ông Nguyễn-Kim tìm kiếm con cháu họ Lê, Duy-Thuân cùng em là Duy-Liêu nghinh lập Hoàng-Tử lên ngôi ấy là vua Trang-Tông. Trong khoảng niên hiệu Nguyên-Hòa (1533-1544), Duy-Thuân lưu-thủ ở thượng-du, Thanh-Hóa, tập rèn binh mã để toan việc khôi phục, năm thứ 10 (1542), ông mất.

Duy-Liêu, người có chí tháo, giỏi văn chương, cùng anh phò lập vua Trang-Tông. Năm đầu niên hiệu Nguyên-Hòa (1533) vua sai qua Minh. Lúc ấy họ Mạc chiếm giữ Thăng-Long, đường sá trắc-trở, Duy-Liêu cùng với mười người đi đường biển, từ Quảng-Nam theo tàu buôn của người Quảng-Đông, đi hai năm mới tới Yên-Kinh. Ông bày giải đầu đuôi việc họa loạn, xin cử binh qua vẫn tội họ Mạc. Minh ngờ là dối, tra hỏi cẩn-văn. Duy-Liêu làm biểu kêu nài, tự ví như Thân-Bao-Tư, Trương-Lương và Dự-Nhượng, ai đọc tờ ấy cũng sa nước mắt. Minh-đế được tờ biểu của Duy-Liêu, bèn truyền cho bộ Hình và bộ Lễ xét việc ấy, rồi sai Hàm-

ninh-hầu là Cùu-Loan tổng-đốc quân vụ, Mao-Bá-Ôn làm Tham-tán, qua đánh họ Mạc. Chưa được bao lâu, Bá-Ôn ăn của lót của họ Mạc, rồi dâng thơ về triều Minh xin hoãn quân, vua Minh y cho. Bắt Duy-Liêu ở lại Quảng-Đông, rồi sau không biết tin tức ở đâu nữa.

Bài thơ vinh phiên âm :

*Huynh đệ gian-quan hộ tự-nhi,
Tốt nǎng hiệp định trúng hưng ki.
Bao-Tư thống khốc qui hà xứ,
Tăng thi Trung-Hoa bất cập di.*

Dịch nôm :

*Anh em khó nhọc giữ con rồng,
Dựng nghiệp Trung-Hưng rất có công.
Ai ngờ nước Tàu thua nước Rợ,
Bao-Tư van khóc ngó như không.*⁶³

THƯ-(ĐỖ-THIÊN) 杜天

Người ở Hiệp-Sơn, em Khắc-Chung (Chung sau đổi là họ Trần). Đời Trần Nhân-Tông, niên hiệu Trùng-Hưng năm thứ 4 (1288), Khắc-Chung tiến cử ông lên. Thiên-Thư phụng mạng đi sứ Nguyên, về được lên chức An-vũ-sứ. Đời Anh-Tông niên hiệu Hưng-Long năm thứ 21 (1313), nước Chiêm-Thành bị người Xiêm xâm lược, vua sai Thiên-Thư kinh lược các xứ Nghệ-An, Tân-Bình rồi qua cứu. Từ đó về sau, việc gì trù hoạch về tây biên, vua Minh-Tông đều ủy thác cho ông cả.

Đời Hiến-Tông niên hiệu Khai-Hựu năm thứ 7 (1335), Thượng-hoàng (Minh-Tông) thân chinh Ai-Lao. Lúc bấy giờ Thiên-Thư quản quân Thần-sách, đương đau nặng, vua cho ở nhà. Thiên-Thư bèn khiến người nhà vỗng ông tới ngoài cửa Vĩnh-An, cõi xin đi hộ giá cho được, và tâu rằng : « *Tôi thà chết ngoài chốn đinh-môn, chứ không chết ở trên nệm chiếu* ». Thượng hoàng khen là có chí, cho đi theo. Đến chỗ giặc, thì ông mất. Thượng-hoàng than thở, rồi cho dùng bài nhạc Thái-thường tế ông.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Đầu bút nhung hiên hiệu chấp qua,
Tây biên trù hoạch cửu nghiêng ma.
Bệnh trung khảng-khai do tùy giá,
Thảo táng diêu hi Mã-phục-ba.*

Dịch nôm :

Ném bút cầm quân lúc nhiễu-nhương,

*Miền Tây trù hoạch đã am tường.
Đương đau hăng-hái còn theo giá.
Sách với người xưa rụi chiến trường.*

THƯỚC-(TRẦN-CÔNG) 煥(陳公)

Ban đầu tên Xán, người ở An-Vy, Đông-An, đậu tiến sĩ đời Lê-Hiển-Tông. Đời vua Chiêu-Thống làm Bình-chương-sự. Lúc Tây-Sơn Nguyễn-Huệ đến Thăng-Long, vào yết kiến vua Hiển-Tông, vua truyền cho quân thắn theo thứ bậc ra mắt ông Huệ. Huệ tiếp kiến ông Thước, thì lấy làm có kỳ tài. Năng hỏi việc Bắc-Hà, ông Thước tùy văn tùy đáp, biện luận rành-rọt, không chút nào chịu khuất. Huệ trong lòng trọng ông lắm. Đến khi Huệ trở về Nam, thì để tướng là Nguyễn-Duệ giữ Nghệ-An, mà khiến Vũ-Văn-Nhậm đóng đại binh ở Đồng-Hới, để làm thanh viện. Sau nghe Nguyễn-Duệ cùng Nguyễn-Hữu-Chỉnh sắp mưu chống lại mình, Huệ bèn khiến Văn-Nhậm đem binh ra đóng đồn ở Nghệ-An, lấy danh ra để đòi đất Nghệ-An lại. Chỉnh nghe Huệ và Nhạc có hiềm khích nhau, muốn nhân sự hiềm khích ấy, dùng lời lẽ hay để lợi dụng, bèn xin vua Chiêu-Thống làm quốc-thơ khiến sứ đi giải hòa. Khi ấy chọn người đi sứ, mà chưa biết ai là xứng chức. Nguyên ông Thước là có danh vọng, Chỉnh mới xin cho ông đi. Thước mới cùng bọn Lê-Duy-Hiển và Ngô-Nho đều đi.

Khi sắp ra đi, Thước bảo Chỉnh rằng : « Nguyễn-Huệ là người hiểm bí khó dò, chuyến này đi, chưa chắc ông ta nghe cho. Tôi đi rồi, thì ông nên gia ý cẩn thận. Đường duyên sơn ở Thanh-Hóa, nên chia đồn đóng, để ngăn bộ binh, còn các biển ở Sơn-Nam phải đóng cù phòng triệt thủy quân. Nếu họ bội ước lại đánh, thì mình đã có phòng ngừa trước, khỏi

đến nỗi lâm thời bối-rối ». Chỉnh cũng cho là phải, nhưng không để ý đến.

Trước khi đến Nghệ-An, dò xét địch tình, biết việc không xong, Ngô-Nho xin cải lá quốc-thơ là tờ cầu tập phong rồi hãy đi. Thước không chịu cải.

Đến Phú-Xuân, vào yết Huệ, Huệ thấy quốc-thơ, cả giận, ném xuống đất, tác sắc nạt nộ đe dọa. Ông Thước vẫn thản sắc tự nhược, rồi thong thả mà nói với Huệ rằng : « *Xin ngài chờ giận, nếu ngài muốn giết tôi, để cho tôi thưa một vài lời rồi giết cũng được* ».

Huệ vẫn trọng ông Thước, nhân đó đổi sắc mặt mà bảo rằng : « *Ta nhứt cử mà định được Bắc-Hà, đất-dai ta lấy lại cho hết, ta trở về không. Nay không lấy điều ấy làm ơn, mà lại nạp kẻ phản bạn của ta, rồi toan dành đất Nghệ-An là sao vậy ?* »

Thước đáp lại : « *Thiên hạ là thiên hạ của họ Lê, lúc ngài đem binh ra Bắc, cũng lấy cớ tôn phò nhà Lê làm chủ nghĩa, cho nên quốc nhân đều tin. Ngài lấy rồi trả lại, thế là thuận thiên ý và tùng nhân vọng, chưa nên lấy cái ấy làm ơn. Vả chăng Nguyễn-Chỉnh chạy theo, ngài biểu ở lại Nghệ-An, sao lại cho là người phản bạn ? Nghệ-An là một địa hạt cũ, bản Triều giữ đất cũ lại, sao lại nói rằng dành ?* »

Ông cứ phản phúc biện luận, nhưng Huệ cũng không chịu theo. Rồi đem giam ông vào ngục. Tướng của Huệ là Ngô-Văn-Sở xin giết đi. Huệ vẫn tiếc tài năng của ông Thước, muốn lưu lại để dùng. Khiến Trung-thơ là Trần-Văn-Ký qua dụ ông. Ông nói : « *Tôi nghe từ xưa dạy rằng : Hễ*

làm tôi thì phải vì vua mà chết. Ngoài ra không dám nghe điều gì khác nữa ».

Huệ biết là không đoạt chí ông được, mà giết đi thì vô danh, bèn vời ông đến mà nói dối rằng : « *Thôi, ông hãy về trước đi, để rồi ta liệu xử trí sau* ». Bèn khiến lẩy thuyền đưa ông về, nhưng ra mật lệnh khiến đục thuyền cho chìm đi. Ông Thước và 18 người tùy tùng đều bị hại.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Đầu thơ hổ huyệt khởi thân ưu,
Hồi thủ đinh-ninh dự bị mưu.
Kháng biện lỗ đinh từ lý chính,
Tử trung nguyên bất đãi trầm chu.*

Dịch nôm :

*Đem thơ hang cọp há lo phiền,
Gắn-bó cơ mưu đã dự tiên.
Chống cãi quân thù lời lẽ chính,
Thác ngay nguyên chẳng đợi chìm thuyền.*

THƯƠNG-(HỒ-HÁN) 蒼(胡漢)

Con thứ của Quí-Ly, mẹ là con gái vua Trần-Minh-Tông. Quí-Ly tiếm vị, lập làm Thái-tử, rồi để ngôi cho, xưng hiệu là Thiệu-Thánh (1401-1402) rồi cải hiệu là Khai-Đại (1403-1406). Hán-Thương, trá danh là Hồ-Đê, sai sứ sang cáo với nhà Minh rằng họ Trần đã tuyệt tự, Đê là cháu ngoại vua Minh-Tông, xin tạm quyển quốc-sự.

Năm Nhâm-Ngọ (1402), Minh sai Lý-Ỷ qua xem hư thiệt thế nào. Ỷ vẽ hạch tâu rằng họ Hồ tự xưng đế, và lại làm thơ ngạo mạn, có chí kiêu căng. Qua năm sau, người Minh đem ngụy Trần-Thiêm-Bình về nước để lập làm vua, và bắt Đê phải tâu rõ việc thoán chí cho vua Minh nghe. Hán-Thương dâng biểu tạ tội, và xin rước Thiêm-Bình về. Rồi khiến người phục binh đón giết Thiêm-Bình ở Cầu-Trạm.

Niên hiệu Khai-Đại năm thứ 4 (1406), Minh sai bọn Trương-Phụ, Mộc-Thành, Lý-Bân chia binh ra hai đạo đến đánh, kể tội trạng của cha con Quí-Ly, và thanh ngôn ra rằng để lập con cháu họ Trần lại. Hán-Thương cho Tả-tướng là Nguyễn-Trung (con Quí-Ly) đem quân chống lại ở sông Bạch-Hạc. Quân sĩ thì đã chán ngược chính của cha con Quí-Ly, không còn lòng chiến đấu. Người Minh thừa thắng kéo thắng đến thành Thăng-Long. Hán-Thương và Quí-Ly chạy vào Nghệ-An, đến cửa biển Kỳ-La (Hà-Tĩnh), quân Minh đuổi theo bắt được, bỏ vào cùi đem về Yên-Kinh. Vua Minh-Thái-Tổ ngự ra hỏi cha con Quí-Ly rằng : « *Đạo làm tôi như thế có phải không ?* » Cha con Quí-Ly không đáp lại được. Bèn hạ ngục, nhưng sau cũng được tha cả.

TRÁC-(TRẦN-NGUYÊN) 瞽(陳元)

Con thứ vua Trần-Anh-Tông, đời Minh-Tông phong làm Cung-tịnh-đại-vương, đời Hiển-Tông tham dự triều-chính, đời Dũ-Tông làm Thái-úy Tả-tướng-quốc. Dũ-Tông không con, bà Thái-hậu cho rước Nhựt-Lễ (là con của người anh vua Dũ-Tông tên là Cung-Túc đại-vương Dục), lập lên nối ngôi.

Nhựt-Lễ vốn là con bà ca kỹ, tên là Dương-Khương. Dương-Khương lúc đi hát, đã có thai, Dục thấy sắc đẹp, đem về làm vợ. Sau đó sinh con ra, lại nhìn làm con mình. Nhật-Lễ lên ngôi, thăng Nguyên-Trác làm Thượng-tướng quân Thái-tể. Đến khi Nhật-Lễ giết bà Hiền-Tử Thái-hoàng Thái-hậu, Nguyên-Trác cùng con là Nguyên-Tiết với Thiên-Ninh Công-chúa, nửa đêm đem các tôn-thất vào thành toan giết Nhật-Lễ. Nhật-Lễ nhảy thành nằm úp dưới cầu Tân-Kiều, tìm bắt không được, rồi kéo nhau về. Sáng hôm sau. Nhật-Lễ vào cung, chia người ra tìm bắt. Nguyên-Trác bèn bị hại.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Loạn bốn chân thành Lữ dịch Doanh,
Thân quan hưu thích cảm vong tình.
Kiến cơ bất tảo chung di hận,
Không quý Tân-Kiều trí thủy thanh.*

Dịch nôm :

*Khác họ làm vua giống nước Tần,
Phận mình tướng quốc lại thân thắn.*

*Mưu cơ chǎng sớm không xong việc,
Hổ nước Tân-Kiều chǎng rửa hờn.*

TRÃI-(NGUYỄN) 薦(阮)

Hiệu Úc-Trai, người ở Nhụy-Khuê Thượng-Phước ; lúc trẻ đã có tiếng giỏi văn chương, kinh sử bách gia và thao lược binh thơ, sách gì cũng thông suốt cả. Năm 21 tuổi, đậu Thái-học-sinh ở đời Hồ-Hán-Thương, làm Ngự-sử-đài ; cha là Phi-Khanh cũng làm quan với nhà Hồ. Khi Quý-Lý và Hán-Thương bị bắt, Phi-Khanh cũng bị bắt luôn. Trương-Phụ bắt Phi-Khanh viết thơ gọi ông đến, ông bắt đắc dĩ phải tới chỗ quân-môn, nhưng không chịu làm việc với người Minh. Phụ muỗn giết ông, nhưng Hoàng-Phúc thấy ông có tướng mạo tốt, tha cho trở về.

Nghe Lê-Lợi nổi quân ở Lam-Sơn, ông lén vào Thanh-Hóa, đến Lỗi-Giang (tức là một dòng nước của Mã-Giang ở Thanh-Hóa, huyện Vĩnh-Lộc chảy xuống sông Đại-Lại) yết kiến, dâng sách Bình Ngô (mưu lược để đánh quân Tàu). Lê-Lợi thấy thì khen, rồi biểu ở gần hai bên để bàn bạc việc quân sự. Năm ấy Lê-Lợi nổi lên được hai năm rồi. Từ đó ông thăng dần-dần lên đến chức Thượng-thơ, kiêm Khu-mật-sứ. Ông theo Thái-Tổ (Lê-Lợi) bình định được mấy xứ Nghệ-An, Thanh-Hóa, Thuận-Hóa. Chỉ có thành Đông-Quan thì Vương-Thông cố thủ, không hạ nổi. Thái-Tổ tiến quân ở phía bắc-ngạn sông Lỗi-Giang, làm tầng lầu ở dinh Bồ-Đề, ngày thì ngồi trên lầu, dòm vào thành, xem công việc của giặc làm trong thành-cho ông ngồi tầng thứ hai để soạn văn thơ.

Vương-Thông lúc ở thành Đông-Quan, bề ngoài thì giả bàn hòa hảo, mà trong lòng là chỉ chờ quân tiếp viện của

Minh sang. Đến khi được thơ của Nguyễn-Trãi, thấy từ-ý khẩn thiết, và lại nghe viện quân bị thua, mới xin hòa. Thái-Tổ thì chưa tin, mà ông Trãi ở chỗ bí thơ, thường lén bắt được thơ của Thông gởi cho vua Minh nên biết rõ việc hư thiệt, và chuyên chủ hòa nghị, Thái-Tổ mới theo.

Những thơ từ qua lại với người Minh và những tờ hiểu dụ cho quân dân, đều do ông Trãi làm cả. Vương-Thông quyết ý về Tàu, các thành không đánh mà hạ được, đều là công của ông Trãi. Thái-Tổ luận công hành thường, thăng ông tước Quan-phục-hầu, công ở đệ nhứt.

Đến triều Thái-Tông, ông làm chức Nhập-nội Hành-khiển. Cùng vua nói việc nhân nghĩa, bàn định lễ nhạc, nhiều điều không hợp ý. Tuổi được 62, ông xin trí-sĩ, về ở núi Côn-Sơn, vua cũng y cho.

Ông có nàng hầu, tên Nguyễn-Thị-Lộ, có văn chương, tài sắc, Thái-Tông thấy mà ưa, đòi vào cung, cho làm chức Lễ-nghi-học-sĩ, ngày đêm chầu bên cạnh. Đến khi vua đi đông-tuần, xe giá về đến Thiên-Đức-Giang, vào vườn Lê-Chi, cùng Thị-Lộ ở cả đêm, đến sáng thì vua băng. Ai cũng nói là Thị-Lộ giết. Triều-đình bèn định án tru-di tam tộc ông Nguyễn-Trãi.

Ông có người con di-phúc (con đương ở trong thai mẹ mà cha chết), tên là Anh-Vũ ; sau vua Thánh-Tông thương ông bị oan, phong cho Anh-Vũ chức huyện và truy tặng ông là Tế-Văn-Hầu. Thánh-Tông có câu thơ : « Úc Trai tâm thượng quang khuê tảo » nghĩa là : Ông Úc-Trai trong lòng đầy cả văn chương. Và vua lại tự chú thích rằng : Úc-Trai

tiên sinh, lúc Thái-Tổ mới sáng nghiệp, tìm tới Lỗi-Giang mà qui phụ, trong thì bàn bạc mưu chước, ngoài thì thảo sáng chiến thợ, từ chương rạng nước, quý trọng tin dùng, v.v... Đấy là những lời vua Thánh-Tông khen ngợi ông đó vậy. Ông có để lại những sách như « Ngọc-Đường Thi Tập », « Quân Trung Từ Mạng Tập », « Dư Địa Chí », v.v...

Tục truyền rằng trong làng ông Nguyễn-Trãi có một khu đất cây cối rậm-rạp, trong ấy có con đại xà (rắn lớn), không ai chặt phá. Cụ tổ ông Trãi, thấy phong cảnh đẹp, muốn làm nhà đọc sách ở đấy, khiến người nhà đốn chặt cây cối, đụng giết lầm con rắn ấy. Xà-tinh oán giận, thác sinh ra Thị-Lộ, dưới nách có vẩy, đã có sắc đẹp, lại có tài giờ. Khi đem ra hành hình, thì Thị-Lộ nhảy xuống nước biến mất. Người ta cho đó là xà-tinh báo thù. Nhưng việc ấy cũng là việc hoang-đường, không đủ tin.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Ba quốc văn chương bút thiệt nhàn,
Bình Ngô danh dật đỉnh chung gian.
Công thành dĩ ái Côn-sơn hưng,
Kỳ ngại nga-mi bất hứa hoàn.*

Dịch nôm :

*Rạng nước từ chương lưỡi bút quen,
Bình Ngô lộc vị nổi danh khen.
Công thành đã muôn vui chơi núi,
Nào ngờ mà ngài lại báo oan.*

TRẦN-(LÊ-PHỤ) 陳(黎輔)

Người ở Ái-Châu, lúc đầu tên là Tân-Trần, vua Trần-Thái-Tông cải cho tên là Phụ-Trần. Làm Ngự-sư-trung-tướng. Tướng nhà Nguyên là Ngột-Lương Hiệp-Dai đánh phá đến đất Lê-Nguyên. Thái-Tông tự tướng thân chinh, xông vào tên đạn, quan quân chạy thusat lui, ngó lại hai bên vua, chỉ còn một mình Phụ-Trần, cõi ngựa ra vào giữa trận, nhan sắc tự nhược. Có người khuyên vua ở lại xem đánh, Phụ-Trần hết sức can, nói rằng : « Nay Bệ-hạ chỉ như cọc tiền cô chú trong sòng bạc (cô chú nghĩa là người đánh bạc thua gần hết tiền, còn bao nhiêu trút ra đặt một cái để may gỡ lại), thì nên tránh đi là phải. Vua mới trở về ngả sông Phú-Lương. Phụ-Trần đi theo sau hầu. Quân giặc loạn xạ, Phụ-Trần lấy tấm ván thuyền đỡ vua được khỏi. Sau về giữ nơi sông Thiên-Mặc. Phụ-Trần cùng vua bàn việc cơ-mật, ông không bao giờ tiết lộ cho ai biết. Khi yên giặc, định công thăng thưởng, ông lên chức Ngự-sử Đại-phu, vua lại gả bà Chiêu-Thánh cho ông (Chiêu-Thánh tức là bà Chiêu-Hoàng, nguyên là vợ Thái-Tông) ».

Vua lại phán rằng : « Không có người thì trăm không được có ngày nay, người hãy gắng lấy để cho trọn công việc ». Sau sai ông đi sứ Nguyên để thông hảo. Khi về thăng Thủy-quân Đại-tướng-quân. Dời Thánh-Tông niên hiệu Bửu-Phù năm thứ 2 (1274), ông lên chức Thiếu-sư, kiêm chức Giáo-thụ Đông-cung, trải qua triều Nhân-Tông thì ông mất.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Đơn thân đột trận dực vương thân,
Bất phụ gia danh tú Phụ-Trần.
Mật nghị bất tuyên thần đạo cẩn,
Nãi thừa Chiêu-Thánh, đỗ di-luân.*

Dịch nôm :

*Một mình xông trận để theo phò,
Chẳng phụ tên thơm của chúa cho.
Giữ kín việc bàn tôi đạo trọn,
Nhưng vâng Chiêu-Thánh lõi nghì to.*

TRẦN-(THÁI-TÔNG) 陳(太尊) (1225-1258)

Vua họ Trần, tên Cảnh, con thứ của Trần-Thừa. Đời Lý-Chiêu-Hoàng, vua làm chức Chính-thủ, hầu trong cung. Chiêu-Hoàng thấy mà phải lòng. Vua nói riêng việc ấy với Thủ-Độ. Thủ-Độ sợ nếu việc ấy nêu lộ ra thì chết cả họ. Bèn biểu đóng các cửa cung môn mà báo với quần thần rằng : « *Bệ hạ ngày nay đã kén được chồng rồi* ». Quần thần đều vâng lời, và xin chọn ngày để triều kiến. Khi ấy Chiêu-Hoàng nhượng ngôi cho vua. Vua lên ngôi, phong Chiêu-Hoàng làm Hoàng-hậu và cải hiệu là Chiêu-Thánh, phong Trần-Thủ-Độ làm Thái-sư thông quốc hành quân vụ chính thảo sự. Đặt khoa trường thi văn, định lễ chế hình. Đời Trần mà nổi tiếng văn minh, vua Thái-Tông đứng đầu vậy.

Bà Chiêu-Thánh Hoàng-Hậu không có con, vợ anh vua là Hoài-Vương Liễu có thai (bà vợ ấy là bà Thuận-Thánh, chị ruột bà Chiêu-Thánh. Hoài-Vương Liễu là con trưởng Trần-Thừa), vua nhìn thấy thai ấy, rồi đem vào cung. Liễu tức giận, nhóm quân chúng làm loạn. Vua sợ, thừa lúc đêm trốn lên chùa, ở núi An-Tử (huyện Đông-Triều, tỉnh Hải-Dương). Quần thần cố nài xin, vua mới trở về Kinh. Ở ngôi 33 năm.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Chiêu-Hoàng hữu thương thôi vong Lý,
Chính-thủ di-duyên cự khởi Trần.
Nhứt đại văn minh khai sáng chúa,
Nãi cam sơn tự độc tàng thân.*

Dịch nôm :

*Lý vong vì gã Chiêu-Hoàng,
Trần hưng Chính-thủ mở-mang rành-rành.
Một đời dựng nghiệp văn minh,
Cớ sao chùa núi một mình lén lén ?*

TRẦN-(THÁNH-TÔNG) 陳(聖宗) (1258-1278)

Tên Hoảng, con đích (trưởng-tử) vua Thái-Tông. Một ông vua nhân từ trung hậu, ở với anh em họ hàng rất là chu-đáo. Thường nói rằng : « *Thiên hạ là của ông cha để lại, nên để cho anh em cùng hưởng phú quý* ». Rồi cho các tôn-thất vương hầu, hễ bấy giờ vào nơi điện, cùng ăn một mâm, nằm một giường thật là thân ái, nhưng đến khi triều hạ, hưởng yến đại lễ, thì thứ tự theo lễ phép phân minh.

Niên hiệu Trùng-Hưng vua Nhân-Tông năm đầu, quân nhà Nguyên qua xâm, vua (lúc bấy giờ là Thượng-hoàng) cùng vua Nhân-Tông bàn định phá quân địch, đánh bắt người Nguyên ở Hàm-Tử-Quan, công rất lớn vậy. Ở ngôi 21 năm, Thiệu-Long là niên hiệu đầu hết.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Lan-Đình tịch thương đôn thân ngữ,
Hàm-Tử quan đầu phá địch cơ.
Nhược bả Thiệu-Long giáo Thiên-Bửu,
Hà thù Lý-Nhĩ tịnh Hàn-Phi.*

Dịch nôm :

*Trong tiệc Lan-Đình bày hiếu-hữu,
Ngoài quan Hàm-Tử định mưu ky.
Nếu đem so với Đường Thiên-Bửu,
Lý-Nhĩ, Hàn-Phi có khác gì.* ⁶⁴

TRẦN-(NHÂN-TÔNG) 陳(仁宗) (1279-1293)

Tên Khâm, con trưởng vua Thánh-Tông. Niên hiệu Thiệu-Bửu năm thứ 4 (1282) vua Nguyên sai bọn Toa-Đô qua đánh Chiêm-Thành, lại sai Thái-tử Thoát-Hoan đem binh năm mươi vạn, nói mượn đường ta để đi đánh Chiêm, nhưng kỳ thiệt là đến xâm nước ta. Vua ngự đi Bình-Than (sử chép là làng Trần-Xá, huyện Chí-Linh, tỉnh Hải-Dương) hội vương hầu bách quan, bàn việc công hay thủ. Rồi cho Hưng-Đạo-Vương là Quốc-Tuấn làm Tiết-chẽ thống lãnh quân sự. Năm thứ 6 (1284), quân Nguyên xâm biên giới, quan quân đánh thất lợi, vua ngự sang Hải-Đông (tức là Hải-Dương).

Niên hiệu Trùng-Hưng năm đầu (1285), quân Nguyên xâm đến Kinh-thành, vua rước Thượng-hoàng (Thánh-Tông) vào Thanh Hóa. Mùa hạ tháng tư, Chiêu-Văn-Vương Nhật-Duật đánh đuổi quân Nguyên ở ải Hàm-Tử. Qua tháng năm, vua cùng Thượng-Hoàng tự thân chinh đánh quân Nguyên ở Vạn-Kiếp (huyện Lục-Ngạn, tỉnh Bắc-Ninh). Thoát-Hoan trốn chạy về. Vua rước Thượng-Hoàng về Kinh.

Nước nhà đã nguy mà yên được, thiên hạ đã tan mà hợp được, từ đời Hồng-Bàng đến giờ, chưa hề thấy được như vậy.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Lưỡng khước Nguyên binh điện cựu bang,
Trung hưng công đức quán Hồng-Bàng.
Đương nhiên nhị đế hồi cung khuyết,*

Tu sát Huy, Khâm thượng biểu hàng.

Dịch nôm :

*Hai độ hơn Nguyên, vững chậu vàng,
So công chẳng kém thuở Hồng-Bàng.
Hai vua về được nơi cung-khuyết.*

*Thẹn chết Huy, Khâm cúi chịu hàng.*⁶⁵

TRẦN ANH-TÔNG (1293-1314)

Tên Thuyên, con trưởng vua Nhân-Tông. Nhờ sau khi 2 vua Thánh-Tông và Nhân-Tông phá được giặc Nguyên rồi, Anh-Tông mới đặt quân chế, định phép thi cử, chế độ đổi mới, thiên hạ thái bình, cũng là một ông vua giỏi của nhà Trần vậy. Ở ngôi 21 năm.

Một hôm, vua uống rượu say, nằm ngủ. Thượng-Hoàng (Nhân-Tông) từ phủ Thiên-Trường về Kinh, đi dạo khắp cả cung điện, từ giờ thìn đến giờ tị, mà vua vẫn cứ nằm ngủ. Thượng-Hoàng giận lắm, truyền xe giá trở về Thiên-Trường. Đến giờ mùi vua mới tỉnh dậy. Nghe cung nhân tâu lại rằng có Thượng-Hoàng ngự về Kinh, vua rất sợ, khiến người học trò tên là Đoàn-Nhữ-Hài làm tờ biếu, rồi cùng đi với Nhữ-Hài đến Thiên-Trường để tạ tội. Thượng-Hoàng thấy Nhữ-Hài, hỏi : « *Người nào đó ?* » Các viên quan hầu bèn thưa : « *Đấy là người của Quan-gia (Hoàng-đế) sai đem dâng tờ biếu* ». Nhân-Tông làm thịnh. Đến chiều hôm, trời mưa to, gió lớn, mà Nhữ-Hài cứ quì giữa sân, bất động. Nhân-Tông mới truyền lấy tờ biếu xem, thấy trong tờ biếu lời lẽ khẩn thiết. Thượng-Hoàng đòi vua vào mà bảo rằng : « *Ta lại không có con khác nối ngôi hay sao ? Nay ta còn đây mà đã như thế, sau này thì ra thế nào ?* » Vua lại xin chịu tội. Thượng-Hoàng lại đòi Nhữ-Hài mà dạy rằng : « *Tờ biếu của người soạn, hợp lòng trẫm lắm* ». Rồi cho vua về Kinh phục vị. Từ Thiên-Trường trở về, vua cho Nhữ-Hài làm Ngự-sử-trung-tán, và từ đấy không uống rượu nữa.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Phân-tẩm sơ tiêu chế độ tân,
Bất tàm phó tý khải xương thăn.
Hậu lai tuyệt ẩm toàn hồng nghiệp.
Mạc phụ Quan-gia phủng biểu nhân.*

Dịch nôm :

*Mây khói vừa tan phép tắc bày.
Kế truyền không hổ mở thời nay.
Hoàn-toàn nghiệp lớn nhờ chừa rượu.
Chớ phụ nhà nho tiến biểu nầy.*

TRÂN-(MINH-TÔNG) 陳(明尊) (1314-1329)

Tên Ánh, con thứ tư vua Anh-Tông. Khi vua lên ngôi, sứ nhà Nguyên đến, đai yến tiệc, vua mặc áo giao-lãnh (hai bên cổ áo không khít) sắc vàng, chít khăn ngự. Người sứ giả trông thấy, khen rằng cử chỉ của vua siêu-thoát như là thần-tiên. Vua ở ngôi 15 năm.

Lúc vua Anh-Tông đau, vua ngày đêm thường chực ngoài cửa tắm-môn. Vua Anh-Tông tin cậy nơi ông Huệ-vũ-vương Quốc-Điền. Đến khi vua lên ngôi, thì dùng Quốc-Điền làm Thượng-Tể.

Hoàng hậu là con gái ông Quốc-Điền. Vua tuổi cao mà chưa lập Thái-tử. Quốc-Điền nói nên đợi Hoàng-hậu có đích tử rồi sẽ lập. Văn-hiến-hầu (không có tên) thì muốn dẹp phe của Hoàng-hậu mà lập Hoàng-tử-Vượng, bèn đem của lót cho người nhà của Quốc-Điền, tên là Trần-Phẫu, khiến vu cáo rằng Quốc-Điền sắp làm phản. Vua bắt Quốc-Điền giam vào ngục, rồi đem việc ấy hỏi Trần-Khắc-Chung. Khắc-Chung là người đồng đảng với Văn-Hiến, mới tâu với vua rằng : Tróc hổ dị, phóng hổ nan, nghĩa là bắt cọp dễ, thả cọp khó. Rồi vua cấm không cho Quốc-Điền ăn uống và bắt tự tận.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Lập chính tăng nhân thị tắm môn,
Khởi đồ tư vũ tự tiên nguyên.
Như hà bối cầm chung nan biện,
Tróc hổ chân thành Thượng-tể oan.*

Dịch nôm :

Châu chực đêm ngày chẳng chút nhàn,

Kể chi đẹp-đẽ tại dung-nhan.

Cớ sao chẳng biện lời thêu dệt,

Bắt cọp bèn nên Thương-tể oan.

TRẦN-(HIẾN-TÔNG) 陳(憲尊) (1329-1341)

Tên Vượng, con vua Minh Tông, ở ngôi 13 năm.

TRẦN-(DỤ-TÔNG) 陳(裕宗) (1341-1369)

Tên Hạo, con thứ mười vua Minh-Tông. Lúc đương làm Hoàng-tử, bị rót xuống nước, thành tật, vua Minh-Tông khiếu người thầy thuốc là Trâu-Canh chữa lành. Ở ngôi 28 năm. Đến khi tuổi đã gần già, hoang dâm vô độ, thường khiếu vương hầu công-chúa bày trò chơi vặt, vua xem ai hơn thì ban thưởng. Cho các nhà giàu vào cung đánh bạc. Lại sai tôi tớ cày bờ sông Tô-Lịch để trồng tỏi mà bán. Khi gần mất thì di chúc cho con Cung-túc-vương Dục là Nhật-Lễ vào kế thống.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Mãi toán tư canh túc tự di,
Không giao đại bửu phó ca nhi.
Mục-lăng nhược hữu tri nhân giám,
Khẳng hứa Trâu-Canh cự chửng nguy.*

Dịch nôm :

*Bán tỏi, cày riêng có thú chi,
Luống đem ngôi báu gởi ca nhi.
Minh-Tông nếu có gương soi tướng,
Chẳng để Trâu-Canh cứu lúc nguy.*

TRẦN-HÔN-ĐỨC-CÔNG DƯƠNG-NHẬT-LỄ 陳 昏德公楊日禮 (1369-1370)

Tên Nhật-Lễ, con người con hát tên là Dương-Khương. Lúc Dương-Khương đương có thai, Cung-túc-vương Dục lấy đem về nhà, sau sinh ra, liền nhìn làm con. Dụ-Tông vô tự, bà Hiển-tử Hoàng-thái-hậu, theo di chiếu của Dụ-Tông, truyền rước lập làm vua. Được một năm phế làm Hôn-đức-công.

TRÂN-(NGHỆ-TÔNG) 陳(藝尊) (1370-1372)

Tên Phu, con thứ ba vua Minh-Tông. Sau khi dẹp được loạn Dương-Nhật-Lễ, vua lên ngôi. Người Chiêm đến phá cướp, vua phải chạy sang Đông-Ngạn (ở Cổ-Pháp, làng Định-Bảng).

Nghệ-Tông là một ông vua nhu nhược, việc gì cũng để cho người ngoại thích là Lê-Quí-Ly quyết đoán. Đã lập cháu tên là Hiện làm đế, mà sau lại nghe Quí-Ly tâu câu ngạn ngữ rằng : « *Nuôi con bán cháu thường nghe, bán con nuôi cháu, chưa hề thấy ai* ». Vua lấy làm phải, rồi phế Hiện (cháu) mà lập Thuận-Tông (con). Lại ký thác Thuận-Tông cho Quí-Ly nữa.

Lúc bấy giờ ông Trần-Nguyễn-Đán làm bài thơ thập cẩm có câu :

Phiên âm :

*Nhân ngôn ký tử dữ lão nha,
Bất thức lão nha linh ái phẫu.*

Dịch nôm :

*Gửi con cho bác quạ già,
Biết rằng bác quạ thương là hay chăng.*

là nói về việc Nghệ-Tông gởi Thuận-Tông cho Quí-Ly đó vậy.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Cựu vật tài thu trọng ngoại gia,
Nhất triều ngự khố đán từ ba.
Dưỡng nhi mãi diệt hoàn thâm tín,*

Cự thức cô nhi ký lão nha.

Dịch nôm :

*Nghịệp cũ vừa thu trọng ngoại gia,
Một mai ngăn giặc chỉ từ ba.
Nuôi con bán cháu nghe lời hiềm,
Nào biết con cõi gởi qua già.*

TRẦN-(DUÊ TÔNG) 陳(睿尊) (1372-1377)

Tên Cảnh, con thứ mười hai vua Minh-Tông, em vua Nghệ-Tông. Lúc Nghệ-Tông phục quốc, quân lính khí giới đều nhờ vua giúp cho cả, cho nên Nghệ-Tông nhượng vị cho. Chúa Chiêm-Thành là Bồng-Nga có dâng mười mâm vàng, song viên Trấn-thủ Hóa-Châu là Đỗ-Tử-Bình dẫu đi, mà lại nói dối rằng Bồng-Nga vô lễ, xin cử binh đánh. Vua quyết ý thân chinh, quắn thắn can, vua không nghe. Khi quân đến thành Đỗ-Bàn, quân giặc thình lình ra chặn đánh, quan quân chạy tan, vua bị mất giữa trận. Ở ngôi được 4 năm.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Phản phái sơ tư cốt nhục binh,
Dĩ cẩn viễn lược phật quẫn tình.
Kim phu bất biện gian thắn kế,
Không sử thiên kim khí địch định.*

Dịch nôm :

*Phục quốc nhờ em sức đảm đương,
Lại toan xa đánh chẳng suy lường.
Dẫu vàng chẳng biết lời tôi dối,
Bèn khiến mình vàng bỏ chiến trường.*

TRẦN-(PHẾ-ĐẾ) 陳(廢帝) (1377-1388)

Tên Hiện, con vua Duệ-Tông, cháu vua Nghệ-Tông. Vua Duệ-Tông đi đánh Chiêm, không trở về, vua Nghệ-Tông lập Hiện làm tự. Ở ngôi được 12 năm. Lúc bấy giờ Nghệ-Tông tin dùng Lê-Quí-Ly, vua sợ e khó trị, tính cách để trừ đi, vua lại giết con vua Nghệ-Tông là Di. Nghệ-Tông tức giận, và lại lầm theo lời « Nuôi con bán cháu » của Quí-Ly, cho nên giáng vua xuống làm Linh-Đức-Vương, rồi ải sát (thắt cổ cho chết) ở phủ Thái-Dương, mà lập Thuận-Tông lên. Sau đó Quí-Ly bắt Thuận-Tông trao ngôi cho Thái-tử, và gọi là Thái thượng Nguyên-quân, cho ra ở cung Bảo-Thanh, rồi lại bắt ra ở tu nơi Ngọc-Thanh-Quán và sau cũng bị ải sát.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Quyền qui Xích-Chủy hận hà cùng,
Phế lập an tri bá phụ trung.
Linh-đức, Nguyên-quân tuy sảo dị,
Thái-dương vị nhược Ngọc-thanh trung.*

Dịch nôm :

*Quyền về Xích-Chủy, giận sao cùng,⁶⁶
Phế lập trong lòng bác, biết không.
Linh-đức, Nguyên-quân tuy có khác,
Quán Thanh phủ Thái cũng trong vòng.*

TRẦN-(THUẬN-TÔNG) 陳(順尊) (1388-1398)

Tên Ngung, con út vua Nghệ-Tông, ở ngôi 9 năm, rồi trao ngôi cho Thái-tử, vào ở cung Bảo-Thanh. Quí-Ly lại bắt xuất gia phụng Phật ở quán Ngọc-Thanh, rồi khiếu tên học sinh là Nguyễn-Cẩn cho uống thuốc độc, nhưng không chết ; sau bắt uống nước dừa và bắt nhịn đói, cũng không chết, cuối cùng thì bị ải sát.

Lúc trước Trần-Thủ-Độ ải sát Lý-Huệ-Tông ở chùa Chân-Giáo, nay Lê-Quí-Ly ải sát Trần-Thuận-Tông ở quán Ngọc-Thanh, đạo trời báo phục rất rõ-ràng.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thử nhứt Ngọc-thanh hà xứ lị,
Tích niên Chân-giáo hữu nhân lai.
Túng năng tuyệt thực tài vô dạng,
Vật thị thần tiên tịch cốc tài.*

Dịch nôm :

*Ngọc-thanh học đạo nơi nào đó,
Năm trước chùa Chân cũng thế này.
Nếu vẫn bỏ ăn mà chẳng thắc,
Đừng khoe tịch cốc có tài hay.*

TRẦN-(THIẾU-ĐỀ) 陳(少帝) (1398-1340)

Tên Án, con trưởng vua Thuận-Tông. Ở ngôi 2 năm,
Quí-Ly tiếm ngôi, phế làm Bảo-ninh-đại-vương.

TRẦN-(GIẢN-ĐỊNH-ĐẾ) 陳(簡定帝) (1407-1409)

Tên Ngỗi, con thứ vua Nghệ-Tông. Cuối đời nhà Hồ (Lê-Quí-Ly sau đổi họ là Hồ) (1407) khởi binh xưng đế. Đánh phá quân nhà Minh ở Bô-Cô (địa phận làng Hiếu-Cổ, tỉnh Nam-Định), binh thế đã hùng cường. Mấy ông bầy tôi như Đặng-Tất, Nguyễn-Cảnh-Chân có tài lược mà vua lầm theo lời gièm pha của kẻ hoạn-quan là Nguyễn-Quỹ, giết cả hai ông. Con ông Tất là Dung, con ông Cảnh-Chân là Cảnh-Dị bèn lập vua Trùng-Quang-Đế, tôn Giản-Định-Đế làm Thượng-hoàng, cùng đi đánh giặc. Tướng nhà Minh là Trương-Phụ tiến binh lên đánh đuổi. Vua Giản-Định tức là Thượng-hoàng đem binh thuyền chạy về đến huyện Mỹ-Lương (giáp Sơn-Tây và phủ Nho-Quan), gặp quân của Trương-Phụ đuổi đến bắt được, giải về Kim-Lăng, rồi bị hại.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Bô-Cô nhứt chiến tần tài nhiên,
Vạn lý trường thành dĩ tự quyên ?
Thử nhứt tây hành hà xứ phản,
Cô hồn ưng bắt độ tiên xuyên.*

Dịch nôm :

*Bô-Cô một trận lửa vừa loe
Muôn dặm thành dài đã bỏ-bê.⁶⁷
Ngày ấy đi xa không trở lại,
Sông xưa hồn cũng chẳng nêu vể.*

TRÂN-(TRÙNG-QUANG-ĐẾ) 陳(重光帝) (1409-1413)

Tên là Khuếch, con ông Mân-vương Ngạc, cháu Giản-Định-Đế. Đặng-Dung, Nguyễn-Cảnh-Dị lập lên làm vua. Lúc đánh với tướng nhà Minh là Trương-Phụ ở Thái-Già cảng, một đêm kia, tới tập kích quân dinh của Trương-Phụ, quân Minh thua chạy, nhưng không bắt được Phụ. Ở ngôi 5 năm. Sau lại bị Trương-Phụ bắt đem về Yên-Kinh, đi giữa đường, thì nhảy xuống sông tự tận.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Nhứt nhung xích kiêm dục thôn Minh,
Già-cảng công thành chí vị thành.
Thiên khiển bắc viên lâm thủy thượng,
Thanh lưu vạn cổ cọng thiên thanh.*

Dịch nôm :

*Một thước gươm thiêng muốn nuốt Tàu,
Công thành Già-cảng lại thua mau.
Bánh xe trời khiến nghiêng về Bắc,
Muôn thuở dòng sông ngó sạch làu.*

TRIỆU-(NGUYỄN-VIỆT) 肇(阮曰)

Người ở Thanh-Thủy, Nam-Đường. Lúc vua Chiêu-Thống mới lên ngôi, Việt-Triệu theo Nguyễn-Chỉnh nổi binh đánh đuổi Trịnh-Bồng, rồi làm chức Phó-đề-lãnh. Khi Tôn-Sĩ-Nghị bị thua, Chiêu-Thống vội vàng chạy qua Tàu, quân Thanh chen-chúc nhau chạy, phù-kiểu gãy, những người theo vua đi không kịp, chỉ một mình Việt-Triệu theo đến Nam-Ninh. Các tôi cũ của nhà Lê như Lê-Duy-An, Lê-Văn-Trường, Lê-Hân, v.v... lục tục theo sau. Đến Yên-Kinh, Chiêu-Thống nghĩ rằng mình không có thể ỷ thác vào người Tàu được, mới cùng bọn Việt-Triệu với mấy ông kia ăn huyết thề cùng nhau, làm tờ kêu xin binh, nếu không cho, thì xin một vài châu như ở Tuyên-Quang hoặc ở Thái-Nguyên để về mà phụng tự họ Lê, hoặc là cùng nhau lén về Quảng-Nam để mưu đồ khôi phục. Đoạn rồi bị bọn Hòa-Khôn, Kim-Giản cản trở. Chúng lại nói dối rằng vua Cao-Tông nhà Thanh có hạ chiếu-chỉ cho đất Tuyên-Quang để về cư trú. Chúng lại khiến các quan phải vào tạ ơn. Khi đến phòng giấy, chúng bắt xiêng lại đưa đi an trí ngoài ba trăm dặm. Còn Việt-Triệu với Văn-Trường thì cho tới Nhiệt-Hà. Ở đấy hai năm, thì Chiêu-Thống băng. Nghe được tin ấy, Việt-Triệu khóc ngất người đi một hồi. Nhân đó bị bệnh, được vài tháng thì mất. Niên hiệu Gia-Long năm thứ 3 (1804) đưa đám Chiêu-Thống về nước, các tôi tùng vong cũng được đưa về và chôn gần lăng vua.

Bài thơ vịnh phiên âm :

Đương niên sáp huyết nhược can nhân,

*Kỳ nại danh bang hữu lộng thần.
Bách lý khuê-ly thùy hân vẹ,
Đãn tương nhứt đỗng tuẫn quân thân.*

Dịch nôm :

*Đương buổi thề-bỗi dạ chứa-chan,
Ai ngờ nước lớn có tội gian.
Xa-xôi muôn dặm ai nâng đỡ ?
Chỉ có đưa vua giọng khóc than !*

TRIỆU-(VŨ-ĐẾ) 趙(武帝) (207-137 tr.Th.Ch)

Họ Triệu, tên Đà, người ở Chân-Định bên Tàu (đời nhà Hán). Lúc đầu làm quan Lệnh ở Long-Xuyên, đời Tân. Đến cuối đời Tân, quan Úy quận Nam-Hải là Nhâm-Hiêu bị bệnh, cho Đà thế chức ấy. Đà kết hôn với An-Dương-Vương, dùng kẽ lấy nước Âu-Lạc, gồm cả đất Lâm-Ãp và Tượng-Quận, rồi tự lập làm Nam-Việt Vương. Hán Cao-Tổ, khi đã nhất thống nước Tàu, sai Lục-Giả sang phong cho làm Nam-Việt Vương và ban ấn phù cho. Vương hỏi Giả rằng : « *Ta cùng Hán-Đế ai hơn ?* » Lục Giả đáp « *Hán-Đế nối nghiệp Ngũ-Đế, Tam-Vương, thống trị người Hán, kể hàng ức, hàng triệu, đất vuông muôn dặm, vật nhiều dân giàu ; nay Vương, dân không quá mười vạn, ở xen lộn trong núi dưới biển, sao lại ví với Hán-Đế được ?* » Vũ-đế cười mà rằng : « *Ta vì không khởi nghiệp ở bên kia, chứ sao lại không bằng Hán được ?* »

Đến đời Cao-Hậu (bà vợ Hán Cao-Tổ) cấm không cho đem đồ thiết khí, điền khí bên Tàu sang bán ở Nam-Việt. Để nghĩ rằng cái ấy là kẽ của Trường-Sa vương. Để bèn lên ngôi Hoàng-đế đem binh đánh Trường-Sa, lấy được ít quận. Nhà Hán sai Châu-Táo sang đánh, không được. Từ đó, Để binh oai lừng-lẫy, người đông của nhiều, lại chiêu phủ các nước như Mân-Việt, Tây-Âu-Lạc, họ đều theo cả. Để bèn sánh vai với nhà Hán. Đến khi Văn đế nhà Hán lên ngôi, cắt sai người giữ-gìn mồ-mả tổ-tiên của Để ở Chân-Định, và cho con cháu, bà con của Để làm quan, lại cho của tiền rất nhiều. Rồi sai Lục-Giả đem thơ sang cho để, nói Hán triều muốn quên sự chêch-mêch lúc trước, để hai nước thông sứ

như xưa. Đế mới chịu làm phiên thần và bỏ hết các nghi vê thiêng-tử. Từ đấy Nam-Bắc giao hảo, dân được yên cư.

Ở ngôi được 71 năm rồi mất. Truyền lại cho Văn-Vương, Minh-Vương, Ai-Vương đến Vệ-Dương-Vương, cộng 5 đời được 97 năm, rồi bị nhà Hán lấy nước.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tính thôn Âu-Lạc khởi nǎng binh,
Nhân-á phiên giao sự nghiệp thành.
Trục lộc tăng văn phuong Xích-đế,
Khước tùng phiến ngữ cánh thâu thành.*

Dịch nôm :

*An-lạc vào tay há giỏi binh,
Làm sui nêu việc được mau thành.
Đuổi hươu từng thấy khen Cao-đế
Giao-hảo nghe theo sứ dỗ-dành.* ⁶⁸

**TRIỆU-(VĂN-VƯƠNG) 趙(文王) (138-125
tr. Th. Ch)**

Tên Hồ, con Trọng-Thủy, ở ngôi 12 năm.

TRIỆU-(MINH-VƯƠNG) 趙(明王) (124-113 tr. Th. Ch.)

Tên Anh-Tê, con trưởng Văn-Vương, ở ngôi 12 năm.

TRIỆU-(AI-VƯƠNG) 趙(哀王) (112 tr. Th. Ch.)

Tên Hưng, con thứ Minh-Vương, ở ngôi 1 năm. (Bà mẹ là Cù-hậu, người Tàu, muốn qui phụ theo Hán, bị Thủ-tướng Triệu là Lữ-Gia giết).

TRIỆU-(VỆ-DƯƠNG-VƯƠNG) 趙(衛陽王) (111 tr. Th. Ch.)

Tên Kiến-Đức, con trưởng Minh-Vương, ở ngôi một năm. Hán sai Lộ-Bác-Đức sang đánh, giết Vương. Họ Triệu đến đây là hết.

TRIỆU-VIỆT-VƯƠNG 越(越王) (549-570)

Họ Triệu, tên Quang-Phục, con của Triệu-Túc, Thái-phó nhà Tiền-Lý, theo Nam-Đế đánh giặc có công, được làm chức Tả-tướng-quân. Lúc Nam-Đế về giữ Khuất-Liêu, ủy Quang-Phục giữ nước, điều khiển binh tướng, để đánh với Bá-Tiên. Quân Bá-Tiên rất mạnh, Quang-Phục nghĩ chõng không nổi, phải trở lui giữ đất Dạ-Trạch (bây giờ thuộc phủ Khoái-Châu, tỉnh Hưng-Yên). Chỗ ấy đất rộng mênh-mông, cây cối rậm-rạp, trong đó ở được, nhưng bốn phía là bùn lầy. Quang-Phục đem hơn hai vạn người đóng đồn ở đấy. Ngày thì tắt lửa lặng im, đêm lại cho quân dùng thuyền độc-mộc ra đánh quân Bá-Tiên, giết quân giặc rất nhiều, bắt được lương thực bao nhiêu thì chứa lại để làm kẽ trờng cửu. Bá-Tiên đánh không được. Đến khi Lý-Nam-Đế mất, ông mới xưng vương.

Vương có cái Long-trảo-đâu-mâu, thường dùng đánh giặc. Từ đấy oai thanh lừng lẫy, không ai địch nổi. Nhà Lương bên Tàu, lúc ấy gắp loạn Hầu-Cảnh phải vời Bá-Tiên trở về. Tiên ủy cho viên tỳ tướng là Dương-Sàn cầm quân đánh với Vương. Vương đánh giết Sàn, quân Lương tan rã, trở về Tàu hết. Nước ta được yên. Vương vào ở thành Long-Biên.

Được ít lâu, Lý-Phật-Tử (tức là Hậu Lý Nam-Đế) đem quân đánh với Vương, Phật-Tử bị thua, mới nghĩ rằng Vương có dí thuật, bèn xin giảng hòa. Rồi hỏi con gái của Vương là Cảo-Nương cho con trai là Nhã-Lang. Nhã-Lang dỗ Cảo-Nương cho xem Long-trảo-đâu-mâu rồi lén đổi đi. Nhã-Lang

về bàn với cha, cử binh sang đánh Vương. Vương hoảng-hốt cầm đâu-mâu ra đứng đợi, xem ra thì không phải cái đâu-mâu của mình lúc trước. Quân Phật-Tử cứ tiến tới, Vương biết thế không ngăn nổi, mới bỏ chạy về phía Nam. Đến cửa biển Đại-Nha (nay ở huyện Đại-An, tỉnh Nam-Định), Vương than lên rằng : « Ta cùng rồi ». Rồi nhảy xuống biển tự-tận. Ở ngôi 23 năm. Người ta có làm đền thờ Vương ở Đại-Nha hải khẩu.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Trương việt phân cương Dạ-Trạch hùng,
Phục tâm phúc triệt, tốc đồ cùng.
Long-mâu, Qui-nő hào ly dị,
Nha-hải, nga mao lưỡng dạng đồng.*

Dịch nôm :

*Giữ chắm Dạ-Trạch cũng anh-hùng,
Noi dấu xe nghiêng đến bước cùng.⁶⁹
Qui nő, Long-mâu hơi có khác,
Nga mao, Nha-hải khác gì không.⁷⁰*

TRỊNH-(PHAN-CHÂU) 檳(潘朱)

Hiệu Tây-Hồ, sinh năm 1877, tại làng Tây-Lộ, huyện Tiên-Phước, tỉnh Quảng Nam.

Sau khi đậu Phó-bảng, tiên-sinh làm Thừa-biện ở bộ Lễ, trong một thời gian, rồi bỏ đi ra Bắc vào Nam, để liên-lạc với những nhà chí-sĩ. Đến năm 1906, tiên-sinh qua Nhật-Bản để tìm cụ Phan-Bội-Châu. Khi về nước, tiên-sinh gởi thơ cho chính-phủ Pháp, kể rõ tình tệ trong xứ. Cuộc chõng thuế năm 1908, tức là một dịp tốt để cho chính-phủ Bảo-hộ đem tiên-sinh ra kết án tử hình và đày đi Côn-Lôn. Năm 1911, nhờ có hội Nhân-quyền can thiệp, tiên sinh được tha về Sài-Gòn, rồi xin được phép qua Pháp.

Về nước năm 1925, tiên-sinh diễn-thuyết hai lần tại hội-quán hội Thanh-niên Sài-Gòn, được công chúng hoan nghinh nhiệt-liệt. Tháng ba năm sau, tiên-sinh bị bệnh và mất tại Sài-gòn.

Những tác phẩm của tiên sinh :

- Thơ gởi cho chính-phủ Pháp
- Thơ gởi hội Nhân-quyền
- Nước Việt-Nam sau khi Pháp-Việt liên hiệp
- Cuộc ngoại nhẫn kim nhật chí Trung-Quốc quan
- Tỉnh quốc hồn ca
- Hai bài diễn thuyết ở hội quán hội Thanh-niên Sài-Gòn
- Thơ gởi Khải-Định Hoàng-đế
- Tiểu-thuyết « Giai nhân kỳ ngộ »
- Nhiều bài thơ bằng Hán-văn và Quốc-văn.

TRỌNG-(PHẠM-ĐÌNH) 仲(范廷)

Người ở Khinh-Diêu, Hiệp-Sơn, tướng mạo khôi ngô, tư chất thông mãn. Lúc tám tuổi đã thông thi luật, đến lớn văn chương hùng-vĩ, đậu tiến-sĩ trong niên hiệu Vĩnh-Hựu triều Lê (1735). Đời vua Hiển-Tông, làm Phó-đô-ngự-sử. Lúc bấy giờ, phía đông-bắc, giặc-dã nổi lên khắp nơi, dữ hơn hết là tên Nguyễn-Hữu-Cầu, nồng đên phá dinh Bồ-Đề, kéo dài đến 5, 6 năm, quan quân đánh không thắng được. Vua mới khiết Đình-Trọng làm Hiệp-Trấn cả ba đạo Đông, Nam, Bắc, thống binh thảo tặc. Đình-Trọng vâng lệnh, thề sao giết cho được giặc mới thôi, vì thế ai cũng ý trọng vào ông. Khi ông đem quân của ông với nghĩa-sĩ của bảy quận ở Kinh-Môn, tiến đánh phá quân của Hữu-Cầu ở Xương-Giang, bắt được người đồng đảng của Cầu rất nhiều. Cầu thế cô, mới giả xin hàng với triều. Trịnh-Dinh sai Thiêm-Thư là Nguyễn-Sảng ra dụ Đình-Trọng hoãn công, đừng đánh nữa. Đình-Trọng nói : « Quan tướng ở ngoài, lệnh vua có khi cũng không vâng. Ta vâng lệnh ra giết giặc, nếu thề mà chưa được, thì không vì tại có mấy đây mà dồn-già định lưu lại được ». Bọn Nguyễn-Sảng ngó nhau mà thắt sắc.

Đình-Trọng bèn tiến binh tập kích, làm cho quân địch thua to. Cầu chạy vào Nghệ-An, đuối theo bắt được tại Quỳnh-Lưu, bỏ vào cũi đem về Thăng-Long. Lấy công ấy thăng Binh-bộ Thượng-thơ, Thái-tử Thái-Bảo, Hải-quận-công. Rồi bổ làm Đốc-suất Nghệ-An. Ông đến thì giặc đã hết, trong xứ được yên. Người thổ dân làm sinh-tử thờ ông. Tuổi mới 40 mất tại chức.

Bài thơ vịnh phiên âm :

...Chuyên chinh tướng lệnh nghiêm,
Thê tương phong thi nhút phiên tiêm ?
Biên trù hội kiến thành hồ tán,
Nội nạn an tri xá thử tiêm.

Dịch nôm :

*Ngoài cửa tôn nghiêm tướng lệnh bày,
Thề cho lợn lớn lưỡi dao phay.
Bên thành đã thấy chồn tan chạy,
Ai ngõ trong nhà chuột trốn đây.* ⁷¹

TRỌNG-(TRẦN-BÌNH) 仲(陳平)

Nguyên là con cháu dòng Lê Đại-Hành, ông nội ông làm quan triều Trần Thái-Tông, vua cho quốc tính là Trần.

Bình-Trọng được phong tước là Bảo-nghĩa-vương. Đời vua Nhân-Tông, niên hiệu Trùng-Hưng năm đầu (1285), quân Nguyên đến xâm. Lúc ấy Trần-Quốc-Tuấn cho Bình-Trọng làm Tiên-phong. Bình-Trọng nghe quân Nguyên đóng ở sông Đà-Mạc (châu Mạn-Trù huyện Đông-An, tỉnh Hưng-Yên ngày nay), ông liền sang đấy. Bên giặc thấy quân ta ít, đem bết binh lính ra đánh. Bình-Trọng thua, bị bắt. Ông nhịn đói, không ăn uống gì hết. Giặc hỏi quốc sự, ông không trả lời. Chúng lại hỏi ông, có muốn làm vua không ? Ông nạt to lên rằng : « *Ninh vi Nam qui, bất vi Bắc vương* ». (Thà làm quỉ nước Nam, không thèm làm vua đất Bắc). Rồi ông bị hại.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thao thiên hiệt lỗ thế như vân,
Đà-Mạc châu tiên hốt phúc quân.
Bất nguyện Bắc vương, cam tác qui,
Khẳng đồng Thái-úy tả thuyền văn.*

Dịch nôm :

*Âm-âm giặc dữ nổi huyền-thiên,
Đà-Mạc cầm quân bị úp liền,
Làm quỉ trời Nam hơn chúa Bắc,
Há như Thái-úy viết bên thuyền.* ⁷²

TRUNG-(THÂN-NHÂN) 忠(申仁)

(Phụ Đỗ-Nhuận) Người ở An-Ninh, An-Dũng, đậu Tiến-sĩ triều Lê Thánh-Tông, bổ Hàn-lâm Thừa-chỉ. Thánh-Tông biểu ông cùng Đỗ-Nhuận soạn tập Thiên-Nam-Dư-Hạ. Trong khoảng niên-hiệu Hồng-Đức, vua thấy năm được mùa, truyền đem tập ấy hiệp vào ca vịnh, để cho nhớ việc về thuở ấy, gọi là « Quỳnh-uyển-cửu-ca », vua tự làm Tao-đàn Nguyên-súy, cho Nhân-Trung và Đỗ-Nhuận làm Phó-nguyên súy. Vua tôi xướng họa cùng nhau.

Nhân-Trung thăng đến Thượng-thơ, kiêm Hàn-lâm-thị-nội-phụ-chính. Thọ hơn 80 tuổi. Văn thơ của ông điển nhã hồn-hậu, lời văn không trau chuốt, mà hay một cách tự-nhiên.

Đỗ-Nhuận 杜潤 người ở Kim-Anh, đậu Tiến-sĩ triều Lê-Thánh-Tông, làm Đông-các hiệu-thơ, thăng đến Đông-các-đại-học sĩ. Trong Tao-đàn 28 người, Nhuận ở thứ nhì. Văn chương ông thì cẩn thiêt trọng hậu. Có tiếng giỏi cũng như Nhân-Trung. Thời bấy giờ người ta gọi là « Thân-Đỗ », quan đến chức Thượng-thơ.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tao-tế hy triều ý khí phu,
Quân thân xướng họa hiệu đô du.
Tao-đàn khôi súy phân nguyên phó,
Vị thức Ngu đình hữu thị vô.*

Dịch nôm :

Gặp-gỡ thời vui, ý khí hòa,

*Vua tôi xướng họa học canh ca.
Tao-đàn khôi súy chia nguyên phó,
Chẳng biết đời Ngu có thể a...*

TRÚ-(ĐẶNG-HUY) 著(鄧暉)

Người huyện Quảng-Điền, Thừa-Thiên, lúc nhỏ thông minh, người ta gọi là thằn đồng, đậu Cử-nhân niên hiệu Thiệu-Trị năm thứ 7 (1846). Đời Tự-Đức, bổ Tri-huyện, làm việc quan có tiếng tốt. Làm Bố-chính Nam-Định, đổi về Biện-lý bộ Hộ. Ông xin lập nha Bình-chuẩn, vua y cho và cho ông làm Bình-chuẩn-sứ. Nhân có lỗi, giáng xuống hàm Trước-tác, sung chức Bang-biện Ninh-Thái rồi ông mất.

Huy-Trú, khẳng-khai, có đại chí, đương trù tính làm việc, làm chưa xong mà đã mất, ai cũng tiếc. Ông có để lại mấy tập : Hoàng-Trung Thi Văn Sao, Tứ Thập Bát Hiếu Kỳ Sự, Khương Hy Canh Chức Đồ, Việt-Sử Thánh Huấn Diễn Nghĩa, Ngũ Giới Ca, v.v...

TRÚ-(NGUYỄN-CÔNG) 著(阮公)

Người ở Oai-Viễn, huyện Nghi-Xuân, Hà-Tĩnh ; tính thẳng-thích, văn thì hay, quốc-âm thì sở trường hơn, đậu Cử-nhân niên hiệu Gia-Long năm thứ 15 (1816), làm quan trải ba triều. Làm đến chức Tham-tri bộ Công, quyền Thượng-thơ, bị việc phải giáng, rồi lăng-hồi lên hàm Tuần-vũ thư Tổng-đốc Hải-An, về Kinh làm Tham-tri bộ Binh. Đến khi ở Trấn-Tây hữu sự, ông xin đi làm Tham-tán quân vụ, rồi làm Tuần-vũ An-Giang, lại bị tội, xuống làm lính. Sau lại khai phục làm Án-sát tỉnh Quảng-Ngãi, đổi về Phủ-doãn Thừa-Thiên, đúng niên lệ, ông xin về hưu. Lúc về hưu, ông làm cái nhà ở gần chùa Cảm-Sơn, tại Thạch-Hà, thường dùng cái xe bò kéo đi dạo chơi, hơn 80 tuổi ông mất.

Công-Trú là người lỗi-lạc, có tài khí, làm quan thì bị giáng rồi phục cũng nhiều lần, hết sức ở chốn cương-trường, có nhiều quân công. Lúc làm Dinh-điền, khai thác đất-đai, qui tụ dân chúng, lập được hai huyện Kim-Sơn và Tiên-Hải. Ông bắt được lũ ăn cướp biển hơn một trăm tám chục người, cấp ngưu canh điền khí cho chúng để khai khẩn đất, lập thành ấp gọi là ấp Hướng-Hóa, thành được mối lợi vĩnh viễn. Đến khi tuổi già về hưu, nhút thiết việc đời không biết chi đến nữa. Được hơn mươi năm, dạo chơi sơn thủy, như bậc thần tiên, ai cũng hâm mộ phong thái của ông. Khi ông mất rồi, dân các huyện ấp của ông lập ra đều làm đền thờ ông.

TRỰC-(NGUYỄN) 直(阮)

Tên chữ là Công-Đỉnh, người ở Bối-Khê, Thanh-Oai. Bẩm tính thông-minh, 12 tuổi đã giỏi văn, đậu Trạng-nguyên đời Lê Thái-Tông ; ông là Trạng-nguyên đầu hết ở nước ta. Đời Nhân-Tông ông làm Hàn-lâm Trực-học-sĩ, rồi thăng Nam-sách An-vũ-sứ. Niên hiệu Diên-Ninh năm thứ 2 (1455), ông có tang bà mẹ, về nhà dạy học trò kể hàng nghìn. Lúc hết tang, vừa gặp sứ Minh đến, vua bảo ông làm văn thơ qua lại với sứ, và làm bài biểu hạ vua Tàu mới lên ngôi. Người Minh khen ngợi lắm. Khi ông sắp đi sứ Tàu, vua Nhân-Tông biểu họa tượng ông, để hai bên chỗ ngồi, kéo vắng mặt thì vua nhớ. Nhân-Tông bị biến (bị Nghi-dân giết), ông làm bài văn tế, lời lẽ rất bi thảm cảm động. Nghi-Dân cho làm quan, ông cáo bệnh, không chịu làm. Thánh-Tông lên ngôi, bổ ông làm Trung-thơ-lệnh, mỗi ngày mỗi thêm ưu đãi. Ông đã nhiều lần xin về Sơn-Tây thảo-đường, mà vua không cho. Ông có câu thơ :

Phiên âm :

*Bất thị vô tâm lai Cẩm-sành,
Chỉ nhân đa bệnh ức điền viên.*

Dịch nôm :

*Chẳng phải không ưng vào Cẩm-viện,
Chỉ vì nhiều bệnh nhớ vườn nương.*

Niên hiệu Hồng-Đức năm thứ 4 (1473), bổ Hàn-lâm Thừa-chỉ, Quốc-tử-giám Tế-tửu, rồi mất. Ông có làm tập văn gọi là Khư-Liêu Tập, học trò gọi ông là Khư-Liêu tiên-

sinh. Ông Thân-Nhân-Trung khen ông mà rằng : Lấy văn chương mà tri ngộ được mấy triều, nhờ khiêm cung mà giữ trọng thủy chung.

Trong sách Công-Dư Tiệp Ký và Hiển-Chương loại chí có chép rằng Nguyễn-Trực sang Tàu, gặp lúc thi hội, người Minh cho bồi-thần các nước được cùng các cử-nhân đều thi, ông lại đậu nhất giáp đệ nhất danh. Thời bấy giờ họ gọi ông là Lưỡng Quốc Trạng-nguyên (Trạng-nguyên hai nước). Nhưng tra trong Minh sử và Việt sử không thấy chép.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Đồng linh tảo dĩ hữu văn danh,
Khiêm thoái vưu năng dưỡng lão thành.
Lưỡng quốc Trạng-nguyên hưu phiếm-luận.
Lê triều cự phách thực tranh hành.*

Dịch nôm :

*Nhỏ bé văn chương đã có tài,
Lão-thành khiêm-tốn đủ hòa hai.
Trạng-nguyên hai nước thôi đừng nói,
Tay giỏi nhà Lê dễ mấy ai ?*

TRƯNG-NỮ-VƯƠNG 徵女王 (40-43)

Họ Trưng, tên Trắc, con gái của Lạc-Tướng, huyện Mê-Linh Phong-Châu, là vợ Thi-Sách ở huyện Châu-Diên. Trong niên hiệu Kiến-Vũ nhà Hán, Thái-thú quận Giao-Chỉ là Tô-Định, chính trị tham tàn. Bà thù Tô-Định giết chồng bà, bèn cùng em là Trưng-Nhị, cử binh đánh hãm châu trị, lấy được 65 thành ở miền Lĩnh-Nam, tự lập làm Vương, đóng đô ở Mê-Linh (về làng Hạ-Lôi, trước thuộc về tỉnh Sơn-Tây, sau thuộc tỉnh Vĩnh-Yên). Nhà Hán cho Mã-Viện làm Phục-ba tướng quân, đem binh sang đánh. Đến hồ Lãng-Bạc, cùng Vương giao chiến. Vương thấy quân bên giặc mạnh, mà quân mình thì ít, sức yếu e chống không nổi, bèn rút lui về Cẩm-Khê (ở phủ Vĩnh-Tường, tỉnh Vĩnh-Yên). Quân chúng cũng nghĩ Vương là một người đàn bà, sợ không thắng giặc được, rồi tan rã. Vương cự chiến mà thế cô, hai chị em đều nhảy xuống sông tự tận. Có sách chép rằng hai bà Trưng mất nhầm ngày mồng 6 tháng 2 năm Quý-Mão (43).

Diễn ca (Trích ở Q.S.D.C.) :

*Đường ca lâu đã vắng lời, 73
Đến như Tô Định lại người chí hung.
Bà Trưng quê ở Châu-Phong,
Giận người tàn bạo, thù chồng chẳng quên.
Chị em nặng một lời nguyền,
Phết cờ Nương-tử, thay quyển tướng-quân.
Ngàn Tây nổi áng phong trần.
Âm-âm binh mã xuống gần Long-Biên.
Hồng quần nhẹ bức chinh yên,*

*Đuổi ngay Tô-Định, dẹp yên Biên-Thành.
Đô kỳ đóng ở Mê-Linh,
Lĩnh-Nam riêng một triều-đình nước ta.
Ba thu gánh vác sơn hà,
Một là báo phục, hai là bá vương.
Uy thanh động đến Bắc-phương,
Hán sai Mã-Viện lên đường tiến công.
Hồ-Tây đua sức vẩy-vùng,
Nữ-nhi chống với anh-hùng được nao.
Cẩm-Khê đến lúc hiểm-nghèo,
Chị em thất thế cũng liều với sông.*

UYÊN-(VŨ-VĂN) 淵(武文)

Người ở Ba-Đông, Gia-Lộc, lúc trẻ sức mạnh hơn người. Đời Lê-Chiêu-Tông, vì có tội giết người, ông sợ trốn qua Đại-Đồng. Sau lại ứng mộ, tùng chinh có công, thăng Tuyên-Quang Đô-đốc binh sự. Đến khi họ Mạc nổi lên, Văn-Uyên giữ đất Thành-Hoàn (ở Tuyên-Quang), chống lại họ Mạc, tự xưng là tướng cũ của nhà Lê. Vua Trang-Tông đã lập lên. Uyên thông tư cả tỉnh Thanh-Hóa, theo chính sóc của nhà Lê, là niên hiệu Nguyên-Hòa. Mạc-Đăng-Dinh đánh không lại. Trang-Tông thăng cho ông hàm Thái-bảo. Lúc bấy giờ vua Thế-Tông nhà Minh sai Mao-Bá-Ôn và các tướng sang đánh họ Mạc. Văn-Uyên gởi tờ qua quan Tuần-Vũ Văn-Nam là Uông-Văn-Thịnh, nói họ Mạc thoán nghịch, xin cử binh vắn tội. Nhà Minh bèn khiển quan Chỉ-huy là Triệu-Quang-Tổ qua dụ, Văn-Uyên dâng địa đồ để tiến binh. Minh-đế ban cho ông đai mao và y phục hàm tứ phẩm với vàng bạc, v.v... Sau nhà Minh được họ Mạc xin hàng, thì không cử binh qua nữa.

Thời bấy giờ, đất-đai trong nước đều bị họ Mạc chiếm hết, Trang-Tông mới trung hưng, chỉ có đất ở Thanh-Hóa, thế còn suy yếu. Văn-Uyên chỉ giữ đất Tuyên-Quang để khiên chẽ mặt thượng-du, làm cho họ Mạc không lấn lên được.

Văn-Uyên mất, em là Văn-Mật tiếp lên quản lãnh quân chúng. Đời Trung-Tông, niên hiệu Thuận-Bình năm thứ 3 (1551), vua sai Văn-Mật với Lê-Bá-Ký đến đánh thành Thăng-Long. Mạc-Nguyên chạy Kim-Thành, để tướng là

Mạc-Kính-Điển ở lại giữ, Văn-Mật lại trở về Đại-Đồng. Anh-Tông khiến Trịnh-Kiểm cử đại binh từ Thiên-Quan ra Hưng-Hóa, Tuyên-Quang để đánh, Văn-Mật thì giúp việc vận-tải lương thực cho quân, mà giữ Trấn-thủ Tuyên-Quang, hiệp lực với Trấn-thủ Lạng-Sơn là Hoàng Đinh-Ài, Trấn-thủ Thái-Nguyên là Lê-Khắc-Thận để làm thế ỷ giöc (dựa nhau). Thời bấy giờ đương ở trong thời kỳ chinh chiến, Văn-Mật thì riêng Tuyên-Quang, ở trong một cõi, chốn ấy buôn bán tấp-nập, nhân dân đông-đúc gọi là một cảnh Lạc thổ. Ông có công khai hóa, được phong tước Gia-quốc-công cho con cháu đời-đời làm Trấn-thủ Tuyên-Quang. Đến đời cháu Huyền-Tôn ông là Công-Trực có tội mới bị phế.

VŨ-(ĐỖ-ANH) 鶻(杜鵑)

Em bà Đỗ Thái-Hậu, mẹ vua Lý Thǎn-Tông ; trạng mạo khôi ngô, ca hay múa giỏi. Lúc tám tuổi, Thǎn-Tông lừa vào làm Thượng lâm tử đệ. Đến 16 tuổi, cho vào chân hầu trong cung, được yêu chuộng hơn các nữ quan trong nội. Bà Hậu vua Trần-Tông là Lê-Thị muốn tư tình với đã lâu. Thǎn-Tông băng, Thái-tử lập lên, ấy là vua Anh-Tông. Lê Thái-hậu dùng Anh-Vũ làm Cung-điện-lệnh, coi cả các việc trong và ngoài. Được ít lâu, đem quân đánh giặc Thân-Lợi, bắt được, về thăng Thái-úy. Anh-Tông tuổi đương nhở, chính sự bất kể việc gì, đều giao quyền cho Anh-Vũ. Anh-Vũ cho vợ ra vào trong Cung-cẩm, bèn cùng Lê Thái-hậu tư thông. Thái-hậu làm cái cung Quang-Từ, ngày đêm cùng nhau chung chạ. Anh-Vũ nhân thế, càng kiêu căng thêm, ở chốn triều-đình thì tảo tay múa ngón, sai quan lại thì nhếch môi trừng mắt, chúng đều lác mắt mà không dám nói.

Bọn phò-mã Dương-Tự-Minh, Tướng-quân Vũ-Đới lập mưu để giết, mà không được. Hơn năm mươi người bị Anh-Vũ giết lại. Sau có Nguyễn Quốc đi sứ Tống về, xin đặt một cái thùng ở giữa sân chầu, bảo ai muốn nói việc gì, thì bỏ thơ vào đó. Có người bỏ cái thơ nặc-danh (thơ không ký tên) nói việc Anh-Vũ tác loạn. Anh-Vũ vu rằng đó là Nguyễn-Quốc xui làm thơ ấy, bèn cho uống rượu độc mà chết. Đến niên hiệu Đại-Định năm thứ 19 (1185), Anh-Vũ chết.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Thượng-lâm đệ tử ý trung nhân,
Biệt diện Kim-ngô bất cấm tuẫn.
Hà hạnh qui tuyên toàn thủ lãnh,
Công khanh biền lục hữu thùy thân.*

Dịch nôm :

*Trong cung con hát được vua yêu,
Chung-chạ đêm ngày tử lại kiêu.
May xuõng suối vàng toàn được xác,
Công khanh oan-uổng có ai kêu.*

XÍ-(NGUYỄN) 阮(熾)

Người ở Thượng-Xá, huyện Chân-Phước, lúc 19 tuổi, vào Lam-Sơn, làm gia-thần Lê Thái-Tổ, đến lớn lên thì võ dũng hơn chúng, Thái-Tổ yêu như con, khiến giữ hơn một trăm con chó săn. Mỗi buổi cho ăn, thì rung chuông, chó đều tề tựu mà nghe hiệu lệnh như một. Thái-Tổ khen lǎm, cho cai quản một đội Thiết-đột. Năm Mậu-Tuất, bắt đầu khởi nghĩa, Thái-Tổ bị quân Minh vây, Xí theo vua giữ núi Chí-Linh, hết sức hộ-vệ, rồi thoát được. Những trận đánh ở Quỳ-Châu và Ai-Lao, đều có chiến công. Thái-Tổ ở Nghệ-An, chia các quân tướng ra đánh Đông-Đô, cho Xí làm Thượng-tướng-quân. Từ Nghệ-An ra Sơn-Tây, Xí họp binh cùng Lê-Triệu đánh quân Vương-Thông nhà Minh nơi Tụy-Động ở Ninh-Kiều, chém Minh Thượng-thơ là Trần-Hạp, với sĩ tốt rất nhiều. Năm Đinh-Vị đánh với Vương-Thông nơi Mỹ-Động, thất lợi, bị bắt. Sau dùng kế phỉnh người canh tù, rồi thoát về được. Thái-Tổ gọi Xí là hoàn-sinh (chết mà sống lại). Lại khiến đem quân đi đánh. Trận đánh ở Xương-Giang, ông đem binh tiếp viện Lê-Sát, tiến công, bắt được Thôi-Tụ và Hoàng-Phước.

Niên hiệu Thuận-Thiên năm đầu (1428), luận công thăng lên chức Long-hổ-vệ Thượng-tướng-quân, phong Huyện-hầu.

Đến triều Thái-Tông, chịu di chiếu phụ vua Nhân-Tông. Niên hiệu Thái-Hòa năm thứ 3 (1445), thăng Nhập-nội Đô-đốc, đánh Chiêm-Thành có công, thăng Thiếu-bảo tri-quân-dân-sự.

Cuối niên hiệu Diên-Ninh (1457) khi Lạng-Sơn Vương Nghi-Dân làm phản thì Nguyễn-Xí làm giữ-chức Thái-bảo, bàn với Đinh-Liệt, Lê-Niệm, Lê Lăng, Lê-Chân-Thuần rằng : Nghi-Dân giết vua và Quốc-mẫu, không tội gì lớn bǎng. Chúng ta bậc cựu thần, nên vì xã-tắc mà chết. Nếu ở theo quân bội nghịch, thì mặt mũi nào mà gặp Tiên-đế dưới cửu tuyển ?

Đến khi bǎi triều, ông ngồi ở Nghị-sự đường, xướng lên giết mấy người trong bọn thù đầu đảng rồi truyền đóng cửa thành, dùng Cấm-binh để bình nội loạn, phẽ Nghi-Dân làm Lê-Đức hầu. Rước con thứ vua Thái-Tông là Gia-Vương lên ngôi, ấy là Thánh-Tông. Niên hiệu Quang-Thuận năm đầu (1460). Xí được phong Thái-phó Á-quận-hầu. Năm thứ 6 (1465), tháng 10 ông mất. Tặng Cương-quận-công.

Bài thơ vịnh phiên âm :

*Tướng quân thao lược tự phi thường,
Hiệu lệnh sơ văn hoạn khuyển trường
Phò nhụt đăng thiên như phản chưởng
Luận công ưng thực lý sương phòng.*

Dịch nôm :

*Tướng-quân thao lược khác người thường.
Tập luyện muôn săn lại sở trường.
Phò chúa lên ngôi xem việc dế.
Bàn công nên biết lúc dày sương.* ⁷⁴

VĂN-HÓA TÙNG-THƯ

do Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản

Những tập VĂN-HÓA TÙNG-THƯ

Đã xuất-bản :

- **Sử-liệu Việt-Nam** (V.H.T.T. số 1) (246 trang) *Tuần-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng biên-soạn* 25\$

- **Cố-đô Huế** (V.H.T.T. số 7 và 8 hợp-nhất) (Lịch-sử, Cố-tích, Thắng-cảnh và Thi-ca) dày 487 trang, gồm 53 trang ảnh và bản đồ) *Thái-Văn-Kiểm biên-soạn* 70\$.

- **Đại-Nam Nhất-Thống-Chí** (*Lục-tỉnh Nam-Việt*) *Tu-Trai Nguyễn-Tạo* phiên-dịch : Tập thượng (152 trang) (V.H.T.T. số 2) 20\$; Tập hạ (132 trang) (V.H.T.T. số 3) 15\$.

- **Đại-Nam Nhất-Thống-Chí** (*Tỉnh Thanh-Hóa*) *Á-Nam Trần-Tuấn-Khai* phiên-dịch : Tập thượng (122 trang) (V.H.T.T. số 4) 15\$; Tập hạ (174 trang) (V.H.T.T. số 5) 15\$.

- **Đại-Nam Nhất-Thống-Chí** (Trung-phần) *Tu-Trai Nguyễn-Tạo* phiên-dịch : *Kinh-sư* (96 trang) (V.H.T.T. số 6) 15\$. *Quảng-Trị* và *Quảng-Bình* (208 trang) (V.H.T.T. số 9) 20\$. *Thừa-Thiên-Phủ* : Tập thượng (144 trang) (V.H.T.T. số 10) 15\$; Tập trung (152 trang) (V.H.T.T. số 11) 15\$; Tập hạ (154 trang) (V.H.T.T. số 12) 15\$.

Có bán khắp các hiệu sách lớn tại Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành Thống-Nhất (329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn) và tại Nha Văn-Hóa (266, Đường Công-Lý, Sài-gòn).

VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỰNG-BIÊN (*TẬP THƯỢNG* và *TẬP HẠ*). In lần thứ nhất. Xong ngày 15-12-62 tại nhà in THANH-TÂN 110, Đường Cao-Thắng, Saigon. In 100 cuốn giấy tốt và 1900 cuốn giấy thường. **Giá bán : 55\$**



Notes

[← 1]

Đài-ô nguyên chữ là Ô-đài, viện Ngự-sử, Danh-Án nguyên làm chức Phó-đô-ngự-sử.

[←2]

Long-tuyễn là tên con dao.

[←3]

Lâu-Sư-Đức, tính khoan hậu, có người em làm Thứ-sử châu Dai. Ông bảo người em làm thế nào cho thiên hạ đừng ghét mình, người em nói : dù có ai ghét tôi mà nhổ nước miếng vào mặt tôi, tôi cũng lau đi thôi. Sư Đức nói : làm như thế thì người ta lại thêm giận, em nên để nước miếng làm vậy mà cười, để cho nó tự khô đi thôi.

[←4]

Lão phụ là bà Dương Thái-hậu, vợ Đinh-Tiên-Hoàng, Lê-Hoàn tiếm ngôi nhà Đinh, lấy Dương-thị làm hậu. Sau lại dân trong xứ lập đền thờ, làm ba pho tượng : Dương hậu ngồi giữa, Đinh-Tiên-Hoàng và Lê-Đại-Hành ngồi hai bên, ngó cũng trái thật.

[←5]

Ông thì thanh bạch như thế, mà sau cháu là Mạc-Đăng-Dung lại tham ô
như kia.

[←6]

Thát-Đát tức là Khiết-Đan, người Nguyên.

[←7]

Nhật-Duật có công lớn trong bốn triều (Nhân, Anh, Minh và Hiến) và lại kiêm được cả bốn điều là phúc, lộc, thọ và khảo. Phúc là nhiều con, Lộc là chức cao, Thọ là sống lâu, Khảo là chết được yên ổn. Bốn điều ấy, xưa Quách Phản-Dương (tức là Tử-Nghi) đời Đường có, nay Nhật-Duật cũng đủ như thế, cho nên nói so với Phản-Dương cũng không thẹn.

[←8]

Nguyên ông tên là Nghĩa-Chi, vua Thánh-Tông đổi cho là Duệ.

[←9]

Thiết-Sơn bá là Trần-Chân.

[←10]

Hoàng-Cực là ngôi vua, đây chỉ vua Tàu.

[← 11]

Tam-Đô là Đô-Ngự-Sử, Thiêm-Đô-Ngự-Sử và Phó-Đô-Ngự-Sử.

[←12]

Con là Chiêu-Hoàng lấy Trần-Cảnh (Trần-Thái-Tông) ; mẹ là Linh-Tử
Hoàng-Hậu, vợ Lý-Huệ-Tông, lấy Trần-Thủ-Độ.

[←13]

Văn-Sơn là Văn-thiên-Tường, đời Tống ; Vương-Chúc, đời Chiển-quốc, hai vị trung thần không chịu khuất hàng quân giặc.

[←14]

Tiêu tường : trong buồng the. Loạn tiêu-tường, nói anh em xáo lộn nhau, đánh nhau.

[←15]

Tập văn Thuần-Hoàng Dư-Hạ là tập văn của Thánh-Tông làm, nhiều chỗ sơ lược về kinh sử. Ông Bá Kì dâng sớ can, cũng không phải cuồng.

[←16]

Hình cung là thiến dài, cắt dương vật đi.

[←17]

Cung tử : do chữ « tử cung » quan-tài của vua.

[←18]

Phê sương, thuốc độc (Tức là : Nhân-ngôn ; Thạch-tính).

[←19]

Hoành-sơn là núi Đèo-ngang ở tỉnh Quảng-bình.

[←20]

Hi-Di là Trần-Đoàn, Khang-Tiết là Thiếu-Tử, hai ông nầy cũng tinh số học, nhưng cao thượng kỳ chí, không chịu ra với đời như ông Bình-Khiêm.

[←21]

Lúc bấy giờ, lẻ cứ 3 năm phải sang cống nhà Minh một lần, mà lần nào cũng phải đúc hai tượng người bằng vàng gọi là « Đại thân kim nhân ». Có lẽ là lúc đánh trận ở Chi-lăng, có giết mất tướng nhà Minh là Liễu-Thăng và Lương-Minh, cho nên phải thế mạng lại.

[←22]

Quốc-Sử Diễn Ca của Lê-Nguyên-Cát và Phạm-Đinh-Toái.

[←23]

Xem chung truyện Dương-Đình-Nghệ.

[←24]

Mông trần : Dính bụi bặm vào mình, nghĩa là vua bị chạy giặc.

[←25]

Xưa Kỷ-Tín giả dạng Hán Cao-Tổ, để cho Hạng-Vũ bắt, cũng như thế.

[←26]

Xích bối là thước vải, nói một thước vải còn may vá nỗi, mà hai anh em lại không chung sống cùng nhau được, ý nói Thành-Tông không dung được em là Cung.

[←27]

Thiện chiếu là tờ chiếu chỉ của một vị vua truyền ngôi cho người khác.

[←28]

Hai cha con Quí-Ly bị quân nhà Minh bắt, bỏ vào cùi dẫn về Yên-Kinh. Xem chung truyện Hồ-Hán-Thương.

[←29]

Sông Thao là chỗ yên trí thái-sư Lê-Văn-Thịnh (xem chung truyện Thịnh-(Lê-Văn), Thương-Dương là cung giam bà Hoàng-Thái-Hậu Dương-Thị. Hai việc ấy là những điều khuyết điểm của vua Nhân-Tông. Nếu không có hai điều ấy, thì chính trị của Nhân-Tông được hoàn-toàn cả.

[←30]

Phản-Hầu tức là Phò-mã.

[←31]

Đời nhà Hán, Vệ-Luật hàng Hung-Nô trước, sau Tô-Vũ bị Hung-Nô bắt giam, Vệ-Luật khuyên Tô-Vũ hàng theo, Tô-Vũ không nghe.

[←32]

Chí nuốt sao, nguyên chữ là : chí thôn Ngưu Đẩu, nghĩa là người văn chương lỗi lạc.

[←33]

Nội huynh là anh vợ.

[←34]

Đẽ-Hương : là trời, câu nầy nói Phùng-Hưng chết.

[←35]

Nhu viễn : nghĩa là khuyên dụ người xứ xa về thần phục. Câu này nói Phùng-An nghe người dỗ mà đầu hàng theo.

[←36]

Văn-Trinh là hiệu ông Chu-An ; Xương-Lê là Hàn-Dủ. Câu nầy nói Lê-Quát là học trò của Chu-An mà nỗi theo việc Hàn-Dủ bài xích Phật giáo.

[←37]

Tam-Lương : ba kẻ hiền sĩ nước Sở, vua nước Tấn đem chôn để tuẫn táng với vua Sở. Người đời bấy giờ đều khen là giỏi, nhưng cũng không hơn Văn-Quyên được.

[←38]

Sách Lễ-ký : Tiểu trượng thụ, đại trượng tẩu, nghĩa là đánh bằng gậy nhỏ thì nắm mà chịu, đánh bằng gậy lớn thì tuôn mà chạy. Duy-Sản hay can vua Tương-Dực bị tội trượng, bỏ chạy, rồi trở lại giết vua, sau bị Trần-Tung giết lại.

[←39]

Liễu : Liễu-Thăng.

Thôi : Thôi-Tự.

[←40]

Chấp tiên, nghĩa là cầm roi đánh xe ngựa. Tố-Vương tức là Đức Khổng-Tử. Đức Khổng-Tử nói rằng : « Phú nhi khả cầu dã, tuy chấp tiên chi sĩ ngô diệc vi chi ». (Giàu mà có thể cầu được, nghĩa là hợp đạo lý mà làm giàu, thì dẫu làm kẻ đánh xe ta cũng làm).

[←41]

Câu này nói Hán-Siêu muốn làm giàu mà không hợp đạo, thì đối với Đức Khổng phải hổ thẹn.

[←42]

Khuất-Bình tức là Khuất-Nguyên, tôi nước Sở ngày xưa, nhảy xuống sông
Mích-La trãm mình chết.

[←43]

Ngô Tư là một vị trung thần đời Chiển-quốc, bị chết oan như Đặng-Tất bị
Giản-Định giết, không có tội gì hết.

[←44]

Bùi-Quân tức Bùi-Mông-Ba, tông nhà Trần. Đời vua Thuận-Tông, Quí-Lý toan lòng tiếm-thiết, Mông-Ba tâu cho vua biết, vua đưa tờ sớ của Mông-Ba cho Quí-Lý xem. Sau Quí-Lý chuyên chính, Mông-Ba vào núi trốn mất, không ra nữa. Cầu này ý nói Cảnh-Tuân bị chết ở Kim-Lăng, không trốn được như Mông-Ba ngày trước.

[←45]

Hai câu này ý nói : nếu trời không để ông Phan-Thiên-Tước sống đến lúc ấy, thì vua Thái-Tông nguy đã bao giờ rồi, có đợi đâu đến ngày vào vườn Lê-Chi ở chung với Thị-Lộ mới chết.

[←46]

Lúc ông Hiển-Thành đau nặng, quan Tham-tri chính sự là Vũ-Tán-Dương đêm ngày có mặt ở bên giường bệnh luôn, quan Gián-nghị là Trần-Trung-Tá thì không có mặt ở đó. Bà Thái-hậu, tới thăm, hỏi ông, nếu ông mất thì ai thay ông được. Ông bèn thưa rằng Trung-Tá thay được. Thái hậu khen ông một trung thần.

[←47]

Đồ-Tú-phụ là bức vẽ của vua Trần Nghệ-Tông biểu họa hình bốn ông phụ
Ấu chúa : Chu-Công phụ Thành-Vương, Hoắc-Quang phụ Chiêu-Đế, Gia-
Các-Lượng phụ Hậu-Chúa, và Tô-Hiến-Thành phụ Lý Cao-Tông, để ban cho
Hồ-Quí-Lý, khiến phụ Thuận-Tông cũng như thế.

[←48]

Đề-Phong là bờ cõi.

[←49]

Nguyễn-Hữu-Tiệp giữ vùng Nguyệt-Đức và Thiên-Đức (Bắc-Ninh).

[←50]

Ngô-Nhật-Khánh giữ Đường-Lâm (Phú-Thọ, Sơn-Tây).

[←51]

Nguyễn-Siêu giữ Tây-Phù-Liệt (Thanh-Trì, Hà-Đông).

[←52]

Ngô-Xương-Xí (con Xương-Ngập) giữ Bình-Kiều (?)

[←53]

Lữ-Đường giữ Tẽ-Giang (Văn-Giang Bắc-Ninh).

[←54]

Nguyễn-Khoan giữ Tam-Đới (Vĩnh-Tường).

[←55]

Phạm-Phòng-Át giữ Đằng-Châu (Hưng-Yên).

[←56]

Kiều-Tam-Chẽ tức là Kiều-Công-Hãn giữ Phong-Châu (huyện Bạch-Hạc).

[←57]

Đỗ-Cảnh-Công tức là Đỗ-Cảnh-Thạc, giữ Đỗ-Động-Giang (huyện Thanh-Oai).

[←58]

Kiều-Công-Thuận giữ Hồi-Hồ (Cẩm-Khê Sơn-Tây).

[←59]

Lý-Khuê giữ Siêu-Loại (Thuận-Thành).

[←60]

Trần-Công-Lãm giữ Bố-Hải-Khẩu (Kỳ-bõ, Thái-Bình).

[←61]

Niên hiệu Thái-Bình năm thứ 5 (974), có lời sấm rắng : « *Đỗ-Thích thí
Đinh-đinh, Lê gia xuất thánh minh* ». (Đỗ Thích giết vua Đinh, nhà Lê sinh
thánh minh – Lê-Đại-Hành)

[←62]

Nếu Thục-Vương biết hưng hay là vong cũng vì một người con gái nghĩa là Hùng-Vương không gả con cho Thục-Vương, thì không bị Thục lấy mất nước, nay Thục gả con cho Triệu, cũng bị Triệu diệt phá, thế thì cần gì mà xem gương trước của Hùng-Vương.

[←63]

Bao-Tư tông nước Sở, đời Chiển-quốc. Sở bị nước Ngô đánh, Bao-Tư đến nước Tần cầu cứu. Ông đứng luôn bảy ngày bảy đêm giữa sân chầu vua Tần mà van khóc. Sau Tần phải cho binh đến cứu Sở. Đây nói Duy-Liêu van khóc với vua Tàu mà cầu cứu, Tàu lại ngó như không.

[←64]

Nếu đem Trần-Thánh-Tông (niên hiệu Thiệu-Long) so sánh với Đường-Huyền-Tông (niên hiệu Thiên-Bửu) thì có khác gì đem ông Lý-Nhĩ (Lão Tử) sánh với Hàn-Phi (nhà Hình-danh).

[←65]

Huy-Tông và Khâm-Tông, hai vua nhà Tống, năm 1127, đầu hàng với người Kim, rồi Kim bắt cả hai cha con đi về xứ họ.

[←66]

Xích-Chủy tức là Lê-Quí-Ly.

[←67]

Muôn dặm thành dài, tức chữ là vạn lý trường thành, trỏ vào mấy ông tướng giỏi như Đặng Tất, Nguyễn Cảnh Chân đều bị vua giết cả.

[←68]

Đuổi hươu là do chữ « trục lộc », nhà Tân mất nước ví như con hươu sổ chạy, ai tài cao chân lệ thì đuổi bắt được, nghĩa là lấy được thiên hạ. Vũ-đế đã muốn so sánh với Xích-đế là Cao-Tổ thế mà sau nghe lời dỗ của Lục-giả, chịu giao-hảo, xưng thần với nhà Hán.

[←69]

Noi dấu xe nghiêng, là Triệu Việt-Vương theo gương Thục An-Dương-Vương
gả con cho Trọng-Thủy, rồi bị mất nước.

[←70]

Bên An-Dương-Vương thì có qui nỗ, bên Việt-Vương thì có long-mâu tuy khác nhau, song bên thì bị lông ngỗng (của Mỵ-Châu rắc), bên thì tới Đại-Nha hải khẩu, đều phải chết cả.

[←71]

Hai câu sau nầy ý nói ngoài thì dẹp yên giặc, mà ở trong thì bị họ Trịnh
xâm tiếm, không trừ được.

[←72]

Thái úy là Trần-Nhật-Hiệu. Đời Trần Thái-Tông, người Nguyên đến đánh, vua ngự chiếc thuyền con, tới nơi thuyền Thái-úy để vẫn-kế. Nhật-Hiệu đương dựa nơi mạn thuyền, không đứng dậy được, chỉ lấy ngón tay chấm nước mà viết bên mạn thuyền hai chữ : « Nhập Tống » nghĩa là nên đầu hàng với Tống.

[←73]

Đường-ca là bài thơ Cam-đường trong kinh Thi, trong bài ấy là lời dân ca tụng chính sự tốt của một ông quan có đức, dân được nhờ. Đường-ca đã vắng lời, nghĩa là từ bấy lâu quan nhà Hán qua bên ta, không có người nào có đức để dân ca phục.

[←74]

Khi dày đạp trên sương, thì biết ở dưới đó có giá (băng), nghĩa là việc gì cũng phải phòng lúc ban đầu. Nguyễn-Xí biết phòng khi Nghi-Dân mới nổi làm loạn mà bàn với mấy ông kia rước lập Thánh-Tông lên.